NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 144 • APRIL 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky21@kicon.com

30 THÁNG TƯ, THỬ NHÌN LẠI
TRẦN GIA PHỤNG

TẠM GỌI LÀ CẦU HÔN **HỒ NHƯ**

ĐI RA TỪ LÃNG QUÊN **NGÔ THẾ VINH**

Hãy Thiết Kế Sớm
Hãy Thiết Kế đúng
Hãy Thiết Kế Thường Xuyên

Người nào nói rằng "Thiên hạ sự càng thay đổi thì càng y hệt như cũ" là người không bao giờ lập gia đình. Chắc chắn họ không bao giờ có con nhỏ. Và càng chắc hơn nữa là họ không bao giờ thay đổi việc làm. Và thật sự họ không hiểu thay đổi dễ sợ như thế nào. ***Đời sống là thế đó.***

Có lẽ đã đến lúc bạn nên nói chuyện với một người thực sự hiểu biết về bảo hiểm nhân thọ và các nhu cầu tài chánh khác của bạn. Một người không những đã được huấn luyện kỹ để thành một chuyên viên bảo hiểm giỏi, mà còn đã từng đi qua những bước đường của bạn nữa. Một người có gia đình. Hiện đang làm chủ một ngôi nhà. Một người biết rất rõ cái giá của nền đại học vào năm 2005 và đang suy tính về hưu vào năm 2016. Một người nào đó mà cuộc sống không khác gì của bạn nhưng họ còn biết thế nào là thay đổi nữa!

Đời sống New York Life là thế đó.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (949) 797-2441

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

MỘT CHƯƠNG TRÌNH VIDEO CA, VŨ, NHẠC, KỊCH

ĐẦY MÀU SẮC, GỢI NHỚ CẢ MỘT KHUNG TRỜI KỶ NIỆM

VIDEO Paris by Night 58

Chủ Đề:

NHỮNG SẮC MÀU TRONG KỶ NIỆM

* Trên một sân khấu huy hoàng, màu sắc rực rỡ, ánh sáng đẹp mắt
* Mỗi bài hát đều được viết từ kỷ niệm của đời người, của cuộc tình
* Tất cả khán giả dự kiến đều hài lòng, thỏa mãn trước công trình nghệ thuật giá trị mà mọi người cho là tuyệt vời hơn cả Show Long Beach 2000

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt ĐẶC BIỆT của 2 Nhạc Sĩ:
CUNG TIẾN & TỪ CÔNG PHỤNG

KHÁNH LY - KHÁNH HÀ - NHƯ QUỲNH - THIÊN KIM
LƯU BÍCH - LOAN CHÂU - NGỌC ÁNH - CHÂU NGỌC
PHI NHUNG - TRÚC LINH - TRÚC LAM - BẢO HÂN
LYNDA TRANG ĐÀI - PHƯƠNG DIỄM HẠNH
NGUYỄN HƯNG - TRƯỜNG VŨ
MẠNH QUỲNH - ĐON HỒ - THẾ SƠN - TOMMY NGÔ
QUỐC HÙNG - LAY MINH - ĐẶNG TRƯỜNG PHÁT
Ban nhạc LIBERTY & vũ đoàn PARIS BY NIGHT

Vở hài kịch đặc biệt: ĐAM MÊ SÂN KHẤU
do Nhóm Kịch Thúy Nga trình diễn bởi:
Hồng Đào, Trang Thanh Lan, Quang Minh và Chí Tài.
Trọn bộ 3 cuốn giá $30 luôn cước phí.

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / **E-mail**: thuynga@thuyngaonline.com

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me*:

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* .....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A. GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL. (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights)*, CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843

(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

THẾ KỶ vừa phát hành

TÀ ÁO VĂN QUÂN

Tập truyện
NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

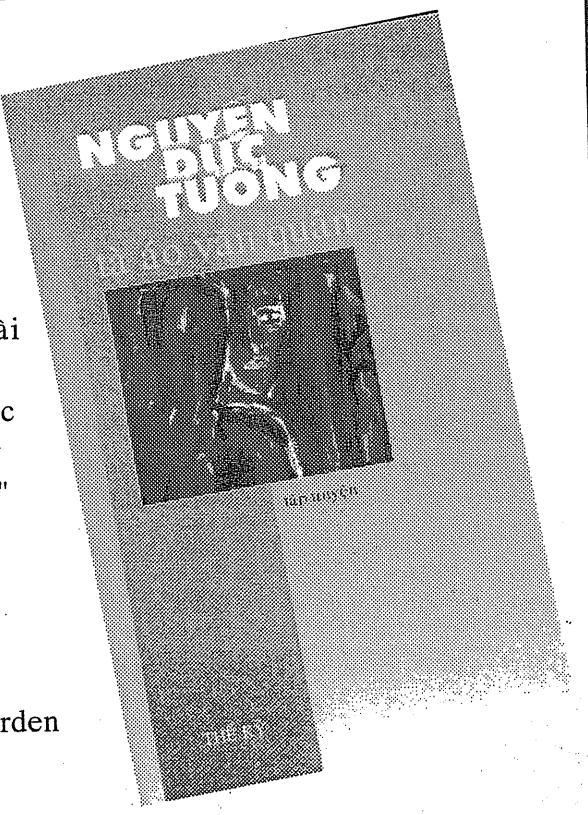

Một tập truyện tình. Tình từ thuở mới từ Bắc vào Huế. Huế vào Sài Gòn. Sài Gòn đi du học Mỹ, từ mấy mươi năm trước. Đậm chất cổ truyền của dân tộc hoặc lãng đãng với những cô gái Tây phương. Hoặc tái ngộ với "người xưa" trên đất lạ...
Tình chập chờn như tà áo bay.
TÀ ÁO VĂN QUÂN.
Giá US$16.00

THẾ KỶ
11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840 - USA
Tel: (714) 839-8746.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

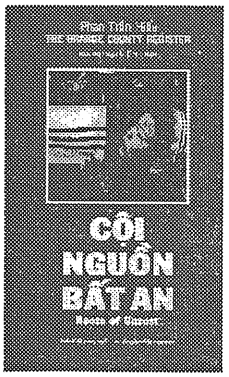

CỘI NGUỒN BẤT AN
(Roots of Unrest)
của **PHAN TRẦN HIẾU**
Hai mươi tư năm sau cuộc chiến, tác giả đặt câu hỏi những gì kẻ thắng trận đã làm cho quê hương anh - và những gì cộng đồng tị nạn của anh đã làm ngoài quê hương ấy.
Giá 10 mỹ kim

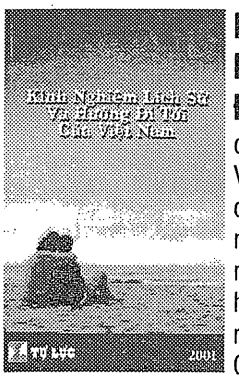

KINH NGHIỆM LỊCH SỬ VÀ HƯỚNG ĐI TỚI CỦA VIỆT NAM
của **NAM MINH BÁCH**
Viết về những biến chuyển chính trị, kinh tế ba chục năm qua, mục tiêu tác giả nhắm là giới trẻ Việt Nam với hy vọng họ nhìn vấn đề đất nước với lăng kính toàn cầu.
Giá 14 mỹ kim

VĂN HÓA TRÌ TRỆ NHÌN TỪ HÀ NỘI ĐẦU THẾ KỶ 21
của **LÊ THỊ HUỆ**
Là một cái nhìn từ ngoài vào, từ trong ra, về một số hiện tượng văn hóa làm trì trệ sự lớn mạnh của Việt Nam.
Giá 14 mỹ kim

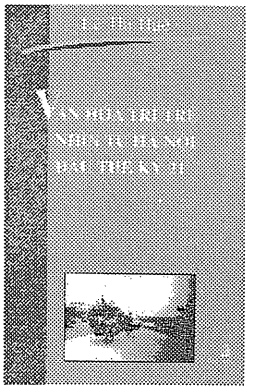

SAU 25 NĂM, NHÌN LẠI VIỆT NAM ĐỂ TÌM PHƯƠNG HƯỚNG TÁI THIẾT ĐẤT NƯỚC
của **CHU TẤT TIẾN**
Đặc biệt 100 người mua sách đầu tiên sẽ được tặng một cuốn thơ The Legend of Boat People của cùng tác giả.
Giá 12 mỹ kim

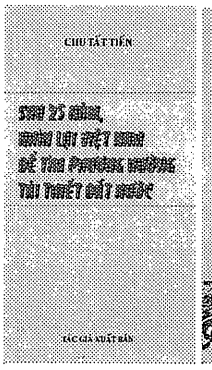

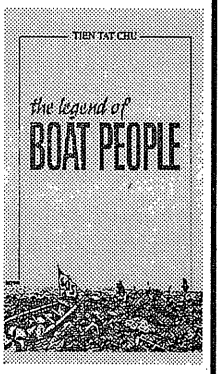

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

- Hai Ngàn Năm Một Thủa (qui tụ chứng từ của một số người Công giáo Việt Nam hiện cư ngụ rải rác khắp nơi trên thế giới), 255 trang, nhiều tác giả, **$10.00**
- Dưới Tàn Cây Thưa Lá (tuyển tập truyện ngắn và tùy bút), 331 trang, Bùi Ngọc, **$12.00**
- Dữ Hơn Rắn Độc (tiểu thuyết phóng tác đặc sắc nhất của Hoàng Hải Thủy), 353 trang, Hoàng Hải Thủy, **$15.00**
- Người Cộng Sản Đã Tin Linh Hồn Có Thật (chuyện có thật về tìm mộ và gọi hồn người thân của GS Trần Phương và Đại tá CSVN Phạm Quế Dương), 115 trang, Trần Phương, Phạm Quế Dương, Hoàng Hải Thủy, **$8.00**
- Thủa Mơ Làm Văn Sĩ (Hồi ký của Nguyễn Thụy Long viết xong tháng 5-2000, giữa những cơn thổ huyết), 261 trang, Nguyễn Thụy Long, **$14.00**
- Chữ Nghĩa Bề Bề (tập hợp những bài viết vạch ra các sai lầm, ngộ nhận của nhiều sách báo đang lưu hành), 245 trang, Đặng Trần Huân, **$12.00**
- Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc (toàn bộ nhận định và tài liệu dẫn chứng về vụ án nhân văn giai phẩm tại Bắc Việt), 439 trang, Nhiều tác giả (lời tựa Hoàng Văn Chí), **$18.00**
- Thế Kỷ (triết lý về con người, suy nghĩ về đạo Phật và đối thoại với Đức Giáo Hoàng của nhóm Giao Điểm), 213 trang, Nguyễn Văn Chức, **$14.00**
- Lôi Vũ Quyền (Thiếu Lâm Kiến An Việt Nam II - biên khảo công phu của các võ sư: Nguyễn Lâm,huyền đai đệ cửu đẳng và võ sư Hồng Ngọc Đại Nghĩa, Hồng đai đệ ngũ đẳng.) 282 trang, Nguyễn Lâm, **$15.00**
- Lên Đường (bút ký của Nguyễn Huỳnh Mai, người đã đi khắp thế giới trong mục đích tranh đấu cho tự do tôn giáo và nhân quyền) 650 trang, Nguyễn Huỳnh Mai, **$25.00**
- Đặng Tiểu Bình - Nhà Chính Trị Lỗi Lạc Trung Quốc (mô tả cuộc phấn đấu để sống còn đầy mưu lược của người đã làm thay đổi vận mệnh Trung Quốc sau địa ngục Cách mạng văn hóa) 440 trang, Ngô Thiện biên khảo, **$18.00**
- Thế Giới Phật Giáo Tây Tạng (Đức Đạt Lai Lạt Ma trình bày uyên bác, chân xác sáng tỏ và đầy đủ các nét đặc thù của Phật Giáo Tây Tạng, từ Hiển Pháp đến Mật Tông, đặc biệt là các phép tu Mật Tông Du Già) 280 trang, Linh Thụy chuyển ngữ, **$14.00**
- 25 Năm Tiến Xuống Xã Hội Chủ Nghĩa (từ tháng tư đen 75 đến tháng tư năm 2000 tại Việt Nam. Hồi ký của những người yêu nước lưu vong), 314 trang, nhiều tác giả, **$12.00**
- Hoa Cỏ (chín truyện ngắn trong Hoa Cỏ dẫn người đọc vào chín thế giới khác nhau), 365 trang, Linh Thụy, **$15.00**

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Cuốn tiểu thuyết dịch hay nhất năm 2000:

BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG

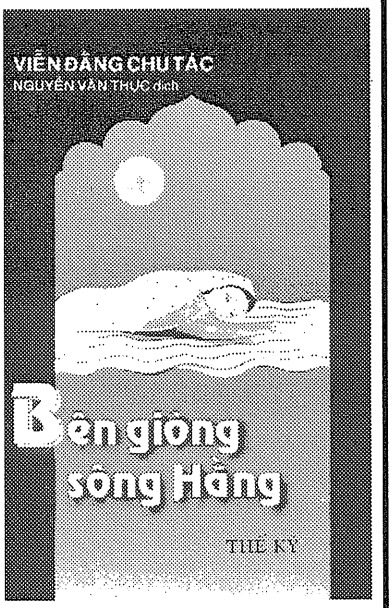

Nguyên tác: **THÂM HÀ** của nhà văn **ENDO SHUSAKU**, người được đề nghị giải Nobel và đã đoạt nhiều giải thưởng văn chương cao quý của Nhật Bản.
Dịch giả: **NGUYỄN VĂN THỰC** (dịch trực tiếp từ bản Nhật ngữ, với một văn phong rất Việt Nam).
Đọc **Bên Giòng Sông Hằng,** bạn sẽ tìm gặp chính mình hay bạn bè, người thân trong những câu chuyện hấp dẫn mang các chủ đề lớn:
- Chuyện Sống Chết (trong nhà thương hay trên đường rút quân)
- Vấn đề tâm linh của đôi tình nhân trẻ hay cặp vợ chồng đã xế chiều
- Vấn đề tái sinh (trong tín ngưỡng của người Á châu hay Phòng Nghiên cứu Nhân cách của Đại học Virginia, Hoa Kỳ).
- Có nên "địa phương hóa" Đức Tin Thiên Chúa giáo để thích hợp với tâm thức của từng dân tộc?

Mỗi người đều tìm được giải đáp cho mình theo lối riêng, sau khi tới *bên giòng sông Hằng* linh thiêng của xứ Ấn...
Đọc **Bên Giòng Sông Hằng,** quý bạn còn có cơ hội để hiểu hơn về xứ Ấn Độ huyền bí cùng các tôn giáo lớn của họ.
Một độc giả viết cho nhà xuất bản: "Truyện quá sức hay! Lần đầu tiên trong đời, tôi phải thức gần trọn hai đêm để đọc cho hết!"

NHỮNG CUỐN SÁCH HAY NHẤT CỦA ĐẠT LAI LẠT MA thứ 14
do Chân Huyền dịch thuật

1. "TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY"

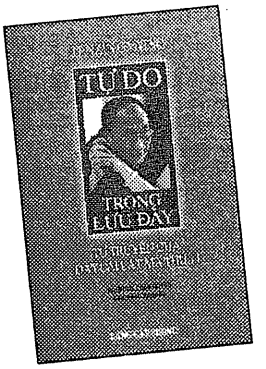

Đọc Tự Do Trong Lưu Đày, quý vị sẽ biết về cuộc đời ly kỳ và biến động của Đạt Lai Lạt Ma, đồng thời được giải đáp về rất nhiều vấn đề liên quan tới Phật Giáo (Mật tông) Tây Tạng: chuyện Hóa thân; chuyện Tái sanh, ông Đồng bà Cốt... nhìn dưới con mắt khoa học và hết sức cởi mở của tác giả.

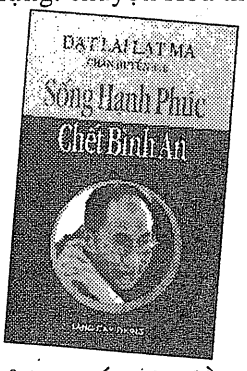

2. SỐNG HẠNH PHÚC, CHẾT BÌNH AN

Đạt Lai Lạt Ma chỉ dạy cho chúng ta cách Sống vui - Chết đẹp - với văn phong giản dị và dễ hiểu, đặc điểm của con người đạo hạnh và khiêm cung nhất thế giới hiện nay. Ai đã đọc đều muốn tặng cho bà con thân hữu đọc.

Cả ba cuốn trên đều đã phát hành rộng rãi. Ngoài các tiệm sách, quý vị có thể mua sách tại **VinaMall.com** trên mạng lưới điện toán toàn cầu, hoặc mua qua đường Bưu điện, với giá *kể luôn cước phí trong nội địa Hoa Kỳ* như sau:
Bên Giòng Sông Hằng: **16US$**; Tự Do Trong Lưu Đày: **17US$**;
Sống Hạnh Phúc Chết Bình An: **12US$**. Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 3$ cho mỗi cuốn.

Thư từ, tiền bạc xin liên lạc: YEN TRAN,
9702 Bolsa Ave. # 112, Westminster CA 92683 - USA Tel: (714) 839-8746.
E-mail: theky21@kicon.com

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84

Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Nguyên Khai**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Anh Thành**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 144 . Tháng Tư 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

17 Kinh tế Mỹ lo suy thoái? - **Vương Hữu Bột**
23 Thương ước Việt Mỹ sẽ ảnh hưởng tới VN như thế nào? - **Nguyễn Quốc Khải**
28 30 tháng 4, thử nhìn lại - **Trần Gia Phụng**
58 Tình hình Việt Nam hiện nay - **TS Nguyễn Thanh Giang** trả lời phỏng vấn của **Phan Dũng**
62 Nguyên nhân nổi dậy của đồng bào Thượng - **Nguyễn Văn Nghiêm** trả lời phỏng vấn của **Kicon**

VĂN HỌC - LỊCH SỬ

37 Bài cuối về Tự Lực Văn Đoàn - **Đặng Trần Huân**
71 Trò chuyện với tác giả "Tà Áo Văn Quân" - **Thạch Miên**
80 Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ - **Trần Anh Tuấn**

ĐIỂM SÁCH "TỔ QUỐC ĂN NĂN"

100 Tâm sự Nguyễn Gia Kiểng - **Vương Hữu Bột**
103 Vài nhận xét về cuốn Tổ Quốc Ăn Năn của Nguyễn Gia Kiểng - **Nhật Tiến**
107 Nguyễn Gia Kiểng: Tổ Quốc Ăn Năn - **Không Không**
109 Đọc Tổ Quốc Ăn Năn của Nguyễn Gia Kiểng - **Phạm Xuân Đài**
111 Phỏng vấn Nguyễn Gia Kiểng - **Đinh Quang Anh Thái**

VĂN

39 Ra đi từ lãng quên - **Ngô Thế Vinh**
67 Tạm gọi là cầu hôn - **Hồ Như**
74 Đôi mắt vời trông - **Song Thao**
87 Tuổi thơ - **Tôn Nữ Thu Nga**
91 Lá thư Thượng Hải - **Hà Kỳ Lam**

THƠ

69. Xuân này tôi tuổi sáu mươi - **Nguyễn Văn Cường. 77.** Cỏ đôi nơi - **Hạo Nhiên. 83.** Ngày bình thường - **Nguyễn Văn Thực. 89.** Cây đàn thương nhớ - **Đynh Trầm Ca. 94.** Qua giêng - **Trần Huy Sao. 102.** Phù thế - **Hồng Khắc Kim Mai. 108.** Thiên tai, Đợi tiếng chuông vang - **Lý Thừa Nghiệp**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Bạn đọc viết
11 Tòa soạn và Bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
11 Thư Trị sự - **Phan Mỹ Sương**
12 Tin Việt Nam
48 Sổ Tay - **Vương Hữu Bột**
52 Đời sống quanh ta - **Thanh Thảo, TM**
96 Chân trời Văn học Nghệ thuật - **Anh Thành**

Giáp mặt

Đọc bài Giáp Mặt của Hồng Khắc Kim Mai, tôi rất xúc động. Ngòi bút sâu sắc của tác giả nói lên một thực tại đau buồn cho thế hệ di dân đầu tiên của chúng ta, mang tâm hồn cũ nhưng phải đương đầu với một lối sống mới.

Tuấn Trần
(San Dimas, CA)

A ha! Bọn làm báo các ông là gian lắm!

Tôi vừa nhận được *Thế Kỷ 21* số tháng này (143, March 01) sáng nay. Lật đọc trang Bạn Đọc Viết thấy thú vị nên viết ngay vài dòng gửi Tòa soạn. Riêng tôi, tôi nghĩ bà độc giả này không "fair" khi bà nói văn chương thơ thẩn của các ông cũng chỉ là đàn ông viết cho đàn ông đọc. Có quỷ thần hai vai chứng giám, khi viết tôi trông đợi ở nữ độc giả nhiều hơn. Mặt khác các cây bút nữ mà vị độc giả kể tên, không có gì bảo đảm các vị này viết cho phái nữ.

Nguyễn Đức Tường
(Canada)

Niềm tin

Tôi là Diệu Tâm, độc giả của báo *Thế Kỷ 21* đã theo dõi bài viết "N.T.N.V." của ông Nguyễn Văn Thà trong số 142. Câu truyện gây phản ứng khó chịu cho tôi, cũng như một số độc giả khác.

Nếu sáng tác của ông N.V.T. hoàn toàn tiểu thuyết thì tôi không có ý kiến vì đây là hư cấu. Nhưng bài viết pha trộn giữa tiểu thuyết và ký sự nên gây ngộ nhận cho độc giả. Tác giả không nên lẫn lộn giữa tiểu thuyết và ký sự.

Tôi không phải là người đi tu như tác giả, không có khả năng thâm cứu về Thánh kinh, về thần học, nhưng tôi quý niềm tin. Tác giả ở trong Nhà Dòng nhiều năm nhưng không đạt được đạo, không đạt niềm tin. Đó là lý do cá nhân. Tác giả trả lời trong bức thư cho báo *Thế Kỷ 21* số 143 rằng: "Những vấn đề tôi đưa ra trong truyện là những vấn đề lớn." Thật ra, đây không phải là "những vấn đề lớn" mà chỉ là nỗi ám ảnh về dục tính của một người đàn ông, một thứ ẩn ức sinh lý của một con người. Dù đó là của một linh mục hay của chính tác giả.

Với hình tượng Đức Mẹ Thương Xót được chiêm ngưỡng trong lòng các tín hữu thì tác giả kể lại như muốn chà đạp biểu tượng thiêng liêng ấy. Truyện ngắn này không được viết ra để dẫn tới một tranh luận đứng đắn vì cách diễn đạt có tính cách tiểu thuyết, không minh bạch. Điều đó gây ngộ nhận cho độc giả. Và nó cho thấy một hậu ý góp phần vào ý đồ của một nhóm người phản bác lại Giáo hội Công giáo. Một cách gián tiếp, còn phỉ báng niềm tin của kẻ khác.

Nếu ông N.V.T. muốn viết về "những vấn đề lớn" thì nên viết dưới một dạng thức khác cẩn trọng hơn, xây dựng hơn, để có thể nhận được sự thạm kiến của các thức giả thần học.

Trần Thị Diệu Tâm
(Internet)

Ý kiến của tác giả Nguyễn Văn Thà

Kính gởi chị Trần Thị Diệu Tâm,

Sau khi đã đọc thư của chị, tôi xin phép được thưa chuyện với chị như sau:

1.*Nghệ thuật và nghệ thuật*: Thực sự ra, các đề tài tôi đưa ra tuy có lớn đấy (ví dụ: cách hiểu thế nào về các sách trong Kinh Thánh, sự mất niềm tin, về giải huyền thoại của biểu tượng, sự phi lý của kiếp người, tội nguyên tổ...- và *dục tính* cũng là vấn đề lớn đó chị ạ, ít nhất theo quan niệm của người Tây phương, mà chúng ta đang ăn nhờ ở đậu; họ có gì nói nấy, và nói sau khi đã nghiên cứu tường tận, chứ không phải vừa ăn vụng vừa lau miệng.) *Nhưng dẫu sao các đề tài ấy chỉ đóng vai trò những tác nhân dẫn dắt câu truyện.* Tôi chỉ chú trọng nhiều nhất vào mặt nghệ thuật. Cùng lắm chúng (những đề tài) chỉ là những tín hiệu, mà đã là tín hiệu, nó *gợi* (chỉ gợi thôi nhé) suy nghĩ, hay dẹp nó qua một bên vì nó chẳng gợi gì cả thì cũng chẳng vì thế mà tôi rầu. *Nhưng bắt đầu suy nghĩ là triệu chứng tốt rồi.* Bằng chứng là chị đã bắt bực; có suy nghĩ mới bắt bực được. Suy nghĩ hay không, và suy nghĩ như thế nào thì đó còn tùy cái kinh nghiệm, cái kiến thúc người ấy nhận được hoặc thâu thái được trong một môi trường nhất định, hay nói theo Krishnamurti, cái kiến thức bị điều kiện hóa.

2. Còn chuyện *không nên pha trộn giữa ký sự và tiểu thuyết*, lối viết văn "không nên pha trộn" có chăng là từ những thế kỷ trước, còn qua thế kỷ 20 người ta - ý nói nhà

văn các nước khác - ít chuộng các lề lối viết tiểu thuyết khuôn mẫu, bất cứ khuôn mẫu nào.

3. Còn chuyện *"và nó cho thấy cái hậu ý góp phần vào ý đồ của một nhóm người phản bác lại Giáo Hội Công giáo."* Có ngu mới làm cái chuyện phản bác (nếu hiểu phản bác là chống đạo chứ không phải là đặt vấn đề, tìm hiểu Giáo hội Công giáo.) Cứ xem Cộng sản với 70 năm đủ mọi thủ thuật tinh vi mà có làm được gì Giáo hội Công giáo đâu. Có khi còn làm cho lòng sùng mộ thêm cao.

4. Sức mọn tài hèn, chỉ bấy nhiêu lời, còn "viết dưới một dạng thức khác... để nhận được sự tham kiến của các thức giả thần học," cái *dạng thức khác* đó, coi vậy chứ nó đòi hỏi kiến thức và thì giờ ghê gớm lắm. Tôi còn phải mưu sinh. Mà có viết được đi nữa thì tới tận thế - hay nói nôm na: tới tết ma rốc - vấn đề vẫn chưa ngã ngũ được.

Nguyễn Văn Thà

Sáng tạo cái đẹp, theo Oscar Wilde

Tôi đã đọc truyện Người Thích Nhìn Vú (số Tân niên), đã đọc được *nỗi hãi hùng* của nhà văn Trần Mộng Tú và *"đôi lời tâm sự của tác giả Nguyễn Văn Thà"* trong mục Bạn Đọc Viết (số 143, tháng Ba 2001). Thú thực khi đọc xong NTNV, tuy không hãi hùng như chị Trần Mộng Tú, tôi cũng sững sờ một lúc lâu. Cả người tôi trong một trạng thái rất lẫn lộn: vừa bắt gặp một cái gì tuyệt hay, thật mới mẻ táo bạo, đồng thời có một cảm giác phũ phàng, tàn nhẫn đến không chịu nổi.

Tôi đã chia sẻ một cách thấm thía cả Trần Mộng Tú cả Nguyễn Văn Thà khi đọc trang thư Bạn đọc, mặc dù thấy mình hơi "ba phải." (Có nhiều tình huống trong đời, thật là khó mà không ba phải, khi lý trí đồng ý bên này, tình cảm lại đồng tình với bên kia, phải thành thật mà nói như vậy.) Tình cờ đọc lại cuốn *The Picture of Dorian Gray - Bức Tranh của Chàng Dorian Gray* của Oscar Wilde (1854-1900), các ý kiến của tác giả trong phần Vào Truyện dường như có làm sáng tỏ, giúp cho tôi... đỡ ba phải chút ít, tôi xin tạm dịch như sau, để mong chia sẻ cùng các bạn:

Người nghệ sĩ là người sáng tạo ra những cái đẹp.

Mục đích của nghệ thuật là đưa nghệ thuật ra ánh sáng và đồng thời giấu đi chính con người nghệ sĩ.

Người phê bình là người chuyển đạt vào một dạng thức khác hoặc dưới một chất liệu mới cái ấn tượng của hắn về những cái đẹp.

Cái hình thức cao nhất, cũng như thấp nhất, của chuyện phê bình ở chỗ: Đó là một hình thái của bản thân người phê bình tự nói về chính con người của hắn.

Những kẻ bươi móc ra những cái ý xấu trong những cái đẹp là những kẻ đồi bại mà chẳng hấp dẫn được ai. Đây là một thói xấu.

Những kẻ nhìn ra được những ý tốt đẹp trong những cái đẹp, họ là những kẻ có văn hoá. Đối với những kẻ này, chúng ta còn niềm hi vọng.

Những người kỳ vĩ, đối với họ, những cái đẹp chỉ có nghĩa là Cái Mỹ.

Chẳng làm gì có cái chuyện sách này đạo đức sách kia vô luân. Viết hay hoặc viết dở; tất cả chỉ có thế.

Thế kỷ thứ mười chín không thích trường phái Hiện thực thì cũng giống như Caliban giận dữ khi nhìn khuôn mặt của mình trong gương vậy.

Thế kỷ thứ mười chín không ưa trường phái Lãng mạn thì cũng chẳng khác gì chuyện Caliban phẫn nộ không nhìn bản mặt của mình trong kiếng.

Đời sống luân lý của con người góp phần tạo nên cái chủ thể tính của người nghệ sĩ, nhưng tính luân lý của nghệ thuật nằm ở chỗ, trong nghệ thuật, người nghệ sĩ dùng được một cách toàn hảo cái phương tiện bất toàn. Chẳng có người nghệ sĩ nào lại muốn chứng tỏ điều gì. Ngay cả những điều chân thật cũng có thể bị làm cho tỏ.

Chẳng có người nghệ sĩ nào lại có cái thiện cảm mang tính cách đạo đức. Một sự thiện cảm đượm tính đạo đức nơi người nghệ sĩ là một sự đỏm dáng về phong cách không thể tha thứ được.

Chẳng có người nghệ sĩ nào mà đã từng bệnh hoạn (như thế). Người nghệ sĩ có thể lột tả mọi chuyện.

Đối với người nghệ sĩ, tội lỗi và đức hạnh là những nguyên liệu để làm nghệ thuật.

Nhìn từ quan điểm hình thức, điển hình cho mọi nghệ thuật là nghệ thuật nơi một người nhạc sĩ. Nhìn từ góc độ cảm tính, tài điêu luyện của người diễn viên lại chính là khuôn mẫu (cho mọi nghệ thuật).

Mọi nghệ thuật cùng một lúc có mặt nổi và mặt chìm.

Những kẻ liều lĩnh chui xuống dưới mặt nổi, có gì thì ráng mà chịu.

Những kẻ đọc dấu hiệu của mặt chìm mà lỡ sứt trán u đầu thì chớ khá than vãn.

Nghệ thuật phản ánh chính cái-người-nhìn-sự đời, chớ đâu

có phản ánh sự đời.

Sự đa dạng của những ý kiến về một tác phẩm nghệ thuật chứng tỏ tác phẩm đó mới, nói lên được nhiều sự, và tràn trề sức sống.

Khi những nhà phê bình bất đồng ý kiến thì người nghệ sĩ lại tâm cảm với chính mình.

Chúng ta có thể tha thứ cho một người, vì hắn đã chế tác ra một sự có ích, bao lâu hắn không đứng đó mà trầm trồ khen ngợi cái sự có ích ấy. Lý do duy nhất bào chữa được cho cái chuyện làm ra cái vô ích là ở chỗ người ta có thể trầm trồ khen ngợi mệt nghỉ cái vô ích đó.

Tất cả mọi nghệ thuật thì hoàn toàn vô ích.

Trần Tường Tận
(Internet)

Đã chết chưa? Bao giờ chết?

Nhà văn nữ Hồng Khắc Kim Mai phải chăng đang làm công việc tiên tri cho nền chữ nghĩa Việt Nam tại hải ngoại? Truyện Giáp Mặt của bà đăng trong *Thế Kỷ 21* số 143 đưa ra những hình ảnh tượng trưng cho sự suy tàn về văn hóa bản gốc của một lớp người di dân. Đọc nghe buồn như một lời ai điếu.

Mặc dù truyện của bà có nhiều cái đúng trong hiện tại, tôi vẫn muốn coi đó chỉ là lời tiên tri. Trường hợp nhân vật trong truyện có thể là rất điển hình, nhưng tôi vẫn muốn coi chỉ là một trường hợp cá biệt. Cái điều bà muốn trình bày - ngày suy tàn của nền chữ nghĩa Việt Nam tại nước Mỹ - có lẽ ai cũng nghĩ là sẽ đến vào một ngày nào đó, nhưng không phải là bây giờ. Giống như cái chết của mỗi người, ai cũng biết chắc là mình sẽ chết, nhưng điều quan trọng là không phải ngay bây giờ, vì bây giờ tôi vẫn đang sống. Và hãy nhìn xem các nơi đông đúc người Việt: sách báo Việt ngữ vẫn ùn ùn xuất bản, ngành buôn bán sách báo Việt ngữ vẫn đang phát đạt, các lớp Việt ngữ vẫn có học trò, thậm chí có cả một cái Viện Việt Học ở Nam Cali (mà nhiều người nói là tiền thân của một đại học Việt Nam trên đất Mỹ trong tương lai), những điều đó chứng tỏ ngôn ngữ Việt vẫn đang là một ngôn ngữ sống, đó là một bộ phận của một cơ thể sống, chưa vội nghĩ tới sự chết được.

Tôi nghĩ rồi sẽ không có sự chết đúng nghĩa đâu, tiếng Việt của chúng ta ở hải ngoại rồi ra sẽ có những biến thể rất ngoạn mục, nhưng chắc sẽ không bao giờ tắt thở.

Đỗ Trọng Hưng
(Anaheim CA)

Chợ Vòm

Tôi nghĩ chúng ta nên có nhiều bài như Chợ Vòm của Lan Hương (TK 21 số 143). Loại ký sự nhiều tính chất văn chương như thế, giúp cho mọi người thông cảm một cách thấm thía đời sống của người Việt Nam nơi nước ngoài. Lan Hương có lối văn tươi tắn, hơi dí dỏm, có con mắt quan sát và nhận xét rất tinh, và nhất là thái độ viết không lên gân, cường điệu, thật là một cây bút thích hợp cho thể loại này. Đọc thì thấy cảnh khổ và cách làm ăn khó nhọc của người Việt Nam ở Nga, nhưng vẫn phảng phất tính lạc quan của người mình. Đi đến xứ nào cũng bám chặt lấy cuộc sống, khó nhọc bao nhiêu cũng chấp nhận, rồi đời sống cũng dần dần ổn định.

Ngày nay mỗi cuối tuần đứng ở khu thương xá Phước Lộc Thọ Little Saigon tại quận Cam nhìn cảnh người Việt Nam ùn ùn kéo về đi ăn uống, mua sắm, vui chơi thảnh thơi trên một mảnh đất "của mình," ít ai nhớ đến nỗi khổ của những người đến nước Mỹ hồi 75. Chắc không đến nỗi phải "lăn" ra khỏi nhà lúc năm giờ sáng trong khí hậu lạnh mười mấy độ âm như những người đi Chợ Vòm ở Nga, không phải lẩn trốn cảnh sát như ở các ga metro Moscow, nhưng buổi đầu lập nghiệp của người Việt ở Mỹ cũng đầy cay đắng, nhất là về mặt tinh thần. Nhưng rồi cũng một kiểu giống nhau, lại cứ bám lấy cuộc sống, rồi lại ngoi lên. Tôi nghĩ ngày xưa các lưu dân đi từ Bắc vào miền Trung để biến Chiêm Thành, rồi Thủy Chân Lạp thành nước của mình, thì chắc không thiếu nỗi cay đắng khổ ải lúc đầu như chúng ta bây giờ. Nhưng thời xưa có ai viết lại về những bước chân đầu tiên ấy đâu, như Lan Hương bây giờ viết Chợ Vòm. Một số nhà văn như Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc muốn phục chế cảnh ban sơ mở nước, cái cảnh "hùm tha sấu bắt" ấy bằng các đoản văn hư cấu. Nhưng sao bằng ngay bây giờ đây, người ở mỗi quốc gia mà chúng ta tị nạn chịu khó ghi lại cảnh sống của mình, để con cháu sau này khỏi phải tưởng tượng để xây dựng lại bước đường lập nghiệp trên đất mới của ông cha.

Trần Hương Lan
(Hawaii, HI)

Số đào hoa

Tôi chắc ông Nguyễn Văn Tuấn là một nhà khoa học, ông đề cập đến cái gì cũng "nói có sách mách có chứng"

mà sách và chứng cớ của ông toàn là thứ cao cấp của khoa học ngày nay. Dù nhiều khi không hiểu hết các phương trình rắc rối về các vòng 1, 2, 3 mà đối với chúng tôi vốn rất dễ hiểu và rất hấp dẫn, chúng tôi cũng thấy phải cám ơn tác giả Nguyễn Văn Tuấn vì ông đã cho độc giả biết ánh sáng khoa học đã soi rọi vào "cái đẹp" bằng cách như thế nào (bài "Đặc tính hấp dẫn của người khác phái" TK 21 #143). Giải thích những điều tưởng hoàn toàn do chủ quan như vẻ đẹp, cái hay, sự hấp dẫn... bằng những con số và phương trình toán học là những điều rất mới mẻ, đối với chúng tôi.

Kinh nghiệm cho chúng ta biết người đàn bà có ngực và hông nở là thích hợp cho việc sinh đẻ và nuôi con. Điều này thì dễ hiểu. Nhưng còn cái eo thon? Nó đóng vai trò gì về phương diện sinh lý? Hay là chỗ đó cần thon nhỏ lại chỉ cốt để nhấn mạnh sự nổi bật của vòng 1 và 2, để cho dễ thấy, dễ nhận định hơn phẩm chất của hai phần kia mà thôi?

Trong bài của ông Tuấn không nhắc đến một hiện tượng mà người đời thường cho là "đào hoa." Theo khoa tử vi ai có sao Đào hoa chiếu mệnh thì kẻ đó được người khác phái mê nhiều (tôi chỉ nghe lóm thôi, nếu nói sai xin các "thầy" tha thứ). Nếu làm được một thống kê những người có sao Đào hoa và tìm thấy quả là họ có những yếu tố thể trạng hấp dẫn như trong bài của ông Tuấn, thì khoa tử vi quả là kỳ diệu lắm! Nhưng trong đời sống thường ngày, đào hoa thường chỉ người nam có sức thu hút phái nữ chứ ít khi ngược lại. Có lẽ nữ thu hút nam là chuyện thường xuyên rồi, khỏi cần có một ngôi sao đặc biệt nào trợ giúp. Vậy khi một người nam có số đào hoa, có thực là người đó phải có đủ yếu tố căn bản của một "con đực" mạnh không, hay chỉ là dáng vẻ và tài hoa hấp dẫn một cách "văn nghệ" thôi?

Lê Văn Hùng
(San Diego, CA)

Đính chính:

Trong số 143 vừa qua có những sai sót:

- Bài Chợ Vòm của Lan Hương ở trang 55 không có ghi trong Mục Lục.
- Bài "Hành Trình Của Một Trí Thức CSVN" (tr. 69) là của Hoàng **Khoa** Khôi, thay vì Hoàng Hoa Khôi.
- Dòng cuối bài thơ "Ta, Trang Thơ Mới" ở trang 111: chữ Quý Tỵ xin đọc là **Tân** Tỵ.

Xin cáo lỗi cùng các tác giả và độc giả.

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Nguyễn Văn Cường, Lý Thừa Nghiệp, Nguyễn Quốc Khải, Trương Nghĩa Kỳ, Đặng Trình, Tu H., Trần Hồng Châu, Trần Huy Sao, Sương Mai, Nguyễn Hữu Chi, Ngô Thế Vinh, Hồ Như, Trần Gia Phụng, Hà Nguyên Du, Đặng Trần Huân, Không Không, Thái Đinh, Nhật Tiến, Thanh Hiên, Dy Sỹ.

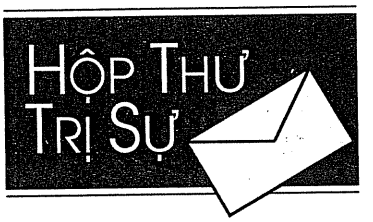

Độc giả mới và độc giả gia hạn

Nguyen Van Son (Grand Prairie TX), Tuong Nang Tien (San Jose CA), Do Anh Tai (Rcho Cucamonga CA), Nguyen Tri Thuc (Burnsiville MN), Nguyen Ngoc Phong (Dorchester MA), Nguyen Kim Hung (Orange CA), Ha Thanh Binh (Alameda CA), Chinh Tin Bui (Annadale VA), Nguyen Xuan Nghe (Philadelphia PA), Do Kim Bang (Westminster CA), Ngoc Tran (Grays Lake IL), Truong Ngoc Tich (Dallas TX), Anh T. Bach (Corte Madera CA), Mai Thi Truong (Santa Ana CA), Tu Cong Phung (Portland OR), Viet Duong (Chicago IL), Duong Hong Quan (Westlake Village CA), Tran Hai Tan (Redondo Beach CA), Pham Phan Long (Mission Viejo CA), Pham Huu Thanh (FRANCE), Huỳnh Văn Tịnh (Rochester MN), Phan Công Linh (Hartford CT), Huỳnh Long (Dorchester MA), Trần Ngọc Châu (Woodland Hills CA), Phan Hồng Diêu (Chicago IL), Cao Tiêu (Orange CA), Tran Trong Su (Ambassade de France à Cotonou, Afrique), Võ Văn Điệu (Garden City KS), Vũ Ngô Cường (Auburn CA), Nguyen Van Tha (San Diego CA), Loi Vuong (Winter Haven FL), Vu An Thanh (Springfield VA).

Độc giả thay đổi địa chỉ

Huynh Huu Uy (Garden Grove CA), Pham Minh Triet (Arlington TX), Nguyen Xuan Nghia (Tustin CA), Phạm Minh Triết (Elsmere KY).

FBI điều tra nghi vấn CSVN thông đồng với hãng Đại Hàn Daewoosa buôn người

QUẬN CAM 21-3 - Hơn 100 công nhân người Việt Nam gần như bị chế độ Hà Nội bỏ rơi trên đảo Samoa sắp được tạm cư tại Honolulu, Hawaii, với hy vọng được ở lại Hoa Kỳ, tuy nhiên đang thiếu tiền vé máy bay để di chuyển những người thợ may bất hạnh này, theo tin của Tổ Chức Trợ Giúp Pháp Lý cho Người Việt Tỵ Nạn (LAVAS) tại quận Cam tiểu bang California.

Trong khi đó, cơ quan FBI đang xúc tiến điều tra nghi vấn chế độ Hà Nội thông đồng với hãng Đại Hàn Daewoosa buôn người và tẩu tán tiền bạc, bóc lột công nhân.

Công ty may quần áo của người Đại Hàn, Daewoosa, trên đảo Samoa đã bị tòa án địa phương ra lệnh đóng cửa hồi tháng giêng vừa qua sau nhiều cáo giác rằng hơn 250 công nhân người Việt (khoảng 90% là phụ nữ) bị quịt nhiều tháng lương, ăn ở trong tình trạng tồi tệ mất vệ sinh, thiếu dinh dưỡng, lại còn bị giam giữ như những tù nhân, bị đánh đập cũng như bị sách nhiễu tình dục.

Hãng Daewoosa bóc lột sức lao động của công nhân, đa số là người Việt Nam được công ty xuất cảng lao động quốc doanh IMS phối hợp với Công Ty Du Lịch 12 của Bộ Thương Mại Hà Nội, đưa sang làm mướn để bòn góp ngoại tệ cho chế độ.

Đảo Samoa là một đảo quốc nằm trong sự bảo hộ của Hoa Kỳ nên hàng hóa được mang nhãn hiệu sản xuất tại Hoa Kỳ. Ông chủ Đại Hàn Daewoosa lợi dụng điều này để bán quần áo cho nhiều hệ thống bán lẻ lớn của Mỹ như Sears, J.C. Penney, Walmart.

Theo tổ chức LAVAS, vào cuối tuần rồi 20 công nhân cùng bốn trẻ em đã rời American Samoa đến Honolulu. Ngày thứ hai, 20 tháng 3, thêm 12 công nhân Việt tiếp tục lên đường đi Honolulu. Cả 32 người này đều được Giáo Hội Tin Lành Hawaii Pacific Baptist Convention lo về đời sống.

Thứ Sáu tới đây, thêm 50 công nhân nữa sẽ rời American Samoa để đi Honolulu và sau đó có thể có đến 50 người nữa sẽ tiếp tục đi Honolulu. Những người này hiện đang cần được tài trợ vé máy bay và giúp cho chỗ tạm trú. Giáo Hội Tin Lành tại Hawaii đã cố gắng hết sức nhưng không thể tiếp nhận thêm hơn con số 32 người đã tiếp nhận trong đợt đầu.

Theo nguồn tin từ Samoa, khoảng 120 công nhân Việt xin được đến Hoa Kỳ sinh sống nhưng họ cần có người hay tổ chức đứng ra bảo trợ cho họ thời gian đầu. Tuy nhiên, tới nay, cơ quan INS chỉ thấy có sự bảo trợ cho lối 80 người và mới có 43 phụ nữ là có người bảo trợ và có thể có vé máy bay để tạm nhập Hoa Kỳ.

Theo nguồn tin từ đảo Samoa, đại diện Sở Di Trú Hoa Kỳ nói rằng nếu ai muốn đến Hoa Kỳ tạm trú và chờ để xin triển hạn cũng như ở lại Hoa Kỳ sinh sống, họ phải rời Samoa vào ngày Thứ Sáu 23-3-01 là thời hạn chót.

Sở Di Trú đang sắp xếp để tất cả những người này sẽ được đi làm trong thời gian tạm trú trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Việc di chuyển những công nhân này vào lãnh thổ Hoa Kỳ trong thời gian hiện nay là việc tối cần để họ có thể được bảo vệ bởi luật pháp Hoa Kỳ cũng như được hưởng những quyền lợi về di trú khác.

Trên nguyên tắc, thời gian tạm trú chỉ có 90 ngày. Tuy nhiên, những người này có thể xin gia hạn. Hiện nay, một số các luật sư thiện nguyện từ cộng đồng Việt nam từ khắp nơi đang phối hợp với những luật sư Hoa Kỳ tại American Samoa và Hawaii để nghiên cứu việc xin tỵ nạn chính trị hay xin chiếu khán loại T, dành cho nạn nhân của các đường dây buôn người.

Dựa vào những dữ kiện mà Uỷ Ban Cứu Người Vượt Biển có, tình trạng của các công nhân Việt tại American Samoa có thể nằm trong khuôn khổ của đạo luật chống buôn người đã được Quốc Hội thông qua vào cuối tháng 10 năm ngoái.

Theo nguồn tin từ Samoa, hai nhân viên Sở Điều Tra Liên bang (FBI) đang phối hợp với các viên chức Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ điều tra các

hành động bị nghi ngờ là một cuộc buôn người qui mô để bán sức lao động để bòn rút đô la cho chế độ CSVN. Chủ Đại Hàn của hãng Daewoosa cấu kết với các chức sắc của đảng CSVN tẩu tán tiền bạc khiến công ty này phải khai phá sản.

Trước khi được đưa tới Samoa làm mướn không công lại còn bị đày ải, các người thợ Việt Nam đã phải nộp cho chế độ từ hơn 4,000 đô la đến 8,000 đô la. Đã vậy, hãng Daewoosa còn cấu thêm của họ 1,500 đô la gọi là "lệ phí di trú." Đó là chưa kể hàng ngàn đô la họ phải hối lộ cho các chức việc của đảng để có hy vọng kiếm được việc làm nhiều tiền hơn ở trong nước.

Theo một nguồn tin từ Internet, các nhân viên FBI tại Honolulu cũng đang thẩm vấn các người thợ Việt Nam đến từ Samoa để tìm hiểu thêm về đường giây buôn người và bóc lột sức lao động của chế độ CSVN.

45 cô thợ may Việt ở đảo Samoa cần vé máy bay...

"Họ cần vé máy bay ngay trong ngày thứ sáu 23-3-01 để hy vọng được tạm cư tại Mỹ và thoát địa ngục Samoa, đồng thời không bị buộc phải trở lại Việt Nam để chế độ trả thù."

Bà Heather Margaret, một người thiện nguyện và cũng là ân nhân của các nhân công Việt Nam kẹt tại đảo Samoa cho hay như vậy và nói rằng hiện tại, theo sự hiểu biết của bà, còn 40 cô gái Việt Nam, năm thanh niên Việt Nam và sáu thanh niên người Hoa, hai phụ nữ người Hoa, hội đủ các điều kiện để được vào nước Mỹ tạm cư (Parolee), chờ xin thủ tục thường trú tại Hoa Kỳ.

Những người Việt Nam, 90% là các cô thợ may trẻ từ 19 đến 25 tuổi, đã phải đút lót tiền bạc cho các quan chức đảng trong hãng quốc doanh xuất cảng lao động IMS phối hợp với Công Ty Du Lịch 12 của Bộ Thương Mại CSVN, để đi làm cho hãng may Daewoosa trên đảo Samoa Hoa Kỳ với hy vọng có công ăn việc làm khá hơn ở trong nước.

Từ gần hai năm qua, nhiều lần, họ đã nhờ các tờ báo trong nước đăng nhiều bức thư cầu cứu khẩn cấp nhờ can thiệp. Họ đã không được trả lương, ăn ở trong các điều kiện như nhà tù ở Việt Nam lại còn bị sách nhiễu tình dục. Một vài lần chế độ Hà Nội có cử người sang tìm hiểu nhưng không những không có gì thay đổi mà tình trạng lại còn tệ hại thêm.

Cuối cùng, tòa án địa phương hồi tháng 01-2001 vừa qua đã ra lệnh buộc hãng Daewoosa phải đóng cửa và đòi CSVN phải đưa hơn 250 người về nước. Hãng này khai phá sản và còn thiếu của công nhân hơn một triệu đô la tiền lương. Các công nhân của Daewoosa sau đó phải sống nhờ lòng hảo tâm của nhà thờ Tin Lành trên đảo cho dù đại diện của chế độ Hà Nội có mặt ở đó.

Theo bà Heather Margaret, chỉ có hai chuyến bay từ Samoa đi Honolulu với giá vé là $420 đô la vào thứ sáu và thứ hai. Nếu không có vé máy bay cho họ, có thể họ sẽ bị trả về Việt Nam.

Một số lớn trong số các công nhân Việt trên đảo Samoa cho hay, họ tin là những sự tố giác của họ với các viên chức liên bang Hoa Kỳ, FBI, Bộ Lao Động, Bộ Tư Pháp, nghị sĩ v.v... làm họ trở thành kẻ thù của chế độ Hà Nội. Họ không tránh khỏi bị trả thù nếu họ về đến Việt Nam.

Những bằng cớ được nêu ra để họ được Sở Di Trú Hoa Kỳ chấp nhận cho họ tạm cư, là họ là nạn nhân của một tổ chức buôn người lao động do chế độ CSVN cầm đầu. Họ đã bị lừa gạt vì trước khi đi, họ được các cơ quan buôn lao động quốc doanh hứa hẹn lương bổng cao, được ăn ở miễn phí và đầy đủ thoải mái, được săn sóc sức khỏe miễn phí. Thực tế trái ngược hoàn toàn, chưa kể đến sự đánh đập, ăn uống kham khổ thiếu thốn như tù và bị giam giữ như tù.

Như vậy, họ được coi là "Nạn nhân của nạn buôn người" và vi phạm luật lệ lao động của Hoa Kỳ, ai muốn xin ở lại Hoa Kỳ được cấp cho chiếu khán nhập cảnh tạm thời. Họ hy vọng sau đó sẽ được cấp chiếu khán loại T-Visa tức là loại chiếu khán cho phép cư trú vĩnh viễn dành cho những người là nạn nhân của các cuộc bạo hành, áp chế và nếu bị trả về nguyên quán sẽ bị trả thù.

Theo bà Margaret, các viên chức liên bang Hoa Kỳ bằng lòng tiếp tục phỏng vấn đến hết ngày 25-3-01 và cấp chiếu khán tạm cư.

Tuy nhiên, thời hạn này quá ngắn ngủi. Nếu các cộng đồng người Việt hải ngoại không tiếp tay phản ứng thật nhanh, có thể chậm trễ khiến nhiều người bị trả oan uổng về nước để chịu các hình phạt trả thù của chế độ.

Thợ may Việt từ Samoa đến Honolulu:

"Em như chết đi sống lại"

Một cô thợ may người Việt trong số những người may mắn được Sở Di Trú Hoa Kỳ cho đưa đến Honolulu, Hawaii, mừng rỡ nói với ký giả: "Em như chết đi sống lại" khi được hỏi về cảm tưởng của cô.

Đó là lời của cô Nguyễn thị Hạnh, một trong số 20 phụ nữ và bốn trẻ em được giáo hội Tin Lành Báptit của thủ phủ Honolulu bảo trợ, đón tiếp và thu xếp nơi ăn chốn ở lúc ban đầu.

Khi trả lời cuộc phỏng vấn với thông tín viên Ánh Chân của Đài Á Châu Tự Do, một số phụ nữ đang tạm trú trong các ngôi nhà của giáo hội Baptít, đã bày tỏ sự vui mừng khôn tả khi đặt chân đến vùng đất mới.

Cô Nguyễn Thị Hạnh, một trong những công nhân Việt Nam từng bị ngược đãi ở Samoa cho biết nguyên văn như sau:

"Ối dzời ơi, em nói thật với chị em như chết đi sống lại. Em mừng lắm chị ạ (...). Đến sáng chủa nhật, bọn em đến Hawaii rồi mà bọn em cứ nghĩ như mơ đấy."

Cô Ngô Thu Hằng cùng góp lời chia sẻ tâm tình của mình:

"Em sang đến bên này thì em được mọi người giúp đỡ rất là tốt đấy. Em được ở trong nhà thờ. Với lại mọi người ở đây đối xử tốt lắm. Tốt hơn ở Samoa nhiều. Ở đây có tiện nghi đầy đủ. Em được mang hai con của em.

Em mong muốn là em có công ăn việc làm và đi làm".

Tiếp lời, cô Mai Thị Thúy cũng bày tỏ niềm vui của mình:

"Em nghe tin thì em mừng lắm. Cứ ra khỏi Samoa là em mừng. Hai ba ngày em không ăn. Đến lúc mà mê tơi lên, thì chẳng biết làm gì cả, chẳng biết điện cho ai cả."

Ngoài ra, tin tức ghi nhận được cũng cho biết là một trong số ba luật sư đại diện cho công nhân lao động Việt Nam trong vụ kiện công ty Daewoosa trên đảo Samoa, cô Christa Lin hiện đang có mặt tại Hawaii, cùng làm việc với giới chức Bộ Tư Pháp Hoa kỳ và giáo hội Baptít để giải quyết vấn đề nơi ăn chốn ở và di chuyển cho những đợt ra đi kế tiếp của khoảng 100 người còn lại trong thời gian tới.

Cũng trong cuộc tiếp xúc với phóng viên Ánh Chân của đài RFA, luật sư Christa Lin đã giải thích chi tiết về quy chế "đặc miễn nhân đạo" dành cho các công nhân Việt Nam lao động trên đảo Samoa vào lãnh thổ Hoa Kỳ.

"Trong khuôn khổ của quy chế 'đặc miễn nhân đạo,' Sở di trú Hoa Kỳ chấp thuận cho những người này được quyền đi làm và đi học trên lãnh thổ Mỹ. Hiện nay, quy chế đặc miễn nhân đạo dành cho 20 người trong nhóm đầu tiên có thời hạn là 90 ngày. Bộ Tư Pháp Hoa Kỳ cho biết có thể kéo dài thêm thời hạn đến sáu tháng hoặc một năm tùy thuộc vào công cuộc điều tra. Tuy nhiên, sau thời gian đó nếu muốn lưu lại nước Mỹ, những người này có thể xin chiếu khán T dành cho các trường hợp nạn nhân của tệ nạn buôn người, và sở Di Trú sẽ cứu xét từng trường hợp một xem người đệ đơn có hội đủ điều kiện hay không?"

30% thợ quốc doanh nghiện ma túy

Ba mươi phần trăm những người nghiện ma túy tại Việt Nam là các công nhân viên trong các hãng quốc doanh của chế độ. Đây là con số được nêu ra dựa vào con số thống kê chính thức của nhà nước, con số thật sự hiển nhiên còn cao hơn nữa.

Theo các tin tức được đăng tải trên tờ báo "Gia đình và Xã hội," Lê văn Nhiên, phó chủ tịch của "Liên Đoàn Lao Động Việt Nam" đặc trách về bài trừ ma túy và tệ đoan xã hội thì trong cái danh sách 100,030 những người nghiện ma túy trên cả nước tính tới tháng Bảy năm 2000, có 30,000 người là công nhân viên trong các công ty quốc doanh, chiếm 30%. Trái lại, giới sinh viên học sinh là giới dễ bị sa ngã nhất trong các xã hội tây phương lại chỉ có 1.6% trong tổng số kể trên. Giới nông dân chiếm đại đa số trong tổng số 78 triệu dân cả nước chỉ có 0.6% là nghiện ma túy.

Mua ma túy tại Việt Nam rất rẻ và dễ dàng đã khiến cho tệ nạn nghiện ngập ngày càng gia tăng, đồng thời, làm cho việc lây nhiễm bệnh HIV/AIDS càng thêm phổ biến. Mặc dù có những vụ xử ma túy lớn mà nhiều can phạm lãnh án tử hình, ma túy các loại vẫn tràn vào Việt Nam qua các ngả biên giới mỗi ngày mỗi nhiều. Các viên chức y tế cho hay sự xử dụng chung kim chích giữa các con nghiện làm gia tăng nhanh chứng bệnh HIV/AIDS.

Cam Bốt bắt giữ 13 người Thượng tham dự biểu tình ở Tây Nguyên

Nhà cầm quyền Cam Bốt đã bắt giữ 13 người Thượng Việt Nam từng tham dự vào

cuộc biểu tình đòi tự do tôn giáo và đất đai canh tác hồi đầu tháng hai vừa qua.

Đây là tin của đài Phát Thanh Á Châu Tự Do và họ nói rằng các người Thượng này hiện đang bị nhà cầm quyền địa phương tỉnh Mundokiri giam giữ. Tỉnh Mundokiri nằm về phía đông bắc của Cam Bốt và giáp giới với Việt Nam ngang với tỉnh Đắc Lắc.

Nguồn tin trên không nói tại sao những người này lại bị bắt và làm cách nào họ sang đến Cam Bốt. Nhiều phần họ đã đi bộ băng rừng để trốn lánh sự truy bắt của nhà cầm quyền CSVN đối với những người họ nghi là thành phần chủ chốt của cuộc biểu tình.

Cuộc biểu tình của đồng bào Thượng hồi đầu tháng hai vừa qua kéo dài nhiều ngày tại Pleiku và Ban Mê Thuột với hàng chục ngàn người kéo đến trụ sở các ủy Ban Nhân Dân tỉnh để đòi tự do tôn giáo và đòi lại đất đai canh tác đã bị những người di dân sau này đến chiếm mất để trồng cà phê và các loại hoa mày và cây kỹ nghệ.

Nhà cầm quyền Hà Nội đã phải huy động một lực lượng lớn công an và quân đội đến để đối phó. Những tin tức mới nhất nói rằng chế độ CSVN nay còn tăng cường thêm một số đơn vị bộ đội trên khu vực tây nguyên để đề phòng và đối phó với các cuộc biểu tình và bạo loạn khác có thể còn xảy ra trong tương lai khi các yêu sách của người Thượng không được thỏa mãn.

Chưa thấy có các tin tức nói đến việc nhà cầm quyền CSVN yêu cầu chế độ Cam Bốt trao 13 người Thượng kể trên để chế độ Hà Nội hành tội. Tuy nhiên, chuyện này khó tránh khỏi. Hun Sen đã từng bắt giữ và trao cho CSVN thành viên các tổ chức kháng chiến chống Cộng hoạt động trên xứ Chùa Tháp để họ phải ngồi tù.

Bán phụ nữ cho người Đài Loan mua làm vợ rất phổ biến ở VN

Người ta tỏ vẻ quan tâm đến tình trạng bán phụ nữ cho người ngoại quốc mua về nước làm vợ, một điều ngày một phổ biến.

Ký giả Owen Bennett Jones của đài phát thanh BBC viết như vậy về phong trào bán phụ nữ Việt Nam cho người ngoại quốc mà phần lớn là người Đài Loan mua về nước làm vợ.

Nhà cầm quyền Việt Nam, phản ảnh qua nhiều bài báo hay ký sự của các báo trong nước cho thấy họ có quan tâm đến vấn đề nhưng không làm điều gì để ngăn chặn các cuộc mua bán công khai phụ nữ Việt tại các văn phòng môi giới hôn nhân lấy chồng ngoại quốc.

Gia đình các cô gái thỏa thuận với các người chồng tương lai một giá tiền, từ 2,500 đô đến 8,000 đô để bán cô gái, thường là những người nghèo khổ ở nhà quê, sau một cuộc xem mắt tổ chức ở khách sạn. Báo chí địa phương có nhiều ký sự mô tả cảnh xem mắt như một cuộc quan sát mua trâu mua bò đầy kịch tính và đau xót.

Nhà cầm quyền CSVN đã tham dự nhiều cuộc họp quốc tế về vấn đề mua bán phụ nữ và trẻ em (để làm điếm) và họ biết rằng khoảng 70% phụ nữ bị bán qua biên giới Trung Cộng đều là các cô gái vị thành niên. Từ 1991 đến 1999, có 2,015 vụ buôn bán phụ nữ qua biên giới Trung Cộng bị khám phá, 3,376 thủ phạm buôn bán phụ nữ bị bắt.

Sau khi người đàn ông ngoại quốc chấm cô nào làm vợ, tổ chức lo chuyện mua bán đứng làm thủ tục giấy tờ để đưa cô gái xuất cảnh.

Cũng theo các ký sự của báo chí Sài Gòn, có cô may mắn sống đời làm vợ bình thường, nhưng cũng có nhiều cô rất bất hạnh. Có cô phải làm vợ cho cả "mấy bố con," có cô lấy phải người chồng dị tật, có cô bị bắt về để làm một thứ vú em hầu hạ cho cả nhà. Nhiều cô đã tìm cách trốn về nước để mô tả thảm cảnh lấy chồng Đài Loan mà vì đồng tiền, cha mẹ cô đã đành lòng đẩy cô vào ngõ cụt.

Theo thống kê, ít nhất, hiện nay có khoảng 4,000 cô gái Việt đang lấy chồng Đài Loan theo kiểu mua bán kể trên.

Theo ký giả Bennett Jones, một số cô gái đã bị bán cho các động mãi dâm khi về đến Đài Loan. Một viên chức công an nói vì không có luật lệ nào cấm người phụ nữ Việt Nam lấy chồng ngoại quốc nên họ không thể nào ngăn cản sự hoạt động của các văn phòng môi giới hôn nhân mà thực tế là các chợ người.

Theo báo Thanh Niên hồi tháng 9 năm ngoái, chỉ trong vòng sáu tháng đầu năm 2000, có gần 1,000 vụ lấy chồng Đài Loan. Trong đó, số phụ nữ tỉnh Cần Thơ lấy chồng Đài Loan tăng gấp ba năm trước đó với 1,002 trường hợp.

Nửa triệu đô la để mua rác

Sau nhiều ngày tranh cãi vòng vo, viên chức Bộ Khoa Học-Công Nghệ-Môi Trường từ Hà Nội xuống Hải Phòng giám định lô "sắt phế liệu" đưa ra kết luận "Đây là rác thải" đối với hơn 5,000 tấn "sắt phế liệu" mà Công ty Gang Thép Thái Nguyên nhập cảng.

Tàu hàng Ocean Mariner chở từ Nhật Bản đến Việt Nam 5,035 tấn "sắt phế liệu" cập bến cảng Hải Phòng ngày 7 tháng 2 vừa qua, chờ thông qua thủ tục hải quan để bốc dỡ. Trên giấy tờ, Công ty Gang Thép Thái Nguyên nói mua món hàng phế thải này gần nửa triệu mỹ kim để nấu lại kiếm lời.

Vì là đồ phế liệu, cơ quan kiểm định thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn-Đo Lường-Chất Lượng được cử tới giám định nói rằng đây là rác gồm cả rác độc hại để đổ đi, không phải "sắt phế liệu" có thể tái chế biến. Sự tranh cãi dằng co giữa các cơ quan nhà nước về phẩm chất của món hàng nhập cảng, cũng như âm mưu thầm kín của các tay nhập cảng quốc doanh ở các cơ quan nhà nước (không cùng phe với nhau) kéo dài suốt ba tuần lễ.

Phe nhập cảng cả quyết là mua phế liệu về để tái chế, đòi phải giải tỏa ngay vì mỗi ngày bị phạt tiền chuyển vận. Phe kiểm định thì nói đó không phải là thứ có thể tái chế, đòi phạt 70 triệu và buộc tái xuất.

Cuối cùng thứ trưởng Bộ KH-CN-MT là Phạm Khôi Nguyên phải được cử xuống Hải Phòng để quyết định. Ông này sau khi quan sát đã nói, qua sự tường thuật của tờ Lao Động số ra ngày 2-3-01: "Đây là rác thải!...Không phải phế liệu gì cả, đây là rác thải công nghiệp, rác thải sinh hoạt và thậm chí cả rác thải độc hại."

Báo này còn kể "Vừa nói ông vừa chỉ tay vào những "ghiđông" xe đạp, mảng mạch điện tử, bao dứa, thùng sơn đập bẹp...nằm ngổn ngang trong đống "sắt phế thải." Cuối cùng, ông này nói rằng: "Đây là vụ vi phạm nghiêm trọng Luật Bảo Vệ Môi Trường."

Người ta ngờ rằng các quan chức quốc doanh của Đảng đã ăn bẩn số đô la đáng kể khi cho nhập cảng rác công nghiệp độc hại từ Osaka, Nhật, vào Việt Nam.

Hồi tháng 11 năm ngoái, theo hãng thông tấn Reuters, báo chí trong nước cho hay tổng sản lượng sắt thép sản xuất nội địa vượt quá nhu cầu tiêu thụ. Số sắt thép ế tồn đọng vào lúc này khoảng 200,000 tấn nên nhà máy gang thép Thái Nguyên cũng như các nhà máy khác trong nước đã phải giảm mức sản xuất xuống còn chừng 50% đến 60%.

Vậy thì công ty quốc doanh đâu có nhu cầu phải nhập cảng "sắt phế liệu" về để tái chế biến. Người Nhật không muốn giữ rác độc hại tại nước họ nên hối lộ các quan chức của đảng CSVN để tống khứ chúng sang Việt Nam. Các quan chức CSVN vừa vồ được tiền Đô của Nhật vừa có thể dấu đút các khoản tiền ăn bẩn trong nước (trả tiền mua "sắt phế liệu") tại các trương mục ngoại quốc.

Dù sao, màn đấu đá giữa các quan chức cao cấp của chế độ qua việc nhập cảng "sắt phế liệu" vẫn chưa ngã ngũ hoàn toàn.

Nông dân miền Nam chưa chịu bán gạo vì giá nhà nước thu mua quá thấp

Sau khi nhà nước CSVN loan báo quyết định mua khoảng 1 triệu tấn gạo để dự trữ từ khu vực đồng bằng Cửu Long và sẽ bắt đầu thi hành từ ngày 10 tháng Ba tới đây, giá hàng hóa trong khu vực này vẫn chưa thấy có thay đổi gì đáng kể.

Theo nguồn tin từ vùng đồng bằng Cửu Long thì giá lúa tại chân ruộng vẫn ở mức 1,200 đồng một kí, trong một số vùng sâu như Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, giá lúa còn thấp hơn nữa và chỉ vào khoảng 1,000 đến 1,100 đồng một ký; tại khu vực dọc theo quốc lộ giá lúa hiện vào khoảng 1,250 đến 1,350 đồng một kí.

Theo các nhà buôn lúa gạo thì số lượng lúa bán ra từ nông dân không tăng do giá hiện nay đang xuống quá thấp và nông dân cũng có ý chờ xem việc thi hành thu mua lúa của nhà nước sẽ như thế nào.

Theo cơ quan nông nghiệp địa phương thì lượng lúa thu hoạch từ vụ mùa hè-thu vừa qua vẫn còn tồn đọng với số lượng lớn trong dân với vụ mùa đông-xuân sắp đến lúc thu hoạch và hứa hẹn sẽ trúng mùa.

Trong khi đó, bộ trưởng thương mại CSVN, ông Vũ Khoan, báo động rằng nhu cầu nhập cảng lúa gạo của một số nước trên thế giới năm nay không tăng nhiều do đó giá lúa có thể còn xuống thấp hơn nữa.●

KINH TẾ MỸ LO SUY THOÁI?

VƯƠNG HỮU BỘT

Cho tới tuần lễ thứ ba trong tháng Ba năm 2001 thị trường chứng khoán Mỹ tụt giảm nhiều lần, chính phủ Bush và Quốc hội còn tranh luận về dự án giảm thuế, và mối lo ngại về nền kinh tế suy thoái tăng lên. Tuy các tin tức cho thấy kinh tế Mỹ có thể giảm tốc độ tăng trưởng nhưng chưa chắc đã suy thoái, nhưng thị trường chứng khoán thì chưa thấy hy vọng lên cao. Trong bài nay chúng tôi xin trình bầy các khía cạnh của tình hình kinh tế Mỹ mấy tháng qua. Trước hết là chuyện cắt thuế.

Tranh luận về cắt thuế

Bộ trưởng Tài chánh Paul O'Neil khi ra trước Quốc hội điều trần để được phong nhậm đã đồng ý với các đại biểu đảng Dân Chủ rằng chương trình cắt giảm 1.6 ngàn tỷ đô la thuế của Tổng thống Bush không có tác dụng kích thích tức thời nền kinh tế Mỹ, nhưng sau đó ông Bush vẫn đi khắp cổ động với chiêu bài đó.

Trong lúc đó tại Quốc hội các đại biểu cả hai đảng đang đưa các đề nghị thêm, bớt, sửa đổi dự án cắt thuế của Hành pháp. Lâu nay đảng Dân Chủ vẫn chỉ trích chương trình của Tổng thống Bush bớt nhiều thuế cho người giầu còn người nghèo được ít. Những người lợi tức cao nhất nước được giảm suất thuế từ 39% hoặc 36% xuống 33% sẽ được bớt mỗi năm trung bình 40 đến 50 ngàn, trong khi những người lợi tức từ 15 ngàn trở xuống chỉ được giảm hơn 40 đô la. Ông Bush đề nghị bãi bỏ dần dần thuế di sản mà số người được hưởng ân huệ đó là những triệu phú. Đề nghị này chắc sẽ bị hoãn lại không đưa ra nữa. Chương trình cắt thuế 1.6 ngàn tỷ Mỹ kim trong 10 năm của Tổng thống Bush lại cắt ít trong những năm đầu (khoảng 10 tỷ trong năm 2001) và dần dần cắt thêm trong những năm cuối, và như vậy không có tác dụng kích thích kinh tế ngay.

Để phản công, Đảng Dân Chủ đề nghị giảm suất thuế cho những người lợi tức thấp, từ 12 đến 15 ngàn một năm, đang phải đóng 15% thì bớt xuống 10%. Ngoài ra họ muốn chính phủ Mỹ trả lại thuế cho dân ngay, mỗi người đóng thuế nhận được 300 đô la, ai cũng như nhau, dân nhận được tiền hy vọng sẽ đem chi tiêu ngay. Tổng số tiền trả lại cho dân sẽ lên đến 60 tỷ trong năm nay, tăng số tiêu thụ để kích thích nền kinh tế trong ngắn hạn. Chương trình của Tổng thống Bush phải chờ tháng Bẩy mới hy vọng thành luật, và khi thi hành cũng mất mấy tháng, tiền đến túi người dân thì có khi kinh tế đã phục hồi, không cần ai kích thích. Đảng Dân Chủ nhấn mạnh đến khả năng kích thích kinh tế ngắn hạn, mà đó lại chính là điều mà Tổng thống Bush vẫn dùng để cổ động cho kế hoạch cắt thuế của ông.

Trong bốn tháng qua, Phó Tổng thống Cheney rồi ông Bush đều lớn tiếng tỏ ý lo ngại kinh tế suy thoái, với chủ đích cổ động cho chương trình cắt thuế. Nhưng các lời báo động đó đã bị nhiều người chỉ trích là gây tác dụng xấu cho cả đời sống kinh tế. Tuần báo độc lập nhưng nghiêng về phía bảo thủ là tờ the *Economist* nhắc lại tháng Mười Hai vừa qua Phó Tổng thống Cheney đã báo động nền kinh tế Mỹ "trên bờ suy thoái." Tổng thống Bush tiếp tục nói theo, nói rằng nền kinh tế đang sa sút. Mục tiêu của đảng Cộng Hòa là làm cho tin tức kinh tế xấu có vẻ xấu hơn, có thể đổ lỗi cho chính quyền Clinton để rồi mai mốt kinh

tế khôi phục thì chính quyền Bush sẽ được ghi công trạng. Ngược lại, phía đảng Dân Chủ thì Nghị sĩ Tom Daschle cũng chơi trò chính trị, đổ lỗi cho chính phủ Bush đã "nói gở làm cho kinh tế xuống (talk down)" vì làm dân chúng mất tin tưởng và thị trường chứng khoán xuống.

Nói chung thì các chính trị gia cả hai đảng tìm cách đổ lỗi cho nhau về cái tội làm cho kinh tế xuống, cả hai bên đều thiên lệch nhưng đều nói đúng một phần sự thật. Kinh tế Mỹ bắt đầu giảm tốc độ từ nửa sau năm 2000, thị trường chứng khoán xuống từ quý thứ nhì năm 2000, chứ không đợi các ông Bush và Cheney "nói gở" mới xuống. Nhưng cho tới nay kinh tế Mỹ giảm tốc độ phát triển nhưng chưa chắc sẽ suy thoái như ông Cheney báo động, theo định nghĩa suy thoái là Tổng sản lượng nội địa (GDP) giảm đi hai quý liền. Nhưng khi các ông Tổng thống và Phó Tổng thống đều báo động suy thoái thì ảnh hưởng có tai hại thật. Trong thời đại cách mạng tin học, tin tức chạy đi nhanh và các phản ứng cũng nhanh, thì "niềm tin tưởng" là một yếu tố rất quan trọng. Trong tháng Hai các tin tức về kinh tế không đến nỗi tệ: GDP vẫn tăng 1% một năm, trong quý đầu số hàng bán lẻ vẫn tăng, dù có nhiều xí nghiệp sa thải nhân viên tỷ lệ thất nghiệp vẫn thấp gần mức kỷ lục trong 30 năm, mỗi tuần vẫn có 35 ngàn việc làm mới, và lợi tức của dân cũng còn tăng.

Nhưng khi các nhà lãnh đạo "nói gở" thì có ảnh hưởng xấu thật. Tháng Giêng sau khi hai ông Bush và Cheney nói kinh tế xấu, chỉ số đo niềm tin của người tiêu thụ, đo hàng tháng, xuống mạnh nhất kể từ năm 1990 - mặc dù trong thực tế tháng đó số hàng bán lẻ vẫn lên. Chỉ số đó tiếp tục xuống, cho đến cuối tháng Ba bất ngờ lên trở lại.

Bị chỉ trích nói gở, ông Bush đã đổi giọng. Tất nhiên ông không nói kinh tế bây giờ tốt lắm, chỉ nhấn mạnh đến khả năng trường kỳ của kinh tế Mỹ. Bộ trưởng O'Neil trước đây đã tiên đoán năm nay GDP Mỹ có thể giảm 0.5% hay tăng 0.5%, nay ông đoán nó sẽ tăng chứ không giảm, từ 0.25% đến 0.75%.

Tổng thống Bush sẽ còn vất vả thu xếp chuyện nội bộ trong ê kíp kinh tế tài chánh của ông. Giữa ông O'Neil và Cố vấn kinh tế phủ Tổng thống Lawrence Lindsey thường bất đồng ý kiến, giữa ông Lindsey và ông Bob Zoelick, đại diện thương mại Mỹ cũng bất đồng ý kiến công khai khi nói về kinh tế Nhật Bản. Trong đảng Cộng Hòa nhiều người đã chỉ trích ông O'Neil không theo đấu pháp đồng đội!

Chu kỳ kinh tế đã thay đổi

Năm 1994 khi kinh tế Mỹ giảm tốc độ tăng trưởng, ông Greenspan, chủ tịch Quỹ Dự trữ Liên bang tức Ngân hàng Trung ương Mỹ cắt giảm lãi suất giúp thị trường phục hồi nhanh chóng. Năm 1998 sau khi kinh tế khủng hoảng ở Á Đông kéo theo Nga và một vài xứ châu Mỹ La tinh, ông Greenspan lại cắt lãi suất và giúp cả thế giới không bị lôi kéo khủng hoảng theo. Liều thuốc cắt lãi suất nhiều lần đã công hiệu đúng như trong sách vở kinh tế học. Từ tháng Giêng đến tháng Ba năm nay Quỹ Dự trữ Liên bang giảm lãi suất ba lần, tổng cộng 1.5 phần trăm, từ 20 năm nay chưa bao giờ lãi suất bị cắt nhiều và nhanh như vậy. Hai lần đầu lãi suất giảm, giá cổ phần trên thị trường chứng khoán tăng lên ngay, rồi sau đó lại xuống, và sau lần cắt thứ ba thị trường xuống thêm nữa. Việc cắt giảm lãi suất bây giờ không có công hiệu như ngày xưa nữa, vì bản chất của chu kỳ kinh tế Mỹ đã thay đổi.

Thông thường một chu kỳ kinh tế bắt đầu với giai đoạn bành trướng, khi các xí nghiệp gia tăng sản xuất, đầu tư và người dân tiêu thụ nhiều hơn. Một hậu quả của thời kỳ bành trướng là giá cả tăng lên và lạm phát đe dọa. Lạm phát được coi là dấu hiệu báo động đưa tới các phản ứng của Ngân hàng Trung ương để ngăn ngừa không cho cơn suy thoái kéo dài và trầm trọng quá. Khi thấy dấu hiệu tỷ lệ thất nghiệp giảm, lương bổng và giá cả tăng lên, Ngân hàng Trung ương sẽ tăng lãi suất khiến cho tiền bạc trở thành đắt giá, khan hiếm hơn, hãm bớt đà chi tiêu. Khi mọi người, xí nghiệp cũng như người tiêu thụ thắt hầu bao lại, các công ty thấy hàng tồn kho ứ đọng bèn cắt giảm nhân viên và bớt đầu tư, mức sản xuất bắt đầu xuống. Kinh tế đi vào giai đoạn giảm tốc độ, hoặc suy thoái.

Cơn suy thoái năm 1980 ở Mỹ kéo dài sáu tháng đã chấm dứt khi Quỹ Dự trữ Liên bang cắt lãi suất và Tổng thống Carter bỏ lệnh hạn chế việc dùng thẻ tín dụng - quá trễ khiến ông Carter thất cửa. Hai lần suy thoái lâu nhất gần đây, lần đầu vào cuối cuộc chiến Việt Nam, 1973-75, lâu đến 16 tháng, sau đó là năm năm tăng trưởng cao, chỉ giảm tốc trong những

năm 1984-86; cơn suy thoái 1981-82 cũng dài 16 tháng nhưng tiếp theo là giai đoạn tăng trưởng tám năm liền. Lần sau cùng năm 1990-91 chỉ suy thoái trong tám tháng rồi, khi ông Greenspan cắt lãi suất, tăng trưởng suốt 10 năm bây giờ mới ngưng, tốc độ phát triển chỉ giảm đi trong 13 tháng, năm 1994-96, nhưng nhờ ông Greenspan lèo lài nên không rơi vào suy thoái. Và hiện nay thời kỳ giảm tốc mới đã bắt đầu từ giữa năm 2000.

Khi thấy dấu hiệu suy thoái, các Ngân hàng Trung ương thường cắt giảm lãi suất để khuyến khích người ta chi tiêu trở lại, thúc đẩy các xí nghiệp tăng sản xuất và đầu tư thêm. Các chính phủ góp phần bằng việc cắt thuế hoặc các chương trình chi tiêu lớn để nâng cao lợi tức nhiều người dân, đẩy mức tiêu thụ. Nhờ thế kinh tế bắt đầu một giai đoạn bành trướng mới. Thị trường chứng khoán thường nhìn xa hơn lên trước khi cả nền kinh tế lên.

Nhưng ngày nay kinh tế Mỹ đã thay đổi, khiến biện pháp giảm lãi suất không có hiệu quả như cũ. Kinh tế Mỹ đã thay đổi như thế nào? Thứ nhất là trong giai đoạn bành trướng lâu đến 10 năm vừa qua, ngay cả khi tỷ lệ thất nghiệp xuống rất thấp cũng không thấy nạn lạm phát đe dọa như xưa nay vẫn xảy ra. Coi như một thứ đèn báo động không chớp lên! Lý do đèn không chớp là vì công nghiệp tin học giúp cho sản năng lao động cao hơn, và vì năng suất cao hơn nên ngay khi lương bổng nhân viên tăng các xí nghiệp cũng không cần tăng giá bán, do đó không ai lo lạm phát.

Trong khi đó, có những dấu hiệu báo động khác trong nền kinh tế bị bỏ qua. Một dấu hiệu là các xí nghiệp đầu tư nhiều hơn, vay nợ nhiều hơn vì quá tin tưởng lạc quan vào tương lai. Đầu tư nhiều thì sẽ có lúc phải ngưng lại. Trong mười năm qua số đầu tư của các xí nghiệp ở Mỹ đã tăng từ tỷ lệ 9% của GDP lên đến 15% GDP. Trong khi đó các người tiêu thụ cũng chi tiêu nhiều hơn và tiết kiệm ít đi.

Như vậy thì tại sao các biện pháp giảm lãi suất của Ngân hàng Trung ương Mỹ không có tác dụng như trước nữa? Lãi suất giảm tác dụng đến sinh hoạt kinh tế qua ba ngả đường. Thứ nhất là khi vay nợ dễ hơn, trả lãi thấp hơn thì người tiêu thụ và các xí nghiệp sẽ chi tiêu, đầu tư thêm. Thứ hai, giúp thị trường chứng khoán lên. Thứ ba, đồng đô la sẽ hạ giá giúp việc xuất cảng dễ dàng hơn. Hiện nay chỉ có tác dụng thứ nhất có công hiệu một nửa, một nửa vì cả người tiêu thụ và các xí nghiệp hiện đã mang nợ rất nhiều.

Các xí nghiệp sẽ bớt đầu tư vào kỹ thuật tin học. Trong thập niên vừa qua các xí nghiệp tăng số đầu tư vào máy vi tính và nhu liệu, mỗi năm tăng đến 20% vì nếu không sẽ bị cạnh tranh đào thải. Nhờ thế số bán của các công ty ngành này tăng mỗi năm 30%, trong thời gian từ Tháng Tư năm 1999 đến tháng Sáu năm 2000 tăng những 90%. Đó cũng là khoảng thời gian mà Quỹ Dự trữ Liên bang đã tăng lãi suất sáu lần, tổng cộng 1.75%, để hãm bớt đà chi tiêu của nước Mỹ. Nhưng sau khi đầu tư nhiều suốt mười năm, đến lúc các xí nghiệp cũng phải ngưng bớt để "tiêu hóa" các khả năng sản xuất mới, và trong mấy năm tới mức gia tăng sẽ chỉ ở mức 8% đến 10% mà thôi.

Khi các xí nghiệp đầu tư quá nhiều và vay nợ quá nhiều rồi thì dù lãi suất có giảm đi các công ty cũng lo trả nợ trước khi đi vay để đầu tư thêm. Trong ba tháng vừa qua, lúc thấy hàng tồn kho ứ đọng, các công ty lo cắt sản xuất và giảm nhân viên khiến hoạt động kinh tế giảm bớt. Hiện nay lãi suất đã giảm nhưng *các xí nghiệp còn chưa muốn vay nợ để đầu tư thêm, mà lại lo trả nợ và giữ số tiền mặt còn lại để đề phòng lúc khó khăn nếu kinh tế suy thoái.*

Nghèo hơn,nợ nhiều hơn

Hai phần ba sản lượng kinh tế Mỹ là do người tiêu thụ bỏ tiền ra mua, phần còn lại là do chính phủ chi tiêu và các xí nghiệp đầu tư. Khi người dân bớt tiêu thụ thì các công ty cũng ngần ngại không muốn đầu tư.

Người tiêu thụ ở Mỹ trong mấy năm qua cũng vay nợ ngày càng nhiều, và đến nay khi tỷ lệ tiết kiệm xuống số âm thì dù lãi suất giảm thấp người ta cũng không vay nợ để chi tiêu thêm. Ngược lại, tỷ lệ tiết kiệm trong năm nay có khuynh hướng sẽ tăng lên để bù lại thời gian ăn tiêu quá trớn trước đó. Nghĩa là *số tiêu thụ khó tăng thêm như Ngân hàng Trung ương mong muốn khi hạ thấp lãi suất.* Tỷ lệ tiết kiệm tăng thêm vào lúc kinh tế giảm xuống đã xảy ra ở Nhật vào đầu thập niên 1990. Năm 1986 dân Nhật Bản tiết kiệm 5% lợi tức, thời kỳ kinh tế hưng thịnh kéo dài, đến năm 1990 tỷ lệ đó xuống chỉ còn 2%. Năm 1990 cũng bắt đầu một thời kỳ trì trệ của kinh tế Nhật, kéo dài cho đến nay, và trong thời gian đó người

dân Nhật Bản lại lo tiết kiệm nhiều hơn chứ không chịu tiêu thụ, mặc dù lãi suất có lúc xuống đến số không!

Mà dân Mỹ đã bắt đầu nghèo đi từ năm ngoái. Quỹ Dự trữ Liên bang mới công bố con số về "tài sản thuần" của dân Mỹ vào cuối năm 2000. Tài sản thuần (net worth) của tất cả dân Mỹ, gồm nhà cửa, xe cộ, giá trị các cổ phần, chứng khoán, vòng ngọc, kim cương v.v. cộng lại rồi trừ đi tổng số tiền nợ, vào cuối năm 1999 dân Mỹ có 42.3 ngàn tỷ đô la, đến cuối năm 2000 tụt xuống chỉ còn 41.4 ngàn tỷ. Nghèo đi những 900 tỷ Mỹ kim lận!

Nhưng không phải tất cả các loại tài sản đều giảm. Trị giá bất động sản, tức là nhà, đất của dân Mỹ thì trong năm ngoái đã tăng, từ 10 ngàn tỷ lên 11 ngàn tỷ Mỹ kim. Vậy, chúng ta có thể đoán ra ngay, năm rồi tài sản dân Mỹ nghèo đi phần lớn là vì giá cổ phần xuống. Tính chung các người mua trực tiếp các cổ phần đang làm chủ 8.75 ngàn tỷ đô la vào ngày đầu năm 2000, đến ngày cuối năm chỉ còn 6.6 ngàn tỷ thôi. Số tiền đầu tư vào cổ phần qua các quỹ, mutual funds cũng giảm từ 3.1 xuống 3 ngàn tỷ Mỹ kim.

Dân Mỹ nghèo đi, nhưng lại nợ nhiều hơn. Tổng số nợ của các gia đình tăng từ 7 ngàn lên 7.6 ngàn tỷ Mỹ kim trong năm 2000, đa số tăng lên là tiền vay để mua nhà, mortgage. Tỷ lệ tiết kiệm trong lãnh vực tư ở Mỹ đầu thập niên 1990 là +5% của GDP đã giảm xuống số không, rồi xuống tới số âm, 6% vào cuối thập niên, nghĩa là tiêu 106 đồng mà lợi tức khả dụng chỉ có 100 đồng, chỉ có cách vay nợ.

Đó là lý do số nợ tăng lên. Bây giờ dân Mỹ sẽ lo để dành tiền, tỷ lệ tiết kiệm sẽ tăng lên, do đó số tiêu thụ không hy vọng cao hơn. Khi dân chưa chịu tiêu tiền thì các biện pháp của chính phủ và Ngân hàng Trung ương để thúc đẩy kinh tế còn lâu mới có công hiệu. Chính phủ Bush và Quốc hội Mỹ sẽ hăng hái bàn chuyện cắt giảm thuế, nhưng chờ đến khi dân yên chí thấy sắp có tiền tiêu thì cũng mất ba đến sáu tháng! Nếu đa số những người được giảm thuế lại là những người giàu nhất nước, họ cũng không giúp gì cho mức tiêu thụ. Một người nghèo mà thấy được bớt thuế 500 đô la là tính đem tiêu liền, chứ các triệu phú thấy mình giữ được thêm 50 ngàn đô la khỏi trả thuế, chắc họ cũng không tiêu pha gì vội.

Và ảnh hưởng của thị trường chứng khoán còn mạnh hơn nữa. Giá chứng khoán xuống làm cho người ta bớt tiêu pha. Hiện nay hơn 50% dân Mỹ đầu tư vào cổ phần, trực tiếp hay gián tiếp qua các quỹ đầu tư, hưu bổng. Công ty Merrill Lynch dự đoán rằng ảnh hưởng của tình trạng này sẽ làm số tiêu thụ của dân Mỹ bớt đi 100 tỷ trong năm nay, tức là giảm bớt 1% của Tổng sản lượng nội địa. Do đó, nhiều người ước tính năm nay GDP của Mỹ sẽ chỉ tăng 1% đến 2% trong sáu tháng đầu, và lên 3% trong nửa năm sau.

Một tuần thị trường mất 900 tỷ

Ngày 5 tháng Mười Hai năm 1996, mới cách đây hơn bốn năm, Chỉ số Dow Jones mới ở mức 6437. Trong hai tháng qua, chỉ số này tụt giốc từ 11,723 xuống mất 17% nhưng vẫn còn ở mức 9720, tức là vẫn cao gấp rưỡi so với hơn bốn năm trước. Ngày 5 tháng 12 năm 1996 là lúc ông Greenspan, chủ tịch Quỹ Dự trữ Liên bang cảnh cáo cả thị trường rằng giá các cổ phần đang lên cao một cách "hăng say phi lý." Sau lời cảnh cáo đó, Chỉ số Dow Jones vẫn tiếp tục hăng hái bay lên, tăng 20% mỗi năm trong hai năm 1998, 1999, sang năm 2000 mới bắt đầu xuống.

Giữa tháng ba chỉ số Nasdaq đã xuống dưới 1,891 mà tháng Ba năm ngoái nó đạt mức cao kỷ lục, hơn 5048. Trong một tuần giữa tháng Ba người Mỹ mất 900 tỷ Mỹ kim, gần bằng tổng số thuế lợi tức họ được hứa cắt giảm trong mười năm tới theo chương trình của Tổng thống Bush. Nếu kể từ ngày 24 tháng Ba năm 2000, lúc thị trường Nasdaq lên cao nhất, đến tháng Ba năm 2001, thì cổ đông của 5000 công ty mà chỉ số Wilshire theo dõi đã bị cháy túi mất 4.8 ngàn tỷ Mỹ kim, gần bằng một nửa Tổng sản lượng nội địa (GDP) của Mỹ trong một năm. Cứ tưởng tượng làm ra được mười ngàn mà trong một năm thua bạc mất hơn 4 ngàn! Các nhà đầu tư thường đổ lỗi cho ông Greenspan năm ngoái tăng lãi suất sáu lần, tổng cộng 1.75% làm cho thị trường chứng khoán bây giờ xuống. Mà trách nhiệm của ông Greenspan không phải là bảo vệ giá các cổ phần để các nhà đầu tư yên tâm làm giầu thêm. Quỹ Dự trữ Liên bang có nhiệm vụ bảo vệ giá trị của đồng đô la cho ổn định,

Trong thị trường số người bi quan đông hơn số lạc quan, và họ dựa vào kinh nghiệm quá khứ. Một thước đo hay được dùng để tính coi giá cổ phần đang cao hay thấp là chỉ số Giá cổ phần so với Lợi nhuận của công ty nếu đem

chia cho mỗi cổ phần, trong nghề gọi là Tỷ số Price/Earning hay PE ratio. Nếu lợi nhuận mỗi cổ phần là một đô la một năm mà giá là 10 đô la thì tỷ số PE là 10 lần, nếu giá lên 30 đô la thì tỷ số là 30. Những công ty nhiều triển vọng tăng trưởng thì dù người ta biết lợi nhuận còn thấp (hay chưa có đồng tiền lời nào) nhưng vẫn trả giá cao, khiến tỷ số PE lên rất cao. Nếu tỷ số PE của cả thị trường cao quá thì có lẽ giá các cổ phần nói chung đang cao quá, đáng lo ngại là nó sẽ còn xuống.

Các công ty mới, kỹ thuật cao trong thị trường Nasdaq thì nhiều may rủi (risky) hơn bình thường. Năm ngoái lúc Nasdaq lên cao nhất tỷ số PE lên đến 400 lần, nghĩa là mua 400 đồng với kỳ vọng mỗi năm được một đồng lời! Tháng rồi khi Nasdaq xuống dưới mức 2000 thì tỷ số PE chỉ còn 154 lần. Năm 1985, tỷ số PE của thị trường Nasdaq chỉ là 50 lần. Khi giá các cổ phần tụt nhanh như giữa tháng Ba, chắc quý vị đoán tỷ số PE phải giảm. Tuy nhiên giá xuống mà ước tính lợi nhuận năm tới còn xuống lẹ hơn. Sau khi nhiều công lớn thông báo lợi nhuận sẽ giảm, Tỷ số PE của thị trường Nasdaq có lúc chỉ có 121 lần thôi.

Nasdaq là thị trường đặc biệt vì chuyên về các công ty mới và kỹ thuật cao, chỉ số thị trường tiêu biểu hơn là S&P 500 theo dõi 500 công ty lớn nhất. Tỷ số PE của SP 500 trong tháng ba khoảng 24 lần. Lúc lên cao nhất tỷ số này đã lên tới 35. Cuối năm 1987 sau vụ sụp đổ giá thị trường chứng khoán tỷ số PE của SP 500 là 12, năm 1974 sau hai năm tụt giá PE của SP chỉ là 7 lần mà thôi.

Những người bi quan nhìn vào tỷ số PE của SP 500 đều lo ngại rằng thị trường chứng khoán có thể còn xuống nữa, vì PE vẫn cao tức là giá còn cao hơn bình thường. Một lý do khiến giá cả còn xuống là mối lo lợi nhuận còn giảm và khả năng tăng trưởng của các công ty không lên nếu nền kinh tế Mỹ bước vào một thời kỳ suy thoái. Một yếu tố khác khiến giá cổ phần có thể giảm chính là tâm lý người ta sợ tương lai.

Khi ra trước Quốc hội Mỹ gần đây ông Greenspan có nói rằng điều quan trọng nhất cho kinh tế nước Mỹ là niềm tin của người tiêu thụ. Chỉ số về niềm tin tưởng của người tiêu thụ ở Mỹ đã giảm đi suốt ba tháng liền nhưng đến tháng Ba chỉ số đã tăng lên.

Khi nói trong năm qua dân Mỹ mất gần 5 ngàn tỷ bạc vì cổ phần xuống giá thì không phải ai cũng mất như nhau. Có nhiều người không mất. Năm ngoái cũng tháng này, các nhà đầu tư nổi tiếng như ông George Soros và Warren Buffett tuyên bố họ không hiểu nổi thị trường và rút bớt tiền ra khỏi các cổ phần, nhất là các công ty kỹ thuật cao. Quỹ đầu tư Berkshire của ông Buffett từ đó đem để tiền vào các chứng khoán an toàn và cổ phần các công ty cũ kỹ. Năm nay ông Buffett, 70 tuổi, đã viết thư báo cáo với các cổ đông của Quỹ đầu tư Berkshire rằng, "Chúng ta bước vào thế kỷ 21 với cổ phần trong các công nghiệp tiên tiến như làm gạch, làm thảm, chế sơn và các chất cách nhiệt để làm nhà." Chúng ta biết trong năm qua và cho tới tháng Ba năm nay kỹ nghệ xây cất ở Mỹ vẫn phát triển!

Đô la không chịu xuống

Đầu năm nay ông Bộ trưởng Ngân khố mới O'Neil chỉ nói một câu hớ hênh làm giá đô la xuống. Ông nói với một tờ báo ở Đức rằng rằng chính phủ Mỹ không thể làm cho đồng đô la mạnh, đồng tiền cao hay thấp là do nền kinh tế mạnh hay yếu. Đó là một sự thật, một chính sách đứng đắn, tất cả các người tin vào kinh tế thị trường đều nghĩ như vậy. Nhưng khi ông Bộ trưởng Tài chánh Mỹ nói một câu thì cả thế giới nghe. Họ đoán rằng chính phủ mới của Tổng thống Bush thay đổi chính sách của chính phủ Clinton sắp thả cho đồng đô la xuống. Và họ bảo nhau bán đô la, làm đô la xuống thật, sau nghe cải chính mới ngưng!

Thông thường, khi Quỹ Dự trữ Liên bang Mỹ giảm lãi suất thì giá đồng đô la thường giảm vì người đầu tư thấy lợi ít hơn sẽ rút bớt tiền ra khỏi nước Mỹ. Nhưng trong tháng Ba điều đó không xảy ra. Giá đô la vẫn lên cao, cao nhất kể từ 20 tháng so với đồng Yen và cao nhất kể từ cuối năm ngoái so với đồng euro. Cuối năm 1999 chỉ cần hơn 100 Yen đổi được một đô la, nay phải dùng 122 Yen. Đầu năm 1999 một euro đổi được hơn một đô la nay chỉ còn 91 cents.

Giá đô la Mỹ lên cho thấy các nhà đầu tư quốc tế thấy tuy kinh tế Mỹ đang trì trệ nhưng vẫn còn khá, so với nhiều nước khác. Năm ngoái Tổng sản lượng Thế giới tăng 4% một năm, năm nay đang ước tính chỉ tăng 2.1% mà thôi. Riêng Nhật Bản thì mức tăng chỉ hơn số zero chút đỉnh, mà còn sợ xuống số âm nữa nếu giới lãnh đạo Nhật vẫn không chịu tỉnh dậy thay đổi kinh tế nhanh hơn.

Đứng trên quan điểm những nhà xuất cảng thì mỗi lần đô la lên giá là một lần lo lắng! Hội các nhà chế tạo ở Mỹ đã tính rằng một cái máy cào đất, ủi đất giá 50,000 đô la năm ngoái bán sang Âu châu tính ra 46,000 euro, năm nay vì đô la lên 20% so với euro sẽ phải bán với giá 55,000 euro. Một cái bánh xe hơi radial làm ở Mỹ giá 43 đô la năm ngoái bán sang Nhật tính 4,500 yen là vừa, năm nay tiền Nhật xuống giá nên phải bán với giá 5,250 yen mới đủ.

Những đại công ty làm ăn khắp thế giới không lo lắng khi đô la lên giá vì họ lớn. Họ có cơ xưởng khắp nơi, đô la lên giá thì chi phí về vật liệu, nhân công ở các nước khác càng rẻ, họ mua rẻ nên có thể bán rẻ. Còn những công ty trung bình và nhỏ ở Mỹ, cơ sở sản xuất đều nằm trong nước Mỹ, khi đô la lên giá thì chi phí sản xuất ở trong nước không giảm mà giá bán ở nước ngoài thì không thể tăng, những xí nghiệp đó mới kẹt lớn. Một công ty sản xuất ở Mỹ, Gaylord Container vẫn bán cho một khách hàng ở Đức 10 ngàn đến 15 ngàn tấn một năm, năm nay khách hàng xin ngưng để mua của một nhà sản xuất khác ở Canada vì giá tăng 75 đô la một tấn!

Nhưng các công ty không xuất cảng cũng lo. Một xí nghiệp ở Ohio, Automatic Feed chuyên cung cấp cho ba hãng xe hơi ở Detroit, hai năm trước mới đầu từ thêm 10 triệu đô la vào máy móc dụng cụ mới, năm 1999 còn bán được 51 triệu bạc hàng, năm ngoái tụt xuống 28 triệu vì không thể cạnh tranh hiến giá thấp bằng mấy công ty ở Đức. Cũng vì tiền Mỹ lên cao so với euro! Ngay cả những công ty liên quốc khi phải đổi tiền lời ở nước ngoài sang đô la khi thâu hồi về Mỹ, cũng bị thiệt vì đô la lên giá. Công ty Goodyear báo cáo trong năm 2000 số thu từ Âu châu về bị giảm vì giá trị đồng euro xuống, riêng khoản đó làm công ty thiệt mất 300 triệu Mỹ kim!

Cán cân thương mại Mỹ bị khiếm hụt liên tục, năm 1990 thâm thủng 80 tỷ, năm 1999 thâm thủng hơn 260 tỷ, năm ngoái lên tới hơn 360 tỷ. Với giá đô la còn cao như hiện nay thì còn khiếm hụt.

Trong khi đó chắc chắn nước Nhật sẽ phải giữ giá đồng Yen thấp vì họ trông cậy vào xuất cảng để phục hồi.

Một bài học của tình hình kinh tế Mỹ ba tháng nay là bài học về Toàn cầu hóa. Kinh tế thế giới và kinh tế Mỹ gắn bó với nhau, Mỹ xuống thì thế giới xuống, nhưng nếu thế giới không lên thì Mỹ cũng khó lên nổi!

Những dấu hiệu lạc quan

Nhìn vào các dấu hiệu thì thấy thị trường chứng khoán còn lâu mới lên lại: kinh tế thế giới yếu, đầu tư của các xí nghiệp không tăng, và người tiêu thụ sẽ bớt ăn tiêu. Chúng ta nên nhớ là sau khi thị trường giảm xuống 50% thì muốn trở lại mức cũ nó phải tăng lên 100% mới đủ.

Nhưng sau khi nhìn kỹ các triệu chứng xấu ở thị trường chứng khoán, chúng ta cũng phải kể đến các dấu hiệu đáng mừng cho cả nền kinh tế. Cuối tháng Ba chỉ số tin tưởng củ người tiêu thụ đã tăng lên. Hai lĩnh vực người Mỹ vẫn chi tiền, mà nay lãi suất xuống họ có thể chi nhiều hơn: Trong năm qua thị trường địa ốc vẫn tốt, số nhà mới xây trong tháng Giêng và Hai vừa rồi hứa hẹn gia tăng 1.3 triệu ngôi nhà trong một năm. So với hơn mười năm trước, khi kinh tế sắp suy thoái năm 1990 số nhà bán giảm đi 26%, số nhà mới xây giảm 14%. Số xe bán ở Mỹ cũng tăng trong hai tháng qua, theo đà này một năm sẽ bán 17.4 triệu chiếc chứ không phải 16 triệu như ước tính trước đây. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn thấp ở mức 4.2%, nếu người tiêu thụ không lo lắng mất việc họ sẽ còn chi tiêu. Lương bổng của công nhân vẫn tăng, nhất là trong ngành dịch vụ. Nếu đà này tiếp tục thì kinh tế dù có chạy chậm lại cũng không đến nỗi suy thoái.

Chờ đến Tháng Năm chắc lãi suất ở Mỹ giảm lần nữa. Nên nhớ lại trong lần kinh tế suy thoái trước lãi suất căn bản ở Mỹ đã xuống tới mức 3%, hiện nay nó ở mức 5% thì còn nhiều dịp để cho xuống nữa.

Nhiều người sẽ hỏi: Vậy chính phủ Bush sẽ làm gì để kích thích kinh tế? Hay là tất cả để do Quỹ Dự trữ Liên bang lo lắng? Khi có người hỏi chính phủ sẽ làm gì, ông Lindsey, cố vấn kinh tế Tòa Bạch ốc cười: "May quá, chúng tôi không phải là điện Kremlin! Có những giới hạn về vai trò của chính phủ, mà chính phủ thì lại phải làm việc với Quốc hội." Nhưng đúng như ông Greenspan và ông Bush nói, sức mạnh của nền kinh tế Mỹ trong trường kỳ vẫn không thay đổi, đặc biệt là sản năng lao động vẫn cao, hậu quả của cuộc cách mạng gọi là "kinh tế tri thức."●

THƯƠNG ƯỚC VIỆT-MỸ SẼ ẢNH HƯỞNG TỚI CƠ CHẾ KINH TẾ VÀ CHÍNH TRỊ CỦA VIỆT NAM NHƯ THẾ NÀO?

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Hoa-Kỳ quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận đối với Việt-Nam vào năm 1994 và tái lập bang giao với Việt-Nam vào năm 1995. Liền sau đó, vào tháng 5, 1996, Hoa-Kỳ đã trao bản dự thảo thương ước đầu tiên cho Việt-Nam. Hai bên hai đã thỏa thuận thương ước trên nguyên tắc vào tháng 7, 1999. Đến tháng 9, 1999 vào phút chót, Việt-Nam từ chối không ký chính thức vào bản thương ước như đã dự trù trước khi Tổng Thống Clinton và Thủ Tướng Phan Văn Khải cùng tham dự Hội Nghị Thượng Đỉnh APEC tại New Zealand. Sau cùng đến ngày 13.7.2000, Thương Ước Việt-Mỹ mới được hai chính phủ ký kết tại Hoa-Thịnh-Đốn. Để tìm hiểu ảnh hưởng của Thương Ước Việt-Mỹ đối với Việt-Nam về phương diện kinh tế và chính trị, trước hết chúng ta cần phân tách những lý do khiến Việt-Nam đã trì hoãn việc ký kết thương ước này.

Tại sao Việt-Nam sau bốn năm mới chịu ký Hiệp Ước Thương Mại với Hoa-Kỳ?

Lý Do Thứ Nhất: Tranh Chấp Nội Bộ. Trong buổi điều trần tại Hạ Viện vào tháng 6 năm vừa qua, để trả lời một cân hỏi của DB Philip M. Crane, Chủ Tịch Tiểu Ban Ngoại Thương, Đại Sứ Mỹ tại Hà-Nội Douglas "Pete" Peterson giải thích là sự phức tạp của hiệp ước thương mại đã làm cho những nhà lãnh tụ Việt-Nam khiếp sợ và đình trệ việc chuẩn y hiệp ước. Sự thực không phải như vậy. Việt-Nam đã ký vào hiệp ước Mậu Dịch Tự Do của các Nước Đông Nam Á Châu (ASEAN Free Trade Area viết tắt là AFTA) vào năm 1996. Hơn nữa Việt-Nam đã có một thời gian khá dài, trên ba năm, để nghiên cứu thương ước. Người ta tin rằng tranh chấp chính trị nội bộ đã đình hoãn việc ký thương ước của Việt-Nam. Phe bảo thủ chiếm đa số trong Bộ Chính Trị và phe quân đội với rất nhiều quyền lợi liên hệ tới các xí nghiệp quốc doanh đã chống đối hiệp ước thương mại với Hoa-Kỳ vì hai phe này chắc chắn sẽ mất rất nhiều ảnh hưởng chính trị và quyền lợi nếu hiệp ước này được thi hành. Hai nhân vật bảo thủ nhiều ảnh hưởng và chống hiệp ước mạnh nhất là các ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh. Ô. Đỗ Mười, một lãnh tụ già nua 82 tuổi đã từ giã Bộ Chính Trị để về hưu nhưng vẫn còn giữ một chân cố vấn trong Ủy Ban Trung Ương, đề cập đến hai vấn đề chủ quyền và độc lập. Ông Mười là người luôn luôn chống hiệp thương với Hoa-Kỳ. Ông Lê Đức Anh không muốn Việt-Nam ký hiệp ước trước Trung Quốc, sợ làm phật lòng đàn anh. Phe cấp tiến trẻ tuổi hơn, có trình độ học vấn cao, và đầy đủ kiến thức về những vấn đề chuyên môn, chủ trương cải tổ kinh tế nhưng là thiểu số. Đứng đầu nhóm này là Thủ Tướng Phan Văn Khải, Đệ Nhất Phó Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng, và Phó Tổng Bí Thư Trương Tấn Sang. Vì không có sự đồng thuận tuyệt đối, các nhà lãnh đạo Hà-Nội làm một quyết định quan trọng là không quyết định gì cả cho đến ngày 14.3.2000, sau khi Trung Quốc và Hoa-Kỳ đã đạt được một thỏa ước mậu dịch được trên ba tháng, Việt-Nam mới gửi cho Hoa-Kỳ một lá thư đề nghị hai bên họp để bàn thêm về hiệp ước và yêu cầu Hoa-Kỳ cứu xét lại một số điểm. Việc ký kết hiệp ước thương mại chứng tỏ phe cấp tiến thắng thế sau khi Trung Quốc đặt bút ký vào thương ước Hoa-Mỹ.

Lý Do Thứ Hai: Theo Gương Đàn Anh. Việt-Nam luôn luôn bắt chước Trung Quốc khi gặp phải những khó khăn mà những nhà lãnh đạo Việt-Nam không biết phải giải quyết ra sao. Kiệt quệ về kinh tế trong khoảng thời gian 1975-1985, Việt-Nam phải cho áp dụng chương trình "Đổi Mới" bắt đầu vào năm 1986 dựa theo mô hình của Trung Quốc và tuyên bố rằng chương trình *"Đổi Mới"* nằm trong chính sách *"kinh tế thị trường theo định hướng xã-hội*

chủ nghĩa." Cái tên này được biến chế từ một cụm từ Trung Quốc đã phát minh ra trước là *"kinh tế thị trường với đặc tính xã hội chủ nghĩa."* Một số người gọi đùa một cách vắn tắt bằng Anh ngữ chế độ "nửa tư bản nửa cộng sản" hiện nay ở Việt-Nam là *"market Leninism."* Việc xây dựng những xí nghiệp hợp doanh và cho quân đội quản trị một số xí nghiệp quốc doanh cũng theo lề lối Trung Quốc. Rồi cũng theo gương của Trung Quốc, nhà nước Việt-Nam bắt đầu buộc quân đội phải dần dần bỏ nghề buôn bán để trở về với nhiệm vụ thuần tuý quốc phòng. Vào tháng 11, 1999 Trung Quốc đạt được một thỏa hiệp thương mại với Hoa-Kỳ và chuẩn bị gia nhập WTO. Hiệp Ước Thương Mại giữa Trung Quốc và Mỹ đã được Hạ Viện Hoa-Kỳ phê chuẩn vào ngày 24/5 năm vừa qua. Một lần nữa Việt-Nam lại nối gót Trung Quốc, đồng ý ký hiệp ước thương mại với Hoa-Kỳ. Việt-Nam trước đây đã hai lần hủy bỏ cuộc viếng thăm của Tổng Trưởng Quốc Phòng Hoa-Kỳ William S. Cohen vì e ngại làm phật lòng Trung Quốc. Mãi đến tháng 3 vừa rồi cuộc viếng thăm này mới được thực hiện.

Những điều vừa kể trên chứng tỏ Việt-Nam trong khi nói muốn độc lập nhưng lại luôn luôn dựa vào Trung Quốc. GS Carlyle Thayer thuộc Trung Tâm Nghiên Cứu An Ninh Á Châu - Thái Bình Dương tại Hawaii, một người rất am hiểu về Việt-Nam, đã tiên đoán một cách rõ ràng và chính xác ngay từ khi Trung Quốc vừa ký hiệp ước thương mại với Hoa-Kỳ rằng: *"Yếu tố Trung Quốc sẽ có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến những cuộc thảo luận của các lãnh tụ Việt-Nam trong những tháng tới. Trung Quốc đã ký. Việt-Nam nên theo. Chỉ còn lại một câu hỏi là khi nào."* Một ngày sau khi Thương Ước Mỹ-Việt đã được ký, Đại Sứ Ngoại Thương của Hoa-Kỳ Charlene Barshefsky cũng đã xác nhận rằng: *"Có nhiều yếu tố [khiến Việt-Nam ký thương ước]. Trung Quốc rõ ràng là một yếu tố quan trọng."* Chỉ có một điều mà Việt-Nam đã làm trái ý Trung Quốc là quyết định gia nhập Hiệp Hội Các Nước Đông Nam Á Châu (Association of South East Asia Nations viết tắt là ASEAN) vào năm 1995, chống lại khuyến cáo của đàn anh.

Lý Do Thứ Ba: Việt-Nam và Trung Quốc là Hai Địch Thủ Kinh Tế. Về phương diện thương mại, Việt-Nam và Trung Quốc rõ ràng là địch thủ của nhau. Hai nước có cùng nhu cầu xuất cảng tương tự như nhau. Hàng hóa của hai nước sẽ phải cạnh tranh khốc liệt với nhau trên thị trường Hoa-Kỳ từ quần áo, vải vóc, giầy dép, vali hành lý, túi xách, đồ đạc trong nhà, thực phẩm, dầu thô và biến chế phẩm, kỹ nghệ phẩm. Tổng số thương vụ (nhập cảng cộng với xuất cảng) giữa Hoa-Kỳ và Trung Quốc trong năm 1999 lần lượt là 94.9 tỉ Mỹ kim so với tổng số thương vụ giữa Hoa-Kỳ và Việt-Nam chỉ có 900 triệu Mỹ kim, tương đương với chưa tới 1% của tổng số thương vụ Hoa-Mỹ. Cán cân mậu dịch thặng dư của Trung Quốc đối với Hoa-Kỳ lên đến 69 tỉ Mỹ kim so với số thặng dư nhỏ nhoi của Việt-Nam là 318 triệu Mỹ kim. Với quy chế mậu dịch bình thường với Hoa-Kỳ, hàng hóa của Trung Quốc sẽ lại rất rẻ hơn trước. Hàng Việt-Nam khó cạnh tranh nổi với hàng Trung Quốc nếu Việt-Nam không đạt được một qui chế mậu dịch tương tự. Không những Việt-Nam phải cạnh tranh với Trung Quốc về thị trường xuất cảng hàng hóa mà cả về vốn đầu tư ngoại quốc. Bà Charlene Barshefsky, Đại Diện Ngoại Thương của Hoa-Kỳ, đã lên tiếng cảnh cáo Việt-Nam rằng: *"Đặc biệt hiện nay Trung Quốc đã cam kết cải tổ kinh tế, nếu Việt-Nam không xúc tiến, quốc gia này sẽ bị bỏ rơi lại đằng sau... Không vì một lý do gì mà một nhà đầu tư muốn bỏ vốn vào Á châu lại chọn Việt-Nam thay vì Trung Quốc trong khi Việt-Nam không chịu mở rộng thị trường."*

Lý Do Thứ Tư: Kinh tế trì trệ. Trong khoảng ba năm gần đây, Kinh tế Việt-Nam đã bị trì trệ. Mức độ phát triển của Việt-Nam chỉ đạt được chưa tới 4% trong cả năm 1999 so với 9% trong những năm 1992-1996, 8.2% trong năm 1997, 5.8% trong năm 1998 và khoảng 6% trong năm 2000. Tuy nhiên theo ông Douglas "Pete" Peterson, Đại Sứ Mỹ tại Hà-Nội thì đây hoàn toàn là một sự kiện may mắn vì giá dầu thô tăng vọt trên thị trường quốc tế, tiền của những người Việt-Nam sống ở nước ngoài gửi về nhiều hơn và tài trợ để phát triển của các chính phủ (Official Development Assistance) cũng gia tăng. Economist Intelligence unit (EIU), một công ty cố vấn kinh tế, dự đoán là mức độ phát triển của Việt-Nam chỉ được 5.3% cho năm 1999 và 4.7% cho năm 2000 khi chưa có hiệp ước thương mại. Ở mức phát triển này, Việt-Nam khó có thể thu hút nhiều đầu tư ngoại quốc. Tỉ số người thất nghiệp trung bình ở các vùng đô thị hiện nay là trên 12% theo

thống kê của chính phủ so với khoảng 7.2 % theo EIU. Việt-Nam cần phải phát triển ở mức độ 10% mỗi năm để có thể cung cấp thêm công ăn việc làm cho 1.3 triệu người mới kiếm việc và để giữ nguyên tình trạng thất nghiệp đã khá cao như hiện nay. Muốn thực hiện được mục tiêu đó, Việt-Nam phải chấm dứt các nguyên nhân khiến những công ty ngoại quốc cuốn gói ra đi và phải thu hút thêm đầu tư ngoại quốc đồng thời tăng gia xuất cảng. Hiệp ước thương mại với Hoa-Kỳ sẽ tạo những điều kiện thích hợp cho chương trình xuất cảng và đầu tư. Những lý do kinh tế thực tiễn đã khiến những nhà lãnh đạo Hà-Nội phải thay đổi thái độ.

Thương Ước Việt-Mỹ có những chi tiết quan trọng nào?

Thương ước sẽ có hiệu lực ngay và kéo dài trong ba năm sau khi được Quốc Hội hai nước phê chuẩn. Sau đó thương ước sẽ được tự động triển hạn thêm ba năm một lần và cứ liên tục như vậy, ngoại trừ trường hợp một trong hai nước yêu cầu chấm dứt thương ước chậm lắm là một tháng trước khi kỳ hạn ba năm chấm dứt. Chiếu theo Thương Ước Mỹ-Việt, hai nước sẽ thành lập một cơ quan được gọi là Ủy Ban Hỗn Hợp về Việc Phát Triển Kinh Tế và Thương Mại giữa Việt-Nam và Hoa-Kỳ để theo dõi việc thi hành thương ước. Nếu Việt-Nam không thi hành đứng đắn thương ước, Hoa-Kỳ có ít nhất ba cơ hội để phản ứng một cách hiệu quả. Thứ nhất, quy chế Quan Hệ Mậu Dịch Bình Thường Việt-Nam được hưởng không phải vĩnh viễn như trường hợp Trung Quốc, mà mỗi năm sẽ phải được Tổng Thống Mỹ gia hạn và phải được Quốc Hội phê chuẩn chiếu theo Tu Chính Án Jackson - Vanik của Luật Ngoại Thương của Hoa-Kỳ ban hành vào 1974. Thứ hai là sau mỗi kỳ hạn ba năm, cả Hoa-Kỳ lẫn Việt-Nam đều có quyền đơn phương hủy bỏ thương ước. Thứ ba, Việt-Nam rất cần sự ủng hộ của Hoa-Kỳ để có thể gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới.

Thương ước có lợi nhiều cho Việt-Nam hơn là Hoa-Kỳ. Việt-Nam chỉ là một khách hàng rất nhỏ nhoi của Hoa-Kỳ với tổng số thương vụ giữa hai nước khoảng 1 tỉ Mỹ kim. Hoa-Kỳ là một thị trường to lớn cho Việt-Nam với mãi lực quân bình (purchasing power parity) là 9,300 tỉ Mỹ kim, so với con số của Việt-Nam là 143 tỉ Mỹ kim, chỉ bằng 1.5 % của thị trường Hoa-Kỳ. Thương ước xếp loại Việt-Nam là "một nước đang phát triển ở mức độ phát triển thấp." Do đó Hoa-Kỳ sẽ cho Việt-Nam hưởng quy chế mậu dịch đặc biệt được gọi là Hệ Thống Ưu Đãi Tổng Quát (Generalized System of Preference viết tắt là GSP). Một khi thương ước có hiệu lực hàng hoá Việt-Nam sẽ được hưởng ngay thuế nhập cảng thấp của Hoa-Kỳ dưới quy chế NTR và những lợi nhuận của Hệ Thống Ưu Đãi Tổng Quát. Ngược lại, các xí nghiệp Hoa-Kỳ phải chờ ít nhất vài ba năm nữa mới được hưởng những thay đổi do thương ước đem lại. Điều này theo đúng với chủ trương thay đổi chậm chạp của những nhân vật bảo thủ của Việt-Nam.

Mặc dù đây là một thương ước song phương giữa Việt-Nam và Hoa-Kỳ, Việt-Nam cũng sẽ áp dụng những điều khoản của thương ước này đối với tất cả những quốc gia khác và tối thiểu là đối với hoạt động kinh tế của các quốc gia này tại thị trường quốc nội. Ngoài Hoa-Kỳ, có Nhật Bản, Đài Loan, Tân Gia Ba, Hong-Kong, Thái Lan, Úc châu, Trung Quốc, Gia-Nã-Đại, Pháp, Đức, và Anh Quốc là những quốc gia chính làm ăn buôn bán với Việt-Nam. Do đó Thương Ước Việt-Mỹ sẽ có tầm ảnh hưởng rộng lớn đối với Việt-Nam.

Thương Mại Hàng Hóa có những thay đổi quan trọng nào?

Quy chế quan hệ thương mại bình thường. Quy chế này trước đây gọi là Tối Huệ Quốc. Mỗi nước dành cho nước kia ngay lập tức và vô điều kiện quy chế quan hệ thương mại bình thường về hàng hóa. Điều này có nghĩa là hàng hóa của mỗi nước không được nước kia đối xử kém hơn hàng hóa tương tự của bất cứ một nước thứ ba về thuế nhập cảng và các thủ tục nhập cảng khác (1).

Đối Xử Quốc Gia. Mỗi nước dành cho hàng hóa của nước kia những cơ hội cạnh tranh bình đẳng với hàng hóa nội địa và không đánh thuế hoặc ấn định lệ phí đối với hàng hóa của nước kia cao hơn mức áp dụng cho hàng hóa nội địa. Phía Việt-Nam có một số trường hợp ngoại lệ (2).

Quyền Kinh Doanh. Tất cả những doanh nghiệp trong nước được phép xuất nhập cảng mọi thứ hàng hóa (trừ một số ngoại lệ). Những doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của công dân và công ty Hoa-Kỳ được phép nhập cảng các hàng hóa và sản phẩm để sử dụng vào những hoạt động sản xuất hay xuất

Việt Nam - Liệt Kê Một Số Thuế Nhập Cảng (%)							
Sản phẩm	Thuế Nhập Cảng Hiện Tại	Tương Lai	Độ Giảm	Sản phẩm	Thuế Nhập Cảng Hiện Tại	Tương Lai	Độ Giảm
Nông Nghiệp				**Công Nghiệp**			
Thịt cừu, thịt dê, và các chế phẩm	20	10	50.0	Nước hoa và một số mỹ phẩm	50	30	40.0
Thịt trâu, bò, gà, vịt, và các chế phẩm	20	15	25.0	Xà bông	50	30	40.0
Nho, tươi hoặc khô	40	25	37.5	Thuốc gội đầu	50	40	20.0
Sô cô la và chế phẩm	30	20	33.3	Phim ảnh	30	20	33.3
Cua, tôm, cá và chế phẩm	50	40	20.0	Tủ lạnh, máy đông lạnh	50/30	30/20	33%-40%
Khoai, cà chua, hành tỏi, các loại rau cải	30	20	33.3	Máy giặt	50	20	20.0
Pho mát	30	10	66.7	Động cơ	40	30	25.0
Bột mì	20	20	0.0	Dụng cụ cơ điện	10	5	50.0
Bột ngũ cốc khác	20	15	25.0	Máy điều hòa không khí	50/30	40/20	20%-33%
Bắp	10	10	00.0	Máy ảnh	30	20	33.3
Rau trái đã được chế biến	50	40	20.0	Điện thoại di động	20	10	50.0
Các loại nước uống trừ bia	50	40	20.0	Trò chơi video dùng với máy truyền hình	50	30	40.0
Nguồn gốc: Thương Ước Mỹ-Việt 2000							

cảng của xí nghiệp. Ba năm sau khi thương ước có hiệu lực, các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của các công dân và công ty Hoa-Kỳ hiện đang kinh doanh trong lãnh vực sản xuất và chế tạo sẽ được phép xuất nhập cảng hàng hóa (trừ một số ngoại lệ). Ba năm sau khi thương ước có hiệu lực, các công dân và công ty Hoa-Kỳ sẽ được phép tham gia các liên doanh với các đối tác Việt-Nam trong lãnh vực xuất nhập cảng tất cả mọi loại hàng hóa (trừ một số ngoại lệ) với số vốn tối đa không quá 49 phần trăm. Ba năm sau đó số vốn có thể tăng lên 51 phần trăm. Bẩy năm sau khi thương ước có hiệu lực, các công ty Hoa-Kỳ sẽ được phép thành lập công ty xuất nhập cảng với 100 phần trăm vốn. Hiện nay các công ty quốc doanh Việt-Nam nắm độc quyền xuất nhập cảng. Thương Ước Việt-Mỹ này sẽ bắt buộc chính phủ Việt-Nam phải cải tổ khu vực quốc doanh.

Biện Pháp Hạn Chế Xuất Nhập Cảng. Tất cả những biện pháp hạn chế nhập cảng và hạn ngạch (hạn chế số lượng nhập cảng) sẽ được loại bỏ trong thời hạn từ ba cho đến bẩy năm. Riêng đối với đường mía, đường củ cải, đường có pha thêm hương liệu và chất mầu, và đường trắng, lịch trình loại bỏ hạn chế số lượng nhập cảng là 10 năm vì kỹ nghệ đường của Việt-Nam hiện nay thu dùng một số lớn nhân công mặc dù lỗ lã từ nhiều năm nay. Một số hàng hóa tiếp tục bị cấm nhập cảng và xuất cảng (3).

Xuất Nhập cảng của Công Ty Quốc Doanh. Việt-Nam có quyền thành lập hoặc duy trì doanh nghiệp nhà nước hay dành cho doanh nghiệp này độc quyền (exclusive privileges) hay đặc quyền (special privileges) xuất nhập cảng đối với một số hàng hóa. Về nhập cảng, các công ty quốc doanh được độc quyền về dầu hỏa và các sản phẩm dầu hỏa, sách, báo, tạp chí, tranh ảnh, lịch, và mọi loại ấn phẩm khác, phim ảnh, các dụng cụ thâu phát hình và âm thanh. Việt-Nam đồng ý cho các công ty quốc doanh độc quyền nhập cảng các loại phân khoáng chất hoặc phân hóa học thêm năm năm nữa và sau đó sẽ cho tự do buôn bán các loại phân này. Về xuất cảng, các công ty quốc doanh sẽ được tiếp tục giữ độc quyền đối với những sản phẩm sau đây: các loại gạo, dầu hỏa và sản phẩm dầu hỏa, kim cương và các loại đá quí, vàng và bạc. Qua điều khoản này, chúng ta thấy, số hàng hóa mà chính phủ Việt-Nam muốn tiếp tục dành độc quyền cho khu vực quốc doanh còn lại rất ít. Thứ hai, chính phủ Việt-Nam vẫn duy trì chủ trương cấm đoán tự do báo chí và thông tin bằng cách không cho phép tư nhân được nhập cảng sách báo, phim ảnh, v.v.

Cải Tổ Khu Vực Quốc Doanh và Mở Rộng Thị Trường. Những điều kiện gắn liền với hiệp ước thương mại sẽ khuyến khích và bắt buộc Việt-Nam thi hành những biện pháp cải tổ kinh tế tối cần thiết như đẩy mạnh sự cải tổ 5,800 xí nghiệp quốc doanh mà khoảng 60% bị lỗ lã trầm trọng, phải nhận trợ cấp từ ngân sách nhà nước và như vậy làm lãng phí tài nguyên quốc gia. Mặt khác, các xí nghiệp quốc doanh có những món nợ ngân hàng không trả được. Tổng số món nợ của các xí nghiệp quốc doanh theo một kiểm tra của chính phủ Việt-Nam lên tới khoảng 102,000 tỉ đồng VN vào cuối năm 1997. Khoảng 48% số nợ này thuộc về các ngân hàng. Một cải tổ cần thiết khác mà Việt-Nam phải thực hiện liên quan đến hệ thống ngân hàng và khu vực tài chánh nói chung.

Những xí nghiệp quốc doanh không may lại là những khách hàng chính của các ngân hàng.

Hiệp ước thương mại còn đòi hỏi Việt-Nam phải mở rộng cả ba khu vực kỹ nghệ, nông nghiệp và dịch vụ để cho tư nhân trong và ngoài nước cạnh tranh. Điều này sẽ giúp cho kinh tế Việt-Nam phát triển.

Giải Quyết Tranh Chấp Thương Mại. Ngoài các phương thức thông thường là dùng tòa án hoặc các cơ quan tài phán hành chánh để giải quyết các vụ kiện tụng, Việt-Nam chấp thuận và khuyến khích việc dùng trọng tài để giải quyết những tranh chấp thương mại theo bất kỳ quy tắc trọng tài nào đã được quốc tế công nhận.

Việc hòa giải bằng trọng tài có thể thực hiện ở một nước thứ ba, trừ trường hợp hai bên có có thỏa thuận khác. Một quy tắc trọng tài quốc tế được ấn định trong luật Thương Mại Quốc Tế của Liên Hiệp Quốc (gọi tắt là quy tắc trọng tài UNCITRAL4) và Công Ước Giải Quyết Tranh Chấp Đầu Tư Giữa Nhà Nước và Công Dân của Một Nước Khác làm tại Washington năm 1965 (gọi tắt là Công Ước ICSID) (5).

Giảm Thuế Nhập Cảng. Hiện nay thuế nhập cảng của Việt-Nam ở trong khoảng từ 10 phần trăm đến 50 phần trăm, trừ một số hàng hóa được hưởng mức thuế đặc biệt là 3 phần trăm (các loại lúa mạch), 5 phần trăm (các loại dầu thảo mộc như dầu olive, dầu hướng dương, dầu cọ, dầu hạt cải, v.v.), và 100 phần trăm (bia sản xuất từ ngũ cốc đã nẩy mầm). Trong thời hạn ba năm, theo thỏa ước thương mại, Việt-Nam sẽ giảm thuế nhập cảng các nông phẩm và công nghiệp trung bình khoảng 30 đến 50 phần trăm (bảng 1). Đối với một số ít sản phẩm nội địa mà Việt-Nam đặc biệt muốn bảo vệ, thời hạn thi hành việc giảm thuế là sáu năm (một số xúc xích và một sản phẩm chế biến từ thịt bò, gà, heo, v.v). Chúng ta nhận thấy thuế nhập cảng đối với một số hàng hóa vẫn giữ nguyên như hiện nay vì mức thuế đã tương đối thấp rồi. Thí dụ như lúa mạch (3%), bắp (10%), đậu phọng (10%), dầu thảo mộc (5%), bánh khô dầu (phó sản của kỹ nghệ làm tương) và các chế phẩm dùng làm thức ăn cho gia súc (10%).

Xuất Cảng Qua Hoa-Kỳ. Sau khi được cơ quan lập pháp của hai nước chuẩn y, thỏa ước thương mại sẽ có hiệu lực tức khắc. Hàng xuất cảng của Việt-Nam qua Mỹ sẽ được hưởng quy chế mậu dịch bình thường như những quốc gia khác đã ký thương ước song phương với Hoa-Kỳ. Trong trường hợp này, hàng hóa xuất cảng của Việt-Nam sẽ chỉ phải trả mức thuế trung bình khoảng 3%, tương đối rất thấp so với mức thuế nhập cảng trung bình hiện nay là 40%. Một số thuế nhập cảng đánh vào hàng hóa Việt-Nam khá cao vì Hoa-Kỳ áp dụng chính sách quan thuế thời khủng hoảng tài chánh thế giới vào năm 1930 đối với Cộng Sản Bắc Việt từ năm 1954 và cho cả Việt-Nam từ năm 1975 cho đến nay. Với hiệp ước thương mại, giá của hàng Việt-Nam sau thuế sẽ rẻ hơn giá hiện tại và sẽ dễ cạnh tranh hơn với những hàng khác trong thị trường to lớn của Hoa-Kỳ trị giá đến 9,300 tỉ Mỹ kim. Trong trường hợp này, trị giá hàng của Việt-Nam xuất cảng qua Mỹ tăng 750 triệu Mỹ kim từ 553 triệu Mỹ kim lên đến 1.3 tỉ Mỹ kim theo ước tính của Ngân Hàng Thế Giới với con số thống kê của năm 1998. Chính phủ sẽ có thêm ngoại tệ, nhập cảng thêm được máy móc và thu thêm được thuế nhập cảng. Sự phát triển của nghiệp vụ xuất cảng sẽ thu hút thêm đầu tư ngoại quốc, gia tăng sản xuất và tạo thêm công ăn việc làm cho dân chúng. Đặc biệt số lượng vải và quần áo của Việt-Nam xuất cảng sang Mỹ sẽ tăng vọt vì thuế nhập cảng sẽ hạ xuống rất thấp. Nhiều công ty sản xuất những hàng hóa này sẽ dời qua Việt-Nam vì những công ty này đã xử dụng hết hạn ngạch xuất cảng qua Hoa-Kỳ dành cho các nước khác ở Á châu. Kỹ nghệ làm giầy dép tại Việt-Nam cũng sẽ bành trướng rất nhanh vì hai lý do tương tự.

(Còn tiếp)

Chú thích

1. Quy định trên không áp dụng trong trường hợp của mỗi nước bị chi phối bởi các liên minh thuế quan khác như Hiệp Định Tự Do Mậu Dịch Bắc Mỹ (North American Free Trade Agreement viết tắt là NAFTA) và Hiệp Hội Các Quốc Gia Trong Vùng Đông Nam Á (Association of South-East Asian Nations viết tắt là ASEAN), và WTO.
2. Quy chế đối xử quốc gia không áp dụng trong ba năm đầu đối với thuế tiêu thụ đặc biệt đánh vào xe hơi dưới 12 chỗ ngồi và nguyên liệu sản xuất thuốc lá điếu và xì gà, phụ thu đánh vào nhiên liệu, sắt thép, và phân bón.
3. Gồm có thuốc lá điếu, những sản phẩm tiêu thụ đã sử dụng, xe hơi có tay lái bên trái (trừ một số ngoại lệ), phụ tùng xe hơi, xe gắn máy hai bánh và ba bánh đã sử dụng, và xe máy hai và ba bánh có dung tích từ 175 cc trở lên. Đối với gạo (còn vỏ hoặc đã tróc vỏ) và tấm, Việt-Nam chưa cam kết lịch trình loại bỏ việc hạn chế số lượng xuất cảng đang áp dụng hiện nay vì lý do an ninh. Một số hàng sau đây của Việt-Nam bị tiếp tục cấm xuất cảng để bảo vệ rừng: một số gỗ, củi và than, một số sản phẩm gỗ và lâm sản và bán sản phẩm.
4. Arbitration Rules of the United Nations Commission on International Trade Law.
5. International Centre for Settlement of Investment Disputes Convention.

30 THÁNG 4, THỬ NHÌN LẠI

TRẦN GIA PHỤNG

Thông thường, ngày 30-4-1975 được giải thích là ngày sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa, và là ngày "đại thắng mùa xuân" của cộng sản Bắc Việt. Ngoài hai cách nhìn nầy, còn có một cách nhìn thứ ba mà ít người chú ý đến.

Trong thập niên 60, khi viếng thăm Việt Nam Cộng Hòa, được hỏi làm thế nào để chiến thắng cộng sản, Moshe Dayan, danh tướng độc nhãn Do Thái, đã trả lời như sau: *"Bắc Việt sẽ thất trận khi họ chiếm được Sài Gòn."* (1) Lúc đó, giới báo chí và chính trị Sài Gòn đã bàn tán về câu nói của Moshe Dayan (1915-1981), nhưng không ai dại gì giao trứng cho ác (quạ), mà nghĩ đến một giải pháp quá rủi ro là để cho cộng sản chiếm được Sài Gòn. Cuối cùng, khi cộng sản thật sự chiếm được Sài Gòn năm 1975, một bên buồn quá, cũng như một bên vui quá, nên cả hai phía đều quên luôn ý kiến của Moshe Dayan.

1. Ai thắng ai?

Trong cuộc chiến tranh vừa qua, người cộng sản thường ưa đặt câu hỏi: Ai thắng ai? Cho đến nay, họ luôn tự hào rằng chính họ đã "đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào." Theo biểu kiến bên ngoài, "Mỹ cút, ngụy nhào" thật đó, nhưng thực sự Mỹ không cút, mà phải nói cho thật đúng ý nghĩa bối cảnh lịch sử là **Mỹ ngưng không tiếp tục hiện diện** ở Việt Nam vì lý do thay đổi chiến lược toàn cầu của họ, và **lực lượng Việt Nam Cộng Hòa không thất trận, chỉ ở thế bắt buộc phải ngưng súng, ngưng chiến đấu vì hết tiếp liệu.**

Sau khi thế chiến thứ nhì (1939-1945) kết thúc, thế giới bước vào chiến tranh lạnh giữa hai khối tự do (tư bản) và cộng sản. Khi đắc cử tổng thống Hoa Kỳ ngày 5-11-1952 thay ông H. Truman, đại tướng D. Eisenhower tuyên bố rằng chiến tranh Đông Dương không còn là chiến tranh thuộc địa mà là *"cuộc chiến giữa Cộng sản và thế giới Tự do."* (2) Từ đó, Hoa Kỳ viện trợ Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng càng ngày càng nhiều để chống lại Việt Minh cộng sản.

Lúc đó, Hoa Kỳ và các nước Tây phương nghĩ rằng các nước trong thế giới cộng sản như Liên Xô, Trung Quốc là một khối chính trị chặt chẽ, nên tìm tất cả các cách để ngăn chận sự bành trướng của cộng sản. Vì vậy, sau hiệp định Genève ngày 20-7-1954, Hoa Kỳ quyết định giúp miền nam Việt Nam để chận đứng làn sóng cộng sản mà cụ thể hơn là sự bành trướng của Trung Quốc.

Những diễn tiến chính trị trong khối cộng sản sau khi Stalin từ trần ngày 5-3-1953, và nhất là khi Khrushchew lên cầm quyền, rồi đưa ra chủ trương sống chung hòa bình giữa các nước không cùng một thể chế chính trị, hòa dịu với các nước Tây phương năm 1956, thì bắt đầu sự rạn nứt giữa Liên Xô và Trung Quốc. Lúc đầu mới chỉ lời qua tiếng lại giữa hai đảng Cộng Sản anh em, sau đó giữa hai nhà nước cộng sản, và cuối cùng thực sự đánh nhau dọc biên giới đông bắc Trung Quốc, trên sông Ussuri (Ô tô lý giang) năm 1969.

Dựa trên những dữ kiện thực tế đó, các chính trị gia Hoa Kỳ nhận thấy rằng các nước cộng sản không phải là một khối chặt chẽ, mà họ là những thực thể riêng biệt, với những quyền lợi mâu thuẫn nhau khá trầm trọng. Hoa Kỳ không bỏ lỡ cơ hội kiếm cách khai thác mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc để làm thế nào ly gián họ, và tránh cho họ xích lại gần nhau như trước. Vì vậy, người Hoa Kỳ bắt đầu xét duyệt lại chính sách toàn cầu của Hoa Kỳ.

Trong khi đó, Hoa Kỳ cũng nhận thấy rằng

nếu Hoa Kỳ càng giúp Việt Nam Cộng Hòa chống lại Bắc Việt cộng sản, thì Liên Xô và Trung Quốc ở thế cùng liên kết để giúp Bắc Việt chống lại Hoa Kỳ, tức Hoa Kỳ tạo nên một hoàn cảnh thuận lợi cho Liên Xô và Trung Quốc tạm gác những mâu thuẫn song phương để cùng nhau cứu giúp một nước cộng sản khác, tức là tạo cơ hội cho hai nước nầy xích lại với nhau. Trên quan niệm địa lý chính trị học (geopolitics), vào cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70, người Hoa Kỳ còn ngộ ra rằng *"Bắc Việt không thể tàn phá Hoa Kỳ trong vòng nửa giờ, hoặc tiêu hủy các thành phố, giết một nửa dân số, nhưng với hỏa tiễn nguyên tử, Liên Xô có thể làm được việc đó. Trung Quốc tuy chưa ngang tầm của Liên Xô vì ít vũ khí nguyên tử, nhưng lại đe dọa phần còn lại của Á châu vì ý hệ chính trị cứng rắn và vì dân số đông đảo của họ."* (3)

Chẳng những thế, các chính trị gia Hoa Kỳ lúc đó còn đi xa hơn, cho rằng *"hy sinh Việt Nam mới thật là đáng giá. Còn hơn là hao phí thêm nhiều sinh mạng người Mỹ và hàng tỷ mỹ kim để chống đỡ Việt Nam với chẳng có hy vọng thắng lợi, tại sao không thỏa thuận thua cuộc để đổi lấy sự mở cửa của Trung Hoa nhằm làm yếu đi kẻ thù thực sự là Liên Xô."* (4) Chúng ta hãy nghe một nhà ngoại giao kỳ cựu Hoa Kỳ, ông Bill Sullivan, nguyên là đại sứ Hoa Kỳ tại Lào, lúc đó là thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương, sau đó phụ tá và sát cánh với Henri Kissinger trong các cuộc thương thuyết tại hội nghị Paris chấm dứt chiến tranh Việt Nam, trả lời trong một cuộc phỏng vấn rằng: *"Như thế, tôi đi đến kết luận, và điều nầy ông nghe có vẻ vô liêm sĩ, rằng không thắng cuộc chiến nầy thì chúng ta sẽ khá hơn. Đặc biệt nữa là người Trung Hoa đã khai thông với chúng ta, và làm cho người Trung Hoa tách rời khỏi Liên Xô và nghiêng về phía chúng ta, đối với chúng ta còn quan trọng hơn nhiều việc chiến thắng ở Việt Nam." (5)*

Ngày 14-4-1971, tại Đại sảnh đường Nhân dân Bắc Kinh, thủ tướng Trung Quốc là Chu Ân Lai tiếp đãi và nói chuyện thân mật với đoàn bóng bàn Hoa Kỳ sang đấu giao hữu với đoàn bóng bàn Trung Quốc theo lời mời của Tổng cục Bóng bàn nước nầy. Ngày 9-7-1971, cố vấn an ninh quốc gia Hoa Kỳ là Henri Kissinger có mặt ở Bắc Kinh và được Chu Ân Lai tiếp kiến. Ngày 25-10-1971, Đại hội đồng thứ 26 của Liên Hiệp Quốc biểu quyết chấp nhận Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa được giữ ghế đại biểu Trung Quốc thay cho Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) mà không bị Hoa Kỳ phủ quyết. Sau đó, tổng thống Hoa kỳ Richard Nixon viếng thăm Trung Quốc một tuần bắt đầu từ ngày 21-2-1972 mà ông Nixon cho rằng đây là *"một tuần lễ sẽ làm thay đổi thế giới."* (6) Cuộc viếng thăm nầy đưa đến "Thông cáo chung Thượng Hải" ngày 28-2 theo đó hai bên đưa ra những quan điểm hoàn toàn khác nhau, chỉ trừ một điều là cùng nhau tôn trọng sự khác biệt giữa hai bên và hứa sẽ kiếm cách cải thiện bang giao song phương.

Đúng như ông Nixon loan báo, cuộc viếng thăm đã đưa đến việc thay đổi thế giới, bắt đầu từ việc Hoa Kỳ sắp đặt lại chiến lược toàn cầu và Á Châu, từ đó rút quân dần dần ra khỏi Việt Nam. Mỹ rút quân ra khỏi Việt Nam theo đúng chiến lược của họ, bởi vì người Mỹ tin rằng *"thua trận ở Việt Nam lành mạnh hơn cho Hoa Kỳ hơn là thắng trận. Rằng thua trận nằm trong quyền lợi quốc gia. Rằng đó là lợi thế... Đó là quan niệm cấp tiến triệt để vào thời đó, rằng thua trận và phó mặc các đồng minh Đông nam Á của chúng ta cho số phận của họ, như thế mới đúng là cách làm của chúng ta."* (7)

Như thế, xét cho cùng, Hoa Kỳ chẳng thua trận, mà Hoa Kỳ chỉ bỏ cuộc ở Việt Nam để thực hiện việc thay đổi chiến lược toàn cầu quan trọng hơn đối với họ trong cuộc tranh chấp với Liên Xô. Trong khi tự cho rằng *"ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc"*, (8) thì chính Bắc Việt đã tiếp tay với người Mỹ để thực hiện kế sách của Hoa Kỳ. Từ đó, Hoa Kỳ đã thành công trong việc làm sụp đổ khối Liên Xô và Đông Âu. Như thế, có thể nói người Hoa Kỳ đã chịu thua mặt trận (battle) Việt Nam, để đại thắng cuộc chiến tranh (war) toàn cầu, và hiện nay trở thành cường quốc số một trên thế giới. (9)

Đi vào thế chiến lược mới của Hoa Kỳ, về phía Việt Nam Cộng Hòa, đầu bị Hoa Kỳ bỏ rơi, ngưng viện trợ, và trước sức mạnh của Bắc Việt được Liên Xô và Trung Cộng giúp đỡ tận "cây kim sợi chỉ," các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa vẫn tiếp tục chiến đấu anh dũng trong hai năm sau hiệp định Paris, chứ không để cho đất nước sụp đổ ngay. Các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa không thua bộ đội cộng sản Bắc Việt, mà chỉ buông vũ khí khi không còn được tiếp liệu súng ống đạn dược để chiến đấu là chuyện không thể tránh khỏi. **Các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa bị bó tay, bắt buộc phải ngừng chiến đấu**, chứ không phải họ thua trận.

Trước khi ký hiệp định Paris năm 1973, các nhà ngoại giao Hoa Kỳ đã hứa hẹn, mà không ghi thành văn bản, là sẽ viện trợ Việt Nam bốn tỷ Mỹ kim để Việt Nam tái thiết đất nước sau chiến tranh. Tuy nhiên, Bắc Việt cưỡng chiếm Nam Việt bằng võ lực, đi ngược lại với tinh thần hiệp định Paris ký kết giữa các bên lâm chiến, và đã được nhiều nước công nhận.

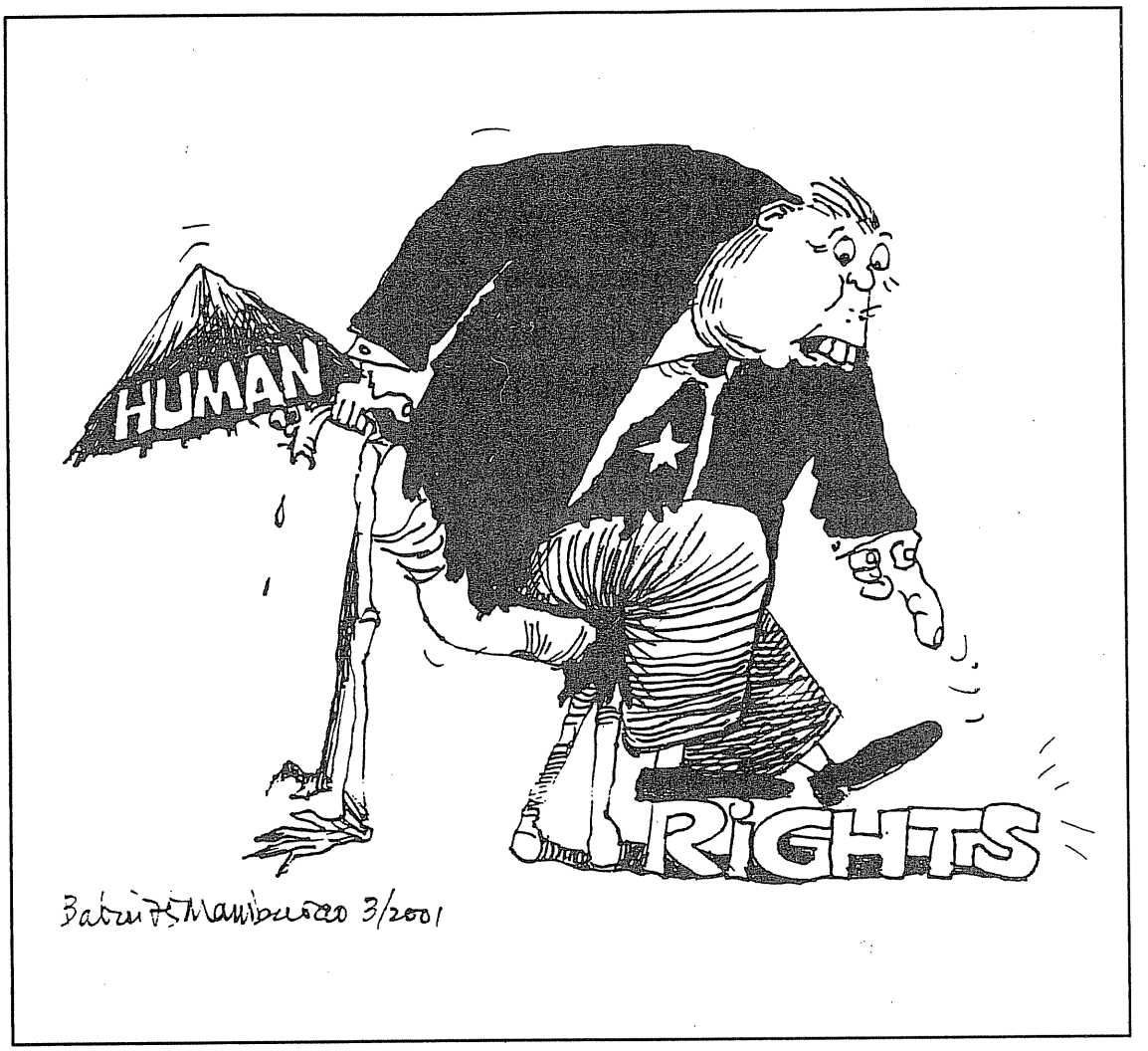

Dựa vào việc Bắc Việt không tôn trọng hiệp định Paris, Hoa Kỳ bác khước lời hứa trước kia. Hơn nữa, khi cưỡng chiếm Việt Nam Cộng Hòa sau hiệp định Paris, Bắc Việt cưỡng chiếm luôn số tài sản khổng lồ ước tính khoảng sáu tỷ Mỹ kim mà Hoa Kỳ đã để lại Việt Nam. Số tài sản nầy còn cao hơn lời hứa hẹn của Hoa Kỳ sẽ viện trợ cho Việt Nam bốn tỷ Mỹ kim trước đây. Vì cả hai lý do nầy, cho đến nay, cộng sản Việt Nam không thể mở miệng nhắc lại chuyện Hoa Kỳ hứa hẹn viện trợ để tái thiết Việt Nam sau 30 chiến tranh mà Hoa Kỳ đã can dự vào. Thua cuộc cờ toàn cầu, Bắc Việt lại thất bại luôn trong cuộc đấu trí để đòi viện trợ của Hoa Kỳ sau chiến tranh.

2. Thực tế sau 30-4

Quan sát kỹ sinh hoạt xã hội Việt Nam sau khi cộng sản Bắc Việt chiếm được miền Nam năm 1975, mọi người đều nhận thấy rõ ràng ngay từ đầu, đại đa số những người Bắc, từ cán bộ, bộ đội đến thường dân, khi vào Nam đều học theo cách sống của người Nam, chứ hầu như người Nam không học theo người Bắc, trừ một thiểu số xu phụ theo chế độ mới, kè kè chiếc nón cối để tỏ ra là người "cách mạng." Người Bắc thích ăn bận theo người Nam, đua đòi thời trang miền Nam, nghe nhạc Nam mà cộng sản gọi là "nhạc vàng," đọc sách Nam, từ tiểu thuyết trữ tình, tiểu thuyết kiếm

hiệp đến văn chương, triết học, và làm tất cả các cách để thành người Nam. Ngay cả những cán bộ cao cấp trong Bộ chính trị đảng Lao Động (năm 1976 cải danh thành đảng Cộng Sản) cũng từ bỏ bộ áo quần đại cán cao cổ để ăn bận Âu phục theo kiểu người Nam. Chẳng những thế, hầu như miền Bắc cũng được Nam hóa bằng sản phẩm của miền Nam. Lúc đó, đại đa số người nào ở miền Bắc vào cũng "tranh thủ" cho được tối thiểu ba thứ "đạp đồng đài" (10) để đem về Bắc sử dụng hoặc trang bị cho gia đình. (Rất ít người như bà Dương Thu Hương chỉ lo đi mua sách miền Nam. Theo lời Dương Thu Hương, khi bà vào Sài Gòn thì bà tìm đến các chợ sách để mua sách cũ và bà ta bị choáng ngợp vì sách vở văn chương triết học ở miền Nam quá phong phú chứ không nghèo nàn và bị kềm kẹp như cộng sản tuyên truyền.)

Trong lịch sử thế giới, ai cũng biết người Mông Cổ nổi tiếng thiện chiến và chiếm được một đế quốc rộng lớn từ thời Thành Cát Tư Hãn (Genghis Khan, trị vì 1206-1227). Cháu nội của Thành Cát Tư Hãn là Hốt Tất Liệt (Qubilai) tức Nguyên Thế Tổ (trị vì 1260-1294) đem quân Mông Cổ vào chiếm Bắc Kinh năm 1264, rồi từ đó chiếm luôn toàn bộ nước Trung Hoa. Khi người Mông Cổ tiếp xúc và tiêm nhiễm nền văn minh và văn hóa Trung Hoa, thì dường như họ không còn là người Mông Cổ nữa. Có thể nói vó ngựa chiến chinh Mông Cổ oai hùng khắp Âu Á một thời đã hoàn toàn bặt tăm khi họ đặt chân vào đất trung nguyên Trung Hoa.

Cộng sản Bắc Việt, dầu chẳng oai hùng như người Mông Cổ, tiến quân vào miền Nam, chiếm đóng bằng bạo lực, nhưng cuối cùng bị choáng ngợp vì sự phồn thịnh của miền Nam (mà họ gọi là phồn vinh giả tạo) và nền văn hóa đa dạng của miền Nam, một nền văn hóa vừa giữ bản sắc dân tộc, vừa hòa hợp với tinh hoa của văn hóa Tây phương. Từ đó, người cộng sản Bắc Việt không còn là họ nữa, chỉ trừ có vỏ bọc là đảng Cộng Sản để nắm độc quyền lãnh đạo đất nước.

Chẳng những chỉ có Bắc Việt được Nam hóa mà cả khối Quốc tế Cộng sản cũng biến chuyển theo. Ngay sau khi cộng sản chiếm Đà Nẵng, trước khi Sài Gòn sụp đổ, tại bán đảo Sơn Trà diễn ra một cuộc gặp gỡ vào đầu tháng 4-1975 giữa đại biểu của một số nước cộng sản, để quan sát đài truyền tin phát sóng của quân đội Hoa Kỳ đặt tại núi nầy. Sau khi nghe thuyết trình viên cộng sản Việt Nam trình bày về công suất lớn lao của đài phát sóng Hoa Kỳ đặt tại đây, đại diện Liên Xô làm thinh, đại diện Trung Cộng cười mỉa và chúc mừng Việt Nam, đại diện của Ba Lan rất thích thú. Trở về lại Đà Nẵng, đại diện Ba Lan xin Uỷ ban Quân quản, do Hồ Nghinh làm chủ tịch, được dùng điện đài Đà Nẵng để liên lạc với Tòa Đại sứ Ba Lan ở Hà Nội. Đại khái nội dung liên lạc là yêu cầu Tòa Đại sứ Ba Lan điện về nước xin chính phủ Ba Lan tạm ngưng các chương trình đặt mua máy truyền tin của Liên Xô, đợi phái đoàn quan sát về nước. Lý do chính của thái độ các đại diện các nước cộng sản, kể cả việc đại diện Trung Cộng cười mỉa, là vì trước đó không lâu, vào cuối 1974, đầu 1975, tại Hà Nội, vừa mới khánh thành một trạm thông tin liên lạc do Liên Xô viện trợ cho Hà Nội mà Liên Xô khoe rằng đó là máy tối tân nhất thế giới lúc bấy giờ, với công suất chỉ bằng một phần hai mươi (1/20) công suất của trạm truyền tin của quân đội Hoa Kỳ đặt tại Sơn Trà, Đà Nẵng. (11)

Câu chuyện trên giải thích thắc mắc của nhiều người lý do vì sao khi rút lui khỏi miền Nam Việt Nam ngày 30-4-1975, nhân viên Hoa Kỳ được lệnh để lại toàn bộ kho lẫm, máy móc, dụng cụ, vật liệu, trang thiết bị của tất cả các cơ sở Hoa Kỳ tại Việt Nam mà không phá hủy gì cả, từ đài phát thanh địa phương, đến tòa đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, và cả Trung tâm Nguyên tử lực tại Đà Lạt. Lúc đó, người ta cho rằng người Hoa Kỳ lo bỏ chạy nên không kịp phá hủy, nhưng ngay lúc đó cũng có dư luận cho biết rằng một nhân viên Hoa Kỳ tại Huế, trước khi rút lui, đã tháo một chốt chính làm tê liệt đài phát thanh Huế đặt tại Phú Bài (Thừa Thiên) khi chạy vào Đà Nẵng, liền bị tòa lãnh sự Hoa Kỳ tại đây khiển trách.

Cũng có dư luận cho rằng Hoa Kỳ cố tình để lại vật liệu và trang thiết bị cho cộng sản Việt Nam sử dụng, tạo thành nhu cầu mới cho cộng sản, đến khi hư hao hay cạn hết, thì phải tìm mua lại nơi các nước tư bản. (Ví dụ người ta nói rằng ở miền Tây có một kho phân bón khổng lồ. Bắc Việt lấy được, chở ra Bắc sử dụng. Đến khi phân bón hết, ruộng đã lỡ dùng phân bón, nay không dùng không được, đành phải đi kiếm mua ở các nước tự do khác.)

Sau năm 1975, nhiều phái đoàn của các nước Liên Xô và Đông Âu đến thăm Việt Nam đều được xem cuộc "triển lãm nguội" của hàng hóa Hoa Kỳ và các nước phương Tây,

cũng như tham khảo báo chí, sách vở khoa học kỹ thuật Âu Mỹ tại miền Nam. (12)

Như thế có thể người Hoa Kỳ đã nghĩ đến kế hoạch Moshe Dayan, và không phải chỉ nhắm vào cộng sản Bắc Việt, mà còn nhìn xa hơn, muốn "bày hàng triển lãm" kỹ thuật tối tân với các nước trong khối Quốc tế Cộng sản, mà từ lâu nay bị Liên Xô bưng bít che đậy. Phải chăng cuộc "triển lãm nguội" nầy của Hoa Kỳ đã lôi cuốn được các nước cộng sản, góp phần làm cho tình hình ở đây biến động mau lẹ, đưa đến sự sụp đổ của các nước cộng sản Đông Âu và Liên Xô vào các năm từ 1989 đến 1991?

3. Cộng sản bắt đầu thua cuộc

Trong cuộc chiến năm 1975, phải bình tâm mà nhận xét rằng một trong những lý do cộng sản Bắc Việt thành công là bộ máy tuyên truyền của cộng sản hoạt động có kế hoạch và mạnh mẽ hữu hiệu hơn phía Việt Nam Cộng Hòa. Bộ máy tuyên truyền nầy đã làm việc có tính toán liên tục từ năm 1945, khá thành công ở trong nước cũng như trên thế giới. Năm 1956, ở ngoài Bắc xảy ra vụ *Nhân Văn - Giai Phẩm*. Cuộc đàn áp trí thức và văn nghệ sĩ của nhà cầm quyền Hà Nội diễn ra rõ ràng như thế, mà cộng sản bưng bít và tuyên truyền ngược lại, khiến ở trong Nam, nhiều người không tin là những chuyện đó có thật. *"Chế độ miền Nam, tất nhiên là làm rầm rộ lên nhân vụ án nầy để tuyên truyền mặt trái của chế độ miền Bắc. Nhưng sau nầy, khi hỏi chuyện anh em miền Nam thì được biết là họ không tin, họ tưởng là sự việc bị bịa đặt ra, chứ làm gì đảng có thể xử với trí thức miền Bắc tàn tệ đến mức như thế." (13)*

So với trình độ văn hóa của toàn dân, học giả Nguyễn Hiến Lê, tác giả của khoảng trên 20 bộ sách nghiên cứu lớn nhỏ, phải được kể là một nhà thông thái. Ông Nguyễn Hiến Lê đã can đảm thú nhận những suy nghĩ và tình cảm của ông trước năm 1975: *"Tôi vốn có cảm tình với Việt Minh, với cộng sản; ghét thực dân Pháp, Mĩ, nhất là từ 1965 khi Mĩ đổ quân ào ạt vào miền Nam; tôi khinh những chính phủ bù nhìn của Pháp, Mĩ. Tôi phục tinh thần hi sinh, có kỉ luật của anh em kháng chiến và mỗi lần có thể giúp họ được gì thì tôi sẵn lòng giúp."* (14) Một người thông thái như ông Nguyễn Hiến Lê mà còn bị lầm lẫn về cộng sản, huống gì là đại đa số dân chúng Việt Nam. Sau năm 1975, chạm mặt với đời sống thực tế dưới chế độ cộng sản, ông Nguyễn Hiến Lê mới thấy rõ mình đã lầm lẫn bấy lâu nay. Ông viết tiếp: *"... muốn thấy chế độ đó ra sao thì phải sống dưới chế độ dăm năm. Đó là bài học đầu tiên và vô cùng quan trọng mà tôi* [Nguyễn Hiến Lê] *và có lẽ 90% người miền Nam rút được từ 1975 tới nay* [1981]." (14)

Bên cạnh đó, phải kể thêm một **hiện tượng tâm lý khá lạ lùng**: trước năm 1975, không kể dân chúng ở ngoài chính quyền, ngay cả nhiều công chức hoặc sĩ quan binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa, tuy làm việc và lãnh lương chính phủ quốc gia, đôi khi cũng chao đảo và không mấy tin tưởng ở chính nghĩa Quốc gia của chế độ mình đang phục vụ. Tuy nhiên, sau khi cộng sản vào chiếm miền Nam, thì tất cả mọi người miền Nam đều tiếc nhớ một thời đã qua, hướng trở về chế độ Việt Nam Cộng Hòa và từ đó **ý thức Quốc gia dân tộc** trong họ trỗi dậy mạnh mẽ hơn cả thời trước nữa.

Như vậy, chính từ sau đỉnh cao chiến thắng quân sự ngày 30-4-1975, thiết lập được chế độ độc tài dựa vào bạo lực công an trị, **cộng sản Hà Nội lại bắt đầu thua cuộc**, mất hết nhân tâm, mất hết quần chúng. Chẳng những cộng sản Hà Nội đã thua cuộc ở trong nước, càng ngày cộng sản Hà Nội càng thua cuộc trên thế giới. Các nước trên thế giới trước đây vốn có cảm tình với cộng sản Việt Nam, nay hoảng hốt trước cảnh vượt biên ồ ạt của dân chúng Việt Nam. Điều nầy khiến cho cả thế giới sực tỉnh. Không cần ai tuyên truyền, cả thế giới đều thấy rõ nhà cầm quyền Hà Nội đã mất lòng dân đến độ nào, dân chúng mới bất chấp gian nguy, dùng tính mạng đánh cuộc với số phận, để tìm đường sống.

Những tác giả Tây phương trước đây viết bài ủng hộ cộng sản, nay lại quay qua đả kích cộng sản. Tiêu biểu cho những người nầy là sử gia Jean Louis Margolin, giáo sư tại Université de Provence (Pháp), một trong các tác giả viết bài trong sách *Le livre noir du communisme* [Sách đen về chủ nghĩa cộng sản], đã nói trong một cuộc phỏng vấn vào cuối năm 1999: *"Thành thật mà nói, vào những năm 60, tôi đã từng xuống đường biểu tình ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tôi đã từng reo mừng với những cuộc chiến thắng tại Cam-bốt cũng như tại Việt Nam. Tôi từng nghe nói đến những vụ tàn sát Tết Mậu Thân 68, nhưng tôi tin và nghĩ rằng đó chỉ là sự tuyên truyền của Mỹ. Không phải chỉ một mình tôi, mà* **tôi tin rằng rất**

nhiều người cùng thời với tôi đã bị sai lầm vì những tuyên truyền sai lạc *của cộng sản."* (15)

Có lẽ cũng nên thêm ở đây lời sám hối của nữ tài tử Jane Fonda. Năm 1972, bà Jane Fonda đến Bắc Việt chụp những tấm hình đăng khắp các báo trên thế giới quảng cáo cho cộng sản Bắc Việt. Về Hoa Kỳ, bà tham gia phong trào phản chiến để yêu cầu Hoa Kỳ rút quân. Năm 1988, chính Jane Fonda đã hối hận khi trả lời phỏng vấn của ký giả Barbara Walters: *"Tôi sẽ còn hối tiếc đến lúc xuống mồ về những bức hình chụp tôi đứng cạnh mấy khẩu súng bắn máy bay, trông như tôi đang nhắm bắn các máy bay Mỹ... Hành động đó làm hại bao nhiêu chiến sĩ... Đó là hành động kinh khủng nhất mà tôi có thể phạm. Đúng là không biết suy nghĩ."* (16)

Dù luôn luôn tự hào là kẻ chiến thắng, nhưng cuối cùng cộng sản lại chạy theo học hỏi tất cả những gì do "Mỹ ngụy" để lại, kể cả việc bắt buộc phải **tự từ bỏ chính sách kinh tế chỉ huy**, chấp nhận nền kinh tế tự do vốn thịnh hành ở miền Nam và tại các nước tự do trên thế giới, mà họ gọi là kinh tế thị trường. Nay nền kinh tế thị trường không phải chỉ được áp dụng ở miền Nam như trước năm 1975, mà cả trên miền Bắc, nơi cộng sản đã bỏ công sức hơn 20 năm (1954-1975) để xây dựng và củng cố xã hội chủ nghĩa. Cộng sản mà không còn chính sách kinh tế chỉ huy thì chắc chắn không còn là cộng sản nữa. Trong khi đó, nước Mỹ không bị hư hao một tấc đất; lại càng ngày càng mạnh; và cộng sản Việt Nam phải trải thảm đỏ để đón lãnh tụ của Hoa Kỳ vào tháng 11-2000. Trong cuộc đón tiếp nầy, đầu nhà cầm quyền Hà Nội không thông báo, dân chúng đã đứng ngoài trời nhiều giờ trong thời tiết lạnh lẽo của mùa đông để chào mừng người khách quý Hoa Kỳ đầu tiên đến Việt Nam sau 1975. Còn về phía "ngụy," người dân Việt Nam ngày nay, kể cả những người ở ngoài Bắc đều hãnh diện nếu được gọi là "ngụy." "Ngụy" không nhào mà "ngụy" đi vào lòng người, người Nam cũng như người Bắc, và đang càng ngày càng hiển hiện khắp nơi trong đời sống hằng ngày, to lớn và mạnh mẽ đến nỗi nhà cầm quyền Hà Nội nay lại sợ "diễn biến hòa bình," còn hơn là thời chiến tranh súng đạn.

4. Nhìn về tương lai

Lúc mới cưỡng chiếm được miền Nam, cộng sản Hà Nội rất lo sợ phản ứng của dân chúng, nên việc đầu tiên là bắt ngay sĩ quan, công chức, cán bộ của chế độ Cộng Hòa còn lại trong nước đi "học tập cải tạo," thực chất là **tập trung, cô lập, bắt giam dài hạn không tuyên án** trên các vùng rừng thiêng nước độc, vì cộng sản lo sợ họ là những người có khả năng tập họp, tổ chức, và lãnh đạo dân chúng chống cộng sản. Số lượng sĩ quan và công chức bị bỏ tù tối thiểu là **1.000.000** người. Những người nầy bị tù tối thiểu là một năm (rất ít), có người hai năm (nhiều), ba năm, có người lên đến 15 năm hoặc 20 năm. Nếu tính trung bình một người bị tù hai năm, và tối thiểu 1.000.000 người bị tù, thì số thời gian mà **người Việt nói chung bị cộng sản giam tù là 2.000.000 năm.** (17) Những người nầy lại ở trong độ tuổi trung niên sung mãn để hoạt động, sản xuất, và có trình độ văn hóa khá cao nếu so chung với trình độ của toàn thể dân chúng Việt Nam.

Việc bắt giam sĩ quan, công chức, cán bộ Việt Nam Cộng Hòa của cộng sản còn có mục đích đe dọa gia đình những người có thân nhân bị tù, vì nếu họ vọng động thì thân nhân của họ khó có cơ hội trở về đoàn tụ gia đình. Dầu chính sách nầy rất thâm độc, nhưng lúc đầu, ngay sau năm 1975, vẫn xảy ra những tổ chức bạo động chống nhà cầm quyền cộng sản, ví dụ vụ các ông Nguyễn Nhuận, Đặng Ngọc Quờn, nguyên là giáo sư Viện Đại Học Huế, vụ Ông Nguyễn Văn Bảy, nguyên giáo sư trường Kỹ Thuật Đà Nẵng, vụ nhà thờ Thánh Vinh Sơn ở Sài Gòn... Dĩ nhiên những cuộc bạo động nầy không thể thành công, nhưng đã nhen nhóm ngọn lửa đấu tranh trong lòng dân chúng. Dần dần, người ta ý thức rằng phương thức bạo động khó thành công, nên quay qua phản ứng bất bạo động nhưng không kém phần cương quyết. Từ đây, bắt đầu sự lên tiếng của những nhà trí thức như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy, Hoàng Minh Chính, Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Mai Thái Lĩnh. Sự lên tiếng nầy liền được đáp ứng ở trong cũng như ngoài nước. Tiếp đó, là những cuộc biểu tình chống đối của dân chúng ở Thái Bình, Xuân Lộc (Đồng Nai), Huế...

Một sự thật lý thú là hiện nay ở trong nước, dân chúng không còn phân chia Quốc gia hay cộng sản, mà tất cả đoàn kết thành một khối tranh đấu đòi hỏi tự do dân chủ, đối kháng với nhà cầm quyền độc tài cộng sản. Khi được nhà cầm quyền Hà Nội gởi đi lưu diễn ở Hoa Kỳ

vào đầu tháng 3-2001, nữ ca sĩ Phương Thanh đã tuyên bố: *"Nói rằng Phương Thanh hát dở, hay không thích tiếng hát của Phương Thanh thì Phương Thanh xin tạ lỗi, nhưng nói rằng Phương Thanh là Việt Cộng thì tội nghiệp cho Phương Thanh lắm! "* (18)

Ngay cả những thành phần trước đây đã từng trung kiên với đảng Cộng Sản, nay cũng đứng về phía dân chúng, đòi hỏi dẹp bỏ đảng Cộng Sản. Tiêu biểu nhất là ý kiến của ông Vũ Đình Huỳnh, một thời làm bí thư cho Hồ Chí Minh, gần cuối đời đã tỉnh ngộ và đề nghị: *"Muốn cho dân tộc ta không thua kém các dân tộc khác, muốn cho đất nước được thịnh vượng, dân ta không nghèo khổ mãi thì không thể thiếu một điều kiện tiên quyết: ấy là* **phải gạt bỏ sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản."** (19) Sau đó, ông Nguyễn Văn Trấn (1914-1998), gia nhập đảng Cộng Sản miền Nam ngay từ những ngày đầu mới thành lập, đã từng làm Phó bí thư Xứ uỷ Nam Kỳ năm 30 tuổi (1944), tập kết ra Bắc năm 1954, dân biểu Quốc hội Hà Nội trước năm 1975, cũng viết: *"Tội ác của chế độ này* [chế độ cộng sản Việt Nam], *từ 40 năm nay, thật nói không hết."* (20)

Trong khi đó, ở ngoài nước, nhờ sống rải rác khắp nơi trên thế giới, cộng đồng người Việt hải ngoại tạo nên một địa bàn ngoại cứ rộng rãi bất khả xâm phạm. Từ đó, cộng đồng người Việt hải ngoại là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho những thành phần yêu nước và ly khai với đảng Cộng Sản ở trong nước; đồng thời là một ngoại lực hỗ trợ người Việt ở trong nước về mọi mặt, tạo niềm tin để họ tiếp tục cùng với cộng đồng ở hải ngoại tranh đấu, đưa đất nước ra khỏi chế độ cộng sản phi nhân vong bản hiện nay.

Trước tình hình đó, để lấy lòng dân chúng lần nữa, ở trong nước, cộng sản Việt Nam mở phong trào đổi mới từ năm 1985. Nói là đổi mới nhưng vẫn duy trì độc quyền chính trị, lo sợ "diễn biến hòa bình," định hướng kinh tế xã hội chủ nghĩa, không cho tự do báo chí, bóp nghẹt tự do ngôn luận. Cho đến nay, ở trong nước chưa có một tờ báo tư nhân, chưa có một tổ chức hay đoàn thể chính trị nào đứng ngoài quốc doanh. Cộng sản kiếm cách đổi mới để **tự cứu mình** chứ không phải để cứu dân tộc Việt Nam.

Ra bên ngoài, nhà cầm quyền cộng sản kiếm cách ve vuốt Việt kiều. Chính sách của cộng sản đối với Việt kiều có một điểm cần chú ý: khi dân chúng không chịu nổi cuộc sống dưới chế độ cộng sản, phải bỏ nước ra đi, thì nhà cầm quyền Hà Nội gọi họ là **phản động, phản quốc.** Sau một thời gian ổn cư tại nước ngoài, người Việt hải ngoại chắt chiu tiết kiệm, gởi tiền về nuôi thân nhân càng ngày càng nhiều. Vào đầu thập niên 90, cộng sản liền đổi cách xưng hô, gọi những người vượt biên là **"núm ruột ngàn dặm"** của tổ quốc.

Những người Việt Nam ra đi định cư tản mác khắp thế giới, đông nhất là tại Hoa Kỳ. Dần dần, cộng đồng Việt Nam lớn mạnh và thành công trên đất khách, nay là quê hương thứ hai của mình. Nhờ có điều kiện học hành, nhiều tinh hoa Việt Nam đã đóng góp vào sự phát triển và thịnh vượng chung của quê hương mới. Chế độ cộng sản liền kiếm cách **lợi dụng,** kêu gọi "núm ruột ở xa" hãy bỏ qua quá khứ, nhìn về tương lai, đóng góp xây dựng đất nước. Chính sách của cộng sản đối với người Việt ở hải ngoại có thể tóm tắt trong các điểm sau đây:

* Bòn rút tiền bạc càng nhiều càng tốt.

* Chỉ sử dụng tay sai để kinh doanh, hoặc tuyên truyền đường lối chính sách nhà nước cộng sản.

* Lợi dụng trí thức thuộc ngành khoa học kỹ thuật, mời về nước để giảng dạy hoặc làm việc trong các ngành hoàn toàn chuyên môn về khoa học kỹ thuật, như bác sĩ, kỹ sư...

* Hoàn toàn không chấp nhận các phê bình hay góp ý thẳng thắn về chính trị để xây dựng quê hương, những đòi hỏi về nhân quyền, dân quyền, và không chấp nhận những thành phần trí thức về khoa học nhân văn như triết học, tư tưởng, văn chương, sử học, xã hội học, trừ những thành phần tình nguyện làm tay sai tuyên truyền cho cộng sản để đổi lấy một số quyền lợi và hư danh nhất thời.

Dầu rất yêu nước, và rất khắc khoải về tiền đồ dân tộc, đại đa số người Việt ở nước ngoài, nhất là những thành phần tinh hoa trong các ngành thương mãi, khoa học kỹ thuật, văn chương giáo dục, **chẳng ai chấp nhận hợp tác với chế độ cộng sản Hà Nội.** Hợp tác với nhà cầm quyền Hà Nội chỉ giúp kéo dài một chế độ vong bản, phi nhân, từ đó gián tiếp kéo dài thêm niềm thống khổ triền miền của dân tộc Việt.

Kinh nghiệm Đông Âu cho thấy khi dân chúng nhìn ra chân tướng phản dân hại nước của chế độ cộng sản, đồng thời ý thức được tự do dân chủ, dân quyền và nhân quyền, tự họ đứng lên lật đổ chế độ cộng sản để cứu nguy

dân tộc. Tuy đảng Cộng Sản Việt Nam hiện đang lợi thế nhờ cầm quyền bằng bạo lực công an trị, nhưng thời điểm giải trừ chế độ nầy đang khởi động, và chắc chắn sẽ lớn mạnh, nhất là một khi cộng đồng người Việt ở hải ngoại càng ngày càng đông đảo, và khoa học kỹ thuật càng ngày càng phát triển, nhà cầm quyền cộng sản không thể che đậy độc tài, nói láo một chiều để đánh lừa như trước đây.

Tiến trình dân chủ và dân quyền trên thế giới hiện nay là không thể đảo ngược được; những nhà nước độc tài càng ngày càng bị lên án và cô lập. Bằng chứng là khi Lê Khả Phiêu, tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam viếng thăm nước Pháp từ 21 đến 25-5-2000, chẳng có đài truyền hình nào ở Paris đưa tin. Rải rác vài báo viết ít dòng ngắn ở trang trong và nhân đó chỉ trích chế độ cộng sản Việt Nam, kể cả các báo trước đây ủng hộ cộng sản Việt Nam như tờ *Libération* [Giải Phóng]. Đặc biệt báo *Nouvel Observateur* [Người Quan Sát Mới] số ngày 31-5 chạy bài của nhà báo nổi tiếng Delfeil de Ton, với tựa đề "Một Pinochet này nữa." Trong bài báo nầy có đoạn viết: "Pinochet vừa thăm nước Pháp; không có ai đòi bắt giữ hắn. Hắn mang tên Lê Khả Phiêu, cái tên rất khó đọc. Khác với Pinochet ở Chili, tội ác thuộc về quá khứ, đã về hưu, Lê Khả Phiêu đang tại chức, đang gây tội ác, tổ chức của ông ta từng gây nhiều vụ ám sát, giết người, nhiều người chết trong biển cả khi trốn chạy chế độ độc ác của ông ta. Ông ta không cho phép một chút quyền tự do tư tưởng và tự do báo chí nào..." (21)

Do tất cả những lẽ trên, câu nói của Moshe Dayan đúng là một lời tiên tri về tương lai cuộc chiến vừa qua: *"Bắc Việt sẽ thất trận khi họ chiếm được Sài Gòn."* Chính vì chiếm được Sài Gòn năm 1975, nên ngay sau đó chẳng những cộng sản Việt Nam, mà cả cộng sản thế giới cũng bắt đầu thất trận. Cho nên có thể xem ngày 30-4 chỉ là ngày sụp đổ tạm thời của Việt Nam Cộng Hòa, nhưng lại chính là khởi điểm đánh dấu **sự sụp đổ vĩnh viễn của huyền thoại cộng sản Việt Nam trong lòng dân tộc Việt Nam.** Sự sụp đổ của huyền thoại cộng sản càng làm cho chính nghĩa Quốc gia sáng tỏ hơn bao giờ cả. Chắc chắn trước tình hình quốc nội cũng như quốc tế thuận lợi như trên, một ngày không xa, Việt Nam Cộng Hòa sẽ phục sinh, nhân dân Việt Nam sẽ được tự do, hạnh phúc và phú cường.●

(Toronto)

Chú thích:

1. Nguyễn Tiến Hưng and Jerrold L. Schester, *The Palace File,* Harper & Row, Publishers, New York, 1986, tr. 350. Nguyên văn: *"North Vietnam will lose the war when it takes over Saigon."* [Sách *The Palace File* được các ông Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm chuyển dịch sang tiếng Việt dưới nhan đề *Hồ sơ dinh Độc Lập*, với một số những thay đổi do Nguyễn Tiến Hưng; Chu Xuân Viện nhuận sắc, Nxb. C & K Promotions, Inc., Los Angeles, không đề năm xuất bản. Trong sách nầy, câu nói của Moshe Dayan được trích dẫn ở trang 594.]

2. Nguyễn Đình Tuyến, *Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh tại Việt Nam 1945-1975*, Houston, Texas, 1995, tr. 19.

3. Roger Warner, *Shooting at the Moon* [Bắn trăng], Steerforth Press, South Royalton, Vermont, 1996, tr. 333-334. Sách nầy được chọn là sách hay nhất về bang giao quốc tế của Câu lạc bộ Overseas Press, Hoa Kỳ.

4. Roger Warner, sđd. tr. 336. Nguyên văn: *"that it might be worthwhile to sacrifice South Vietnam. Rather than squander more American lives and billions of dollars trying to prop up South Vietnam, with little chance of succeeding, why not accede to its failure in exchange for an opening to China, in order to weaken the real ennemy, the USSR?"*

5. Roger Warner, sđd. tr. 336. Nguyên văn: *"So I came to the conclusion, and this may sound thoroughly cynical to you, that we would be better off not ro win this war. Particularly because the Chinese had made a breakthrough to us, and it was far more important to get the Chinese broken off from the Soviets and leaning to one side in our favor than for us to win in Vietnam."* [Bill Sullivan là một nhà ngoại giao kỳ cựu của Hoa Kỳ, đã từng làm đại sứ Hoa Kỳ tại Ai Lao, thứ trưởng Bộ Ngoại giao đặc trách Đông Á và Thái Bình Dương, phụ tá và sát cánh cho đến phút chót với Henri Kissinger trong các cuộc thuộc thuyết tại hội nghị Paris chấm dứt chiến tranh Việt Nam.]

6. John S. Bowman, tổng biên tập, *The Vietnam War, Day by Day* [Chiến tranh Việt Nam, việc từng ngày], Mallard Press, New York, 1989, tr. 190.

7. Roger Warner, sđd. tr. 333. Nguyên văn: *"that losing the Vietnam War would be healthier for the U.S. than winning it. That losing was in the national interest. That it was a plus... It was a radical notion at the time, that by losing the war and by abandoning our Southeast Asian allies to their fate we would be doing the right thing."*

8. Lời của Lê Duẩn, bí thư thứ nhất đảng Lao Động Việt Nam. (Vũ Thư Hiên, *Đêm giữa ban ngày, hồi ký chính trị của một người không làm chính trị*,

Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tr. 422, phần chú thích.)

9. Một ví dụ rõ rệt nhất trong lịch sử Việt Nam, là vào năm 1801, nhà Tây Sơn đem quân vây Quy Nhơn do Võ Tánh và Ngô Tùng Châu của Nguyễn Phúc Ánh trấn giữ. Theo kế hoạch của Võ Tánh, Nguyễn Phúc Ánh chịu thua trận nầy, bỏ Quy Nhơn, tung quân ra đánh chiếm Phú Xuân, rồi ra Bắc hà dẹp nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước.

10. Đạp đồng đài: tức xe đạp, đồng hồ, và radio transistor. (Lúc đó có nhiều từ ngữ rất lạ lùng về việc nầy: ví dụ đồng hồ không người lái tức đồng hồ tự động, đồng hồ có đèn tức đồng hồ dạ quang, đồng hồ có cửa sổ tức đồng hồ có khung ngày.)

11. Chuyện nầy do một cán bộ tên Phương, thuộc Uỷ ban Khoa học Xã hội Hà Nội, được gởi vào Nam để nghiên cứu kế hoạch văn hóa, kể tại nhà của nhà văn Phan Du tại Đà Nẵng vào thời điểm trên, người viết có mặt trong buổi nói chuyện nầy.

12. Một câu chuyện mà người viết nghe kể tại Sài Gòn trước năm 1980: Khi thủ tướng Cộng Hòa Dân Chủ Đức (Đông Đức), ông Erich Honecker (1912-1994), qua thăm Việt Nam, ghé Sài Gòn, lúc đó đã có tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Honecker đề nghị thuê các trí thức Sài Gòn sang làm việc tại Đông Đức, trả bằng ngoại tệ qua nhà cầm quyền cộng sản. Chủ tịch Uỷ Ban Nhân Dân TPHCM lúc đó là Võ Văn Kiệt đồng ý ngay vì nhà nước cộng sản rất cần ngoại tệ. Theo nhu cầu về chuyên viên của chính phủ Đông Đức, ông Võ Văn Kiệt lên danh sách các chuyên viên đã tốt nghiệp các trường đại học Đông Âu, Liên Xô và Trung Cộng, nhưng Honecker lắc đầu từ chối, và tự mình đưa ra một danh sách nêu đích danh tên tuổi những chuyên viên khoa học kỹ thuật miền Nam đã tốt nghiệp tại miền Nam, cũng như ở Âu Mỹ còn ở lại miền Nam.

13. Nguyễn Minh Cần, *Công lý đòi hỏi*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1997, tt. 76-77.

14. Nguyễn Hiến Lê, Hồi kí tập III, Nxb. Văn Nghệ, California, 1988, tt. 17-18, 25.

15. Cuộc phỏng vấn do Thanh Thảo thực hiện, nguyệt san *Việt Nam Dân Chủ*, số 40, California, tháng 1-2000. (tài liệu rút từ Internet, http//www.lm-vntd.org/vndc0100/bai06.htm). Những chữ in đậm do người viết bài nầy muốn nhấn mạnh.

16. * Ngô Nhân Dụng, "Jane Fonda hối tiếc" http://www.

nguoi-viet.com/spcl/0622/binhluan.htm

* Xin xem thêm về Jane Fonda: http://www.rjgeib.com/thoughts/fonda/fonda.html

17. Số người Việt Nam Cộng Hòa bị tù sau năm 1975 chưa từng được cộng sản tiết lộ. Sau khi thăm dò nhiều người bị tù ở nhiều trại học tập tại các tỉnh khác nhau, người viết chỉ đưa ra con số ước chừng mà thôi. Nhiều người cho biết con số thật sự bị tù nhiều hơn, phải trên 1.000.000 người, vì chẳng những quân nhân, công chức, mà cán bộ xã ấp ở nông thôn, và cả phụ nữ nữa, cũng bị đi tù nhiều năm.

18. *Việt Mercury*, San Jose, California, 9-3-2001, http://www.

vietmercury.com/2001/week10/News/Story01.html) (Nữ ca sĩ Phương Thanh, trả lời phỏng vấn của thông tín viên Đức Hà).

19. Vũ Thư Hiên, sđd. tr. 303. Lời nói trên là của ông Vũ Đình Huỳnh nói với con là nhà văn Vũ Thư Hiên năm 1986. Ông Vũ Đình Huỳnh gia nhập đảng CS năm 1930, từng chứa chấp, nuôi ăn trong nhà tại Hà Nội những cán bộ cộng sản, kể cả ông Hồ Chí Minh. Ông Vũ Đình Huỳnh còn là bí thư của ông Hồ, Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ ngoại giao cộng sản cho đến khi hưu trí năm 1964.

20. Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc Hội*, Nxb. Văn Nghệ, California, 1995, tr. 345.

21. Thành Tín, "Pháp du phiêu lưu ký," *Thông Luận.*
http://www.thongluan.org/VN/Tailieu/ThanhTin-LKPdiPhap.htm

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

BÀI CUỐI VỀ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Trong bài viết đầu tiên từ năm 1997 với mục đích tìm hiểu chính xác về các thành viên TLVĐ tôi đã thắc mắc là Xuân Diệu có là thành viên của TLVĐ không? Khi đọc di cảo của Nhất Linh biết Xuân Diệu cũng là một thành viên TLVĐ thì từ di cảo này nảy sinh hai thắc mắc mới là Xuân Diệu gia nhập TLVĐ năm nào và tên thật của Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ hay Nguyễn Thứ Lễ.

Hầu như tất cả các tác giả khi nói về tiểu sử Thế Lữ đều ghi tên thật ông là Nguyễn Thứ Lễ rồi nói lái thành bút hiệu Thế Lữ. Gần đây nhất, nhà văn Xuân Vũ, một người tập kết từ miền Nam ra Bắc theo kháng chiến, được gặp gỡ nhiều nhà văn tiền chiến trong bài *Cọp Thế Lữ Nhớ Rừng* đăng trên bán nguyệt san *Văn Nghệ Tiền Phong*, VA số 540 xuất bản tháng 7.1998 cũng đã khẳng định rằng *"Thế Lữ tên thật là Nguyễn Thứ Lễ có người con trai làm đạo diễn kịch tên là Nguyễn Thứ Nghi (Lễ Nghi)."*

Tôi chỉ đọc được tài liệu duy nhất viết tên thật Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ là di cảo của Nhất Linh đăng trên nguyệt san *Văn Học Nghệ Thuật* tại Mỹ năm 1985 nhưng không nói rõ chi tiết. Trong cuốn *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ Thứ 20* (phần kim văn) xuất bản tại Sài Gòn năm 1960, giáo sư Lê Kim Ngân nói về tên thật Thế Lữ đã bất nhất khi viết Nguyễn Thứ Lễ, khi viết Nguyễn Đình Lễ.

Trên nguyệt san *Thế Kỷ 21* số 114 - tháng 10. 1998, ông Huy Anh ở Nebraska nêu ý kiến nên hỏi thẳng ông Nghi qua địa chỉ Hội Nhà Văn, Hà Nội là chắc nhất. Tôi không làm theo lời khuyên đó vì cuối thập niên 1980 tôi có viết một lá thư gửi Hội Nhà Văn nhờ chuyển cho nhà văn Kim Lân, người bạn cùng huyện Tiên Du (Bắc Ninh) và cùng làm việc trong tòa soạn báo *Xông Pha* của Khu 12, Việt Bắc khi tôi theo kháng chiến lúc mới 19 tuổi nhưng không biết thư có được chuyển không vì không có hồi âm.

Năm 2000 tôi ngỏ ý với người em họ ở Hà Nội đã làm việc trong ngành sân khấu là tôi muốn tiếp xúc với ông Nghi, em tôi đã cho số điện thoại và địa chỉ ông Nghi ở Khu Tập Thể Nhà Hát Kịch Trung Ương, phố Tràng Tiền, Hà Nội (đằng sau nhà Hát Lớn). Tôi viết cho ông Nghi một lá thư tỏ ý muốn biết chính xác tên thật của nhà văn Thế Lữ để làm sáng tỏ một chi tiết văn học. Cùng với lá thư kèm tem hồi báo, tôi gửi cả bài tôi viết về TLVĐ nhưng đã xóa bỏ một vài dòng liên quan tới những nhận xét sai về thành viên văn đoàn này trích trong *Lời Nói Đầu* in ở cuốn I bộ *Tuyển Tập Tự Lực Văn Đoàn* do nhà xuất bản của Hội Nhà Văn in năm 1999 và của một tác giả trong nước là Vu Gia.

Ít ngày sau em tôi gửi thư điện tử (e-mail) cho tôi biết là ông Nghi đã lớn tuổi hiện đang nằm bệnh viện nhưng có nói với em tôi tỏ ý nghi ngại không muốn liên hệ với người lạ ở Mỹ. Cho tới ngày 12 tháng 2 năm 2001 tôi nhận được một e- mail khác báo một tin buồn trong đó có câu liên quan tới Thế Lữ nguyên văn như sau:

"Mọi chi tiết về cụ Thế Lữ tức cụ Nguyễn Đình Lễ bố của ông Nguyễn Đình Nghi đều được ông Nghi gọi điện thoại cho em xác nhận là đúng và còn nhắn khi nào xong sách anh gửi cho một cuốn. Nhưng anh Huân ơi ngày 11 tháng hai năm 2001 ông Nghi đã qua đời tại bệnh viện do tuổi già và căn bệnh hiểm nghèo..."

Tuy chưa hề gặp mặt ông Nghi, tôi cũng bồi hồi khi nhận tin ông quá vãng. Tôi gửi thư chia buồn với thân quyến ông và thật tiếc là đã không tặng ông được cuốn sách tương lai của tôi sẽ có bài báo này. Tuy không hỏi thêm được chi tiết về lý do bởi đâu và từ bao giờ có tên Nguyễn Thứ Lễ nhưng điểm chính về tên thật nhà văn Thế Lữ đã sáng tỏ. Câu chuyện sai lầm về bút hiệu Thế Lữ thoát thai từ tên Nguyễn Thứ Lễ tại sao được viết đi viết lại kể cả khi những người liên hệ còn sống.

Sự kiện đó khiến tôi nhớ tới câu chuyện nhà văn Mỹ Jerome David Salinger, tác giả tiểu thuyết *The Catcher in the Rye* (Bắt Trẻ Đồng Xanh) mà nguyệt san *Văn Học* thuật lại trong số phát hành tháng 3. 2001. Ông Salinger là một nhà văn tên tuổi nhưng cực kỳ khó tính chỉ cho độc giả đọc tác phẩm của ông mà không cho ai được biết thêm về cuộc đời ông dù năm 2001 ông đã 82, đang ở cuối cuộc đời. Ông tránh mọi cuộc tiếp xúc, ông kiện người phỏng vấn giả tưởng ông. Ông kiện Ian Hamilton tại Tối Cao Pháp Viện để chặn ông này không cho xuất bản sách nói về ông. Ông dọa kiện trường đại học Brandeis vì trường loan báo trao giải thưởng cho ông nghĩa là muốn ông xuất hiện. Những người ái mộ ông mở một trang nhà trên mạng lưới điện toán vinh danh ông rồi cũng phải dẹp bỏ vì ông phản đối.

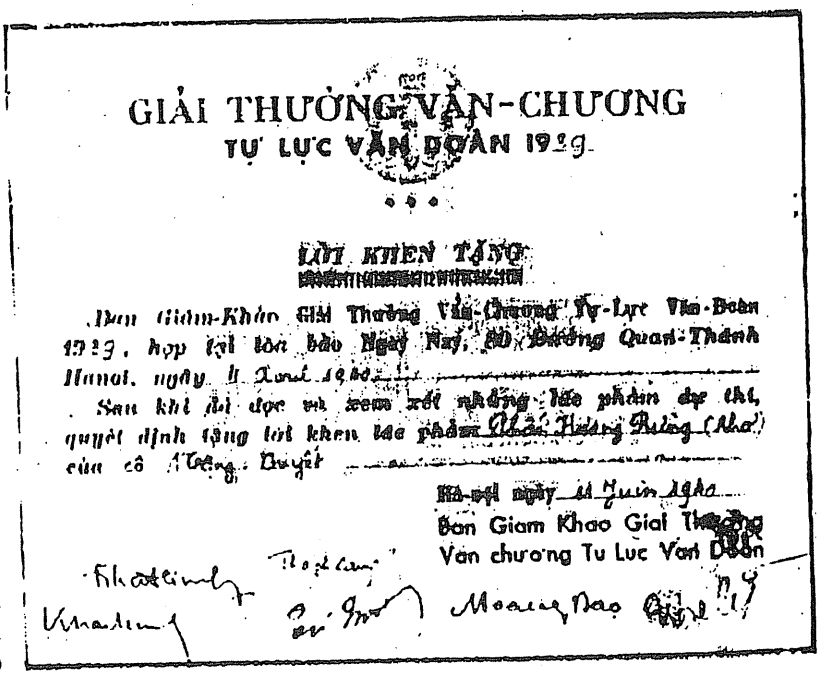

GIẢI THƯỞNG VĂN-CHƯƠNG
TỰ LỰC VĂN ĐOÀN 1939

LỜI KHEN TẶNG

Ban Giám-Khảo Giải Thưởng Văn-Chương Tự-Lực Văn-Đoàn 1939, họp tại tòa báo Ngày Nay, 80 Đường Quan-Thánh Hanoi, ngày 11 Juin 1940

Sau khi đã đọc và xem xét những tác phẩm dự thi, quyết định tặng lời khen tác phẩm Quả Hoàng Bưởi (Nhà) của cô Mộng Tuyết

Hà-nội ngày 11 Juin 1940
Ban Giám Khảo Giải Thưởng Văn chương Tự Lực Văn Đoàn

Bằng khen tặng của Tự Lực Văn Đoàn với các chữ ký: Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Thế Lữ

Ở một xứ sở nhiều luật gia như Hoa Kỳ thì chuyện Salinger còn có thể hiểu nhưng trường hợp Thế Lữ và những nhà văn khác của TLVĐ tôi nghĩ họ không đến nỗi khó như thế. Vậy thì sao câu chuyện sai lầm về tên thật của Thế Lữ kéo dài quá lâu. Phải chăng vì một số nhà văn của ta quá coi thường những chi tiết, coi như những chuyện tầm phào chẳng thèm lên tiếng, chẳng thèm đính chính. Nên mới gây ra những lời đồn, những suy đoán, những sự sao chép tài liệu trong thư viện không kiểm chứng để gây rắc rối cho người đi sau muốn biết chính xác những vấn đề thuộc văn học sử.

Chi tiết thứ hai chúng tôi tìm hiểu là ngày gia nhập TLVĐ của Xuân Diệu. Nhà thơ Cao Mỵ Nhân đã từng viết bà có được coi quyết định trao giải thưởng TLVĐ tổ chức năm 1939 cho cuốn Bức Tranh Quê của Anh Thơ trong đó có ba chữ ký Thế Lữ, Tú Mỡ và Xuân Diệu.

Trong thư Huy Cận gửi ông Khai Trí đề ngày 25.6.1998 có đoạn viết rằng: Xuân Diệu là thành viên chính thức của TLVĐ từ 1938. Ở trang đầu quyển *Thơ Thơ* (của Xuân Diệu) xuất bản 1938 có in rõ *"Xuân Diệu trong TLVĐ"*. Tại sao lại ở trang đầu trong khi thông thường dòng chữ Trong TLVĐ luôn luôn được in ở ngoài bìa, ngay dưới tên tác giả. Trên báo *Kiến Thức Ngày Nay* xuất bản tại Sài Gòn số 93 ngày 1.12.1995 Mộng Tuyết kể bà cũng được khen thưởng trong giải văn chương TLVĐ năm 1939. Chúng tôi có phóng ảnh Lời Khen Tặng này ký ngày 11.6.1940 bởi sáu thành viên nguyên thủy là Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Tú Mỡ, Hoàng Đạo, Thế Lữ mà không có Xuân Diệu dù là giấy khen về bộ môn thơ.

Vậy thì Xuân Diệu được kết nạp từ 1938 như Huy Cận nói hay là sau 1940 nếu căn cứ theo giấy khen của TLVĐ cấp cho nhà thơ Mộng Tuyết?

Để chấm dứt bài này chúng tôi nghĩ có thể kết luận chính xác được hai điểm Xuân Diệu là thành viên thứ bảy của TLVĐ và tên thật nhà văn Thế Lữ là Nguyễn Đình Lễ. Mọi chi tiết về ngày gia nhập văn đoàn của Xuân Diệu và tại sao có câu chuyện nói lái thành bút hiệu Thế Lữ lưu truyền, được viết trên sách báo gần một thế kỷ qua không còn cần thiết nữa. Và để tránh những suy luận hồ đồ có thể gây thêm rối rắm bài này sẽ là bài cuối tìm hiểu về các thành viên TLVĐ.●

LAO PDR.COM: ĐI RA TỪ LÃNG QUÊN

NGÔ THẾ VINH

Sau chủ nghĩa xã hội, Lào lại đang có nguy cơ trở thành tổn thất của chủ nghĩa tư bản.

Mở lại hồ sơ Lào

Từng bị mang tên là *"Xứ Sở Bị Lãng Quên,"* gần đây Lào lại đang được biết tới không chỉ qua *Du Lịch Sinh Thái* với hơn 600 ngàn du khách / năm nhưng còn được chú ý nhiều hơn nữa do tin tức từ bên ngoài về những biến động chánh trị ở Lào. Dĩ nhiên phải *từ bên ngoài* vì không có tự do báo chí hay đúng hơn không có sinh hoạt báo chí ở Lào. Hại tờ tuần san / bán tuần san *Le Rénovateur* [tiếng Pháp] và *Vientiane Times* [tiếng Anh] là của Nhà Nước Lào chủ yếu dành cho người nước ngoài.

Sau vụ lũ lụt lớn nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long, bây giờ là tháng 12 - thời điểm tốt về thời tiết để viếng thăm Lào [giữa khoảng tháng 11 tới tháng 3]: sau đó khí hậu quá khô nóng rồi tiếp theo là Mùa Mưa. Nhưng xem ra thời điểm lại không tốt về *tình hình chánh trị* ở Lào với dồn dập những tin tức:

Các vụ nổ bom từ Vạn Tượng tới Pakse làm rung chuyển nước Lào. Tướng lưu vong Vang Pao người Hmong phủ nhận trách nhiệm (*AFP, 26/07/ 2000*). Vụ nổi dậy vũ trang bị giấu nhẹm ở vùng núi non Muong Khoun, Lào (*AFP, 04/08/ 2000*). Tin Bộ trưởng Tài chánh Khamsay con trai ông Hoàng Đỏ Souvanouvong tỵ nạn chánh trị bị Lào phủ nhận (*AFP, 05/08/ 2000*). Rồi tiếp theo những tin như: vụ tấn công biên giới Lào Thái với cờ Hoàng Gia Lào; người Mỹ gốc Hmong mất tích trên đường tới Lào; người Hmong đốt chợ ở cây số 52 trên quốc lộ 13 phía bắc Vạn Tượng; đoàn xe chở quân đội Cộng sản Việt Nam di chuyển qua thủ đô Vạn Tượng... Tòa Đại Sứ khuyên không nên du lịch đường bộ lên phía bắc Vạn Tượng. Rồi là cả một bài viết dài đọc được trên Internet viết về *"Những Biến Chuyển Tại Lào"* với đầy bất ổn.

Chuyến đi tới với con sông *Mea Nam Khong* [tên Lào Thái của con sông Mekong] trong bối cảnh chánh trị địa dư như vậy. Hành trang đem theo phải kể cả những dữ kiện đầy ắp của cuộc hành trình hai năm 24 ngày của Đoàn Thám Hiểm Pháp *Mekong Expedition 1866-1868* cách đây hơn một thế kỷ.

Từ Bangkok sang Vạn Tượng

Bằng chuyến bay Thai Royal International từ Bangkok đi Vạn Tượng sáng hôm sau. Cả nước Thái đang hân hoan làm lễ mừng sinh nhật thứ 72 của quốc vương Bhumibol: *The King's 72nd Celebration* là dòng chữ có thể đọc được trên tất cả thân tàu của các chuyến bay hãng hàng không Hoàng Gia Thái.

Chỉ một giờ bay để đặt chân tới phi trường quốc tế Wattay khang trang và xinh xắn, mới được Nhật Bản xây giúp. [Nhật cũng vừa giúp Lào xây xong 8/2000 một cây cầu *Lao-Nippon Bridge* lớn thứ hai bắc qua sông Mekong nơi tỉnh Champassak miền nam nước Lào - sau cây cầu *Mittaphap* do Úc xây 1994].

Không còn những bảng hiệu tuyên truyền kiểu *"Nông Công Binh Đoàn Kết Bảo Vệ Chủ Nghĩa Xã Hội."* Vạn Tượng cuối năm 2000 đã khác xa với những trang sách của Graham Greene trong *Người Mỹ Trầm Lặng.*

Thủ đô Vạn Tượng nay đang trên đà phát triển nhưng vẫn là một thị trấn nhỏ với những ngôi biệt thự cũ thời Pháp ẩn khuất dưới tàng cây xanh ngày càng ít đi. Sở Ngân Khố cũ cũng từ thời Pháp trên đường Fa Ngum bỏ hoang phế chỉ còn bốn bức tường vàng với mái đổ nát, rất tương phản với Tòa Nhà Trắng uy nghi không xa đó của chủ tịch nhà nước Lào.

Từ cái nền phẳng xanh ấy của Vạn Tượng bắt đầu vươn lên những tòa nhà mới cao từng, nổi bật nhất vẫn là các khách sạn bốn sao

hàng trăm buồng, nhìn xuống những đường phố đông đảo xe cộ, xe gắn máy Honda, xe Tuk Tuk ba bánh, xe hơi nhỏ và cả những Taxi của công ty Lavi là một liên doanh Lào Việt.

Tấp nập nhất là khu quảng trường Nam Phou [với vòi nước phun chỉ có vào ban đêm] với du khách thuộc nhiều quốc gia nhưng đông nhất vẫn là Tây ba lô.

Vội vã với *Đổi Mới*, Vạn Tượng từ một thị trấn im ngủ đã như một nàng công chúa choàng thức dậy để đón những hoàng tử đang đổ tới từ Thái Lan.

Mae Nam Khong - Sông Mẹ cạn dòng

Bây giờ mới là giữa tháng Chạp - vừa hết Mùa Mưa [chưa vào cao điểm Mùa Khô, khoảng tháng Tư tháng Năm] vậy mà khúc sông Mekong chảy qua Vạn Tượng như đã khô cạn với ngổn ngang những cồn và bãi. Bên tả ngạn phía Lào, từ lầu ba khách sạn Lane Xang nhìn xuống chỉ thấy xanh rờn các bãi trồng bắp trồng chuối lan ra tới 1/3 sông trước khi tới được dòng nước như con sông nhỏ, rồi là cả một giồng cát lớn giữa sông ngăn đôi với một dòng chảy khác bên hữu ngạn phía Thái.

Đây đâu phải là hình ảnh đích thực của *Con Sông Mekong Dũng Mãnh* lớn thứ ba của Châu Á và lớn thứ 12 của thế giới? [như mạch sống của người dân Lào, Cam Bốt cũng như của hàng bao triệu cư dân Việt nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long.]

Kể từ 1994 khi có cây cầu Mittaphap bắc ngang qua sông Mekong, không còn cảnh buổi sáng thuyền bè tấp nập từ Lào với thúng mủng trống trơn trên đường sang bến cảng Nong Khai phía Thái để khi trở về thì chất đầy hàng hóa từ thời kỳ "Đổi Mới." Nay ngoài mấy chuyến tàu dọc, chỉ còn thưa thớt trên sông những chiếc thuyền chài nhỏ mà tôi chú ý theo dõi từ sáng sớm cho tới khi họ vào bờ. Để tận mắt thấy trên mỗi chiếc ghe là mớ cá vụn. Không ai có cái xa xỉ thả lại xuống sông những con cá nhỏ ấy để chờ một mẻ lưới lớn hơn ở mai sau [vì đây là nguồn protein trong ngày của một gia đình]. Bác ngư dân già vẻ ẩn nhẫn nói: *sông ngày càng cạn và cá thì ngày càng ít đi.*

Nước con sông Mekong vẫn còn đỏ phù sa nhưng dòng chảy thật chậm. Không có bên lở bên bồi mà chỉ có những bờ bãi hai bên bờ cứ kéo dài ra.

Tôi được giới thiệu gặp Nang Ouane. Chị sinh ra và lớn lên ở Vạn Tượng, là người có học hiểu biết, ngoài tiếng Lào tiếng Việt chị còn nói được tiếng Pháp tiếng Anh. Là chuyên viên cao cấp trong ngành ngân hàng trong số rất hiếm những người Lào học thức còn ở lại sau ngày đội quân Pathet Lao từ các khu hang động Sầm Nứa xuống tiếp thu thủ đô Vạn Tượng. Chị vẫn sống bình dị đời một công chức với tương lai là đàn con học rất giỏi đã có bốn đi du học ngoại quốc. Đứa con gái lớn của chị tốt nghiệp ngành điện toán ở Úc, nay là người tạo dựng mạng lưới Internet phát triển rất nhanh trên đất Lào. Sáng nay từ nhà tới sở làm trên đường bờ sông Fa Ngum, Nang Ouane vận một chiếc váy dệt theo lối y phục cổ truyền của phụ nữ Lào, chị có một vẻ đẹp hiền thục và giọng nói thật thanh thoát:

"Chỉ mới sáu bảy năm trở lại đây thôi con sông Mekong mới khô cạn đến như vậy. Trước đây khúc sông chảy qua Vạn Tượng lúc nào cũng đầy nước, chỉ có khác là mực nước cao thấp trong Mùa Mưa và Mùa Khô chứ đâu có trơ bờ bãi ra như bây giờ mà mưa thì vẫn vậy."

Thời điểm chị nói trùng hợp với năm hoàn tất con đập Man Wan (1993) cao 35 tầng trên thượng nguồn - con đập đầu tiên công suất 1500 MW trong dự án một chuỗi những con đập bậc thềm khổng lồ Vân Nam của Trung Quốc. Cũng vào năm đó, một hiện tượng được coi là bất thường khi mực nước con sông Mekong đột ngột tụt thấp xuống mà không vào Mùa Khô, chỉ lúc đó thì người ta mới biết là Trung Quốc bắt đầu lấy nước vào hồ chứa con đập Man Wan. Dòng chảy của con sông Mekong nơi hạ lưu sẽ ra sao khi cả chuỗi tám con đập bậc thềm Vân Nam được hoàn tất trong hai thập niên đầu của thế kỷ 21. Nước trong các hồ chứa không chỉ để chạy các *turbine* mà còn được dùng để tưới cho những vùng ruộng đất mênh mông khô cằn của Trung Quốc.

Cũng buổi sáng hôm ấy, qua Thong Dien, người tài xế Lào gốc Việt của tôi cho biết thêm:

"Em từ vùng giải phóng Xieng Khouang theo gia đình lên sống ở Vạn Tượng từ 1976. Nhà gần sông tụi em thường ngày ra chơi. Em nhớ rõ là hồi đó con sông Mekong rất nhiều nước kể cả Mùa Khô; vào Mùa Mưa thì khỏi nói con sông nước chảy mạnh là thế nào. Nhưng chỉ có năm bảy năm gần đây thôi khúc sông mới cạn như vậy, bây giờ mới tháng 11 - 12 mà sông đã thiếu nước. Hai mùa mưa nắng thì vẫn thế mà không biết nước chảy đi đâu hết!"

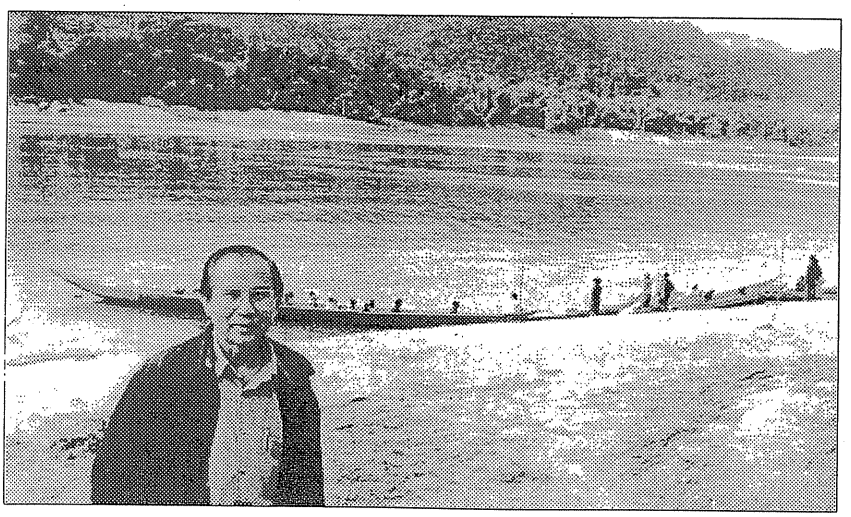

Tác giả bên bờ Cửu Long tại Bản Pak Ou

Rồi đưa tay chỉ xuống những bãi trồng bắp trồng rau dọc theo con đường Fa Ngum trải dài xuống tới mé sông cạn, Thong Dien tiếp:

"Chỗ ấy trước kia là sông nước chứ đâu có đất mà trồng trọt và cả cất nhà lên như vậy."

Theo tầm tay Thong Dien thì dưới những bụi chuối xanh um còn có ẩn hiện cả mấy túp nhà lá, hắn tiếp:

"Đất phù sa quá tốt nay đem trồng rau trồng bắp hay cả trồng chuối thì cứ gọi là 'vô tư'."

Ngữ vựng tiếng Việt của tôi tuy không gọi là giàu nhưng cũng không thể bảo là nghèo nàn, hai chữ "vô tư" theo cách dùng của anh tài xế người Lào gốc Việt này rất mới đối với tôi. Từ nay với tôi, Thong Dien sẽ có tên là tài xế Vô Tư.

Người Lào và cả nhà nước Lào hầu như vẫn vô cảm trước hiện tượng một con sông Mekong đang ngày một cạn dòng. Thời gian ở Lào, tôi chưa được nghe một ai nhắc tới những con đập bậc thềm Vân Nam. Không lẽ khúc sông thượng nguồn bắt đầu cạn kiệt ấy mà lại là nguồn nước cho cả một Biển Hồ của Cam Bốt và Đồng Bằng Sông Cửu Long của Việt Nam? Trong trí tưởng tôi lại hiện ra hình ảnh đối nghịch của con sông Tiền sông Hậu tẩm đẫm phù sa mênh mông có nơi trải rộng tới hơn ba km, từ bao nhiêu thế kỷ vẫn ôm ấp và và không ngừng bồi dưỡng cho ruộng đồng thẳng cánh cò bay và cả hàng trăm cù lao lớn nhỏ...

Đập Nam Ngum 30 năm sau

Nếu *Quốc Tự That Luong* như một biểu tượng cho lịch sử nước Lào thì đập Nam Ngum cũng là niềm hãnh diện khác của tiến bộ và phát triển của người dân Lào.

Là con đập thủy điện đầu tiên được xây dựng rất sớm ngay giữa những năm giông bão của cuộc Chiến Tranh Việt Nam. Mỹ cũng đổ tiền thêm vào giúp Lào sớm hoàn tất con đập [1971] để có thêm nguồn điện cung cấp cho căn cứ không quân chiến lược Udon lúc đó đang nhộn nhịp hoạt động ở vùng đông bắc Thái.

Hồ chứa đập Nam Ngum trải rộng trên một diện tích hơn 250 Km2 (lớn hơn 1/3 toàn diện tích đảo quốc Singapore), như một thắng cảnh thiên nhiên có vẻ đẹp hùng vĩ với cảnh trí núi non và hàng trăm những hòn đảo lớn nhỏ, tuy không còn thú lớn nhưng vẫn là nơi cư trú của thú nhỏ như khỉ, chút, các loài chim và rắn nước.

Còn phải kể tới một cảnh trí lạ mắt khác là vô số những ngọn cây cao hơn 50 mét tua tủa vươn lên khỏi mặt nước do rừng cây chưa kịp khai quang đã bị dìm sâu dưới đáy hồ. Cây không chỉ làm rách lưới ngư dân nhưng còn có thể làm vỡ thuyền bè đụng phải khi di chuyển trên mặt hồ.

Nam Ngum trở thành một tụ điểm du lịch hấp dẫn với các quán ăn mà chủ là người Hoa, có thuyền máy du ngoạn trên hồ. Ở bờ hồ phía nam, nhóm doanh nhân người Mã Lai có kế hoạch đầu tư mở khách sạn bốn sao *Dan Savanh Nam Ngum Resort* 200 buồng, với bãi tắm, sân golf và cả *Sòng-Bài-Sinh-Thái / Eco-Casino* - thêm một hình thức *đĩ điếm hóa / prostitution từ "sinh thái"* của đám con buôn.

Không phải là vô lý khi gặp một giáo sư đại học Stanford đang viếng thăm Lào đã có nhận xét và phát biểu: - Đến một lúc nào đó người dân Lào trở thành *"công dân hạng hai - second class citizen"* ngay trên đất nước họ.

Cá trong hồ là nguồn lợi tức cho ngót bốn ngàn ngư dân quanh vùng với lượng cá đánh được trước đây lên tới 850 ngàn tấn mỗi năm

nhưng cá ngày càng ít đi do lối đánh cá "lùng và diệt" bất kể cá lớn nhỏ với lưới, súng hơi và cả điện xoẹt.

Khi nguồn cá bớt đi thì người ta trồng thêm chuối trên các đảo: những trái chuối ngự vàng óng thơm ngon bán rẻ cho khách không phải từng nải mà là từng buồng.

Cũng chẳng thể ngờ rằng ngay từ 1975 người Cộng Sản Lào đã có *"vận dụng sáng tạo"* là dùng hai đảo lớn giữa hồ để biến thành *"trại lao cải - reeducation camp"* cho những thành phần xã hội mà họ gọi là *"cặn bã của tư bản"* bao gồm gái điếm, trộm cắp, thiếu niên du đãng... có lẫn tù chánh trị hay không trong đám tù hình sự đó thì chỉ có chính nạn nhân mới tự biết.

Với số câu tiếng Lào mới học chỉ đủ cho xã giao du lịch nhưng tôi có được Thong Dien, tài xế người Lào gốc Việt đã rất hoạt bát thông dịch. Vượt được hàng rào ngôn ngữ rồi thì tôi cũng có nhiều điều để giúp Laxami tài công lái tàu và Thong Dien hiểu thêm về lịch sử những giai đoạn hình thành con đập.

Ở một chừng mực nào đó, với từng bước phát triển hài hòa, cùng lúc quan tâm tới bảo vệ sinh cảnh môi trường, thì không thể phủ nhận được là đập Nam Ngum đã thực sự cải thiện đem lại ánh sáng cuộc sống văn minh tới người dân Lào.

Với người Lào hiểu biết tiến bộ, thấy được tiềm năng tài nguyên thiên nhiên của Lào, họ không muốn kìm hãm đất nước họ mãi dừng lại như *"một thư viện bảo tàng các di tích của thời kỳ đồ đá đồ đồng"* để mua vui cho du khách.

Phải đi suốt 420 Km đường bộ từ Vạn Tượng tới Luang Prabang, vượt hơn 170 Km đường đèo với núi cao và lũng sâu, không chỉ để thấy được tính đa dạng các sắc tộc Lào (*Lao Lum* - Kinh , *Lao Theung* - Thượng , *Lao Soung* - Núi) và còn thấy được ánh sáng điện từ con đập Nam Ngum vươn xa tới đâu - tới những thôn bản trên các rẻo cao xa xôi hẻo lánh nhất.

Từ Nam Ngum tới điện khí hóa nước Lào

Sang đầu thế kỷ 21, theo Bộ Điện Lực Lào thì vẫn còn 19 huyện trong tổng số 121 huyện trên toàn quốc phải sống trong cảnh không điện cho dù Lào là nước xuất cảng điện sang các nước láng giềng. Là một xứ sở núi non, ngoài con sông Mekong vẫn được coi là dũng mãnh và cả một hệ thống các phụ lưu, Lào còn có vô số những con sông nhỏ; do đó Phân Bộ Điện Lực Lào đang có kế hoạch phát triển thêm các đập thủy điện bỏ túi trên những con sông này nhằm đem lại tiện nghi ánh sáng cho người dân Lào.

Cho tới năm 2000, Công Ty Điện Lực Lào đã sở hữu được năm đập thủy điện với công suất tổng cộng lên tới 270 MW. Đập Nam Ngum 150 MW, đập Selabam 5 MW, đập Nam Dong 1 MW. Có thêm hai đập thủy điện mới Sexet 45 MW ở tỉnh Savannakhet và Nam Leuk 60 MW ở tỉnh Bolikhamsay. [Ngoài ra Lào vẫn còn phải sử dụng hai nhà máy nhiệt điện chạy bằng xăng dầu: một ở Vạn Tượng 8 MW, một ở Luang Prabang 1 MW].

Dĩ nhiên trên đất nước Lào còn những đập thủy điện lớn khác như: Houay Ho 150 MW, Nam Theun Hinboun 210 MW... nhưng là của công ty ngoại quốc hay liên doanh với chánh phủ Lào dưới dạng BOOT (*Build, Own, Operate, Transfer*).

Lào đã xuất cảng 644 triệu KWH sang các nước láng nhưng vẫn phải nhập cảng 163 triệu KWH cho các vùng xa xôi gần biên giới như điện tỉnh Sầm Nứa là từ con đập thủy điện Hòa Bình.

Phải kêu gọi dân chúng Lào tiết kiệm điện vẫn là một khẩu hiệu trên một đất nước được mệnh danh là *"xứ Kuwait thủy điện của Đông Nam Á ."* **Đường bộ 160 km lên Vang Vieng**

Rời đập Nam Ngum theo đường số 5 ra quốc lộ 13, cảnh trí hai bên bờ sông một màu xanh mướt. Bên đường là những căn nhà gạch mới - không còn là kiến trúc nhà sàn. Trên quốc lộ, cảnh rất thường gặp là mấy cô thiếu nữ Lào xinh đẹp vẫn bận váy thay vì quần Jean chạy những chiếc xe Honda Dream mới tinh; thỉnh thoảng còn gặp một đầu máy kéo chở đầy người đi chợ như phương tiện giao thông khác của người dân Lào - cảnh tượng giống như ở Vân Nam. Heo, gà vịt ngan, kể cả gà tây *turkeys* với mào đỏ rực được thả chạy rong trên đường.

Nếu bánh mì *baguette* với cà phê sữa đặc như dấu ấn ảnh hưởng của văn hóa Pháp thì hẳn những chú gà tây *turkeys* sống sót trong dịp lễ *Thanksgiving* trước đây nơi Cây Số Sáu [*Six Clicks City*] *có lẽ là di sản duy nhất tốt đẹp ngoài rất nhiều bom đạn chưa nổ mà người Mỹ còn để lại trên xứ Lào.*

[Tưởng cũng nên mở một dấu ngoặc về địa danh Cây Số 6: giữa cuộc Chiến Tranh Việt Nam được biết với cái tên Six Klicks City, phía

bắc thủ đô Vạn Tượng, là khu riêng biệt của người Mỹ như một ốc đảo - với những bungalows nhà ở, trường học, hồ bơi, sân quần vợt, rạp chiếu bóng, quán ăn, tiệm rượu và cả phòng tắm hơi. Dĩ nhiên trong vòng rào kẽm gai kiên cố ấy có cơ quan USAID, tòa đại sứ Mỹ như một trung tâm quyền lực và cả một phân bộ CIA điều khiển cuộc chiến tranh bí mật ở Lào. Một nước Lào - như Bernard Fall nhận định, đã không được coi là một thực thể địa dư chủng tộc hay xã hội mà thuần chỉ là một tiện nghi chánh trị. Sau 1975 không còn người Mỹ, thì cũng chính nơi đây trở thành tổng hành dinh của chủ tịch Kaysone Phomvihane cho tới ngày ông mất 1992 và nay là Viện Bảo Tàng nguy nga do Việt Nam xây cất.]

Gần chân núi, trên một thửa ruộng trơ gốc rạ, mấy nông dân Lào không dùng trâu bò mà lại đang sử dụng đầu máy để cầy lật những luống đất. Sau điện khí hóa [thủy điện] là bước đầu kỹ nghệ hóa với nhà máy xi măng [của Trung Quốc], nhà máy liên doanh Pepsi và Bia Lào rất nổi tiếng nay tới bước cơ giới hóa nông nghiệp là nét phát triển mới của xứ Lào.

Trên khúc đường đèo đầy nắng gió, thỉnh thoảng lại gặp mấy cô gái Hmong rất trẻ mà đã làm mẹ với địu con trên lưng. Những đứa trẻ nhỏ xíu thiếu cân ấy nếu sống sót qua được năm tuổi giữa thiên nhiên khắc nghiệt, chúng sẽ rất sớm trở thành những chiến sĩ của rừng xanh.

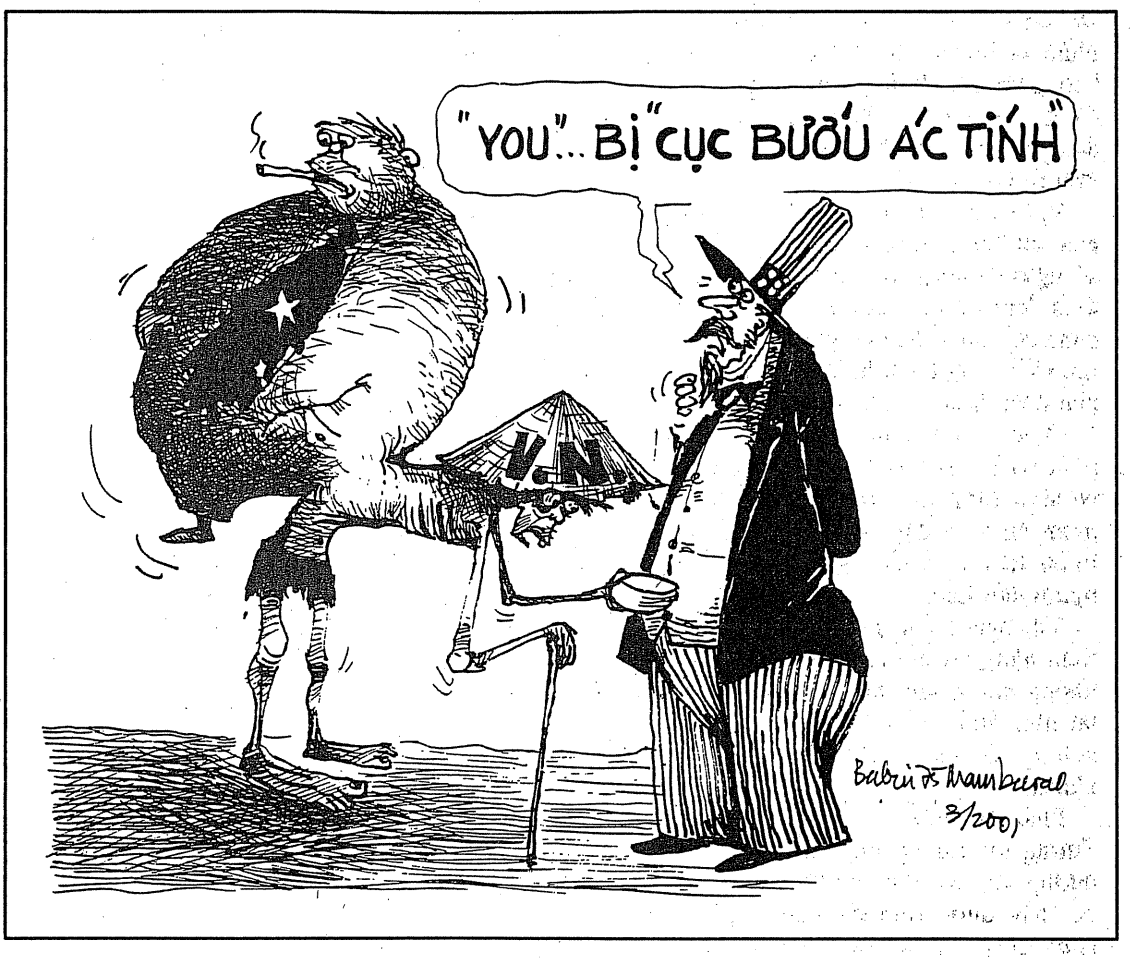

Vang Vieng - Căn cứ Lima 6

Là một thị trấn rất nhỏ vùng cao nằm phía bờ đông của con sông Nam Xong với phía tây là rặng núi đá chập chùng như bức tường thành với nhiều hang động và đang trở thành một tụ điểm càng ngày càng thu hút nhiều du khách. Dân trong vùng chủ yếu là người Hmong, người Yao. Nguyên là một địa danh nổi tiếng trong thời kỳ Chiến Tranh Việt Nam, với một đường bay ngắn STOL (*Short Takeoff and Landing*) đã từng hoạt động tấp nập trong cuộc chiến tranh bí mật của CIA ở Lào, được các phi công Air America biết tới với cái tên

Lima Site 6. Nay vẫn còn đó một phi đạo trống trải với các bồn xăng bỏ hoang phế .

Vang Vieng mùa này đang tấp nập khách du lịch, họ tới đây để leo núi thăm hang, rồi tắm suối, bơi sông, chèo thuyền và cả kiếm thuốc phiện hút trong các thôn bản người Hmong với giá thật rẻ. Những cô gái Lào bụi đời cặp đôi với các ông Tây ba lô không còn là cảnh hiếm thấy.

Gần khu chợ, kịp thời mọc lên vô số những nhà khách rẻ tiền từ 1 đô la / đêm. Nhưng cũng không thiếu khu nghỉ mát sang trọng *Vang Vieng Resort* với bungalows kiểu Anh chủ yếu phục vụ những doanh nhân Tàu Đài Loan Hong Kong Thái Singapore đang kiếm tiền như nước trên đất Lào.

Không chỉ ở thành phố lớn, ngay tại thị trấn rất nhỏ Vang Vieng này, cũng có các quán *Café Internet* lúc nào cũng đông khách ngoại quốc. Quản lý mạng lưới Internet này là đám thanh niên sinh viên Lào rất năng động và nói được tiếng Anh. Trong đám khách sử dụng Email ấy nay bắt đầu có thêm cả mấy cô cậu sinh viên Lào.

Tim tên người Mỹ gốc San Francisco, được giới thiệu như một *"nhà văn - writer"* làm "part time" trong một quán Café Internet đã nói với tôi:

"Thật hết sức ngạc nhiên [*amazing* - chữ của Tim] chỉ mới hai năm trước đây thôi, Internet còn bị coi là bất hợp pháp ở Lào, vậy mà bây giờ thì Café Internet tự dơ mọc ra khắp nơi.

Vào một quán *Internet* như vậy với cà phê miễn phí, lên lưới tính theo giờ giá rất rẻ so với ở Mỹ, lại có sẵn bán cả *post cards* đẹp với tem và hộp thư gửi tại chỗ và cũng trong sự ngạc nhiên, tôi đã không quên mua cho người bạn một chiếc *T-Shirt* với hàng chữ LaoPDR.com. Từ nay nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào *Lao People's Democratic Republic* đã có một địa chỉ trên thế giới ảo - *virtual world* để bước vào Thế Kỷ 21 - Thế Kỷ Toàn Cầu Hóa.

Con đường vương giả

Ra khỏi Vang Vieng vẫn theo quốc lộ 13 về hướng bắc, từ Kasi đến Luang Prabang là hơn 170 Km đường đèo hẹp dốc và ngoằn ngoèo, cũng để thấy được đủ cảnh trí choáng ngợp của núi cao và lũng sâu. Vào đầu thập niên 40, người Pháp bước đầu hoàn tất con đường nối Vạn Tượng - Luang Prabang nhưng sau đó thì bị hư hại hoàn toàn trong chiến tranh; đến thập niên 60 thì được Mỹ sửa chữa lại nhưng sau 75 lại bị đứt đoạn hư hỏng.

Phải mãi đến năm 1996, với sự giúp đỡ của Việt Nam đoạn đường này mới lại được phục hồi sau rất nhiều gian khổ của những toán công nhân làm đường Việt Nam và cả cái giá cao phải trả về nhân mạng (ít nhất có khoảng 20 người bị phiến quân phục kích giết, chưa kể số tai nạn lao động).

Ngày nay để đi từ Vạn Tượng tới Luang Prabang [nếu là *một chuyến đi suông sẻ*] chỉ trong một ngày thay vì phải ba ngày đường như trước kia.

Cũng quốc lộ 13, đoạn từ Luang Prabang tới Côn Minh thì lại do các toán công binh cầu đường Trung Quốc đảm trách. Lào được giúp đỡ từ nhiều quốc gia nhưng đáng kể nhất là từ Việt Nam, Trung Quốc và Nhật. Phải thấy sự lớn lao của *Cung Văn Hóa* ở trung tâm thủ đô Vạn Tượng do Trung Quốc xây tặng rồi tới *Viện Bảo Tàng Kaysone Phomvihane* ở Cây Số 6 do Việt Nam vừa hoàn tất với tổn phí hơn bốn triệu đô la tài trợ không bồi hoàn mới thấy nét phô trương tranh giành ảnh hưởng của hai quốc gia láng giềng này trên đất Lào.

Đoạn đường do Việt Nam làm khá tốt nhưng cũng thật là khó mà bảo rằng đó là đoạn đường an toàn. Nhân viên Liên Hiệp Quốc và của các tổ chức thiện nguyện nước ngoài vẫn được khuyên không nên dùng con đường bộ này vì nhiều đoạn xe bị chận cướp và cả hành khách bị giết.

Cách đây không lâu, Luang Prabang đã từng bị đặt trong tình trạng giới nghiêm do vụ một sĩ quan Hmong nổi loạn bắn cảnh sát, viên chức nhà nước và cả phục kích giết các công nhân làm đường Việt Nam.

Có nhiều giả thiết về một biến cố nhất thời như vậy. Bên ngoài thì nhìn như dấu hiệu lớn mạnh của phong trào chống Cộng mà người Hmong là lực lượng chủ chốt. Phía nhà nước Lào thì giải thích đây chỉ là phản ứng riêng lẻ của một sĩ quan bất mãn bị giải ngũ mà trợ cấp hưu bổng thì quá ít oi. Nguyên nhân gì đi nữa thì cũng đã có đổ máu - có máu của cả người Việt.

Không ai có thể đoan chắc điều gì khi chọn di chuyển trên *Con Đường Vương Giả* ấy. Làm sao mà không lên ruột khi giữa những đoạn đèo cao heo hút không một bóng người ấy, thỉnh thoảng lại xuất hiện mấy người lính ăn mặc tùy tiện với súng AK hay súng kíp, chẳng

biết thuộc phe nào làm dấu vẫy gọi cho xe dừng lại. Chuyện gì đây, chỉ để xin thuốc hút, đòi tiền mãi lộ hay còn đi xa hơn nữa. Cái gì xảy ra lúc ấy thì cũng dễ dàng ngụy trang như một tai nạn xe lật đèo và bao giờ có người biết tới thì cũng khó mà nói trước.

Chiếc xe chỉ có hai người nhẹ nhõm đang ngon trớn đổ dốc, tới một khúc quặt với nguyên cả một khối đá tảng che khuất phía trước thì gặp mấy người lính có đeo súng AK và cả M16 vẫy chặn. Vừa tươi cười vẫy tay nhưng bằng quyết định rất nhanh tài xế ấn ga cho xe chạy luôn, bỏ lại đoạn đường khuất phía sau vẫn yên tĩnh. Quyết định nào là đúng: chạy luôn hay dừng lại? Không có câu trả lời dứt khoát. Nhưng tôi thì nghĩ tới sự may mắn.

Tỏ vẻ quá quen thuộc trên đoạn đường đèo này, tài xế Vô Tư [tên tôi đặt cho Thong Dien] nói:

"Em thì quên mua thuốc lá để trong xe, có dừng lại cũng chẳng có gì nộp cho mấy ông ấy."

Rõ ràng Vô Tư muốn trấn an tôi rằng vụ chặn xe kia đơn giản chỉ là để xin thuốc hút. Thì cứ tin là như vậy. Đã trải qua một cuộc chiến tranh một thời lính tráng, tôi thì không bao giờ muốn là một *Bernard Fall* thứ hai ngã xuống không phải trên *Đường Phố Buồn tênh* mà lại là trên *Con Đường Vương Giả* của xứ Lào được coi là đang trong thời bình.

Tới Luang Prabang mới được cho biết là lầm lẫn khi xe lên đèo vào sẩm tối, trở thành mục tiêu rất dễ bị theo dõi bằng đèn. [Nhưng rút kinh nghiệm bằng chuyến trở về khởi hành thật sớm còn tệ hại hơn, xe lại phải đổ đèo thật chậm cũng với đèn nhưng trong một biển dày đặc sương mù với tầm nhìn không xa hơn ba mét].

Tưởng cũng nên nói thêm rằng dự định từ Luang Prabang đi Xieng Khouang thăm Cánh Đồng Chum đã không thành do tình trạng mất an ninh, chuyến bay bị hủy bỏ vì không có du khách mà đường bộ thì mới bị hư hỏng. Tôi học thêm được một điều: bất trắc phải được coi là thường nhật trong thời gian viếng thăm Lào. Nếu không mất an ninh thì *Con Đường Vương Giả* ấy sẽ là đoạn đường ngoạn cảnh [*scenic route*] tuyệt đẹp của đất nước Lào. Đâu có thua gì cảnh trí tuyệt vời của con đường Đèo Hải Vân từ Đà Nẵng ra Huế mà Paul Théroux từng đánh giá là đẹp nhất thế giới.

Du lịch Lào năm 2000

Một đất nước bao gồm nhiều sắc tộc, lại giàu tính lịch sử văn hóa và nghệ thuật, cộng thêm với cảnh trí thiên nhiên nhiều núi non, rất giàu những ngọn suối và cả con sông Mekong vốn dũng mãnh như mạch sống của đất nước Lào.

Du lịch sinh thái - Ecotour trở nên hấp dẫn và đang nhanh chóng phát triển thành kỹ nghệ du lịch tạo sức bật cho nền kinh tế Lào.

Thay cho chánh sách đóng cửa, quyết nghị của Đại Hội 4 Đảng Cách Mạng Nhân Dân Lào là cả một bước ngoặt: *"Du lịch là nguồn lợi tức và là thành tố quan trọng để mở mang xứ sở và được coi là một trong tám chương trình phát triển ưu tiên của Lào."*

Từ thập niên 90, ngân sách của nhà nước và tiền của doanh nhân ngoại quốc đầu tư đã lên tới con số hơn 180 triệu đôla để xây dựng các tiện nghi phục vụ du lịch. Số buồng khách sạn và nhà khách lên tới 5500 buồng và 11 cửa khẩu được mở ra cho khách du lịch vào Lào trong số đó có ba nơi du khách có thể lấy visas khi tới nơi. Đặc biệt là kế hoạch kết hợp du lịch trong toàn *Lưu Vực Lớn Sông Mekong (Greater Mekong Subregion)* bao gồm sáu quốc gia: Lào, Thái, Cam Bốt, Việt Nam, Miến Điện và Trung Quốc.

Vài con số dễ nể về Du Lịch Lào: năm 1991, chỉ có 37 000 du khách đem lại 2.25 triệu đôla; năm 1999, số du khách tăng lên gần 20 lần, thu nhập lên tới ngót 100 triệu đôla, số ngoại tệ thật đáng kể cho ngân sách luôn luôn thiếu hụt của đất nước Lào.

Số du khách có triển vọng lên tới một triệu trong thập niên đầu của thế kỷ 21. Một đất nước chỉ bằng 1/3 diện tích bang Texas, không chỉ với nạn phá rừng tự sát và khai thác thủy điện khắp nơi, rồi ra với ngót một triệu du khách mỗi năm, thì mọi con suối mọi dòng sông và sinh cảnh thiên nhiên núi non vốn trinh nguyên của Lào sẽ không còn nữa.

Nền y tế thô sơ của Lào

Cho dù Bộ Y Tế Lào có được một tòa nhà mới uy nghi trên đường Samsenthai, nền y tế Lào với rất nhiều khẩu hiệu vẫn cứ rất là thô sơ sau 25 năm tiến lên Chủ Nghĩa Xã Hội.

Số tử vong trẻ em vẫn rất cao, tuổi thọ trung bình của người dân Lào vẫn rất thấp ngay như so với các quốc gia láng giềng.

Mahosot là bệnh viện chính của Vạn Tượng vẫn cũ kỹ. Bệnh viện Settathirat do Nhật giúp xây và trang bị thì chưa biết bao giờ hoàn tất.

Các nhà thương tuyến tỉnh và huyện thì lại càng thiếu thốn hơn nữa: bệnh nhiễm như lao phổi nằm chung với các bệnh tiêu hóa không làm ai thắt mắc.

Cả nước Lào với dân số hơn 5 triệu, chỉ gồm 1800 bác sĩ, với một số rất ít được tu nghiệp ở nước ngoài. Lương một bác sĩ sau bảy năm học khoảng 160 đôla / năm. Du khách, doanh nhân ngoại quốc và người Lào có tiền, khi có bệnh thì được chuyển qua Thái Lan. Một bệnh viện tỉnh ở Thái như Udon cách bên kia cầu Mittaphap 50 Km vẫn có tiêu chuẩn tốt hơn về mọi phương diện so với bệnh viện đại học Mahosot. Lào đang theo bước Thái Lan, phát triển du lịch bằng mọi giá: chuyển từ Du Lịch Xanh - *Ecotour* sang Du Lịch Đen - *Opium Tour & Sextour*. Bệnh hoa liễu đã trở thành khá phổ biến, số các cô gái quê nhiễm HIV ngày một gia tăng. Hiểm họa dịch AIDS là có thật, sách hướng dẫn du lịch khuyên khách tới Lào luôn luôn mang theo *"condom"* từ nhà thay vì dùng bọc cao su *"made in Thailand"* được đánh giá là thiếu phẩm chất và có tỉ lệ hơn 10% không an toàn!

Vì không có phương tiện phát hiện nên những con số thống kê nhiễm HIV ở Lào không hề phản ánh thực trạng. Rất nhiều du khách là Tây ba lô không chỉ đi tìm hút thuốc phiện và mà còn tới với các cô gái *AIDS-free* ở Lào. Đất nước Lào chưa hề được chuẩn bị để đương đầu với trận dịch HIV/AIDS có triển vọng sẽ tăng theo cấp số nhân. Sau chủ nghĩa xã hội, Lào lại đang có nguy cơ trở thành tổn thất của chủ nghĩa tư bản.

Luang Prabang khu di sản thế giới

Cho dù đã được UNESCO chọn là *Khu Di Sản Thế Giới* nhưng Luang Prabang đang có những đổi thay thật mau chóng. Nhà khách, quán ăn mọc khắp nơi, thực đơn kể cả quán cóc luôn luôn có phần tiếng Anh và không làm ai ngạc nhiên khi một quán ăn bình dân khác có cả bảng thực đơn tiếng Do Thái.

Trở lại thăm *Hoàng Cung* vẫn trên con đường *Phothisarat*, đã trở thành *Viện Bảo Tàng* nhưng bên trong thì càng ngày càng trống trải. Nhiều kỷ vật của các nguyên thủ quốc gia tặng nhà vua như *khẩu súng săn với báng nạm ngọc của Leonid Brezhnev, bộ đồ trà của Mao Trạch Đông*... vốn được trưng bày nơi phòng khách thì nay đã biến mất, hỏi nhân viên hướng dẫn thì không có câu trả lời. Chỉ có bức tranh tường - *mural* của họa sĩ Pháp Alex de Fautereau với chủ đề *Một Ngày Luang Prabang* nơi Phòng Khách Sứ Thần không thể gỡ đi đem bán thì vẫn nguyên vẹn.

Nơi hành lang, có thêm mấy chiếc *Trống Đồng* tìm thấy được ở Bắc Lào. Với giữa mặt trống đồng là tỏa sáng hình mặt trời, trang trí vòng quanh là các hình cá, hoa và chim. Hình trạm những con ếch bên rìa trống đồng tượng trưng cho Mùa Mưa. Tất cả kết hợp hài hòa như biểu tượng cho *"sự sống, đất đai màu mỡ và sự phồn vinh"* như tặng dữ của con sông Mekong.

Vẫn khúc sông cạn dòng

Không xa Hoàng Cung về phía bắc từ đường bờ sông Manthatoulat có thể thấy được khúc thượng nguồn khác của con sông Mekong tuy chưa phải Mùa Khô mà đã co thắt lại như một con sông nhỏ. Các vườn rau nơi mé sông ngày một lan rộng và mực nước thì cứ lùi dần. Ngạc nhiên là ít có ai thắc mắc về hiện tượng con sông đang cạn dòng ấy. Nhưng tôi thì hiểu rằng chỉ cách đó vài trăm cây số về phía bắc mấy con đập bậc thềm Manwan, Đại Chiếu Sơn, Nuozhadu, Cảnh Hồng... trong một chuỗi tám con đập khổng lồ Vân Nam đã bắt đầu ảnh hưởng làm tụt thấp mực nước của con sông Mekong và cả ngăn chặn phù sa xuống hạ nguồn.

Màu cà phê sữa của con sông Mekong vốn đẫm phù sa là tặng dữ của thiên nhiên từ bao ngàn năm thì nay đang nhợt nhạt dần. Ly cà phê sữa ấy sẽ có một ngày nhạt thếch và cả thêm vị đắng nữa do chất thải kỹ nghệ đổ xuống từ các khu chế xuất Vân Nam.

"Sự sống, đất đai màu mỡ và sự phồn vinh" ấy rồi ra sẽ trở thành hình ảnh quá khứ quá khứ trên mặt trống đồng.

Từ Henri Mouhot tới Tây ba lô

Henri Mouhot nay là một cái tên gần như xa lạ với đa số cư dân Lào. Cho dù là người Pháp đầu tiên tới kinh đô Luang Prabang nhưng tên tuổi Mouhot lại được biết đến như người phát hiện khu đền đài Angkor. Tháng 12 năm 1860, Mouhot rời Bangkok để đi Lào, băng qua vùng đông bắc Thái, qua những bộ lạc, những vương quốc của *Vua Lửa* thuộc các tỉnh Korat, Loei bây giờ nơi chưa hề có dấu chân người Tây Phương nào. Hơn bảy tháng trời lặn lội để tới được kinh đô Luang Prabang. Từ đây, Mouhot đã thực hiện nhiều chuyến thám hiểm khảo sát ra các vùng xa,

nhưng rồi chỉ ba tháng sau, ông bị cơn sốt rừng [sốt rét ác tính] và chết ở cái tuổi mới 35, xác được vùi nông bên bờ con sông Nam Khan, một phụ lưu của con sông Mekong.

Phải sáu năm sau (1867) khi Đoàn Thám Hiểm Pháp tới Luang Prabang, họ đã tìm ra nơi chôn Mouhot và Doudart de Lagrée với tư cách trưởng đoàn đã xây cho Mouhot ngôi mộ đầu tiên. 20 năm sau được Auguste Pavie lãnh sự Pháp ở Luang Prabang trùng tu. Năm 1990, ngôi mộ lại được gắn thêm một bảng đá lưu niệm gửi từ quê hương nơi sinh của Mouhot với dòng chữ khắc thật đơn giản nhưng ý nghĩa:

*La Ville de Montbéliard fière de son enfant 1990**

Ngôi mộ sơn trắng vuông vức nay đã ngả sang màu rêu phong, vẫn còn gắn hai tấm bia đá đen cổ đã sứt mẻ từ hơn một thế kỷ trước với dòng chữ vàng khá nghệch ngoạc:

Henri Mouhot 1826 - 1861.

Doudart de Lagrée fit élever ce Tombeau en 1867

*Pavie le reconstrusit en 1887***

Khó mà tưởng tượng rằng cách đây hàng thế kỷ trong cảnh hoang dã của rừng rậm, bên dòng sông chảy xiết, nỗi hiu quạnh và can trường của Mouhot phải lớn lao đến là thế nào.

Henri Mouhot, Francis Garnier biểu tượng cho thế hệ thanh niên Pháp tuổi trẻ rạng rỡ có học thức sống giữa thế kỷ 19 - *thế kỷ của chịu đựng và khắc kỷ,* đã như những người lính tiền trạm mở đường cho Pháp đi vào ba nước Đông Dương.

Theo bước chân thám hiểm của Mouhot ngót 140 năm sau, là tấp nập những Tây ba lô đổ tới Lào, không phải đi tìm các loài côn trùng hiếm mà là chất nhựa đặc quánh ứa ra từ những trái cây thuốc phiện. Có người tới Lào và đã không bao giờ trở về.

Hang Phật Pak Ou

Chỉ mới đây thôi khi chưa có con đường bộ người ta phải đi thuyền máy với hơn hai giờ đường sông từ Luang Prabang ngược dòng Mekong để tới bản Pak Ou. *Pak Ou* hay *"cửa sông Ou"* nơi con sông nước trong xanh đổ vào con sông Mekong.

Với giúp đỡ ngân sách của Thụy Điển, nay khách đã có thể tới Pak Ou bằng đường bộ. Pak Ou cũng là tên chỉ chung hai hang Phật: Tam Ting [hang dưới] và Tam Phum [hang trên] trong dãy núi đá cao bên hữu ngạn sông Mekong.

Chẳng thể ngờ rằng bên trong những hang đá ấy lại có chứa cả hơn 4000 tượng Phật cổ mà như một kỳ công người dân Lào đã phải ban đêm chèo thuyền trốn giặc để đi cất giấu Phật khi kinh đô Luang Prabang bị ngoại xâm.

"Ký họa đầu tiên về Hang Phật Pak Ou cũng đã được tìm thấy trong tường trình của Francis Garnier về cuộc thám hiểm sông Mekong 1865-67".

Trước 1975, khi còn chế độ quân chủ, hàng năm nhà vua đều tới thăm hang vào ngày Lễ Năm Mới và ở qua đêm trong bản Pak Ou bên kia sông trong một ngôi chùa hoàng gia. Đây cũng là nơi chảy hội đông nhất vào dịp Tết Pimay, dân chúng tấp nập tới hang Pak Ou để hành hương, với nghi thức dùng nước hoa thơm tắm Phật.

Trong *Hang Dưới* là hàng dãy những tượng Phật đủ cỡ lớn nhỏ cả bị sứt mẻ rạn nứt bao phủ lớp bụi thời gian nhưng không bao giờ suy suyển là nụ cười an tĩnh của Đức Phật lan tỏa xuống con sông Mekong. Phải leo thêm hơn 200 bậc đá nữa để tới được *Hang Trên.* Khuất lấp dưới những lùm cây cổ thụ hàng trăm năm, cảm giác như lạc bước vào một thế giới khác: trong bóng tối chạng vạng bên trong hang đá ẩm mát thoảng một mùi rêu mốc là không gian tuyệt đối tĩnh lặng và thời gian như hoàn toàn ngưng đọng. Hang Phật ở đây có tiếng là rất linh thiêng để tới dâng lời khấn nguyện. Không phải là Phật tử nhưng tôi cũng đã thắp nén nhang với bó hoa tươi cúng Phật với lời nguyện cầu cho con sông Mekong cứ mãi nguyên vẹn, để vẫn cứ mãi là mạch sống của cư dân bảy quốc gia sống hai bên bờ con sông ấy.

Khi bước ra cửa hang, xuống thuyền nhìn ngấn nước trên vách đá đã tụt xuống thật thấp thì tôi chợt hiểu rằng lời cầu nguyện ấy đã như một "giấc-mơ-không-thể-được." Những bãi cát trồi lên sớm hơn, người dân quanh vùng tới đây để đãi vàng.

Vạn Tượng - Luang Prabang
12/2000

* Thành phố Montbéliard hãnh diện về đứa con của mình

** Doudart de Lagrée xây ngôi mộ này năm 1867. Auguste Pavie lãnh sự Pháp ở Luang Prabang trùng tu năm 1887

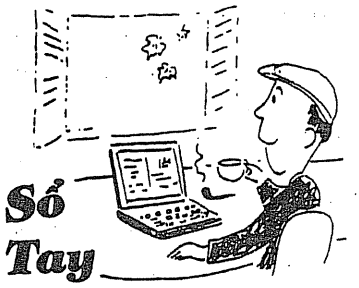

RỬA CHÂN CHO BÒ

Trong tháng rồi loài bò bên Âu châu bị bệnh dịch, bệnh phát ra ở mõm và móng chân. Bên Mỹ châu người ta cũng sợ, các chủ trại phải lo giữ vệ sinh, đi rửa chân cho bò. Có một tấm hình chụp cảnh rửa chân bò do hãng AP phổ biến. Họ để con bò nằm nghiêng ruỗi bốn chân ra, con bò bị kẹp giữa hai cái hàm bằng kim loại trông to lớn như miệng cái máy ủi đất, và một người đứng lúi húi phun nước xà phòng, tay cầm bàn chải trà sát móng chân bò. Nhìn mặt con bò thì thấy nó có vẻ thản nhiên chịu đựng cảnh kìm kẹp đó, thái độ thản nhiên mình thấy phát thèm.

Bởi vì mình, loài người, chỉ trông thấy cảnh đó đã động tâm rồi. Một bà bạn người Mỹ đưa tôi coi hình đó, tôi hỏi: Tại sao họ phải kìm kẹp con bò như vậy? Tội nghiệp quá! Bà Ruth, ngoài 75 tuổi, hỏi lại: Thế mày (you) rửa chân bò như thế nào? Tao đã ở nhà quê, tao từng sống với bò nhiều năm, tao biết. Tôi cãi: "Thì mình cứ nhẹ nhàng bảo nó, "nhấc cái chân lên, cưng (baby)! Không được sao?" Bà Ruth bắt đầu giảng giải: Cái giống bò, chúng nó...

Bà Ruth là một người bạn vong niên, quen biết cũng đến ba chục nay. Như nhiều người cùng tuổi, bà có cái tật thích kể chuyện đời xưa. Có bữa bà khoe tôi cái bản đồ nước Mỹ in trên báo nhân mùa bầu cử, họ đang kiểm điểm coi ông Bush với ông Gore ai thắng ở tiểu bang nào. Nhưng bà không quan tâm đến kết quả kiểm phiếu, mà chỉ kể: Cái hồi bố thằng Greg ông ấy đổi việc làm qua California. Lúc đó chúng tao chưa li dị, ông ấy đi xe đò qua trước, tao phải lái xe chở ba đứa con từ New Jersey (tay chỉ bản đồ) sang tận California (ngón tay di chuyển) mất mấy tuần lễ. Nhưng tao không đi thẳng, lúc đầu lái lên phía bắc, cho chúng nó coi thác Niagara (chỗ này), rồi đi xuống, qua tiểu bang ... Câu chuyện bà Ruth kể rất lý thú, nhưng trong đầu tôi thì đang nghĩ đến công việc bữa nay mình phải làm bắt đầu là việc gì. Khi chuyến xe của mẹ con bà đi tới Montana thì tôi chợt nhìn tấm lịch treo tường, nghĩ ra một kế. Tôi choàng hai tay ôm vai Ruth và nói "Happy Valentine!" Mặt bà tươi rói lên. Vì từ sáng tới lúc đó chưa ai chúc bà trong ngày lễ của tình yêu. Bà chúc lại tôi, và bà quên luôn chuyến xe xuyên lục địa nửa thế kỷ trước. Tuổi già người ta quên nhanh, thật may mắn.

Cả năm nay tôi làm một nghị quyết tự bảo mình đã già rồi. Và tôi vẫn nghĩ kế làm sao kiếm được một lý do "xin từ chức" chủ bút tờ báo *Thế Kỷ 21*, không có dịp nên lâu lâu cũng quên. Tôi đã viết trong Sổ Tay một lần cái tâm sự đó. Điều khó nhất là không biết "xin từ chức" với ai, vì Hội đồng Quản trị cả năm không họp. Cuối cùng cũng có lúc Hội đồng Quản trị phải họp, và lời yêu cầu của chúng tôi đã được chấp thuận. Sau số báo này chúng tôi sẽ không phải giữ vai trò chủ bút nữa, nhân dịp này xin ngỏ lời chào tạm biệt quý vị độc giả và văn hữu khắp nơi. Phải nói rằng chúng tôi may mắn được các bạn chấp thuận dễ dàng. Sau khi chúng tôi nêu lý do rất là chính đáng, tám người trong buổi họp đều gật đầu đồng ý. Có thể nói là "nhất trí," một quyết định nhanh chóng và giản dị, giản dị hơn rửa chân cho một con bò. Giống như chỉ cần nói một câu: "Nhấc chân lên, cưng," là xong. Tất nhiên, trong ví dụ này tôi đóng vai con bò được rửa chân chứ không phải Hội đồng Quản trị.

CÁC SINH VẬT ĐỀU THAY ĐỔI

Tuy không còn mang nhãn hiệu chủ bút, nhưng chúng tôi sẽ tiếp tục viết các bài như thường lệ, và vẫn tiếp tục đóng góp ý kiến như cũ. Tạp chí *Thế Kỷ 21* xuất bản được đúng 12 năm, khi ra số thứ nhì thì các anh Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điểu mới gọi tôi bảo làm chủ bút. Xin từ chối nhiều lần không được, sau cùng chỉ vì tình bạn mà nhận lời chứ cũng không có lý do nào quan trọng cả. Bây giờ xin bỏ danh hiệu đó, cũng không thể nêu ra một lý do nào quan trọng, lý do riêng cũng như chung. Tôi chỉ thưa với H.Đ.Q.T. rằng làm lâu quá rồi phải đổi chứ? Và ai cũng đồng ý, đúng là lời nói phải củ cải cũng nghe. Thật tình chúng tôi thấy chuyện gì trên đời thế nào cũng phải có lúc thay đổi, một tờ tạp chí hay một định chế nhân sinh

nào chăng nữa mà lâu quá không thay đổi thì nó không lành mạnh. Mọi sinh vật, cả những vật không có sự sống cũng đều thay đổi thường xuyên. Tôi đã thuyết phục các bạn tôi bằng lý luận đó. Mà đó là ý nghĩ thực của tôi chứ không phải là trò đùa "Chúc mừng Valentine!"

Trong 12 năm qua, đúng như sở nguyện của hai người bạn sáng lập tạp chí này, Thế Kỷ 21 không có ý chuyên chở ý kiến, lập trường của riêng một nhóm chủ trương, mà phải trở thành một diễn đàn chung. Tờ báo hay bàn luận chính trị nhưng những người chủ trương tờ báo không ai định làm chính trị và chắc chắn không có ý dùng tờ báo vào mục tiêu chính trị nào cả. Tờ báo không có lời, mà nhóm chủ trương luôn luôn phải đóng góp thêm tiền để nuôi nó sống, cho nên cũng không thể nói là có mục đích kinh doanh. Có thể nói đây là một công tác phục vụ cộng đồng mà chúng tôi, quen biết nhau từ gần 40 năm nay, vẫn hay họp lại làm những công tác như thế. Làm việc chung với nhau trước hết là một niềm vui, rồi cũng hy vọng rằng những việc mình làm có ích lợi cho đồng bào Việt Nam, hy vọng đó còn là một niềm vui lớn hơn nữa. Thời 1960, 70 thì tổ chức và tác động thanh niên ở trong nước, đến thập niên 80 thì làm báo ở nước ngoài. Chắc sẽ có ngày Thế Kỷ 21 xuất bản ở trong nước Việt Nam, hy vọng những việc mình làm có chút ích lợi chung cho đồng bào Việt Nam.

Một nước tiến bộ cần có những tờ báo độc lập, độc lập với chính quyền và độc lập với mọi đảng phái chính trị, với các tôn giáo, cũng như các thế lực tiền bạc. *Thế Kỷ 21* (và nhật báo *Người Việt*) đều theo đuổi mục tiêu đó. Chúng ta không những cần thiết lập các cơ quan ngôn luận độc lập mà còn phải tập cho mọi người thói quen khi đọc báo thì đòi hỏi có những tờ báo độc lập. Người Việt Nam chúng ta thường hay nghi ngờ, mà đó không phải là một bản tính, chẳng qua những người nghe nói dối nhiều quá thì hay nghi ngờ. Từ nửa thế kỷ nay người Việt mình đọc báo thì cứ chấp nhận đó là những tờ truyền đơn chính trị chứ không thấy báo chí thì phải khách quan, trung thực và độc lập. Trước khi có những cuộc tranh chấp đảng phái và huynh đệ tương tàn, nước ta có nhiều tờ báo độc lập, và có giá trị hơn, vì các tờ báo là do người trí thức làm nhiều hơn là các đảng chính trị. Thế nào rồi chúng ta cũng phải phục hồi tinh thần đó. Những người chủ trương tạp chí Thế Kỷ 21 nghĩ như vậy, và rất nhiều vị thức giả ở nước ngoài cũng như ở trong nước cũng nghĩ như vậy. Chúng tôi hy vọng rằng trong thời gian tới nhiều vị khác sẽ tham dự vào Hội đồng Quản trị của tạp chí này, để cùng theo đuổi mục tiêu chung đó. Nhiều tờ báo nước khác như Tuần báo *The Economist* hay nhật báo *Le Monde*, mỗi lần chọn người làm chủ nhiệm, chủ bút, các cổ đông đều mời cả các vị thức giả bên ngoài, không phải chủ nhân, tham dự việc chọn lựa. Có như vậy chủ nhiệm, chủ bút mới cảm thấy họ chịu trách nhiệm với cả cộng đồng chứ không phải một nhóm chủ nhân. Tôi hy vọng có ngày *Thế Kỷ 21* sẽ theo một tập tục như vậy, để tờ báo mới mẻ luôn luôn, nếu không phải là trẻ mãi không già.

TUỔI TÁC

Nhân nói đến quyết định rằng mình già, lại nhớ một bữa Nguyễn Đình Toàn đến cho nghe một chuyện vui. Anh kể có một nhà văn bạn anh gọi điện thoại báo tin bà vợ mới của ông ta đã bỏ đi, bỏ đi luôn. Nhà văn này rất nổi tiếng hồi trước 1975, theo tôi nghĩ chưa nổi tiếng bằng Nguyễn Đình Toàn nhưng cũng rất có vai vế trong làng. Sau khi tâm sự chuyện gia đình tan vỡ, nhà văn nói, "Thôi, tao cạch đến già không cưới vợ nữa!"

Đó là những lời phát nguyện rất nguy hiểm, vì rất khó giữ được lâu. Nhưng, Nguyễn Đình Toàn tin rằng ông bạn này sẽ giữ được lời. Vì năm nay anh ấy đã 75 tuổi, chắc cũng phải tự nhận là sắp già rồi. Điều đáng nói là một người Việt Nam 75 tuổi sống ở Mỹ vẫn nói năng như thể mình chưa già, còn chờ lúc "đến già."

Trong một cuộc họp bạn, những người cùng lớp thời trung học 45 năm cũ, một ông bạn tôi khoe, "Bữa trước có đứa nó gọi tao bằng CỤ chúng mày ạ!" Bữa đó ông bạn tôi dắt đứa cháu ngoại đi dạo, vào một cửa hàng khu Bolsa, cô bán hàng hỏi "Cụ cần mua gì ạ?" Được gọi bằng cụ, bèn lấy làm hứng thú lắm. Ông bạn kể khi về thăm Việt Nam đi chỗ nào cũng bị các cô bán hàng gọi bằng Anh, nghe vừa phát ngượng vừa cảm thấy tội lỗi

và thương hại!

Các bạn trẻ như nhà văn Hoàng Khởi Phong, họa sĩ Khánh Trường, sấp sỉ gần sáu bó mà không ai có vẻ cụ. Bữa đám cưới con gái Khánh Trường, các bạn từ Washington D.C. đến San Jose cũng bay về họp mặt, nhưng khi hỏi chuyện nhau qua điện thoại ai cũng hỏi: Có đi đám cưới Khánh Trường hay không? Và sau đám cưới còn có những cô cậu ngoài 50 tuổi và đang độc thân tuyên bố ý định sẽ làm đám cưới. Một người bạn đề nghị khi in thiệp cưới nên ghi thêm "Cam đoan đây là đám cưới chót của chúng tôi" để người ta đọc phải đi dự tiệc chứ không thể thoái thác "Lần này bận, để lần tới."

Đó là chuyện tuổi tác, của người Việt sống ở Mỹ. Tôi không biết quý vị ở Pháp, ở Hungary hay Ba Lan nghĩ thế nào. Ở Việt Nam bây giờ bao nhiêu tuổi thì người ta được gọi bằng cụ? Đầu năm nay nghe nói Trung ương Đảng Cộng Sản định đặt ra điều lệ là ai trên 65 tuổi nên nghỉ ngơi, trừ các ông lãnh đạo cao cấp thì cho ngồi đến tuổi 70. Từ 15 năm trước ông Đặng Tiểu Bình bên Trung Quốc cũng đặt ra cái lệ đó, nhờ vậy mà nhổ đi được rất nhiều cây cổ thụ trong Trung ương Đảng cũng như trong Quốc hội. Nhưng các cụ ở tuổi về hưu thường cũng mưu mô lắm. Họ bầy ra cái chức "cố vấn." Ở Trung Quốc thì có "Bát lão trị quốc" ngồi sau rèm phán bảo. Trong vụ đàn áp sinh viên ở Thiên An Môn năm 1989 Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Trung Quốc không quyết định, ông Tổng Bí thư Triệu Tử Dương vắng mặt, vì ông còn muốn đối thoại và mở rộng dân chủ hóa, nhưng "Bát lão trị quốc" đã quyết định đánh bọn trẻ tơi bời.

MỘT TỜ BÁO Ở TRUNG QUỐC

Nhiều người nhận xét đảng Cộng Sản Việt Nam muốn bắt chước đường lối của Cộng Sản Trung Quốc. Nếu họ bắt chước được thì cũng là tiến bộ lắm rồi. Thí dụ: sách báo. Hai năm trước một nữ ký giả tự học về kinh tế, bà Hà Thanh Liên đã được phép xuất bản một cuốn sách phê phán chính sách kinh tế của đảng Cộng Sản, bà coi tham nhũng là một hậu quả của chính sách đó. Cuốn sách của bà bán hàng triệu cuốn và nhiều người đã in lậu để bán.

Đầu năm nay hai tờ nhật báo ở Trung Quốc nhận định khác nhau về cùng một chương trình chống ô nhiễm ở lưu vực sông Hoài. Báo *Lao động* loan tin chương trình kết thúc cuối năm 2000 và hoàn toàn thất bại. Hai tuần sau, báo *Nhân Dân* cũng viết về chuyện đó và ca ngợi các chỉ tiêu trên cơ bản đã đạt được. Người ta có thể cho đây là một trục trặc kỹ thuật, vì các người làm báo do đảng Cộng Sản Trung Quốc chỉ huy cũng không có thói quen đọc báo Đảng. Người làm báo nọ không hề đọc báo kia, có khi không đọc báo mình nữa, và các cán bộ Tuyên Giáo cũng lơ là coi các tờ báo của Đảng chẳng có gì đáng quan tâm. Nhưng sự cố không giản dị như vậy. Vì một tờ báo thứ ba, báo *Thanh Niên* tất nhiên cũng của Đảng, lại đem vạch sự khác biệt đó cho bàn dân thiên hạ biết; rồi còn dám đặt câu hỏi: "Biết tin ai bây giờ?"

Dám đặt câu hỏi rằng có nên tin hay không tin báo *Nhân Dân* là điều đặc biệt, vì đó là tiếng nói của Trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Cả ba cái tên báo trên được dùng lại nguyên văn để đặt tên các tờ báo của đảng Cộng Sản Việt Nam, nhưng báo chí ở Việt Nam thì vẫn bị trói chặt hơn. Nhưng tờ báo *Tài Kinh* còn đáng nói hơn nữa.

Nguyệt san *Tài Kinh* chuyên về kinh tế, đang nổi tiếng trong thế giới kinh doanh bên Tầu, vì bà chủ bút phanh phui các vụ lừa đảo trong thị trường chứng khoán. Bà Hu Shuli 48 tuổi làm nhiều quan chức nổi giận nhưng lại được cấp trên của bà khuyến khích.

Số báo Tài Kinh xuất bản vào tháng Hai năm 2001 phanh phui vụ gian lận của một công ty nuôi gà, tường thuật một cuộc điều tra với nhiều chi tiết ly kỳ như chuyện gián điệp. Công ty nuôi gà của nhà nước có cổ phần ghi trên thị trường chứng khoán. Các quản đốc đã vay một ngân hàng nhà nước một số tiền tương đương với 250 triệu Mỹ kim. Họ dùng số tiền đó để mua cổ phần của chính công ty mình, đẩy giá tăng lên một cách giả tạo rồi chờ cơ hội đem bán các cổ phần của riêng họ. Đến khi thị trường biết rõ sự thật, giá cổ phần tụt giảm thì một viên quản đốc đã trốn ra ngoại quốc.

Độc giả của *Tài Kinh* là các nhà đầu tư và các cán bộ về tài chánh của chính phủ, họ hoan nghênh lối làm báo của bà Hồ. Một viên quản lý của quỹ đầu tư Bình An ở Thẩm Quyến nói: "Chúng tôi phải

đọc báo này. Họ dám đăng các bài mà các báo khác không dám đăng."

Nhiều nhật báo, tạp chí, và cả các "trang nhà" trên mạng lưới Internet ở Trung Quốc đang lo tăng số độc giả và tăng uy tín nghề nghiệp. Ở các tỉnh phía Nam Trung Quốc, Tuần báo *Miền Nam Cuối Tuần* và nhật báo *Dương Thành Văn Báo* thi đua điều tra và tố giác các vụ nhũng lạm và lừa đảo về tài chánh của các cán bộ ở Quảng Đông, Hải Nam.

Năm ngoái, sau ba năm tạp chí *Tài Kinh* bắt đầu có lời, số báo phát hành tăng gấp rưỡi lên 60,000 số mỗi tháng. Nhân viên tờ báo này công nhận đó là công của bà Hồ. Bà mang vào tòa soạn tinh thần mới: độc lập, không sợ hãi, và đi điều tra tìm hiểu chứ không phải chỉ viết lại các bản tin chính thức.

Mẹ và ông ngoại của bà Hồ cũng vốn là các ký giả. Bà lớn lên tham gia Vệ Binh đỏ, rồi bị đưa về miền quê làm nghề trồng bắp, sau đó đi làm phụ tá cho một bệnh viện của quân đội. Năm 1978 khi Trung Hoa bắt đầu đổi mới bà được vào học khoa Báo Chí ở Đại học Bắc Kinh danh tiếng. Sau khi tốt nghiệp bà làm việc cho nhật báo *Công Nhân* và *Trung Quốc Kinh Tế Thời Báo*. Nhờ các bài viết giá trị cho các báo này, bà được cấp học bổng đi tu nghiệp hai lần ở Mỹ về báo chí, năm 1987 và 1994.

Khi trở về nước bà Hồ nhìn thấy kinh tế thị trường mở ra cơ hội phát triển các tạp chí độc lập. Khi có thị trường là người ta có nhu cầu thông tin. Thiếu tin tức thì các kẻ đầu cơ tha hồ lừa bịp các nhà đầu tư nhỏ, các thị trường chứng khoán sẽ thất bại. Bà Hồ đề nghị với Uỷ ban Chứng Khoán Nhà Nước xuất bản tạp chí *Tài Kinh* vào năm 1997. Bà làm tất cả giới lãnh đạo Uỷ ban này kinh ngạc khi trình bày một ngân sách biên tập lớn quá sức tưởng tượng của họ. Uỷ ban Chứng Khoán kiểm soát hai thị trường chứng khoán ở Thượng Hải và Thẩm Quyến từ thập niên 1980. Giữa thập niên 1990 họ đã biết nhu cầu tin tức, cho lập một công ty thông tin tài chánh, phải có đủ tin tức thì kinh tế mới phát triển được.

Phó chủ tịch Uỷ ban Chứng Khoán Nhà Nước, ông Vương Bá Minh nói: "Ba năm trước đây ai cũng chỉ nghĩ đến cơ hội làm các tờ báo văn nghệ, giải trí. Nhưng bây giờ dân Trung Hoa có nhiều người dư tiền mặt và họ muốn theo dõi thị trường để biết nên đầu tư tiền bạc vào cái gì."

Uỷ ban Chứng khoán cấp cho bà Hồ một ngân sách dư dả, đồng thời họ cũng đặt ra các qui luật cho tờ báo. Thí dụ, phải tách biệt các hoạt động thông tin và hoạt động tài chánh của tờ báo cũng như của các ký giả, để không có xung khắc quyền lợi. Không được viết bài hay loan tin để người làm báo sinh lợi.

Sau đó bà Hồ đã điện thoại mời và tuyển mộ các nhà báo khác về làm việc. Một đồng nghiệp trong *Trung Hoa Kinh Tế Thời Báo* được mời về làm Thư ký tòa soạn, và một phóng viên trẻ của báo *Nhân Dân* được mời làm phụ tá. Bà Hồ nói với nhà báo trẻ Vương Thừa: "Chúng tôi muốn làm một tờ báo sạch sẽ. Chúng ta không được dùng tờ báo này để đầu cơ trong thị trường chứng khoán." Và ông Vương trả lời: Đồng ý! Họ có một ê kíp làm việc chuyên nghiệp, lương thiện với một tinh thần mới. Tín nhiệm là cái vốn lớn nhất của một tờ báo, chính tính lương thiện sinh ra lợi nhuận. Nhưng làm cách nào để các ký giả được chia sẻ thành quả tài chánh của tờ báo?

Để khuyến khích Ban biên tập, bà Hồ đặt ra tiền thưởng khi họ khám phá ra các tin đặc biệt và viết các bài báo hay. Tờ *Tài Kinh* cũng mời các người viết nổi tiếng trong giới giáo sư đại học và giới kinh doanh.

Khác với các tờ báo khác ở Trung Quốc, Ban thương mại báo *Tài Kinh* nỗ lực quảng cáo và khuyến mãi tăng độc giả. Họ gửi báo biếu các viên chức kinh tài của nhà nước. Sự thành công của tạp chí *Tài Kinh* một phần là do cấp chỉ huy trong Uỷ ban Chứng Khoán Nhà Nước. Họ cũng quyết tâm chống tham nhũng, muốn bài trừ nạn đầu cơ trong thị trường tài chính. Ông Vương Bá Minh phó chủ tịch Uỷ ban này nói: "Nhiều người bất mãn về tờ báo này đã gọi điện thoại cho chúng tôi, nhưng chúng tôi cứ việc mình mà làm. Cần có thông tin khách quan thì kinh tế mới phát triển lâu dài được."

Nếu như ở Việt Nam cũng có những người dám nghĩ và dám làm như vậy thì chẳng phải là một tiến bộ lớn hay sao?●

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU THẾ KỶ 21

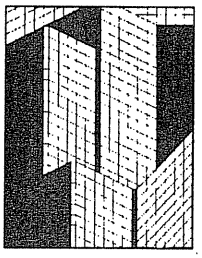

Đời sống quanh ta

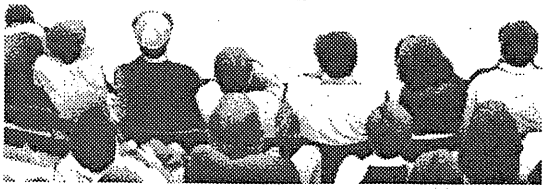

UỐNG RƯỢU CHÁT ĐÚNG CÁCH: TRONG BỮA ĂN

THANH THẢO

Có dịp sang Ý du ngoạn hơn 10 ngày hồi cuối tháng Hai, Thanh Thảo thu thập được rất nhiều điều bổ ích, và học được những thói quen của người Âu châu, như ăn mặc lịch sự khi ra đường, dù phương tiện di chuyển chính là đi bộ, đi xe buýt, xe điện ngầm, xe điện trên đường, và xe lửa, hay thói quen uống rượu chát trong mỗi bữa ăn.

Không biết những dân tộc Âu châu khác có cho việc uống rượu trong bữa ăn là quan trọng như người Ý không, nhưng người Ý hẳn phải cho là quan trọng vì họ uống rượu chát trong bữa tối lẫn bữa trưa. Lý do người Ý có thói quen uống rượu trong bữa ăn trưa là vì dân tộc này rất trân trọng giờ ngủ trưa, gọi là *siesta*, sau bữa ăn. Giờ nghỉ *siesta* kéo dài từ 1 giờ đến 3 giờ 30 chiều. Trong thời gian này hầu hết mọi công sở hay dịch vụ thương mại đều đóng cửa.

Dân tộc Ý thường được mô tả là dân tộc có tính đam mê, hay *passionate*. Họ mê nghệ thuật, trong đó hẳn nhiên phải có thơ, văn, âm nhạc, kịch nghệ, điêu khắc, hội họa...; mê thức ăn với những món bất hủ đã được liệt vào danh mục những món ăn ngon của thế giới, và mê uống rượu chát, chưa kể đến hàng chục thứ đam mê khác không thuộc phạm vi bài này.

Thói quen uống rượu có thể mới mẻ với nhiều người hoặc bị cho là thói quen không tốt của phụ nữ theo quan niệm chung của người Việt Nam. Nhưng kết quả những cuộc nghiên cứu Y Khoa cho thấy rượu đã được kể là liên quan đến sức khỏe tốt. Theo bác sĩ R. Curtis Ellison, một giáo sư đại học y khoa và y tế công cộng thuộc Đại Học Boston University of School of Medicine, hàng trăm cuộc nghiên cứu từ đầu thập niên (19)90s đến nay đã chứng minh được rằng uống rượu đều đặn với lượng giới hạn chừng mực giảm nguy cơ bệnh tim.

Những điều được chú trọng từ kết quả các cuộc nghiên cứu này là việc lượng rượu chát giới hạn làm tăng chất cholesterol tốt trong máu và giảm chất cholesterol xấu, khiến nguy cơ đột biến tim và tai biến mạch máu não cũng giảm theo. Rượu cũng làm giảm áp huyết chút đỉnh. Vẫn theo những cuộc nghiên cứu trên, rượu đỏ có nhiều hóa chất polyphenols, một hóa chất có khả năng làm giảm nhịp độ hủy hoại của tế bào, hay còn gọi là antioxidant, tìm thấy trong cuống quả nho và trong vỏ loại nho đỏ. Vì thế rượu đỏ tăng hiệu quả về y khoa cho người uống nhiều hơn rượu trắng.

Dĩ nhiên, khi đọc thấy những ích lợi về y khoa, những người thích uống rượu chát cho ngay là mình đang làm một việc tốt cho sức khỏe. Nhưng uống giới hạn là bao nhiêu? Liệu thói quen uống một ly rượu trong mỗi bữa ăn hàng ngày có là quá đáng không? Không hiểu người Ý họ làm sao giữ được người thon gọn khi những món ăn chính toàn là phó sản của sữa, bột mì, thịt bò, heo, gà và dầu olive? Thực đơn ngày ba bữa trong đó ngoại trừ ăn sáng gồm bánh mì nóng với bơ, hoặc mứt, còn hai bữa trưa và chiều đều có rượu, gần như chắc chắn phải làm người ăn uống theo chế độ dinh dưỡng này phải lên cân. Điều đáng nói là sau khi sinh hoạt theo đúng tập tục người Ý, kể cả uống rượu, Thanh Thảo không lên cân chút nào. Dĩ nhiên đi bộ nhiều là một trong những lý do, nhưng chắc phải có lý do nào khác, nhất là rượu đóng vai trò gì trong việc giữ sức khỏe? Những thắc mắc của Thanh Thảo đã được giải đáp trong bài về ích lợi của rượu đăng trên tạp chí Health, số tháng Ba, 2001.

Những chuyên gia y khoa cho biết ngay sau mỗi bữa ăn, chất béo trong máu thường tăng. Vì chất mỡ này, những người đã có sẵn nguy cơ máu đóng cục, thường dễ bị hậu quả lên cơn đột biến tim hoặc não hơn sau khi ăn. Tuy nhiên, khi uống rượu chát trong bữa ăn, hóa chất tổng hợp của rượu trong máu sẽ bám vào những tế bào hồng huyết cầu, không cho những tế bào này đóng cục lại. Nhưng điều quan trọng là hiệu quả giảm nguy cơ máu đóng cục của hóa chất trong rượu sẽ tan biến sau thời gian từ 24 đến 36 giờ. Vì lý do này, những chuyên gia y khoa khuyên rằng nên uống rượu chát đều đặn, mỗi ngày,

nhưng uống bao nhiêu là đủ?

Theo các bác sĩ y khoa, uống trên ba ly rượu mỗi ngày là quá nhiều. Lượng rượu quá độ sẽ khiến người uống bị nguy cơ bị hư thận, ung thư và có thể đau tim. Trong khi đó, theo những cơ quan y tế công cộng, một phụ nữ có thể uống đều đặn một ly rượu chát 6 ounces mỗi ngày, đàn ông không nên uống quá hai ly mỗi ngày. Đôi lúc một ly rượu 6 ounces có vẻ quá ít, nhất là trong những bữa ăn họp mặt vui cùng thân nhân hoặc bạn bè, và việc uống rượu không phải là lý do họp mặt, mà những câu chuyện trao đổi, sự gặp gỡ nhau, và chia sẻ một bữa ăn ngon là lý do chính. Trong những trường hợp như trên, nếu có rót thêm một chút (nửa ly?) cho bạn chắc cũng không đến nỗi là hại bạn. Khi họp mặt, nên có trách nhiệm ngừng uống trước khi cảm thấy say, chọn sẵn người nào sẽ lái xe về, hoặc sau khi uống rượu, nghỉ ngơi vài tiếng đồng hồ trước khi ra về.

Những chuyên gia y khoa cũng đồng ý rằng cách uống rượu quan trọng không kém lượng rượu uống. Tốt nhất là uống rượu trong mỗi bữa ăn. Nhưng uống rượu gì? Nhiều người thắc mắc khi bước vào chợ, vào những tiệm bán rượu, hay khi đọc danh sách rượu dài mấy trang trong các nhà hàng. Thật ra, theo những người chuyên thử rượu, những tên dài tiếng Pháp, đọc nghe êm tai, không hẳn là rượu ngon. Những năm gần đây, nhờ cách chế biến ghép giống, và nhờ không bị mất mùa nho như bên Âu châu, nhiều loại rượu sản xuất tại các địa phương như thung lũng Napa hay những quận chuyên trồng nho miền Bắc điển hình là Sonoma, và miền cực Nam tiểu bang California, đã được kể là ngon không kém, nếu không muốn nói ngon hơn, nhiều loại rượu nhập cảng đắt hơn gấp mấy lần. Rượu đỏ có vài loại chính, tùy tên hiệu như Cabernet Sauvignon, Merlot, Pinot Grigio, Chianti... Rượu trắng có Chardonnay, Sauvignon Blanc, hay Zinfandel...

Ngoài những lý do tốt cho sức khỏe, rượu còn cho người uống cảm giác thoải mái, nhất là khi rượu được dùng như một món trong thực đơn lúc bạn bè, thân hữu họp mặt. Không nhất thiết phải uống rượu hàng ngày nếu mình không cảm thấy thích, nhưng nếu bạn bè có dịp gặp gỡ nhau, cùng chia sẻ một ly rượu ngon, những người uống đã thưởng thức được sự thú vị tuyệt vời của rượu trong vai trò góp một phần vào sinh hoạt lớn lao hơn của đời sống, một đời sống vui.

ĐẶT TRÁCH NHIỆM "DÒ VŨ KHÍ" VÀO TAY HỌC SINH

TH.TH.

Sau vụ nổ súng tại trường Santana, thành phố Santee, quận San Diego, khiến hai học sinh tử thương và 13 người khác bị thương, những học sinh đã được nghi can Charles Andrew Williams nói về mưu toan nổ súng đã hối hận, ước gì mình đừng coi chuyện đó là trò đùa.

Những học sinh điển hình là Neil O'Grady, người phá lên cười khi nghe "Andy" hăm dọa đem súng vào trường bắn bạn. Một người bạn khác, Josh Stevens, cũng không tin lời Andy khi nghi can kể chi tiết sẽ lấy súng của cha mang lén vào trường trả thù những người từng chọc ghẹo mình. Làm sao các em tin nổi Andy có thể làm việc này khi xưa nay Andy là người trầm lặng, nhỏ con, chỉ biết chịu trận khi bị những tên bạn to lớn cùng trường đánh đập, trêu chọc, hoặc ra lệnh làm theo điều gì đó.

Nhưng những thiếu niên bạn Andy đã không đủ khôn ngoan để định lượng nổi sự khác biệt của lời hăm dọa xuông và nguy cơ lời hăm dọa có hành động đi kèm.

Không những chỉ có những học sinh từng coi thường lời hăm dọa của nghi can Andy mới cảm thấy hối tiếc mình không báo cảnh sát. Giới hữu trách cũng cho rằng họ chưa tận dụng mọi phương tiện có được để khuyến khích học sinh làm đúng điều cần làm, đó là thông báo cho cảnh sát, hay ít nhất, nhân viên trong trường những điều nghe được.

Sau khi những chính khách tại Washington hầu như bỏ qua việc đề nghị những dự luật kiểm soát súng khắt khe hơn, nhiều trường học toàn quốc đã tự áp dụng biện pháp riêng, bằng cách khuyến khích học sinh thông báo cho trường những điều gây nguy hiểm các em nghe được hoặc biết được.

Nói một cách khác, các em phải tự bảo vệ sự an toàn của mình bằng cách "học" lại cho giới hữu trách những điều các em biết được, nghĩa là đóng vai trò của những chiếc máy dò tìm vũ khí.

Trường Santana là một trong những trường áp dụng biện pháp này. Theo đúng nguyên văn lời ông Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Học Khu, ông Daniel McGeorge: "Học sinh là là những chiếc máy dò vũ khí hiệu quả nhất."

Vào mỗi dịp khai giảng mùa Thu, trường Santana có những buổi gặp gỡ riêng giữa Phó Hiệu Trưởng và từng học sinh một trong tổng số 1,900 em để khuyến khích các em thuật lại những gì có thể gây nguy hiểm cho các em và nhà trường nếu các em biết được. Biện pháp này đáng lẽ phải giúp nhà trường tránh được thảm trạng nổ súng ngày 5 tháng Ba vừa qua, nhưng tại sao những học sinh này không thông báo?

Các nhà phân tích cho rằng một yếu tố chính là thiếu niên coi việc "học lại" những chuyện bạn bè kể trong trường với giới hữu trách là một điều đáng bị khinh bỉ vì không ai muốn bị mang tiếng "thóc mách". Ông Charles Ewing, tác giả quyển sách "When Children Kill" cho biết khoảng 60% đến 70% những vụ nổ súng tại trường nói về chuyện này, nghĩa là theo lý thuyết, có thể ngăn được. Thiếu niên tại California dùng động từ "to narc" làm tiếng lóng cho động từ "thuật lại, hay học lại." Nhưng với những vụ bạo động tại học đường ngày càng tăng, giới quan sát cho rằng các em không phân biệt được sự khác nhau của việc "méc" một người bạn hút thuốc phiện, và "thông báo, hay thuật lại" việc một người bạn cùng trường dự mưu đem súng vào bắn bừa bãi trong trường.

Yếu tố thứ nhì không những chỉ ảnh hưởng đến các em học sinh, mà làm người lớn phải suy nghĩ về việc "thuật lại" điều có thể gây nguy hiểm cho trường và cho mình. Tiểu bang California là nơi gia đình một học sinh thưa với trường vụ hăm dọa của một học sinh khiến em này bị đuổi học. Gia đình người học sinh thông báo cho nhà trường bị gia đình học sinh bị đuổi kiện. Tuy vụ kiện bị tòa hủy bỏ, gia đình học sinh thông báo cho trường tốn $40,000 chi phí luật sư. Vì lý do này California đang có dự luật bảo vệ học sinh chịu khó thuật lại những lời hăm dọa, tức là đóng đúng vai trò máy dò vũ khí.

Hiện nay nhiều trường học toàn quốc đã nghĩ ra nhiều biện pháp thưởng công cho thiếu niên thông báo những nguy cơ nổ súng cho giới hữu trách. Một trong những biện pháp là nới rộng chương trình mang tên Crime Stoppers, thưởng những người thông báo cho sở cảnh sát những gì biết được, với điều kiện danh tánh được giữ bí mật. Nếu cảnh sát ngăn được âm mưu hay bắt được nghi can, người thông báo sẽ có thưởng. Chương trình này đã được khoảng 3,000 trường toàn quốc áp dụng, với kết quả khả quan.

Những người điều hành chương trình này cho biết trong ba năm qua, nhờ những thông báo của học sinh ẩn danh, giới hữu trách đã tịch thu được 48 vũ khí tại Tampa, Florida. Nhiều địa phương khác đạt kết quả tốt không kém. Điểm đặc biệt là nhiều em không đến lãnh thưởng, mà chỉ làm bổn phận của một công dân và thông báo với giới hữu trách là điều cần thiết.

Một trong những chuyên gia nghiên cứu hàng đầu toàn quốc trong lãnh vực chống tội ác, ông James Alan Fox, cho biết sau vụ nổ súng tại trường ở Santee, "Thóc mách đã trở thành một hành động anh dũng, là việc nên làm" vì chỉ trong vài ngày giới hữu trách đã bắt được tám nghi can dự mưu hoặc hăm dọa nổ súng trong trường, hoàn toàn nhờ sự thông báo của học sinh.

Nếu trào lưu thông báo với giới hữu trách là việc làm tốt của một công dân, nhằm cứu mạng không những bạn bè, mà còn cho chính mình, được các em học sinh áp dụng đều đặn thì có lẽ chính các em là những chiếc máy dò vũ khí hiệu quả nhất trong việc chống bạo động tại học đường. Giới phụ huynh cũng có thể góp một tay trong việc nói chuyện, nhấn mạnh với con em về việc làm ý nghĩa này nhằm giúp tạo học đường thành một nơi an toàn cho các em trong giờ chúng ta bận làm công việc khác.

ANDREA THOMPSOM - BỎ DIỄN XUẤT LÀM PHÓNG VIÊN

THANH THẢO

Những ngày gần đây, cư dân và sinh viên học sinh tại Albuquerque có nhiều cơ hội gặp một trong những nữ diễn viên từng đóng trong chương trình phim bộ truyền hình NYPD Blues. Nhiều học sinh, sinh viên này đã xin được chữ ký của nữ tài tử duyên dáng này. Đó là cô diễn viên Andrea Thompson, người đã bỏ diễn xuất để theo đuổi mơ ước lớn trong đời, trở thành phóng viên truyền hình, và nếu may mắn, thành một trong những xướng ngôn viên trong đài truyền hình.

Thay đổi này đòi hỏi sự hy sinh khá lớn lao, và ý chí vững mạnh, hai điều kiện cho đến nay Andrea Thompson không thiếu.

Andrea Thompson hiện đang làm việc cho đài truyền hình địa phương KRQE-TV tại Albuquerque với những phóng sự về sự lạm dụng của các lực sĩ thể thao tại trường Đại Học New Mexico. Ngồi

trên xe van với chuyên viên thu hình, đi đó đây cả ngày, về viết phóng sự, cắt hình video đến khuya, làm việc nhiều tuần lễ cả bảy ngày liên tiếp, và nhận thù lao thấp nhiều lần so với lương một diễn viên, có thể nói chỉ người bất thường mới chịu thay đổi kiểu này. Tại sao Andrea Thompson, trông rất bình tĩnh, là một phụ nữ duyên dáng, thông minh, năng động lại làm như vậy?

Chính cá tính năng động và thông minh đã khiến Andrea Thompson quyết định bỏ đóng chương trình NYPD Blues. Mùa Xuân năm ngoái, Andrea Thompson công bố cô sẵn sàng không gia hạn hợp đồng đóng vai Trung sĩ cảnh sát Jill Kirkendall trong chương trình NYPD Blues, một công việc lương bảy con số (tức là trên một triệu một năm), để nhận công việc một phóng viên truyền hình thực thụ. Andrea viện lý do diễn xuất quá phí thời gian và chán, nhất là khi diễn viên phải đợi nhiều giờ để đóng phần của mình. Andrea than thở "Tôi không thích ngồi không một chỗ, chán kinh khủng."

Có lẽ Andrea không quan tâm đến điều bao nhiêu người mơ ước được đóng phim như cô, vì từng là một người kiểu mẫu, Andrea được giao những vai rất gợi cảm, chẳng hạn như vai Denelle Erickson trong chương trình Falcon Crest.

Khởi sự từ đầu năm 1999, Andrea Thompson, một người mê xem tin tức trên TV từ bé, bắt đầu học khóa truyền thông khẩn cấp với giáo sư Jack Hubbarb, cũng là một giám đốc chương trình truyền thông tại đại học Stanford. Ông Hubbarb là người kỳ cựu trong ngành, từng làm việc cho đài truyền hình CBS News.

Việc học của Andrea, 41 tuổi, thường trú tại Florida trước khi đi New York đóng phim, khó hơn người khác vì cô chưa tốt nghiệp Trung học, phải lấy bằng tương đương. Nhưng nếu thiếu về học thức, Andrea có thừa nghị lực. Từ sân quay chương trình NYPD Blues, Andrea đã gửi điện thư (fax) những câu hỏi và bài tập viết lại tin của các hãng thông tấn (trên wire) thành kiểu của TV, đến cho giáo sư Hubbarb nhiều đến nỗi vị giáo sư này phải nói đùa với phóng viên tạp chí *People* là "máy fax của tôi thường phát hỏa."

Sau chín tháng làm việc không ngừng trong hợp đồng một năm Andrea ký với đài truyền hình KRQE, hiện nay Andrea mới thở phào cho biết cô vừa mới hội nhập được vào đời sống và sinh hoạt tại đây. Mỗi tuần lễ cô thực hiện tối đa 15 phóng sự để những xướng ngôn viên giới thiệu trong hai chương trình thông tin lúc 12 giờ trưa và 4 giờ 30 phút chiều.

Tháng Tám năm ngoái, một phóng sự do Andrea hoàn tất đã được chú ý toàn quốc về Anamarie Regino, một bé gái ba tuổi mắc bệnh béo phì, bị chính quyền đem khỏi nhà cha mẹ vì lo ngại tình trạng sức khỏe của bé.

Andrea hoàn tất được phóng sự này với đầy đủ dữ kiện điều nghiên từ hồ sơ tại ty cảnh sát. Nhờ ai cũng quen mặt cô, nên cô dễ xin vào thu thập tin tức hơn, và cũng nhờ cô từng đóng vai cảnh sát trong chương trình NYPD Blues nên những cảnh sát viên thật đối xử với cô như với người đồng nghiệp. Cô cho biết, đến nay cô vẫn thích ghé vào ty cảnh sát lúc rảnh để trò chuyện với cảnh sát viên.

Nhưng tại đài truyền hình, Andrea Thompson không có may mắn đó. Lúc mới vào làm cô bị đối xử lạnh nhạt. Ông Dan Salomon, vị Giám Đốc chương trình tin tức mướn Andrea vào nhằm đem sự tươi mát, mới lạ đến cho chương trình tin địa phương của đài, liên tục bị xếp hạng ba trong thành phố. Tuy không tiết lộ con số, Andrea cho biết mức lương phóng viên của cô không bằng một phần lợi tức diễn viên, và còn tỏ sự thông cảm vì đài truyền hình mướn cô phải đương đầu với sự chế riễu của những đài khác, hoặc những phóng viên khác trong đài.

Ngoài thói quen khó nhất cần bỏ vì quá trình đóng phim là lối nói chuyện không tự nhiên, và tật không nhìn vào ống kính thu hình khi nói, Andrea còn phải khắc phục khó khăn về tốc độ đọc và hiểu tin tức lấy từ các hãng thông tấn. Để vượt qua trở ngại này, Andrea thức dậy lúc bốn giờ sáng mỗi ngày để đọc báo trước ở nhà. Vào sở cô làm việc nhanh nhẹn, luôn tay, suốt ngày và không ngừng học hỏi. Có những ngày cô làm việc đến 22 tiếng. Cuối cùng Andrea đã chinh phục được cảm tình của nhân viên phòng tin, thêm vào đó, vị trí của đài trên bảng xếp hạng địa phương tăng lên đáng kể. Một nhân viên phòng tin đài KRQE, bà Salle Jayson đã nói với báo chí rằng "bỏ diễn xuất để trở thành một phóng viên như Andrea là một sự can đảm phi thường."

Andrea Thompson cho biết cô muốn xa lánh Hollywood, nơi cái gì cũng giả tạo để tìm cuộc sống chân thật hơn. Cô đã bán căn nhà tại Los Angeles, về thuê một căn nhà ba phòng chung sống với mẹ già, bà cụ Mary Thompson, 61 tuổi, và con trai Alec, tám

tuổi. Andrea nói rằng cô đã luôn mơ ước đời sống này nhưng khi diễn xuất cô không biết rõ mình muốn gì. Không còn sống đời xa hoa, Andrea Thompson hiện nấu nướng lấy, dọn dẹp và đem thùng rác ra sân mỗi tuần như một cư dân địa phương lâu năm.

Là người ly dị hai lần, Andrea không dự định lập gia đình khác. Hiện Andrea Thompson có bạn trai, ông Kevin McKown, 48 tuổi, đồng xuất bản tạp chí *Southwest Aviator*. Kevin McKown cũng là người đã ly dị, và luôn cảm thấy hào hứng khi nói về người bạn gái năng động của mình. Ông ví hoàn cảnh của ông như là cố bám lấy cái "đuôi sao chổi." Andrea gắn trên cửa tủ lạnh những câu châm ngôn phản ảnh ý chí của cô, một trong những câu đó là "Nếu phải đi xuyên qua địa ngục để đạt đến đích, cứ tiếp tục bước."

Nhưng không những không cảm thấy bị đe dọa vì tham vọng của Andrea, mà ông biết trong đó có việc dọn đi nơi khác nếu tìm được việc làm tại một đài TV lớn hơn, ông Kevin McKown thấy thích thú. Thích thú vì ông được có cơ hội chia xẻ với Andrea những ước mộng nhiều người cho là viễn vông, nay đang trở thành sự thật nhờ khả năng và ý chí của người phụ nữ giàu nghị lực này.

CÔ GÁI VIỆT TRÊN ĐƯỜNG CHINH PHỤC THỊ TRƯỜNG ÂM NHẠC HOA KỲ

Theo tư liệu của T.M

Cô tên là Shayla. Mẹ cô là Thanh Tuyền, ca sĩ nổi tiếng

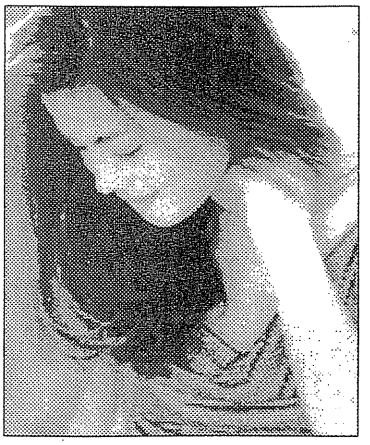

Shayla

của Việt Nam. Cũng như nhiều cô bé khác lớn lên trên đất Mỹ, cô mơ thành ca sĩ. Cô phải tự vươn lên một mình, cô tự thu đĩa nhạc và hiện đã trở thành một trong những ca sĩ hàng đầu trong làng nhạc Pop Việt Nam. Nhưng chưa hết, mục đích của cô là thực hiện được giấc mơ: Chinh phục thị trường âm nhạc Hoa Kỳ.

Cô bước vào *Công Ty Global Sounds International*, một công ty thực hiện đĩa nhạc miền Tây, với nhà đạo diễn kiêm nhạc sĩ Maurice Starr và giám đốc kỹ thuật thu thanh Matt Young (người Mỹ gốc Á). Lần đầu tiên một ca sĩ nhạc POP gốc Việt được thu tiếng và được một công ty Hoa Kỳ phát hành trên toàn quốc. Đĩa nhạc đầu tiên của Shayla do hãng đĩa Hoa Kỳ phát hành mang tên, *Only in My Dreams* (Chỉ có trong giấc mộng) sẽ được chính thức tung ra vào ngày 17 tháng Tư, năm 2001.

Để chuẩn bị cho sự xuất hiện này, Shayla đã làm việc với Maurice Starr - bậc thầy đằng sau các ban nhạc lừng lẫy như *New Edition* và *New Kids On The Block*, đồng thời là người thực hiện các đĩa nhạc cho các ngôi sao nhạc POP như Seiko Matsuda, Tiffany, và nhiều tên tuổi khác. Các tác phẩm do Starr viết hoặc thực hiện đã bán được với con số kỷ lục: 100 triệu đĩa. Một sự nghiệp sáng chói.

Shayla nói: "Wow. Làm việc với nhà sản xuất thiên tài như ông Starr, đúng là thực hiện được giấc mơ của đời người. Em chỉ là người ái mộ New Kids On The Block, ban nhạc trẻ lừng danh nhất kể từ khi Beattles ngưng hoạt động, cả triệu năm sau em cũng chưa dám mơ tới ngày được làm việc chung với một nhà sáng tạo, nhạc sĩ và nhà sản xuất trứ danh của ban nhạc này."

Shayla phải mất gần ba tháng trời miệt mài làm việc tại Studio Atlantis ở Hollywood. Giám đốc kỹ thuật Matt Young nhận xét, "Cô đã có dịp làm việc với những nhạc sĩ, nhà soạn nhạc và các kỹ sư hàng đầu trong kỹ nghệ thu thanh. Tiềm năng của cô rất lớn, còn có thể đi rất xa trong thị trường âm nhạc Mỹ gốc Á. Toàn ban đều tận lực hỗ trợ cô về hình thức và nội dung đĩa nhạc, đó là những hỗ trợ rất quan trọng, bảo đảm sự thành công không thể phủ nhận được của cô!"

Shayla cũng hợp soạn ba ca khúc trong đĩa nhạc. Bản nhạc mang tên, *Open Up Your Heart* (hãy mở rộng tâm hồn) là ca khúc cô viết để tặng mẹ, và tranh đấu cho Nhân Quyền tại quê hương Việt Nam. Shayla nhận xét, "Lời trong ca khúc có ý nghĩa rất sâu, qua đó em muốn nói với giới thưởng ngoạn: Hãy quên đi quá khứ và hướng tới ngày mai tốt đẹp hơn. Bài ca là một nỗ lực nối kết hai thế hệ lại với nhau để cổ động hòa bình và truyền rao một sứ điệp tích cực."

Từ Houston, Texas, cô dọn về Los Angeles, California và cộng tác với Trung Tâm Asia

Entertainment năm năm. Riêng cô, cô đã tự thực hiện được ba đĩa nhạc Solo dành cho giới thưởng ngoạn Việt Nam, ngoài 20 tuyển tập hoặc Video khác.

Quyết tâm thực hiện bằng được giấc mộng trên đất Mỹ, Shayla luôn luôn coi trọng các tâm nguyện nghệ thuật mà vẫn không quên dòng máu Việt vẫn luân lưu mạnh mẽ trong người cô. Shayla tâm sự, "Cơ hội ngàn năm một thuở. Em có hạnh phúc được sống ở Mỹ và làm việc với công ty Mỹ. Coi như em lại khởi sự từ đầu trong giới thưởng ngoạn Mỹ Á, như đang dò dẫm trong một cuộc thí nghiệm lớn..."

Cô ca sĩ trẻ thật khiêm tốn trước những thành quả làm kinh ngạc mọi người. Với đĩa nhạc đầu tiên đã sẵn sàng tung vào thị trường, nhiều đài phát thanh chờ phỏng vấn để giới thiệu cô với các giới thưởng ngoạn Hoa Kỳ, và một chương trình quảng cáo lớn trong thị trường người Mỹ gốc Á, Shayla chắc chắn sẽ là một ngôi sao bừng sáng trong nền trời âm nhạc. Nhà sản xuất lừng danh, ông Maurice Starr, nhận xét về Shayla, "Tôi tin rằng Shayla sẽ thành công. Cô rất giỏi. Với đĩa nhạc này, chúng tôi muốn cô trở thành một tên tuổi lớn. Đặc biệt thích hợp với giới thưởng ngoạn nhạc POP. Vì không phải chỉ là ca sĩ, cô còn có bước nhảy rất tuyệt, có sự hấp dẫn lạ lùng khi ở trên sân khấu, và rất coi trọng giới ái mộ. Giới thiệu cô là giới thiệu một kết hợp hiếm có với những người thưởng ngoạn mới."

Công ty đĩa nhạc nói trên đang đầu tư rất nhiều vào Shayla trong thị trường người Mỹ gốc Á, và còn dự tính thực hiện một tác phẩm đã được trù liệu từ lâu: Thâu âm cho ban nhạc nữ Mỹ Á ANIME FX.

Ông Young nhận xét, "Tiềm năng của Shayla thật vô cùng phong phú, cũng như tất cả các thành viên khác trong ban nhạc ANIME FX của cô." Nhóm của ông sẽ cố gắng phát huy tài năng các nghệ sĩ trong nhóm. "Ít có công ty nào qui tụ được nhiều nghệ sĩ hàng đầu trong một nhóm như vậy. Chúng tôi nhận thấy tất cả đều bổ túc cho nhau, và tạo thành một hài hòa toàn hảo đối với giới thưởng ngoạn tại Hoa Kỳ. Làm nổ tung thị trường sẽ là bản song ca *Once Upon a Kiss*, cùng xuất hiện trên cả hai đĩa nhạc đầu tiên của Shayla và Martin trong thị trường Hoa Kỳ. Ca khúc này chắc chắn sẽ tạo một chỗ đứng vững chắc cho hai ca sĩ trong giới mô điệu nước Mỹ."

Nhà soạn nhạc Starr phát biểu, "Cần phải viết một ca khúc cho riêng một ca sĩ trình bầy, cho riêng một giây phút đặc biệt nào đó. Đó là điều mà đội ngũ nghệ sĩ và chuyên viên của công ty chúng tôi đang thực hiện với nhóm ANIME FX, sau khi đã thực hiện xong đĩa nhạc Solo cho Shayla. Những biến động của đời sống muôn mầu đã làm phong phú cảm quan về âm nhạc trong người ca sĩ trẻ trung và tài danh này."

Mặc dầu Shayla đã là một trong những ca sĩ trẻ nổi danh của Việt Nam, đã từng xuất hiện và trình diễn nhạc POP trên rất nhiều sân khấu từ Mỹ, qua Canada tới Úc và Âu châu, nhưng cô vẫn còn cả một hành trình phải đi trọn. Trước hết, nhóm của cô đang dự tính một chương trình quảng cáo qui mô trong các thị trường chính của người Mỹ gốc Á, trình bầy Shayla như một nghệ sĩ đã từng có nhiều ca khúc hàng đầu.

Shayla đang dự tính tung ra ban nhạc riêng với ca sĩ hát nhạc nền, vũ công, ánh sáng, âm thanh, phối trí sân khấu và các nghệ sĩ đặc biệt được mời tham gia trong các thị trường Mỹ gốc Á chính như Los Angeles, San Jose, Sacramento, Hawaii, Las Vegas, Houston, Atlantic City, Washington, D.C và Toronto, Canada.

Shayla thổ lộ, "Tất cả đều là những giai đoạn của một ước mơ đang dần thành sự thực. Đó là điều mà bọn em muốn nói tới trong ca khúc chủ đề, *Chỉ có trong giấc mộng*. Đạo diễn Starr phát biểu, "Đôi lúc tôi cảm thấy như giật mình. Shayla đến thật đúng chỗ, đúng giờ, và đến với đúng người. Shayla đang đặt nền tảng cho một thế hệ nhạc POP Mỹ-Á mới mẻ. Nước Mỹ đang nhìn cuộc xâm lăng Mỹ Á ấy đến gần, và đó mới chỉ là bước mở đầu thôi."

Mẹ của Shayla, ca sĩ nổi tiếng Thanh Tuyền, đã nói: "Khi tôi mới nghe *Love Can Last Forever*, tôi bật khóc. Toàn thân tôi buốt lạnh, và rồi tôi nhận ra, đây là cô con gái của mình, giờ đã trở thành một ca sĩ có tiếng. Cháu chưa bao giờ nói với tôi về việc đi hát cho một công ty Mỹ. Tôi rất hãnh diện về cháu. Lý do khiến chúng tôi đến Mỹ là như thế. Shayla thực sự đang sống giấc mơ người Mỹ."

Thừa hưởng tài năng của mẹ và phát triển tốt đẹp trên mảnh đất tị nạn, Shayla như một bông hoa nở rộ biểu hiện ước mơ cũng như phẩm chất chánh đáng nhất của một lớp người bỏ nước ra đi. Không nghi ngờ gì nữa, bông hoa ấy rồi sẽ kết thành quả ngon ngọt, và người Việt tị nạn có quyền hãnh diện về những thành tựu ấy.●

Tiến sĩ NGUYỄN THANH GIANG nói về

TÌNH HÌNH VIỆT NAM HIỆN NAY

Phỏng vấn do PHAN DŨNG,
đài Á Châu Tự Do

Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang sinh năm 1936 tại Thanh Hóa. Ông tốt nghiệp Đại học Hà Nội về môn Toán lý và Tiến sĩ Địa Vật lý. Ông từng là Chủ Tịch Hội Địa Vật Lý Việt Nam.

Từ năm 1996, ông viết nhiều bài chỉ trích Đảng cộng sản Việt Nam, và hậu quả là ông bị bắt năm 1999 và bị giam giữ gần ba tháng. Ông hiện sống tại Hà Nội và luôn bị những biện pháp canh giữ gắt gao của chế độ, thậm chí còn bị công an trấn áp tinh thần bằng nhiều thủ đoạn khác nhau.

Cuộc phỏng vấn sau đây do biên tập viên Phan Dũng của Đài Á Châu Tự Do thực hiện.

*

Phan Dũng: *Theo tin tức của các hãng thông tấn quốc tế, Đại hội 9 của đảng Cộng sản ban đầu dự trù sẽ khai mạc tại Hà Nội vào cuối tháng Ba, nay có thể bị hoãn lại vì vấn đề tranh chấp trong nội bộ Đảng liên quan đến các chức vụ lãnh đạo cao cấp, Tiến sĩ có biết về những tin tức này không ạ?*

Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang: Trước hết là về thời điểm khai mạc Đại hội 9, cho tới giờ phút này thì gần như ai cũng hiểu là Đại hội sẽ không khai mạc được vào cuối tháng Ba như đã dự trù. Thế còn Đại hội có khai mạc vào tháng Tư hay sau tháng Tư thì cũng vẫn chưa dự đoán được vì cho tới bây giờ, Trung ương vẫn còn họp Hội nghị 11B, và sau Hội nghị này thì mới có dự kiến về thời điểm khai mạc Đại Hội 9.

Phan Dũng: *Thời gian vài tuần qua, nhiều lời đồn đại trong dân chúng cho rằng hiện đang có những cuộc tranh quyền gay gắt trong nội bộ Đảng cộng sản xung quanh vấn đề ai sẽ nắm giữ các chức vụ lãnh đạo cao cấp, liệu những tin đồn này có khả tín không ạ, thưa Tiến sĩ?*

TS. NT Giang: Tôi có nghe dư luận ở trong nước và cả lời bình luận từ hải ngoại về vấn đề này. Sự kiện này cho thấy rõ ràng đang có sự bàn thảo về việc sắp xếp nhân sự. Các Đại hội đảng từ trước đến giờ vẫn có hai nội dung chính. Một là thông qua dự thảo báo cáo chính trị để xác định chủ trương đường lối, hai là sắp xếp nhân sự. Đại hội 9 lần này cũng thế. Nhưng có lẽ Đại hội lần này, vấn đề nhân sự có thể là căng thẳng hơn những đại hội lần trước.

Dư luận đưa ra động chạm đến cả ông Tổng bí thư Lê Khả Phiêu. Có ý kiến nói rằng đến 90 phần trăm ông Phiêu sẽ không còn "trụ lại" nữa, nhưng cũng có ý kiến cho rằng, cuối cùng thì "Nguyễn Như Vân" (Vẫn Như Nguyên) mà thôi. Hai ba cái luồng ý kiến như vậy, luồng nào cũng mạnh, mà cũng có nhiều người khẳng định khả năng A, có người khẳng định khả năng B.

Riêng ý kiến của tôi, đã từ lâu tôi đã nói với các ông ấy (giới lãnh đạo Đảng cộng sản) rằng, thứ nhất, cho đến Hội nghị Trung ương 11B này cũng vẫn chưa xác định được vấn đề nhân sự, vì ngay cả bàn luận trong Bộ chính trị rồi, nhưng khi đưa ra Trung ương, thì kết quả cũng sẽ khác. Thậm chí Hội nghị Trung ương lần 11B, đến lần 12 nó lại khác. Vì thế, vấn đề nhân sự là rất khó. Thứ hai, quan điểm của tôi trong tình hình này, tôi ít quan tâm về vấn đề nhân sự. Nói thật, ông Phiêu ở lại, hoặc nghỉ vì lý do tuổi tác hay do khuyết điểm này khác như người ta đồn đại, đối với tôi, tôi không mấy quan tâm. Vấn đề đổi mới về nhân sự, cho rằng có cái gì đột biến đi chăng nữa, thí dụ đổi mới thật mới để đưa ra những nhận thức mới, chủ trương mới vào các hoạt động của Đảng bây giờ thì tôi chưa nhìn thấy. Quả thật, tôi chưa nhìn thấy yếu tố của Gorbachev, cho nên nói thật là tôi không quan tâm nhiều về vấn đề nhân sự. Có ông Phiêu ở đấy, thì có ưu điểm này, và cũng có khuyết điểm kia. Không có ông Phiêu thì cũng có cái hay, mà cũng có cái dở. Vấn đề chủ yếu mà tôi thật sự quan tâm là làm sao tác động được vào để thay đổi đường lối, thay đổi chính sách lớn, có như

thế thì mới thoát khỏi tình trạng trì trệ, thoát khỏi nguy cơ của các cuộc khủng hoảng mới có tầm vóc to lớn. Còn nếu không tác động được để thay đổi đường lối, thay đổi chính sách lớn, thay đổi lối tư duy quá xơ cứng về chủ nghĩa xã hội, kinh tế quốc doanh, về nhận thức với thế giới, về vấn đề bạn thù, về vấn đề đánh giá Mỹ thế nào, Trung Quốc thế nào v.v..., nếu không có những nhận thức đúng về thời đại thì dù có nhân sự A hay nhân sự B thì cũng thế.

Anh Trần Đức Lương ngày xưa rất thân với tôi, anh ấy tuy rằng không có bằng cấp nhiều, nhưng cũng tương đối thông minh và khi sống với tôi thì anh ấy cũng là người nhân ái lắm. Nhưng khi sắp xếp anh Lương vào chức vụ ấy (Chủ tịch nước) thì anh ấy cũng phải làm như thế. Tôi vẫn thường bảo anh Lương là nếu đường lối, chủ trương mà cứ như thế này, thì tôi có ngồi vào chỗ ấy, tôi cũng làm tương tự như Trần Đức Lương, chứ không thể làm khác nhiều lắm đâu.

Phan Dũng: *Tiến sĩ vừa đề cập đến sự kiện là đang có những biến động mới, Tiến sĩ có thể nói rõ hơn được không ạ?*

TS. NT Giang: Gần đây có nẩy sinh ra hàng loạt vấn đề từ trong nội bộ Đảng tung ra, tung ra từ Câu Lạc Bộ Ba Đình, Câu Lạc Bộ Thăng Long. Tôi cho rằng những tin đó không do kẻ địch "tuồn" những dư luận ấy ra, cũng không do lực lượng những anh em đấu tranh cho dân chủ tự do như ông Trần Độ, như chúng tôi, mà do chính từ nội bộ tung ra. Mà tung ra rất là gay gắt. Có tin tung ra lên án ông Lê Khả Phiêu về những vấn đề hết sức hệ trọng. Ví dụ lên án ông Phiêu thành lập cục A10 để theo dõi nội bộ, theo dõi các ủy viên Bộ chính trị; họ còn tung tin là ông Phiêu đi Trung Quốc mà họ gọi là đi "chui" và "móc ngoặc" với Trung Quốc. Thế rồi còn có tin đưa ra những tên tuổi để mà thay ông Phiêu, như tin của Câu Lạc Bộ Thăng Long nói rằng ông Trần Đức Lương sẽ thay ông Lê Khả Phiêu, thì lập tức từ Câu Lac Bộ Ba Đình lại tung tin là ông Lương đang bị nhiều đơn tố cáo. Rồi có dư luận nói rằng ông Nguyễn Tấn Dũng sẽ lên làm thủ tướng, thì lại có dư luận tung tin là ông Dũng bị nhiều đơn tố cáo là bằng đại học của ông ấy là bằng đại học giả. Tất cả những dư luận đó, nói theo danh từ "bõ bã" thì họ đang đánh nhau, nên họ tung ra chứ không có kẻ địch nào làm việc ấy. Tình hình này tôi cho là bất ổn, rối loạn trong nội bộ.

Bên ngoài thì là vấn đề Tây Nguyên. Hiện nay bên trong Đảng đang có xu hướng đổ tội cho vấn đề Tây Nguyên là do ý đồ từ bên ngoài, tức là cho lực lượng tự do ở bên Mỹ, thậm chí là có bàn tay của chính quyền Mỹ "thò" vào. Nhưng theo tôi thì tất cả những vụ việc như Tây Nguyên là tích lũy của thái độ lơ là, sự yếu kém trong quản lý, sự nhầm lẫn trong chỉ đạo và trong nhận thức. Ví dụ như bây giờ người ta vẫn quan niệm chuyên chính vô sản, vẫn thích chuyên chính vô sản. Nhưng mà mũi dùi chuyên chính vô sản lâu nay lạc hướng, chĩa vào ông Trần Độ, vào ông Thanh Giang, vào ông nọ ông kia. Đáng lẽ nếu họ còn muốn dùng mũi dùi chuyên chính vô sản, họ cần phải thi hành thì họ dùi vào những chỗ như Tây Nguyên, vì nếu cho rằng kẻ địch ở đấy thì phải dùi vào đấy, chứ địch đâu ở chỗ nhà ông Trần Độ, nhà ông Thanh Giang.

Vấn đề địch ta bây giờ không phải là chuyên chính vô sản, hay là đấu tranh giai cấp mà là vấn đề đường lối của lãnh đạo, nó bộc lộ ra cái gọi là định hướng xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường. Giới lãnh đạo thì quan liêu, chủ trương bưng bít, không cho tự do ngôn luận, không cho phép phản ảnh mọi sự thật nên *họ đã không lường được yếu tố bất mãn, yếu tố bị bỏ bê của đồng bào thiểu số vùng cao và đồng bào nông thôn nên bây giờ đồng bào nổi dậy.* Tất cả những chuyện ấy phát sinh từ sự bưng bít, sự tự đánh lừa, tự huyễn hoặc của lãnh đạo. Đó là sự bệnh hoạn. Đó là chưa kể đến vấn đề tham nhũng, tệ trạng này cũng do sự mập mờ về đường lối, do chủ trương kinh tế thị trường với cái gọi là định hướng xã hội chủ nghĩa. Tham nhũng nó tha hóa tất cả, và các tệ nạn xã hội cũng không sửa được cho nên chỗ này chỗ khác quần chúng nổi dậy.

Tóm lại, nếu họ không chịu thực sự đổi mới, không chịu công khai hóa, tự do hóa tư tưởng, tự do báo chí, thì họ tự giam họ vào cái chỗ tự đánh lừa, họ tự huyễn hoặc họ, thì xã hội trở nên bệnh hoạn và âm binh cứ nổi lên, cho tới lúc họ không còn giải quyết nổi. Sự sụp đổ chính là do những nguyên nhân ấy chứ sụp đổ không phải do sự đấu tranh phê phán của những người dân chủ cấp tiến như chúng tôi.

Phan Dũng: *Tiến sĩ nói như thế, có nghĩa là giới lãnh đạo Hà Nội hiện nay chú tâm vào việc đấu đá nội bộ hơn là chú tâm vào tình hình Tây Nguyên hay sao?*

TS. NT Giang: Họ chủ yếu chú tâm tới việc

giữ quyền, giữ chức, giữ ghế. Bây giờ mà họ còn cứ nói một cách ngoan cố về định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế quốc doanh, chẳng qua cũng chỉ vì quyền lợi của các cá nhân thuộc tập đoàn này, tập đoàn khác, của cá nhân này, cá nhân khác. Từ cái sự giả dối, mà họ phải bưng bít, phải đàn áp, phải trấn áp những trí tuệ sáng suốt thực sự của đất nước.

Khi tôi nghe đến vấn đề Tây Nguyên, tôi nổi khùng, tôi nói rằng đây là cái tội lớn của những người lãnh đạo. Họ sai lầm khi chĩa mũi nhọn chuyên chính vô sản vào địa bàn Tây Nguyên, và đó mới là nỗi đau lòng. Vì vấn đề Tây Nguyên để xảy ra như vậy, bây giờ giải quyết là việc hết sức khó khăn. Sự sai lầm đó của lãnh đạo sẽ để lại hậu họa không phải cho riêng Đảng cộng sản Việt Nam mà là hậu họa của dân tộc này. Sau này, chính quyền nào lên, ai lên lãnh đạo, tôi cho rằng phải giỏi lắm, khéo léo lắm thì mới giàn xếp được vấn đề Tây Nguyên. Đấy là mầm mống của Ahce, của Indonesia, của Kosovo. Cái ung nhọt ở Tây Nguyên bây giờ nó lớn rồi và tình trạng này khiến tôi rất lo lắng.

Phan Dũng: *Theo nhận định của Tiến sĩ, bản dự thảo báo cáo chính trị dự trù được đưa ra trong Đại hội 9 của đảng cộng sản có những điểm nào đặc biệt?*

TS. NT Giang: Đấu tranh cơ bản nhất hiện nay là chọn con đường nào cho đất nước, cho dân tộc. Bây giờ mà cứ khăng khăng định hướng xã hội chủ nghĩa, đi theo cái không có, theo cái không thể thực hiện được, thì đây là vấn đề gay cấn nhất. Không giải quyết được vấn đề cơ bản này thì bàn những chuyện khác như chống tham nhũng, hiện đại hóa, công nghiệp hóa là thái độ bàn nửa vời. Vấn đề còn ở chỗ phải nhận thức đâu là bạn, đâu là thù, ai là bạn chân tình, ai là người cần phải xem là thầy. Vấn đề cần đánh giá độ tin tưởng đối với Trung Quốc như thế nào, đối với Mỹ như thế nào, đối với Nga như thế nào... Tất cả những việc đó lệ thuộc vào quan điểm cơ bản là có xã hội chủ nghĩa hay không có xã hội chủ nghĩa, có còn đấu tranh giai cấp hay không còn đấu tranh giai cấp và vấn đề giai cấp trên thế giới bây giờ là cái gì và ở Việt Nam là cái gì. Đấu tranh trên thế giới có phải chủ yếu là vấn đề giai cấp hay là vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo. Nhận thức cho được những vấn đề thời đại đó là một việc làm thật là quan trọng để vạch ra chính sách đối nội, đối ngoại. Nhưng trong bản dự thảo báo cáo chính trị thì tôi thấy những điểm cơ bản ấy vẫn chưa được thống nhất, chưa được đúng nên khó mà bàn lắm.

Phan Dũng: *Theo nhận định của Tiến sĩ thì giới lãnh đạo hiện nay tại Hà Nội xem ai là kẻ thù chính và ai là bạn chính?*

TS. NT Giang: (...cười) Vì không có văn bản nào công bố liên quan đến vấn đề bạn thù cho nên nói ra thì rất là khó. Tôi hiểu được vấn đề ấy, nhưng nói ra công khai thì rất phiền lụy. Vì người ta có thể bảo rằng "chúng tôi có nói thế đâu mà anh lại nói thế." Nhưng mà theo tôi, về vấn đề đối ngoại giữa Trung Quốc với Mỹ, hình như trong tuyệt đại bộ phận nhân dân, và trong đại đa số đảng viên, thì người ta đều xem Mỹ (nếu là bạn thì cũng chưa phải là bạn), là người có thể cộng tác được để xây dựng một xã hội hiện đại và đem lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

Còn với Trung Quốc, vì lý do này khác, ngay trong lịch sử thì Trung Quốc là một hiểm họa của dân tộc. Mới năm 1979 hai bên đã có núi xương sông máu với nhau. Họ chỉ trương lên cái xã hội chủ nghĩa để thấy rằng hai bên có thể "móc" với nhau, nhưng thực chất thì ai cũng thấy không thể dựa vào Trung Quốc, vì dựa vào họ thì rõ ràng là sai lầm, và chỉ lụn bại trong đời sống xã hội cũng như đời sống kinh tế.

Cho nên, thông qua vấn đề này mới thấy có sự khác biệt giữa lãnh đạo và quần chúng nhân dân. Nói cách khác, Đảng đi một đường, nhân dân đi một nẻo, đảng viên đi một nẻo. Khi đón tổng thống Clinton là người ta thấy ngay rồi. Khi Đảng chỉ huy đón tiếp ở Đại học Tổng hợp, thì đó là chuyện của Đảng, trong khi nhân dân cứ ào ra đường đón tiếp là việc của nhân dân. Đấy. Tấm lòng bên trong của dân chúng là như vậy.

Phan Dũng: *Lúc nãy, Tiến sĩ tỏ ra lo âu là nếu giới lãnh đạo hiện nay tại Việt Nam không đi theo xu hướng chung của nhân loại, thì đất nước mình khó tránh khỏi hoàn cảnh tương tự như tình hình Indonesia, như Kosovo. Tiến sĩ có bi quan khi cho rằng những tình huống như thế có triển vọng xảy ra tại Việt Nam?*

TS. NT Giang: Nói rằng bi quan thì cũng không hẳn. Tuy lo âu thế nhưng tôi vẫn tin vào nhân dân tôi, tin ở dân tộc tôi. Đến một lúc nào đó thì sẽ có một sự phát biểu chính thức của quần chúng, của nhân dân, của dân tộc. Lúc bấy giờ tôi cho là nhân dân tôi sẽ quyết định. Đến giờ phút quyết định, khi nhân dân thấy rằng không còn chịu đựng được nữa,

thì nhân dân sẽ có biện pháp của nhân dân. Nhưng cái giờ đó, cái ngày đó lúc nào đến, và giai đoạn lùng nhằng này kéo dài đến bao giờ thì cũng chưa có cơ sở để bàn luận cho thật rõ rệt. Ở Việt Nam, cũng như ở một số nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta thấy rằng yếu tố quần chúng nổi dậy, hoặc yếu tố các lực lượng dân chủ có thể trở thành một phong trào để mà lấn át đảng cầm quyền thì là cái việc khó có thể xẩy ra. Như Bắc Triều Tiên, như Cuba, "chúng nó" còn dã man, Fidel Castro, Kim Nhật Thành, chúng nó còn dã man, tồi tệ hơn đảng cộng sản Việt Nam rất nhiều, nó đầy đọa nhân dân của nó đến như thế mà dân còn không làm được gì chúng. Thế nên Việt Nam, tôi nghĩ quần chúng nổi dậy hay là các lực lượng dân chủ bị đàn áp như thế thì khó có thể lớn lên để có thể thành cái gì đứng ngang tầm được (với đảng cầm quyền). Nhưng nguy cơ này do sự ruỗng nát nó sẽ làm cho dân tộc mình ngày càng tụt lùi so với thế giới. Còn cái hướng đi tới thì nói chung, các nước xã hội chủ nghĩa phải vỡ, phải nứt từ ngay nội bộ của đảng cầm quyền và từ giới lãnh đạo Bộ Chính Trị, từ Trung ương.

Tại Việt Nam, tôi chưa thấy yếu tố một Gorbachev, nhưng mà tôi lo sợ cái kiểu đổ vỡ thì nó sẽ đổ vỡ theo kiểu cách mạng văn hóa của Trung quốc và như thế lại xẩy ra núi xương sông máu, lại nội chiến.

Ba điều làm tôi sợ nhất.

Một là nó cứ kéo chìm đất nước, dân tộc này để phải nhầy nhụa trong hết sai lầm này đến sai lầm khác, trong những cái hủ bại, tham nhũng, sì ke, ma túy.

Thứ hai là nguy cơ của sự đổ vỡ, thậm chí là bắn nhau là nguy cơ của cách mạng văn hóa. Cách mạng văn hóa tức là không có một Gorbachev để ôm trùm lên tất cả thì phe của bè cánh Giang Thanh, bè cánh Mao Trạch Đông, tình hình đó cũng dẫn đến núi xương sông máu.

Thứ ba là các vấn đề như Tây Nguyên sẽ thành những Kosovo, những phong trào nhân dân nổi dậy v.v... Đó là những tình huống nguy hiểm, hết sức đau lòng mà thực sự những người dân chủ cấp tiến như tôi, như ông Trần Độ, chúng tôi muốn ngăn cản sự đổ vỡ của Đảng cộng sản Việt Nam và cho hiểm họa của dân tộc, vì thế mà chúng tôi đã phải dũng cảm mà vượt qua những nỗi sợ hãi để đấu tranh cho sự dân chủ hóa, công khai hóa xã hội.

Phan Dũng: *Cách đây hơn một năm, chúng tôi cũng có dịp phỏng vấn Tiến sĩ, tâm trạng của ông lúc đó không nặng trĩu những lo âu như ông vừa bầy tỏ. Phải chăng tình hình hơn một năm qua đã có những biến chuyển khiến xã hội ngày càng đi xuống, càng tồi tệ hơn, khiến ông âu lo như vậy?*

TS. NT Giang: Đúng như thế, đúng như thế. Một vài năm trước, sau Đại hội 6, tình hình có khá lên. Sau đó, sau Đại hội 7 nó lại chìm đi. Khi mở cửa được một chút và hy vọng sẽ nhích dần lên thì cũng đỡ hơn, nhưng gần đây thì người ta thấy nhiều vấn đề không giải quyết được, đầu tư nước ngoài thì rút đi vì ai có thể làm ăn được với một cái chế độ mà nó cứ nửa vời, "nửa trăng, nửa đèn" như thế này. Từ đấy nẩy sinh ra Tây Nguyên, rồi gần đây vấn đề tôn giáo cũng quá căng thẳng v.v...Tôi thấy sự lo ngại của tôi và của nhiều người ngày càng tăng lên.

Phan Dũng: *Tiến sĩ là một trí thức được sự kính nể cả ở trong lẫn ngoài nước, đặc biệt là với giới trẻ, vì ngoài kiến thức uyên bác, tiến sĩ còn là người can đảm nói lên tiếng nói lương tri của mình về tình trạng tụt hậu hiện nay của Việt Nam. Nếu có cơ hội gởi một lời nhắn nhủ với lớp người trẻ, Tiến sĩ sẽ nói gì?*

TS. NT Giang: Tôi tha thiết nói với các em trẻ hiện đang sống ở nước ngoài, là các em hãy rèn luyện mình trở thành những người thực sự có tài, có đức, và giữ lấy cốt lõi tốt của nhân tâm Phương Đông để chống lại sự tha hóa của văn minh Phương Tây. Sự gìn giữ đó cần thiết vì sau này khi các em trở về nước, các em sẽ hòa hợp được với dân tộc mình. Tôi mong rằng các em hãy tin vào phẩm chất tốt của đất nước, của dân tộc mình. Đất nước mình, dân tộc mình có thể bị tập đoàn này, tập đoàn khác tha hóa trong một thời gian này, thời gian khác, thậm chí sự tha hóa đó kéo quá dài rồi, thế nhưng nó sẽ cùng tắc biến, và biến tắc thông. Cái đó là quy luật. Tôi cho rằng giai đoạn này sắp đến tình trạng cùng tắc biến và sau khi biến thì nó sẽ tắc thông. Lúc ấy các em sẽ được trở về luôn với đất nước để đóng góp cho đất nước.

Phan Dũng: *Đó là lời nhắn nhủ với thế hệ trẻ Việt Nam đang sinh sống tại hải ngoại. Thế còn tuổi trẻ hiện đang ở trong nước thì sao, Tiến sĩ định nói gì ạ?*

TS. NT Giang: Đối với thanh niên trẻ trong nước, thì tôi thực sự yêu quý các em. Tuy rằng là .... *tít tít tít tít tít* (đường giây điện thoại bị cắt).●

NGUYÊN NHÂN CUỘC NỔI DẬY CỦA ĐỒNG BÀO THƯỢNG CAO NGUYÊN

Phỏng vấn ông NGUYỄN VĂN NGHIÊM
do ĐINH QUANG ANH THÁI
của KICON *thực hiện*

(Tiếp theo và hết)

Đối với các phong trào chống đối của đồng bào Thượng vai trò của người Pháp và người Mỹ ra sao?

Bắt đầu từ năm 1955, một số trí thức Thượng, công chức cũ của Pháp ở Ban Mê Thuột đã lo ngại sau khi người Pháp rút khỏi Cao Nguyên, sẽ có đông người Kinh lên Cao Nguyên làm thiệt hại cho quyền lợi của các sắc tộc Thượng. Vì vậy họ đã ngấm ngầm tập họp nhau để tổ chức tranh đấu đòi hỏi được tự trị.

Năm 1958, khi các lãnh tụ Thượng họp ở Pleiku thành lập Phong Trào BaJaRaKa, để chống chính sách của Chính phủ Ngô Đình Diệm, đã có dư luận cho là thực dân Pháp qua những chủ đồn điền cà phê và cao su Pháp còn ở lại Cao Nguyên đã nhúng tay vào việc này để chống phá người Mỹ đã hất người Pháp ra khỏi Việt Nam. Tuy nhiên không có một tin tức chính thức nào có thể dùng để kiểm chứng dư luận này đúng hay sai. Chỉ có một sự kiện là khi Phong Trào BaJaRaKa được thành lập, Phong Trào có ra Tuyên Ngôn đòi quyền tự trị, và có cho người cầm thư đến các Tòa Đại Sứ Pháp, Anh, Mỹ ở Sài Gòn để kêu gọi các nước Pháp, Anh, Mỹ, và Liên Hiệp Quốc can thiệp giúp đỡ họ. Người cầm thư ấy đã bị cảnh sát bắt, tên là Nay Luett, sắc tộc Jarai, học sinh lớp Đệ Nhị Tú Tài Pháp của Trường Trung Học Yersin ở Đà Lạt, sau này được bổ nhiệm làm Tổng Trưởng Bộ Phát Triển Sắc Tộc, năm 1970, thay thế ông Paul Nưr, sắc tộc Bahnar, trước là Phó Chủ Tịch Phong Trào này. Trước đó một số người trong Phong Trào cũng có bí mật gặp gỡ một số các vị Linh Mục Công Giáo người ngoại quốc để hỏi ý kiến. Linh mục Roger Bianchetti ở Kon Tum đã cho rằng người Thượng chưa sẵn sàng để có thể tự trị, khuyên họ không nên đòi hỏi Tổng thống Ngô Đình Diệm điều này. Vì vậy họ đã không gửi lá thư đòi hỏi đến ông Diệm nữa.

Năm 1964 khi Phong trào Fulro ra đời, ở trên đã nói là do chính phủ Kampuchia tổ chức và yểm trợ. Không có tin gì cho biết người Pháp có vai trò gì ở đây, ngoại trừ hai sự kiện như sau: 1/ Theo tin của một người Thượng theo Fulro sang Kampuchia cho nhà Nhân Học Gerald C. Hickey biết có một người Pháp làm cố vấn cho Trung Tá Les Kosem, một sĩ quan Quân Đội Hoàng Gia Kampuchia, gốc Chàm tỉnh Kampongcham, người phụ trách tổ chức Fulro, nhưng hắn không biết tên. 2/ Trong Đại Hội Nhân Dân Đông Dương do chính phủ Kampuchia tổ chức ở Phnom Pênh, tháng 2, 1965, Y Bham đại diện tổ chức Fulro đọc diễn văn khai mạc. Bài diễn văn đề cập đến dân tộc "Austrien" mà Fulro là một thành phần, và lịch sử của dân tộc Austrien trong đó có mối liên hệ anh em giữa các sắc tộc Thượng Cao Nguyên, và người Chàm, người Khmer qua câu chuyện thần thoại về Vua Lửa đã giữ một lưỡi gươm thiêng, trong khi người Chàm thì giữ cái cán, người Khmer thì giữ cái vỏ. Danh từ này hoàn toàn mới, không ai biết ý nghĩa thật của nó. Mãi đến năm 1970, Les Kosem mới công nhận rằng mình đã sáng tạo ra chữ *Austrien*, từ sự phối hợp hai chữ *Austroasiatic* (Nam Á, trong đó có ngôn ngữ Môn-Khmer) và *Austronesian* (Nam Đảo, trong

đó có ngôn ngữ Malayo-Polynesian) để chỉ tất cả các sắc tộc Thượng trên Cao Nguyên, người Chàm, và người Khmer, là những người nói những loại ngôn ngữ này. Theo như vậy, có thể Les Kosem đã bị ảnh hưởng từ những sách vở của các nhà Nhân học người Pháp, và đã có ý định dùng khám phá của ngành Nhân học làm lý thuyết hướng dẫn sự đoàn kết những sắc tộc có liên hệ về ngôn ngữ, lịch sử với nhau cùng chống Việt Nam.

Vai trò của người Mỹ đối với vấn đề này thì có nhiều tài liệu cho biết rõ ràng hơn. Sau 1954, người Pháp rút khỏi Việt Nam, người Mỹ vào Việt Nam để giúp chính phủ của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Lúc đầu ở vai trò của những cố vấn. Từ 1959, khi chính phủ Hà Nội cho quân đội và những cán bộ Thượng tập kết ra Bắc trở vào lại Cao Nguyên làm cho tình hình an ninh ở vùng này trở nên xấu đi thì cả chính phủ Việt Nam và người Mỹ đều lo ngại. Cả hai bên đều thấy cần phải tăng thêm các chương trình trợ giúp của Hoa Kỳ và những nỗ lực của cố vấn quân sự Mỹ. Hai chương trình quan trọng được thực hiện ở Cao Nguyên là Chương Trình Làng Tự Vệ (Village Defense Program), và Chương Trình Thám Sát Thượng (Mountain Scout Program, còn gọi là Commando Program). Cả hai đều do cơ quan CIA của Hoa Kỳ yểm trợ, với sự trợ giúp của Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ.

Chương Trình Làng Tự Vệ nhằm huấn luyện dân buôn Thượng kỹ thuật chiến đấu tự bảo vệ Buôn làng chống Cộng Sản xâm nhập, hay tấn công đánh phá Buôn. Khóa đầu tiên mãn khóa vào ngày 15-12- 1961 ở Buôn Ênao, gần Ban Mê Thuột. Dân làng được cấp phát vũ khí. Chương trình càng ngày càng phát triển ra nhiều Buôn làng. Chỉ trong bốn tháng, số làng tham dự chương trình đã lên tới 40 Buôn, với dân số 14.000 dân, và có tới 1.275 tay súng. Kết quả tình hình an ninh được cải thiện rõ rệt, số dân Thượng chạy tị nạn Cộng Sản của tỉnh Darlac ít hơn số dân này của các tỉnh khác rất nhiều. Chẳng bao lâu sau số Buôn võ trang đã lên đến 200, số súng phát ra được giữ bí mật lên đến 18.000. Tuy tình hình an ninh có đem lại kết quả nhưng lại làm cho vị Tư Lệnh Quân Đội Việt Nam ở Cao Nguyên và chính phủ Việt Nam ở Sài Gòn lo ngại. Đoàn viên Phong Trào BaJaRaKa Thượng đã xâm nhập vào chương trình này và lợi dụng người Mỹ như một cái mộc che chở cho những hoạt động chính trị của họ. Để đề phòng, chính phủ Việt Nam đã tìm cách kiểm soát chương trình. Do đó hình thành Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam. Chương Trình Làng Tự Vệ trở thành Chương Trình Dân Sự Chiến Đấu Thượng (Civilian Irregular Defense Group - CIDG), không còn do CIA phụ trách nữa mà do Lực Lượng Đặc Biệt Hoa Kỳ. Đến khi có Chương Trình Ấp Chiến Lược, phía Việt Nam lại yêu cầu phía người Mỹ cho sáp nhập Chương Trình Dân Sự Chiến Đấu Thượng vào Chương Trình Ấp Chiến Lược của các tỉnh. Còn ở các Trại Lực Lượng Đặc Biệt Thượng trước kia chỉ có các cố vấn Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ thì nay có thêm cố vấn Lực Lượng Đặc Biệt Việt Nam bên cạnh.

Khi những đoàn viên Phong Trào BaJaRaKa liên lạc với người Miên, trở thành tổ chức Fulro, và đã dùng năm Trại Lực Lượng Đặc Biệt làm phản trong biến cố Ban Mê Thuột đã nói ở trên, chính phủ Việt Nam đã than phiền về việc người Mỹ đã võ trang cho người Thượng khiến xảy ra những xáo trộn ở Cao Nguyên. Về sau, do phía Việt Nam yêu cầu, và người Mỹ cũng chấp thuận cho sáp nhập các Trại Lực Lượng Đặc Biệt Thượng vào Lực Lượng Biệt Động Quân Biên Phòng trực thuộc hệ thống chỉ huy thống nhất trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa.

Kicon: Sau năm 1975, hoàn cảnh sống của đồng bào Thượng ra sao và thái độ của họ đối với nhà cầm quyền Cộng Sản như thế nào?

Ông **Nguyễn Văn Nghiêm**: Sau năm 1975, chiếm được miền Nam nói chung, Cao Nguyên nói riêng, chính quyền Cộng Sản phải tiếp tục đối phó với sự chiến đấu dai dẳng của lực lượng Fulro. Họ đã dùng nhiều biện pháp. Về quân sự thì một mặt ra sức truy quét lực lượng Fulro. Mặt khác thì dùng thân nhân binh sĩ Fulro đi kêu gọi chồng con trở về. Tuy họ có bị thiệt hại, nhưng Fulro cũng dần dần bị đẩy lùi ra ngoài biên giới, an ninh Cao Nguyên dần dần cũng ổn định. Những quân cán chính Việt Nam Cộng Hòa bị bắt đi học tập lâu dài. Gia đình họ còn ở Buôn làng thì bị canh chừng theo dõi, kỳ thị đối xử, con cái đi học gặp nhiều trở ngại khó khăn. Nhiều Buôn, Plei thì bị dời đi theo chương trình định canh định cư, thực tế là để dễ dàng kiểm soát và để chiếm đất đai cho những chương trình di cư dân các nơi khác lên Cao Nguyên theo tổ chức của chính phủ, hay di cư tự nguyện còn gọi là di cư tự do. Do những việc làm này của chính phủ ở Cao Nguyên cộng với những sai lầm về chính

sách hợp tác hóa nông nghiệp, đánh tư sản thành thị trên toàn miền Nam, đã đẩy nền kinh tế Việt Nam trở thành khủng hoảng đến tột độ. Đời sống nhân dân miền Nam nói chung và đời sống đồng bào Thượng ở Cao Nguyên nói riêng đều rất khổ cực. Miền núi là miền có tỷ lệ dân chúng đói nghèo cao nhất. Năm 1995, Liên Hiệp Quốc phải trợ giúp cho chương trình xóa đói giảm nghèo ở hai vùng đồng bào thiểu số 1.4 triệu đôla, một cho vùng Cao Bắc Lạng miền Bắc, một cho tỉnh Darlac ở Cao Nguyên.

Trước hoàn cảnh sống như vậy thì nếu đồng bào đã có thái độ bất mãn với chính quyền cũng không làm ai ngạc nhiên. Thêm nữa, ngay cả những người Thượng theo Cộng Sản, tin chính sách tự trị cho người thiểu số, đến khi thấy mình bị mắc lừa chắc cũng không tránh khỏi có tâm trạng chán chường như tâm trạng những người trong Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Không biết cái chết bí mật của tướng Chu Văn Tấn, Chủ Tịch Khu Tự Trị Việt Bắc cũ có liên quan gì đến việc dẹp bỏ Khu Tự Trị này không.

Kicon: Ông là người từng góp phần hoạch định chính sách của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đối với các vấn đề liên quan đến đồng bào thượng Cao Nguyên. Xin ông cho biết lượng định của ông về những chính sách đó, cả về hai mặt, tích cực lẫn tiêu cực.

Ông **Nguyễn Văn Nghiêm**: Trước hết cũng nên nói qua về lịch sử Cao Nguyên trước khi người Pháp chiếm Việt Nam. Vào thời gian ấy các sắc tộc thiểu số trên Cao Nguyên đã thần phục triều đình nhà Nguyễn. Chính sách của các Vua nhà Nguyễn đều để cho các bộ lạc được sống tự trị trong vùng rừng núi riêng của họ miễn là một vài năm tù trưởng của họ đem cống vật đến dâng. Đổi lại họ được tặng quà Vua ban, được đưa đón nồng hậu, và nhất là được phong tước Vương. Ví dụ Vua Lửa của người Jarai được phong là Hỏa Vương, một người tù trưởng Bahnar ở Kon Tum tên Bok Kiêm cũng được phong tước Vương.

Khi Pháp đô hộ Việt Nam, họ đã ép Vua nhà Nguyễn ủy quyền cho họ cai trị Cao nguyên. Cao nguyên trở thành như một miền đất lạ. Người Kinh lên Cao nguyên phải được phép của nhà cầm quyền Pháp. Vì vậy, năm 1954, khi người Pháp rút đi, chính phủ Việt Nam tiếp nhận Cao nguyên, số người Kinh trên Cao nguyên rất ít. Vào năm ấy thành phố Ban Mê Thuột chỉ có 11.000 người Kinh, phần lớn là tù chính trị phạm, công nhân ở các đồn điền cà phê cao su của người Pháp, hay công chức làm việc với Pháp, v.v. Tuy nhiên Vua Bảo Đại cũng bổ nhiệm một người Thượng, tên Hàn Đăng, sắc tộc Churu, đã được Pháp dùng làm Tỉnh Trưởng Thượng tỉnh Haut Donai ở Di Linh, về làm Đại Diện đồng bào Thượng bên cạnh Đức Vua.

Khi Pháp ký trao trả Độc Lập cho Việt Nam với Cựu Hoàng Bảo Đại, Cựu Hoàng trở thành Quốc Trưởng. Bảo Đại đã đặt miền Cao Nguyên trực thuộc Văn Phòng Quốc Trưởng tại Đà Lạt, và gọi tên là Hoàng Triều Cương Thổ. Đối với đồng bào Thượng, Bảo Đại đã ban hành cho họ một Quy chế đặc biệt, và còn hứa hẹn sẽ hoạch định một chương trình phát triển kinh tế riêng cho họ. Đồng bào Thượng rất kính mến Vua Bảo Đại, họ không bao giờ quên Quy chế đặc biệt của ông. Đến thời Việt Nam Cộng Hòa, họ luôn luôn đòi hỏi phải ban cho họ một quy chế như vậy.

Năm 1955, Thủ tướng Ngô Đình Diệm trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng Hoà, chế độ Hoàng Triều Cương Thổ trên Cao Nguyên bị bãi bỏ. Đồng bào Thượng trở thành nạn nhân của một chính sách đồng hóa mới. Trường học chỉ dạy tiếng Việt, không cho học sinh Thượng được học tiếng Thượng nữa. Sách học bằng tiếng Thượng theo lệnh phải đem đốt đi. Quân nhân công chức Thượng bị bắt buộc phải lấy tên Kinh. Ví dụ Ya Ba trở thành Trường Sơn Ba. Nhiều địa danh Thượng trên Cao Nguyên được đổi sang địa danh Kinh, ví dụ, Lac thành Lạc Thiện, Blao thành Bảo Lộc, v.v. Hệ thống Toà Án Phong Tục Thượng trên Cao Nguyên được lệnh dẹp bỏ. Từ nay chỉ có một luật pháp chung của Quốc Gia, dù rằng tổ chức xã hội gia đình Thượng theo chế độ mẫu hệ ngược hẳn với chế độ phụ hệ của người Kinh. Nhưng quan trọng nhất vẫn là quyền sở hữu đất đai của đồng bào bị hủy bỏ. Năm 1958, Tổng thống Ngô Đình Diệm ký một Nghị Định chỉ cho phép người Thượng được hưởng hoa màu canh tác chứ không có quyền sở hữu đất đai. Người Thượng đã chống đối chính sách này, nó cũng là nguyên nhân thúc đẩy người Thượng tổ chức Phong Trào BaJaRaKa. Chính phủ đã giải quyết vấn đề bằng bắt nhốt tù các đoàn viên của Phong Trào. Một phần quân nhân, công chức Thượng bị thuyên chuyển xuống phục vụ ở miền đồng bằng để đề phòng hậu họa. Đồng bào Thượng rất bất mãn. Lợi

dụng thời cơ, Cộng Sản Bắc Việt cho ngay những người Thượng tập kết ra Bắc trở lại Cao Nguyên. Đó là nguyên nhân làm cho nền an ninh trên Cao Nguyên tồi tệ đi như đã nói ở trên.

Sau khi dẹp xong vụ Fulro làm phản ở Ban Mê Thuột, Thủ Tướng Nguyễn Khánh đã triệu tập Hội Đồng Chính Phủ ở Pleiku, ngày 15 - 10 - 1964. Trong cuộc họp này Thủ Tướng đã quyết định ban hành một chính sách mới đặt căn bản trên ba nguyên tắc:

1. Đồng bào Thượng là công dân Việt Nam. Họ có quyền được hưởng đầy đủ quyền công dân như các sắc tộc khác.

2. Tuy nhiên, vì trình độ sinh sống chưa phát triển, Chính Phủ có trách nhiệm phải đề ra những chương trình, kế hoạch giúp họ mau chóng theo kịp đà phát triển chung của dân tộc.

3. Chính Phủ tôn trọng phong tục, tập quán, ngôn ngữ, chữ viết của đồng bào. Tòa Án Phong Tục Thượng được mở trở lại. Quyền sở hữu đất đai canh tác của đồng bào được công nhận. Một Chương Trình Kiến Điền sẽ được ban hành để xác nhận quyền sở hữu đất đai vừa nói.

Chính sách này năm 1967 được chính thức ghi vào Hiến Pháp Việt Nam, và Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng ký ban hành một Quy Chế Đặc Biệt cho đồng bào.

Nha Công Tác Xã Hội Miền Thượng dưới thời chính phủ Diệm được đổi thành Nha Thượng Vụ. Sau dần dần được nâng lên thành Phủ Đặc Uỷ Thượng Vụ, rồi thành Bộ Phát Triển Sắc Tộc (Ministry for Development of Ethnic Minorities - MDEM). Những việc làm của chính phủ cho đồng bào đã đáp ứng được một phần nguyện vọng của họ. Kết quả dẫn đến tổ chức Fulro trở về quy thuận hết và gia nhập vào các đơn vị chiến đấu của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Ngoại trừ Phong Trào Tây Nguyên Tự Trị của Cộng Sản, không còn một tổ chức chống đối chính phủ nào nữa trên Cao Nguyên.

Không may, chiến sự ngày một lan rộng, trước chỉ ở nông thôn, Tết Mậu Thân đã lan vào tới các thành phố. Giá sinh hoạt gia tăng, các chương trình của Bộ thiếu ngân khoản, tốc độ thực hiện chậm chạp, không đáp ứng được lòng mong mỏi của đồng bào nhiều. Tuy năm 1970, chính phủ có thay thế Tổng Trưởng Bộ này, Nay Luett thay thế Paul Nưr, nhưng cho đến 1975, kết quả cũng không khả quan thêm được bao nhiêu.

Kicon: Thế còn chính sách đối với đồng bào Thượng của nhà cầm quyền Hà Nội như thế nào, thưa ông?

Ông **Nguyễn Văn Nghiêm**: Căn cứ trên giấy tờ chính thức, chính sách của nhà cầm quyền Hà Nội là *"...Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các dân tộc, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi theo con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách Kinh tế - Xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc nhất là các dân tộc thiểu số."*

Những giòng trên được trích trong Văn kiện Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc lần thứ VII, Đảng Cộng Sản Việt Nam. Nó cũng phù hợp với Điều 5 Hiến Pháp nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Nhưng không hiểu sau bao nhiêu năm thực hiện chính sách này đồng bào thiểu số Việt Nam lại là một bộ phận chiếm tỉ lệ gần 14% dân số cả nước nghèo khổ nhất như thế. Cụ thể, trong bài Góp Ý - Dự thảo các văn kiện trình Đại Hội IX của Đảng - Đôi điều bàn luận về chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 2001 - 2010, của nhà trí thức Nguyễn Thanh Giang do *Việt Báo* phổ biến ngày 11/04/2000 có đề cập đến đời sống đồng bào miền núi như sau:

" ...Nếu tính theo tiêu chuẩn của Liên Hiệp Quốc (dưới 14.000 đồng/ngày) (khoảng 1 đôla/ngày), thì phải đến quá nửa dân số nước ta còn thuộc diện nghèo khổ. Nói là 'đã bảo đảm đủ lương thực, thực phẩm,' nhưng thực tế, đến đầu năm 1999, ở miền núi và các tỉnh Miền Trung vẫn có 2,3 triệu người thiếu đói; và đến nay vẫn còn tới 1.700 xã đặc biệt khó khăn, trong đó nhiều vùng thiếu ăn tới 4-5 tháng."

Đó là nói về đời sống vật chất của đồng bào, còn về đời sống tín ngưỡng tinh thần của họ thì như đã viết ở trên, chưa được tôn trọng chút nào. Mới đây có tin chính phủ đã chính thức công nhận một số tổ chức Tin Lành. Chừng nào những mục sư, thày giảng người Thượng và đồng bào được tự do hành đạo? Chừng nào các Linh Mục, các thanh niên tình nguyện được tự do rao giảng Phúc Âm trong các Buôn, Plei, mà không còn bị bắt bớ tù đày? Chị Teresa Châu Thị Bông một nữ tu thuộc hội Thừa Sai Phanxicô Đức Bà Maria,

thuộc sắc tộc Chăm Phan Rang tiết lộ rằng chị thường phải đương đầu với công an và chính quyền địa phương, cũng như với thân nhân của các trẻ em trong Nhà Bethany, vì những việc chị đang làm, cho đầu bây giờ tình hình có êm dịu hơn. Nhà Bethany là một nhà chăm sóc các trẻ em mồ côi thuộc sắc tộc Chăm. Chừng nào mà các Sơ như chị Teresa được tự do làm các công tác xã hội mà không phải mất công sức đối đầu như thế nữa?

Nói như trên đây không phải không biết đến những chương trình phát triển miền núi của chính phủ Việt Nam. Theo dõi trên Internet, những tin tức phổ biến của đài Tiếng Nói Việt Nam (VOV), báo *Nhân Dân* và những cơ quan truyền thông khác ở trong nước, chính phủ Việt Nam cũng đang có những chương trình rất đáng hoan nghênh. Ví dụ, chương trình 135 đã được khai triển từ hai năm nay. Bản tin ngày 30 /11/2000 có nêu cuộc chất vấn của Quốc Hội với Bộ Trưởng Chủ Nhiệm Uỷ Ban Dân Tộc Miền Núi Hoàng Đức Nghi. Vị này có trình bày chương trình 135, năm 1999, nhằm phát triển kinh tế xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, và "một số các chương trình quốc gia khác đã đầu tư vào các cụm xã 800 tỷ VND/năm nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc miền núi." Nhiều chương trình khác như: Chương trình thúc đẩy phát triển thương mại miền núi của bộ Thương Mại, Chương trình "Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Tây Bắc," Chương trình xây dựng "Trung Tâm Văn Hoá 54 Dân Tộc Việt Nam" với kinh phí ước lượng 572 triệu đô la, tại Hòa Lạc, Sơn Tây, dự trù hoàn thành năm 2001, các chương trình xây dựng các khu du lịch khác ở miền núi, cho phép các tổ chức thiện nguyện quốc tế vào giúp đỡ đồng bào Thượng miền Bắc và miền Nam, v.v. đều là những chương trình hữu ích cả.

Tuy nhiên, sau cuộc va chạm giữa đồng bào Kinh - Thượng ngày 17- 8-2000 ở huyện Êa H'Leo, Đaklak, và cuộc biểu tình lớn của các sắc tộc Bhanar, Jarai, và Rhadé trong mấy ngày vừa qua ở hai tỉnh Gia Lai, Daklak, cho mọi người thấy chính sách của chính phủ Việt Nam đã có những sai lầm nghiêm trọng từ căn bản. Bởi vì nó đã vi phạm đến quyền sống của con người, đã chiếm đoạt đất đai, phá hoại môi sinh đe dọa đến sự tồn tại của đồng bào các sắc tộc.

Việt Nam hiện có một đội ngũ các nhà Khoa Học Nhân Văn khá hùng hậu, nhiều người nổi tiếng cả ở trong và ngoài nước, ví dụ như ông Trần Quốc Vượng, nếu những vị này mạnh dạn dùng kiến thức hiểu biết của mình về đời sống của đồng bào Thượng để trình bày với chính phủ tìm những biện pháp giải quyết thỏa đáng những nguyện vọng tha thiết nhất của đồng bào thì công lao của họ đối với lịch sử cuả dân tộc thật không phải là nhỏ.

Kicon: Theo nhận định của ông, tình hình vùng Cao Nguyên trong những ngày sắp tới sẽ diễn ra theo chiều hướng nào?

Ông **Nguyễn Văn Nghiêm**: Theo tin tức loan truyền, chính phủ Việt Nam đã huy động nhiều công an, quân đội lên Cao Nguyên. Đó là một phản ứng rất mạnh so với lời tuyên bố nhẹ nhàng của phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Việt Nam. Chắc chắn là chính quyền đang cô lập Cao Nguyên. Công an đang đi lùng sục, bắt bớ, tra tấn để tìm những người lãnh đạo, tổ chức. Đồng bào thì chắc chắn sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Một trong những biện pháp mà Cộng Sản thường dùng là nếu giết được thì họ tàn sát thẳng tay. Nếu chưa giết được ngay thì họ có những thủ đoạn đầy ải làm cho tự chết khổ từ từ. Ví dụ họ thường bao vây, cô lập, cắt đứt các nguồn sinh sống. Cho nên tôi rất e ngại rằng đồng bào sẽ bị cấm ra khỏi Buôn, không được mang con gà, củ mì, quả đu đủ ra chợ bán, mua về gạo, muối, cá khô, thuốc uống... Đồng bào, nhất là người già và trẻ em sẽ bị chết đói và chết bệnh.

Tóm lại bằng bất cứ biện pháp nào thì đồng bào cũng chỉ có từ chết đến bị thương, một cách tức tưởi trong rừng sâu, thế giới không ai được biết.

Tuy nhiên, song song với những biện pháp đàn áp, bắt bớ, tù đầy, khủng bố tinh thần, cô lập, trừng phạt kinh tế thì họ cũng sẽ cho những cán bộ Cộng Sản người Thượng đi tuyên truyền, kêu gọi, thuyết phục đồng bào. Trong hoàn cảnh như vậy, có thể tình hình yên tĩnh trở lại, nhưng vấn đề vẫn còn y nguyên. Lịch sử Cao Nguyên cho biết đồng bào chiến đấu rất kiên cường, bất khuất. Trừ phi chính quyền giải quyết êm đẹp vấn đề quyền sở hữu đất đai cho đồng bào, nếu không thì hận thù chủng tộc sẽ có đất mà nẩy sinh, và sẽ trở thành mối thù truyền kiếp khó lòng hàn gắn được. Lại thêm một bất hạnh lớn lao nữa cho dân tộc Việt Nam chúng ta. Đau đớn thay!

Kicon: Xin cám ơn ông Nguyễn Văn Nghiêm đã dành cho Kicon cuộc phỏng vấn này.●

TẠM GỌI LÀ CẦU HÔN

HỒ NHƯ

Chúng tôi ngồi trong một quán ăn Tàu, trong góc phố Tàu, giữa thành phố da trắng bắt đầu đông người da vàng. Góc phố khoảng trên dưới mười tiệm, trong số đó hơn nửa là quán ăn, xanh đỏ đủ màu tên bảng nửa Anh nửa Tàu. Tôi ngồi sát ngay cạnh cửa kính quán ăn lớn nhất, nhìn quanh với con mắt nửa chê bai nửa ghen tỵ. Phố người Việt bao giờ cũng có chữ Tàu xen vào, còn ở đây, tha hồ kiếm đỏ mắt cũng không thấy tiếng Việt nào.

Trung đằng hắng nho nhỏ. Cách kêu gọi chú ý cổ điển của một người đàn ông thích nền nếp cũ. Anh gọi tôi ra đây để nói chuyện đấy mà, đâu phải để tôi ngơ ngẩn ngắm trời ngắm đất. Tôi thấy là lạ, muốn từ chối gặp anh, nhưng chẳng có cái hẹn nào khác nên bằng lòng, coi như cái cớ ra ngoài căn chung cư bé tẹo của mình dạo mát. Trung và tôi có chuyện gì để phải long trọng "có chuyện muốn nói với Ngà" nhỉ ? Cho dù quen biết đã lâu, lâu lắm, vẫn chỉ là quen biết vầy vậy, không thể thân hơn. Dĩ nhiên thân hay sơ cũng là chuyện "tùy người đối diện," vì tôi đoán Trung nhìn thấy mối quan hệ của chúng tôi thân lắm rồi, sắp ngấp nghé tri kỷ tới nơi. Tôi không cải chính, cũng không có cách cải chính. Vả lại, tôi tự bảo, có chi mà phải ầm ĩ. Miễn sao cả hai đừng ai bước qua mức rào của chính mình.

Tôi ngồi thẳng lại đối diện Trung. Anh đang cầm tấm khăn giấy mỏng lau đũa cho tôi, từ tốn, cẩn thận. Một trong những ưu điểm của người đàn ông phái cổ điển như Trung là tính ga lăng. Thích chăm sóc những điều nhỏ nhặt cho phái nữ, chắc vì thích cảm thấy mình là kẻ chở che. Hay cũng có thể vì được vợ huấn luyện thuần nhuyễn rồi. Tôi mỉm cười một mình. Tôi chưa gặp vợ Trung lần nào, không đoán được ai "trị" ai, nhưng Trung chắc chắn thích làm chủ gia đình, nghĩa là quyết định mọi thứ, từ chiếc xe mua cho vợ đến tiền bạc hùn hạp ở đâu. Hình như anh biết cách làm ăn lắm thì phải, nhà tậu mấy căn, việc làm tay phải, buôn bán tay trái. Tiền bạc dư giả, vợ con đầm ấm. Nhưng có lẽ không ai tránh được tật tham lam, không biết đâu là đủ, cho nên anh vẫn hay yếm thế, than van. Đôi lần, bị tôi dồn quá, anh miễn cưỡng nhận rằng anh cũng có vài diễm phúc. Lần khác, anh gật gù, với chút tự hào không che dấu, rằng anh biết lo chuyện chung chuyện riêng đâu vào đó. Dĩ nhiên, tôi biết đa số những lời than thở của anh để cho riêng tôi nghe thôi, vì muốn khêu gợi cảm thương của tôi cũng có, vì muốn cho tôi cảm thấy được tâng bốc cũng có.

Tôi quen Trung sáu, bảy năm trước, lúc tôi đang bế tắc trong một mối tình. Ngay từ buổi

nói chuyện đầu tiên, tôi đã đoán mình sẽ có một kẻ ái mộ trên trời rơi xuống. Không hề biết Trung có gia đình, tôi thấy vui vui, là lạ khi anh làm thơ tặng, nghĩ thầm: lãng mạn kiểu cổ. Với tôi, đó là một trò chơi tình cảm bên lề, như bao trò chơi khác, đến thoáng chốc và đi rất nhanh. Nhưng với Trung, lãng mạn kiểu cổ cộng gàn bướng kiểu nho gia, mọi thứ được nhân đôi nhân ba tầm quan trọng. Anh nói cho tôi biết anh đã có vợ, theo chính sách thật thà đúng lúc (theo anh, tôi không phản đối mấy bài thơ của anh có nghĩa rằng tôi đã "cảm" anh mất rồi). Đang cười cợt, đang đắc chí, bỗng dưng tôi thấy mình bị xúc phạm. Tôi không ngại những chuyện đong đưa giữa hai kẻ khác phái chưa bị ràng buộc, nhưng tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện lấn bước vào gia đình kẻ khác. Sáu, bảy năm trước, tôi còn trẻ dại, còn ngây ngô, còn tin cậy, và còn lý tưởng lắm, cho nên tôi nổi cáu lập tức. Tôi gọi Trung là kẻ lừa dối, là người phụ bạc, nhiều từ ngữ khó nghe tôi không nhớ hết và không thể viết ra. Trung chối bay chối biến, cãi cho đến cùng đến tận những câu buộc tội của tôi, nhưng như con lừa dậm chân lục hặc, anh ì ra không nhúc nhích. Rủ rê tôi gặp mặt, lãnh đủ vài bài lý thuyết đạo đức, anh tránh đi ít lâu rồi lại rủ rê. Thoạt tiên, tôi bày trò lý tưởng muốn cải hoá anh thành bạn. Sau đó, thấm mệt, tôi cắt đứt liên lạc. Hai, ba năm sau, anh tìm đến, tôi đã mệt thật sự. Không muốn lập lại hoài câu từ chối. Không muốn gìn giữ những nguyên tắc bắt đầu lung lay. Bắt đầu cay đắng, bắt đầu nghi kỵ, bắt đầu nhận ra những chiếc bóng màu xám ở giữa đen và trắng, tôi thấy Trung cũng như những người đàn ông khác, thích chinh phục, chiếm đoạt. Lúc ấy, tôi đã hiểu ra rằng Trung sẽ không bao giờ rời bỏ tổ ấm, rằng tôi chỉ là biểu tượng của một chút mơ mộng về những điều Trung cảm thấy thiếu thốn, là chút hương hoa cuộc đời cho anh quên đi hiện thực trong vài phút. Trung không xấu xa, cũng không tốt đẹp. Anh chỉ là một người đàn ông với tất cả bản năng rất người, kể cả những bản năng không hẳn được hoan hô. Trung chiều chuộng, ga lăng thế đó, nhưng bản năng chiếm đoạt, chiếm ưu thế trong mọi trường hợp. Anh bảo anh mong cho tôi được hạnh phúc, gặp người ưng ý, vân vân và vân vân, rất thành thật, tôi nghĩ. Nhưng cùng lúc, anh không ngừng tán tỉnh, không ngừng chờ đợi giây phút tôi ngã lòng, ngã vào mối tình tôi không hề muốn với anh. Sáu, bảy năm, không phải không có những lần, giữa những mối tình không kết quả, tôi lung lay trước những mời chào của Trung. Cũng có lần tôi tự hỏi mình còn giữ mối quan hệ nửa chừng vời với Trung làm gì? Câu trả lời, rất đơn giản, vì Trung luôn có ở đó những lúc tôi cạn kiệt lòng tự tin. Sự trao đổi, thật ra, rất sòng phẳng. Tôi mang lại cho Trung chút ảo tưởng thơ mộng, Trung cho tôi những lời tán dương tôi không tin nhưng thích nghe.

Trung đằng hắng một lần nữa. Tôi mỉm cười, như để muốn nói rằng tôi vẫn còn ở đây, trước mặt anh, cả hồn lẫn xác. Trung đặt đôi đũa ngay ngắn xuống mặt bàn bên tay trái của tôi, trên lớp khăn giấy anh lót sẵn. Người hầu bàn lượn qua, đặt món khai vị xuống, rồi biến mất. Trung gắp cho tôi miếng mực rang muối tiêu, ân cần hỏi có ngon không? Cũng được, tôi lúng búng nói trong miệng. Chưa xong món khai vị, người hầu bàn sốt sắng đã trở lại mang theo mấy món chính. Trung xới cơm vào chén, vun lên cho đẹp nhưng chỉ đong lưng chừng, ý tứ sợ tôi lúng túng với bát cơm quá đầy. Anh hỏi tôi những câu vẩn vơ, tôi trả lời những câu vẩn vơ. Trời đánh còn tránh bữa ăn, có lẽ anh không muốn tôi bị mắc nghẹn khi anh nói vào chuyện quan trọng. Anh đợi đến khi tôi bắt đầu chống đũa vào bát cơm, nhìn lơ đãng (dấu hiệu bắt đầu chán hoặc no). Anh hỏi tôi chuyện tình cảm của tôi dạo này ra sao. Có sao đâu, tôi nói, bình thường. Vẫn còn cặp kè với anh chàng quen hai ba tháng trước. Chừng nào được uống rượu mừng của Ngà? anh hỏi. Trung hay nói trống không như thế, vì anh không muốn xưng "tôi" và cũng không được tôi cho phép xưng "anh". Như rất nhiều người đàn ông khác tôi biết, Trung cảm thấy xưng "anh" là một đặc quyền của phái nam đối với phái nữ, nhất là phái nữ họ có chút cảm tình hay quen biết quá mức sơ giao. Mấy năm đầu quen nhau, lâu lâu anh cằn nhằn chữ "tôi" khô khan và xa cách tôi dùng tự xưng với anh. Tôi chỉ cười, thầm nghĩ ít nhất với Trung, chữ "tôi" là tấm rào cần thiết, là khoảng cách tôi muốn giữ giữa anh và tôi. Chừng nào đám cưới, Ngà? Trung hỏi lại. Ôi, tôi nghĩ, lãng mạn kiểu cổ, loại người nhìn suốt qua tình yêu đến đám cưới như một kết thúc không tránh khỏi. Có đám cưới, rượu mừng hay không, làm sao tôi biết được? Tôi trả lời như thế. Khi Trung lấy vợ, anh có sự đốc thúc của người yêu, của gia đình, của nghĩa vụ "nối dõi tông đường," thêm sự mù

quáng của tuổi trẻ và tình yêu, lại có tin tưởng sắt đá rằng hôn nhân là một phần tất yếu của cuộc sống. Bây giờ, tôi có sự đốc thúc của gia đình, nhưng cũng có bao nhiêu nghi ngờ, tính toán...

Ngà không thích anh ta phải không? Trung hỏi. Tôi nhún vai, né tránh. Trung không thuộc vào loại bạn bè có thể hạch hỏi tôi về chuyện riêng tư. Nếu tôi nổi hứng, tôi có thể kể lể cho anh nghe, nhưng thường tôi chỉ cười khi anh hỏi han. Không thấy tôi phản đối, hình như Trung cho rằng điều anh đoán là đúng, cho nên bảo, với đôi chút kẻ cả: Tội chưa. Tôi muốn nổi cáu, nhưng rồi cười khì. Trung không còn đủ sức làm tôi giận nữa, vì anh không bao giờ có được sự chú ý thật sự của tôi. Ngồi trước mặt anh, như bây giờ, tôi thấy mình đóng vai xã giao nhạt nhẽo, câu chuyện đẩy đưa không có bao nhiêu cảm xúc hay tư tưởng. Trung cũng chẳng cần cảm xúc hay tư tưởng của tôi. Anh thích tôi như thế, để anh còn ra sức tưởng tượng, vẽ vời. Tại sao mình còn gặp mặt anh ta? Tôi tự hỏi. Tại vì anh ta mời mọc mình, từ chối hai ba lần anh ta mời lần thứ tư. Tại vì mình không còn cái hẹn nào khác. Tại vì người đàn bà nào cũng thích thấy người ta ngưỡng mộ mình, cho dù người ta chỉ ngưỡng mộ sự tưởng tượng của chính họ. Tại vì sau từng đó năm quen nhau, lúc ghét, lúc không ghét, lúc dửng dưng, tôi mơ hồ thấy hình như Trung có mến tôi thật. Chút mến cỏn con khiêm nhường chen giữa bản năng chiếm hữu và vần thơ lãng mạn hoá mối quan hệ. Hình như Trung vẫn tin rằng tôi không thể nào thoát khỏi sự quyến rũ của anh, người đàn ông phái cổ điển, biết lo toan tài chánh, có chút tài vặt đàn ca thi xướng. Tôi không buồn cải chính, vì chẳng thể nào đuổi nhau hoài bằng chữ nghĩa với danh xưng. Người đàn ông bướng bỉnh cộng chút văn chương đánh bại người đàn bà hay cãi nhưng không tha thiết vào trận đấu khẩu nữa. Tôi không đủ sức giật tấm vải thưa khỏi mắt Trung khi anh khư khư giữ lấy nó. Vả chăng, có lẽ không nên lột sạch những mơ mộng hiếm hoi ra khỏi cuộc đời đã lặng ngắt, đông đặc bổn phận và thói quen của anh. Có lúc tôi khó chịu thấy người ta lôi mình vào giấc mơ không buồn xin phép, có lúc tôi thấy tội nghiệp khoảng tâm linh thiếu thốn (cho dù thiếu thốn vì tham lam) của anh, nhưng thường tôi mặc kệ Trung và những thiên đường, địa ngục thật hay ảo của anh.

Trung nghiêng người về phía tôi, nhỏ giọng: Ngà phải gấp lên chứ? Đâu còn thời gian mà đợi. Tôi biết anh muốn nói gì. Người phụ nữ chỉ có một khoảng thời gian nhất định để theo đuổi cơ hội được hoàn thành nghĩa vụ thiêng liêng của giới tính: sinh con. Khả năng kỳ diệu ấy, không kinh qua là sự thiếu sót không bù đắp được. Không gắng sức để được kinh qua còn là sự thất bại hơn về mức độ nữ tính. Tôi xìu xuống như bị đánh trúng điểm nhược: biết thế, nhưng... Nhưng cái gì, chính tôi cũng không rõ. Nhưng tôi không thể mắt nhắm mắt mở vớ ngay người đàn ông gần nhất? nhưng tôi không có người sẵn sàng chơi trò cưới xin? Trong những phút mơ mộng vẩn vơ, tôi chưa bao giờ hình dung được mình trong chiếc áo

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

XUÂN NÀY TÔI TUỔI SÁU MƯƠI

Vẫn thói quen
Đi đường tôi nhìn thẳng
Cho tâm hồn thư thái
Cũng đôi khi chậm rãi
Cúi mặt tôi suy tư.
Xuân này tuổi sáu mươi
Tính sổ đời ôn lại
Nhìn thẳng tôi có những vần thơ
Do thu được ngoại cảnh
Và cúi mặt lãnh nhận thú đau thương
Vì tim yêu nào chẳng bào mòn thể xác.
Đó là bảng tổng kết
Quãng đời - tôi đi đường.
Nhưng ở bất cứ lúc nào
Dẫu có nhìn lui
Cuối cùng sự thật
Cũng đuổi kịp
đời tôi.

đầm trắng tinh khôi cúi đầu trước cha xứ, hay khép nép tà áo dài vàng hoàng hậu vái bàn thờ tổ. Trung cười mỉm. Anh bỗng tươi tỉnh, phớn phở hẳn lên, như thể vẻ bại trận của tôi là liều thuốc bổ đối với anh, là lý do anh cảm thấy mạnh mẽ, tự tin hơn. Như mọi lần, tôi thấy chút quan tâm mơ hồ trong câu nói vừa rồi của anh chìm lỉm trong lòng tự tôn, trong bản năng tranh đoạt, trong ánh nhìn sắc lẻm của con thú rình mồi. Giọng anh vẫn ngọt, tuy không dấu được vẻ kẻ cả như người sắp ban ân huệ: Ngà cũng biết, anh lúc nào cũng sẵn sàng nếu Ngà cần giúp đỡ. Tôi gật đầu bừa, ngạc nhiên thấy mình thật sự tin vào lời anh, thầm cầu nguyện mình sẽ không bao giờ cần đến điều gì ở anh. Giọng Trung ngọt hơn chút nữa: Ngay cả nếu sau này, Ngà biết đấy, chuyện có con.

Không cưỡng được, tôi nhìn sững vào mắt Trung, cố tìm một xác minh nào đó cho câu hỏi lùng bùng trong trí: Có thật anh đang nhắc đến chuyện ấy? Có thật anh đang, một lần nữa, nói tới chuyện ngoại tình, dưới một hình thức khác? Chiến lược mới đấy chăng? Bao năm nay anh nhắm vào trái tim tôi, giờ này anh xoay đòn vào hướng khác: mặc cảm thất bại của người đàn bà không sinh nở. Hoa vô duyên mới không kết trái. Gái vô hậu mới không con. Đáng lẽ tôi phải đứng phắt dậy, tát cho Trung một cái phỏng mặt. Nhưng đòn bất ngờ của anh làm chân tay tôi bủn rủn. Con nít cần có cả cha và mẹ, tôi nói, nôn nóng muốn chuyển qua đề tài khác. Nhưng Trung đã nhận ra vẻ yếu đuối của tôi: Nó sẽ có cha chứ! Tôi vẫn còn cơ hội, tôi nghĩ, để nghiêm khắc như quan toà "chỉnh" Trung mấy câu tuyên bố "trật đường rầy." Nhưng tôi ngồi yên, bối rối. Tôi chưa bao giờ nhận ra khía cạnh này của người đàn ông phái cổ điển tôi ngỡ mình hiểu khá rõ. Tôi chưa bao giờ ngờ anh cổ điển đến mức ấy. Vợ anh sẽ nghĩ sao? Tôi hỏi, gắng gượng tung ra vũ khí cuối cùng mong đẩy Trung trở về lằn mức "chỉ là bè bạn." Nhưng Trung không nao núng. Anh nói chậm rãi, tỉnh táo: Anh tin chắc vợ anh sẽ bằng lòng.

Thế là xong. Trận chiến ngã ngũ. Tôi thấy mình nằm sấp, mặt úp xuống đất bùn, không cựa quậy hay rên siết. Lấy hết can đảm nhìn vào mặt Trung, tôi nhận ra mình không còn cơ hội nào nữa. Trung đang lạc vào trong giấc mơ riêng của anh, giấc mơ phong kiến có võng lọng, vợ bé lẫn nàng hầu. Anh hân hoan đòi lôi tôi vào theo giấc mộng hoàng kim với anh, không biết rằng mỗi lời khuyến khích là mỗi đòn trời long đất lở đối với tôi, với tất cả mọi tế bào phái nữ thoi thóp trong tôi. Đề nghị với tôi điều sỉ nhục với bất cứ người đàn bà nào còn chút lòng tự trọng, Trung phớn phở như kẻ gia ân. Tôi không tin, hay không muốn tin, rằng Trung đang mạ lỵ tôi. Anh quả tin vào những gì anh nói. Có lẽ trong thời xa xưa nào đó anh đang mơ tưởng đến, người phụ nữ ở tuổi tôi không có cùng phản ứng tôi có bây giờ. Có lẽ người phụ nữ ấy sẽ nhìn anh như vị cứu tinh, hay ít nhất là chỗ nương tựa, trốn tránh cái cảnh ế muộn. Bỗng dưng mắt tôi nhoà đi, như muốn khóc. Bỗng dưng tôi tự thương thân quá đỗi, thương mình bị trói buộc trong phận đàn bà, cái phận phải cần có người đàn ông gọi là của mình, cho dù chỉ có thể ké né gọi là của mình sau lưng người vợ cả. Cái phận đàn bà mỗi ngày qua đi mỗi bớt giá trị. Mới năm trước Trung còn tặng thơ, gọi tôi là cảm hứng, bây giờ anh đã thẳng thừng gạt hết cả hoa lẫn mộng, nửa hăm dọa nửa hạ cố.

Chừng như nghĩ tôi đã xiêu lòng (im lặng có nghĩa là đồng ý, với Trung), Trung dịu giọng: Anh chỉ muốn chăm lo cho Ngà. Con giun đã xéo mình trên đất là tôi run lên, bật dậy. Tôi hất đầu, ngẩng nhìn anh. Không biết nụ cười trên môi tôi có được chút nào vẻ ngạo nghễ tôi muốn hay không? Trung cười lại, không nao núng. Ánh mắt của anh nhìn tôi bình thản và nhẫn nại, như người thợ săn gác súng nhìn con thú chạy điên quanh khu rừng rào kín. Một lúc nào đó, con thú sẽ thấm mệt, chậm lại. Tôi đứng bật dậy, đòi về. Như mọi lần, Trung tiễn tôi ra chỗ xe đậu, chúc vui vẻ, hẹn gặp lại. Tôi không nói ừ, cũng không từ chối, như tôi đã lẳng lặng nghe những lời đề nghị của anh. Tôi đã có thể có một phản ứng dữ dội và dứt khoát nào đó, nhưng tôi đã ngồi yên, mắt nhìn xuống hay lảng đi chỗ khác, không hẳn không giống người phụ nữ phục tòng trong giấc mơ của Trung. Im lặng, với tôi, không có nghĩa là đồng ý. Hình như nó có nghĩa là "xét lại", cộng thêm một chút run sợ một chút yếu đuối. Lùi xe ra khỏi bãi đậu, quẹo tay mặt vào xa lộ, tôi bỗng thấy mình như đang chạy trốn. Đến bao giờ, tôi tự hỏi. Còn bao lâu nữa, tôi còn hất mặt lên như thế, cười khinh thị như thế, nói cám ơn ngạo mạn như thế trước cái-có-thể-được-tạm-gọi-là-một-lời-cầu-hôn của Trung, hay của một người đàn ông vợ con đùm đề nào khác?●

3/99

TRÒ CHUYỆN VỚI TÁC GIẢ "TÀ ÁO VĂN QUÂN"

THẠCH MIÊN *thực hiện*

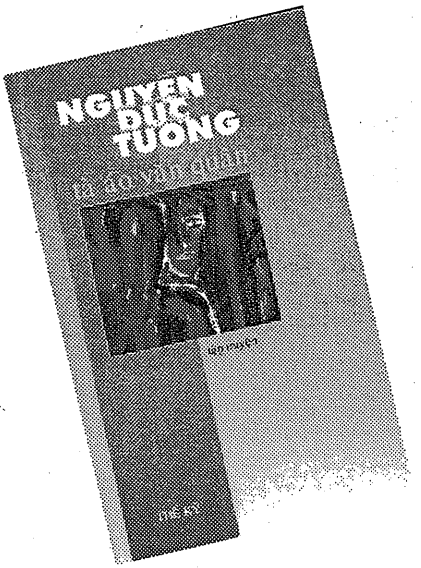

LTS. *Sau đây là nguyên văn cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Đức Tường, tác giả tập truyện ngắn Tà Áo Văn Quân do Thế Kỷ xuất bản năm 2000. Cuộc phỏng vấn đã được phát thanh trên làn sóng RFA.*

*

1. Trước hết, xin ông một vài hàng tiểu sử để tiện giới thiệu trước khi phỏng vấn.

Tôi sinh ra ở phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên. Đó là một nơi không khí nhẹ, khoáng đạt, lành mạnh; trông xa xa là chân núi Tam Đảo. Tôi hãy còn nhớ vào những buổi sáng chủ nhật trong mát, đôi khi ông thân sinh ra tôi đèo tôi đi xe đạp theo cụ họp hướng đạo (cụ là một thành viên kỳ cựu của phong trào hướng đạo Việt Nam, chỉ đến sau mấy vị sáng lập như Hoàng Đạo Thúy, Trần Duy Hưng, Trần Văn Khắc v.v.)

Tôi lớn lên ở Hải Dương, ở đây tôi đã đỗ bằng Sơ Học Yếu Lược điều mà tôi rất thích khoe, vì đó là năm cuối cùng có kỳ thi này. Tôi học ở các trường Nguyễn Trãi, Hà Nội và Quốc Học, Huế. Sau Huế tôi học ở Đại Học Khoa Học, Sài Gòn. Cuối cùng năm 1960 tôi sang Hoa Kỳ theo học ở Georgia Institute of Technology, thành phố Atlanta.

Tôi đến Canada vào cuối năm 1966, và từ năm 1970 tôi sống ở quanh vùng Ottawa, thủ đô của Canada.

2. Mỗi người đến với văn chương một cách khác nhau, với ông, thì qua cơ duyên nào?

Những người cùng thời với tôi nhiều người có máu "văn nghệ." Riêng tôi, ngay từ khi còn nhỏ tôi đã thích học thuộc lòng nhiều bài thơ, hoặc các đoạn văn xuôi. Cũng là cái hay cho tôi, đi tản cư "chạy Tây" hoài, bỏ được mọi thứ vào trong đầu là tốt nhất.

Còn như chuyện cơ duyên, với những người mới vừa lớn lên mà đã biết đau khổ cái gọi là "le mal du siècle" - cái đau khổ của thế kỷ - thì chỉ cần một cô bé răng khểnh nào đó, đen như củ thục, chân đi giầy đỏ, hát *Khúc Nhạc Ly Hương* của Lâm Tuyền, là văn chương sẽ thành một chuyện rất tự nhiên.

Một cơ duyên khác đứng đắn hơn là tôi đã có dịp học với ông Chu Văn Bình. Ông biết gia đình tôi, vì vậy mùa hè học với ông cho bớt lêu lổng. Ông Chu Văn Bình chính là nhà văn Chu Tử. Khi tôi học ông thì ông chưa viết văn,

và những tác phẩm làm cho ông nổi tiếng sẽ còn phải đợi nhiều năm nữa mới ra đời. Ông giảng cho tôi nhiều thơ văn Pháp, Việt, nhưng điều rất quan trọng là ông đã cho tôi cái thú viết tiếng Việt.

Rồi khi học ở trường Nguyễn Trãi, Hà Nội, tôi và một số bạn hữu trong đó có anh Nguyễn Tường Vân, một thi sĩ hiện sống ở Maryland, thành lập một nhóm có tên là Côn Sơn... Nhóm Côn Sơn không sống lâu vì sau hiệp định Genève, chúng tôi xa nhau mỗi người đi một nơi.

3. Như vậy ông đã cầm bút vào giai đoạn này, thời kỳ còn trẻ hay sau khi đã tốt nghiệp đại học, và đi dạy đại học Ottawa, Canada?

Thật ra, trước thời kỳ hợp tác với nhóm Côn Sơn tôi đã viết một truyện ngắn. Truyện này đặc sắc vì có một đoạn phân tích các giai đoạn tiến triển của tình yêu rất già dặn mà tác giả của nó đã nhớ thuộc lòng một lần khi nghe thày giảng trong lớp.

Tôi có một chuyện nhỏ về Chu Tử chưa bao giờ tiết lộ, tôi muốn chia xẻ với thính giả đài ACTD. Vì rời khỏi Việt Nam từ năm 1960, chỉ cách đây vài năm tôi mới có dịp đọc Chu Tử. Trong cuốn *Yêu* hay *Sống* của Chu Tử, tôi không nhớ rõ cuốn nào, cũng có một đoạn phân tích các giai đoạn tiến triển của tình yêu, không sai một dấu phẩy. Sách của Chu Tử xuất bản sau truyện ngắn kể trên ít nhất là sáu năm. Như vậy không rõ có thể nói là Chu Tử đã "đạo văn" được không. Tôi không thể chứng minh hơn, vì truyện ngắn đăng trên bích báo!

Rồi thôi! Có thể kể đó là tất cả những hoạt động của tôi về văn chương; cho mãi đến cách đây chừng ba năm tôi mới bắt đầu viết lại tiếng Việt, truyện ngắn đầu tiên là truyện Kibbutz.

4. Qua các truyện ngắn trong Tà Áo Văn Quân, chúng tôi được biết ông đã đi và sống cùng làm việc ở nhiều nơi, đặc biệt là Do Thái. Xin cho biết thêm chi tiết. Hoàn cảnh và môi trường nào tạo cho ông nhiều cảm hứng nhất để viết?

Kibbutz, như tên nó nói, là một truyện bối cảnh ở Do Thái. Đi và sống ở nhiều nơi, tôi không có một ý định đặc biệt nào về viết lách lúc đó. Tuy nhiên, tất cả những nhận xét và cảm nghĩ đã ở lại trong tôi rất nhiều như một kho tư liệu. So với Bắc Mỹ thì miền Nam nước Ý hay Do Thái là những nơi nhỏ bé thường có bầu không khí mang nặng lịch sử. Một chiều nắng thanh bình ở vùng Galilée, hay cái cảm giác ma quái chết chóc ở đâu đó là những gì rất thực. Có những người đàn bà tuyệt đẹp, khỏe mạnh và lành mạnh.

Về hình ảnh một người đàn bà, ta hãy hình dung một Sophia Loren trong phim Judith. Ống kính ảnh chụp nghiêng từ dưới lên trên, Judith da mặt cháy nắng, tay áo xắn cao, đứng cạnh một đống đất của kibbutz, ánh mắt sắt thép nẩy lửa tương phản cái cằm và quai hàm xương xương cũng nẩy lửa nhưng cái nẩy lửa này còn chứa đựng thêm cảm tính và dục tính...

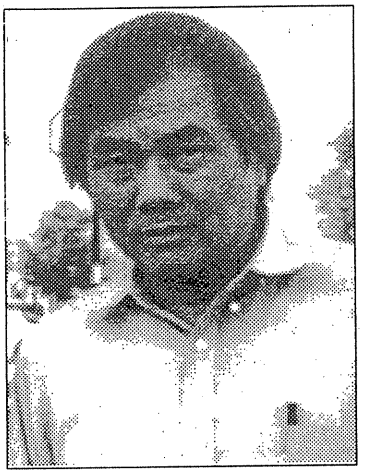
Nguyễn Đức Tường

5. Hầu hết các truyện ngắn đều là các câu truyện tình, lãng mạn, đẹp, cho dẫu tan tác hay bị đứt đoạn. Điểm đáng chú ý là đã được viết bằng lối viết khoáng khoát, nhẹ nhàng, không thê thiết như một số truyện tình cảm khác mặc dù ngay cả khi nói về cái chết của người yêu như Carmen. Điều này tạo sự thu hút cho người đọc. Cơ bản thì đó là dụng ý, một văn phong riêng hay chỉ là một sự tự nhiên?

Tôi thích nghĩ rằng đó là dụng ý. Không thê thiết là một điểm về tâm lý; nếu ta thê thiết quá thì hết phần của người đọc mất.

Còn như văn phong tôi cũng đã suy nghĩ nhiều. Tôi thích những câu văn ngắn, gọn, như kiểu Camus hay Gide, văn Việt như Thế Lữ; một khi thoải mái với cái mình thích rồi thì viết sẽ trở thành tự nhiên thôi. Tôi đọc không nổi William Faulkner, câu ông viết thường dài quá tôi không nhớ được.

Về cách viết, một người bạn phê bình, nói tôi viết thứ văn làng xã, biền ngẫu, cũ quá rồi. Tôi trả lời tôi cũng có thử cách viết *staccato* như kiểu bắn liên thanh nhưng khi đọc lại thấy không phải là tôi. Thôi, đi tiên phong làm avant-garde mệt quá, ta viết theo cách nào ta cảm thấy là ta nhất.

6. Nếu Tà Áo Văn Quân là một tập truyện đầu tay thì nếu không lầm ông đã đến với văn

chương khá muộn, nhưng ông có được giọng văn tươi, và tuy chỉ viết rất thoáng, tâm lý của các nhân vật vẫn có một cá tính và một không khí. Ông luôn có một cái nhìn hóm hỉnh. Đó là những điểm độc giả nhìn thấy qua văn ông. Ông có đồng ý với những điều này không?

Vâng, nhiều độc giả cho tôi biết có nhận xét tương tự. Như ông nhận xét, hầu hết là truyện tình lãng mạn. Tôi không thể viết, thí dụ truyện tù cải tạo như một số lớn các bạn tôi bởi vì tôi không có kinh nghiệm sống hoặc những quan sát trực tiếp. Nhưng truyện tình cũng có thể như cái xe dùng để chuyên chở, tôi hy vọng độc giả đây đó nhìn thấy vài thông điệp, ẩn ý.

Đọc truyện ngắn Tà Áo Văn Quân một vị nhẹ nhàng bắt bẻ, hỏi rằng "thế nào là nụ hôn nồng nàn chưa bao giờ hái?" Trong truyện đó, câu viết như sau, "... mà là những nụ hôn nồng nàn đã hái hay chưa bao giờ hái." Đó không phải là một sơ hở về văn phạm hay lơ đãng mà là một khiêu khích cố tình. Tôi tin chắc vị độc giả đó chọc quê tác giả cho vui thôi chứ cũng thích thú thừa biết dụng ý của tác giả.

"Nụ hôn nồng nàn chưa bao giờ hái" được lồng trong một câu chuyện lẩm cẩm, hơi gàn. Một câu xin lỗi giữ mãi trong lòng đến cả mười lăm năm, và rồi đến khi có dịp xin lỗi thì lại nghĩ là không cần phải nói ra nữa. Ta tự hỏi, như vậy câu xin lỗi có quan trọng không? Tôi nghĩ là rất quan trọng. Vì Thanh-Văn, người được xin lỗi, tuy nói đã bỏ qua truyện đó từ lâu nhưng khi vừa nghe hai chữ "xin lỗi" thì cô ta đã biết ngay là truyện gì. Biết bạn mình có *ý định* xin lỗi mắt Thanh-Văn trở nên hiền hòa chứa đựng một lời cảm ơn, Thanh-Văn dơ tay ra hiệu bảo không cần phải nói nữa. Có thể Thanh-Văn đã bỏ qua nhưng Thanh-Văn không quên. Tuy trong truyện không tả, tôi tưởng tượng nhân vật nam ra về, vừa đi vừa huýt sáo vì anh ta cảm thấy vừa được trả tự do.

7. Qua các truyện ở Tà Áo Văn Quân, tuy ông viết về các mối tình, các khung cảnh ở những nơi khác, nhưng lẫn vào trong các truyện vẫn có hơi thở quê hương, trong các vần thơ ông nhớ đến, ở những phong tục ông gợi lại. Có phải đó chỉ là ngẫu nhiên, ngẫu hứng khi viết, hay ông khi tạo bố cục cho câu truyện ông đã gắn các vấn đề trên vào?

Những bố cục cho câu truyện thì thường chỉ có đại cương thôi, tuy một số chi tiết có chủ ý từ đầu. Tất nhiên khi viết nếu ngẫu nhiên nghĩ được thêm ý mới thì rất mừng.

Trong câu hỏi ông dùng cụm từ "hơi thở quê hương" khiến tôi nhớ đến bài hát Giòng Sông Quê Hương của Phạm Duy trong đó có câu "...mộng ngàn xưa còn trong *tôi*." Tôi nghĩ phải ra khỏi nước vài chục năm và ở trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó ta mới có thể cảm thấy được chữ "tôi" này *possessive* như thế nào. Nghe Lệ Thu hát "...mộng ngàn xưa còn trong tôi," tôi thấy chữ "tôi" vô cùng êm dịu và trìu mến, rất riêng tư nhưng đồng thời rất rộng mở, thu nhặt tất cả và cũng cho tất cả.

8. Xin cho biết các dự tính sắp tới của ông trong việc viết lách, in ấn, xuất bản.

Tôi hiện đang viết mấy truyện ngắn, truyện nào cũng chỉ mới được một hai trang. Tôi đang dựng sườn cho một truyện dài. Tôi cũng đang soạn một loạt bài khoa học phổ thông, tôi hy vọng loạt bài này sẽ được hoàn tất và xuất bản thành sách trong hai năm tới. Ấy, tham lam như vậy nhưng mấy tháng nay tôi không viết được một dòng nào cả. Tôi phải cẩn thận trước khi Alzheimer ngự đến thì hỏng hết.

Xin cảm ơn ông và đài ACTD đã cho tôi dịp nói truyện trực tiếp với thính giả/độc giả.●

Xin tìm đọc những chuyện văn nghệ đồng trời của cây bút trào lộng, tác giả ***Chuyện Cấm Đàn Bà***

ĐẶNG TRẦN HUÂN

CHỮ NGHĨA BỀ BỀ

Nhà xuất bản Văn Mới,
Los Angeles, CA
Liên lạc:
ĐẠI NAM - (818) 244-0135
VĂN NGHỆ - (714) 527-5761
Nơi không có tiệm sách Việt
xin gửi liên lạc về tác giả qua:
ĐẶNG KIỀU VÂN
P.O. BOX 3022
Industry, CA 91744 (USA)
(Châu Mỹ: 12 Mỹ kim
Các Châu khác: 15 Mỹ kim)

ĐÔI MẮT VỜI TRÔNG

SONG THAO

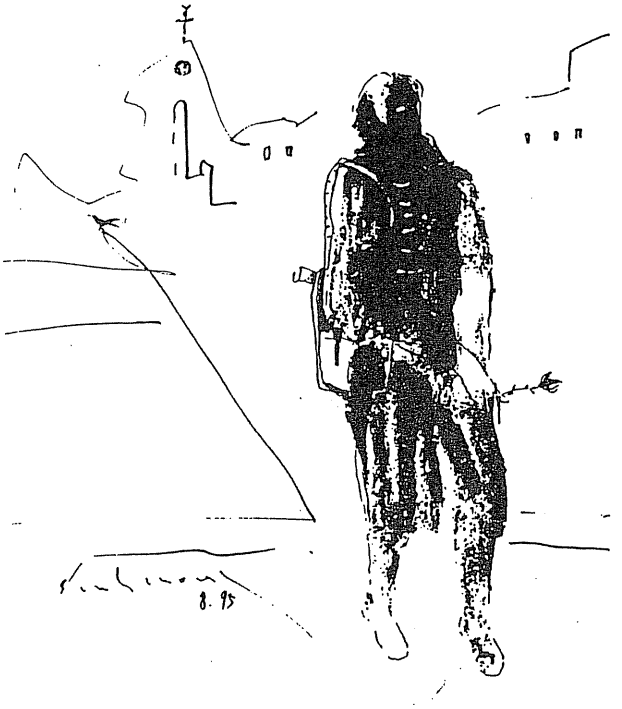

Jeff dẫn tôi bước xuống những bậc thang tới bức tường đen tuyền bằng đá bóng loáng. Ánh nắng từ phía bên kia bức tường hắt từng vạt lên những tàng lá phía sau chúng tôi. Khách bộ hành tấp nập đi lại làm nhộn nhạo một nơi đáng ra phải trang nghiêm yên ắng. Jeff tìm từng hàng chữ màu kim nhũ đứng xếp hàng thẳng băng giăng kín khắp bức tường dài. Anh quay sang hỏi tôi.

"Ông đoán thử coi có bao nhiêu tên trên bức tường vĩnh biệt này?"

Tôi quét mắt nhìn dọc bức tường dài từng đoạn thấp cao, nói đại.

"Chắc phải cả chục ngàn."

Jeff giương đôi mắt lớn như muốn lách ra khỏi trũng mắt.

"Khoảng sáu chục ngàn đấy ông ạ. Chắc ông không quen đếm xác người!"

Mặt tôi thoáng đỏ. Câu nói như một lời chế giễu. Mỗi cái tên là một xác người đã gục xuống nơi quê hương tôi. Thoáng trong đầu tôi hình bóng những người lính Mỹ lang thang trên đường Tự Do, mặt mày đỏ ké, nét rạng rỡ như muốn níu lấy những phút vui hiếm hoi của đời lính chiến xa nhà. Tôi như thấy rõ ràng những chiếc xe nhà binh kềnh càng, trên xe là những khuôn mặt nhễ nhại mồ hôi và bụi đường, miệng toác ra la hét ầm ĩ cùng những cánh tay đập mạnh vào thành xe tạo ra những tiếng động ầm ầm cáu kỉnh. Họ đều là những người lính trẻ, nhiều người rất trẻ với những khuôn mặt lạc lõng chưa nhả hết thơ ngây. Có bao nhiêu khuôn mặt tôi nhìn thấy đã trở thành những giòng tên vàng trên bức tường này?

Jeff lần theo từng tên tìm kiếm. Thỉnh thoảng anh ngừng lại, miết ngón tay lên một giòng chữ, mặt đờ đẫn vô hồn. Tôi im lặng chuyển bước bên cạnh. Khuôn mặt Jeff sắc cạnh với những chân râu quai nón được cạo sát làm đen thêm lớp da vốn đã đen nhánh. Mỗi lần anh dừng lại nơi một giòng tên, cằm anh bạnh ra, đôi mắt nhiều tròng trắng như nổi lên thêm những sợi gân máu đỏ thẫm. Tôi cảm thấy nét buồn trên cặp mắt rũ rượi đó. Anh quay sang tôi, chớp mắt vài cái, ấm giọng.

"Nhìn những giòng tên này ông có phân biệt được tên nào trắng tên nào đen không?"

Tôi nhìn ngón tay thô tháp đen nháy của Jeff đang ấn trên một giòng chữ vàng nhũ.

"Tôi thấy ông đang cố miết màu đen trên những cái tên ông chọn."

Jeff quay mặt vào bức tường, tôi nhìn thấy phía sau cái đầu nhẵn bóng hình dáng một trái trứng nâu đen.

"Họ là bạn tôi đó. Có những người đã chết cho tôi được sống."

Tiếng Jeff như vọng từ trong bức tường ra. Trong tôi như rền vang tiếng bom đạn gào thét xung quanh. Người tôi nổi gai ốc. Bom đạn là thứ vô tri chúi đầu vào người nào người nấy chịu. Tôi ngửi thấy đâu đây mùi khét lẹt của chiến trường. Bất giác tôi đưa tay sờ lên bả vai trái. Tôi không thấy vết sẹo. Nó đã dấu mình dưới chiếc áo khoác lịch lãm.

"Số phận cả ông ạ! Ngôn ngữ chúng tôi có một câu nhẫn nhục chịu đựng rất dễ chịu: 'Trời kêu ai người nấy dạ.' Mình có đẩy được bom đạn sang cho người bạn nằm bên cạnh đâu. Nó muốn tìm tới ai thì tìm, mình bất lực. Lỗi chẳng tại ông."

Jeff kéo tôi đi lên.

"Nhưng mình vẫn cảm thấy khó chịu. Như được lãnh phần thưởng một cách không xứng đáng. Nhiều lúc tôi cảm thấy ngượng ngùng như là mình đã trí trá với bạn bè. Ngày trở về tôi không có được niềm vui trọn vẹn. Nhìn một vài khuôn mặt hớn hở như người được bạc của những người chung chuyến tàu trở về, tôi đã muốn nổi nóng đập nát những cái vỏ bỉ ổi đó. Họ đâu có lý gì tới những người trở về một cách lặng lẽ hoặc những người đã nằm xuống nhưng chưa bao giờ có được một chuyến trở về."

Tôi lẳng lặng đi sau Jeff. Lá cờ Mỹ lạch phạch theo gió đã giữ bước chân tôi dừng lại trước tượng đài kỷ niệm chiến tranh Việt Nam. Ba người lính chiến lẳng lặng bước đi bên nhau. Áo trận, áo chống đạn, ba lô trên vai, giây đạn trên người, súng vắt vưởng nằm ngang trên tay như những khúc củi vô dụng. Đây là một đài kỷ niệm buồn, tôi chợt nghĩ. Không có những khuôn mặt hăm hở dựng cờ chiến thắng, không có những cánh tay mừng rỡ giơ súng lên trời cao, không có những chiếc miệng vui sướng la hét, không có những cặp mắt ánh lên niềm vui. Tôi nhìn kỹ vào ba khuôn mặt bằng đồng đen. Tôi chỉ thấy vẻ thẫn thờ uể oải. Jeff quay lui lại, bước đến bên tôi. "Ông thấy sao?"

Tôi vẫn không rời mắt khỏi tượng đài.

"Một tác phẩm điêu khắc đẹp. Tôi thấy chất người trong những người lính này."

Jeff cười khẩy.

"Ông có con mắt của người thưởng ngoạn nghệ thuật. Còn con mắt của con người Việt Nam, ông để quên đâu rồi?"

Jeff vẫn lẳng lặng bước bên tôi. Câu nói làm tôi nhột nhạt nhưng vẻ mặt Jeff không thay đổi. Hình như Jeff đã có quá nhiều cay đắng, anh chẳng còn chút nào để mỉa mai tôi. Hoặc giả anh còn biết giữ chút lịch sự với người mới quen?

Tôi chỉ mới biết Jeff buổi trưa hôm nay, trong *cantin* nơi sở làm của Jeff, một công ty lớn tại Hoa Thịnh Đốn. Nghề của tôi là nghề đi đó đi đây, cứ chỗ nào có chuyện là tôi phải có mặt. Tôi vẫn đùa với mấy đồng sự người Việt đã từng mặc áo lính như tôi là tôi vẫn tiếp tục nghề cũ. Nghề Nhảy Dù. Nơi nào có chuyện lớn là mò tới. Ngày xưa thì là những trận đánh long trời lở đất nơi những địa danh đã đi vào sử sách, ngày nay là khi những ông chuyên viên của các công ty khách hàng tại chỗ bó tay, điện thoại viễn liên chỉ dẫn cũng không xong, thì công ty của tôi, một công ty chuyên bán dịch vụ điện toán, lại phái tôi tới gỡ rối cho cái dàn máy điện toán đang giở trò đình công. Người hướng dẫn và cộng tác sát bên tôi tại đây là Hillary, một cô đầm Mỹ đặc Mỹ. Cao lớn, lịch sự, chải chuốt, miệng lúc nào cũng cài hờ hai chữ "xin lỗi" và "cám ơn."

Hillary kéo chiếc khay lấy đồ ăn đi trước, tôi theo sau. Trên khay của tôi mới vỏn vẹn một đĩa rau. Cô quay lại hỏi.

"Ông lấy món ăn chính đi chứ! Nếu ông còn phân vân thì để tôi hướng dẫn nghe?"

Tính tôi vốn cả nể nhưng chỉ nguyên ngửi mùi đồ ăn trong cái *cantin* này tôi đã ứ lên tận cổ. Tôi thực sự không muốn bê thêm món gì vào khay hết, bèn giở ngón nghề xí xóa.

"Tôi thử muốn làm loài thỏ coi xem sao! Cô có thấy mấy con thỏ chỉ gặm rau không mà trông cũng thú vị quá sức đi chứ!"

Hillary nhoẻn cười, cái cười có tính toán nên chỉ hé đôi môi vừa đủ để lộ một vạch trắng như sợi giây nằm ngang.

"Ông đã trót làm người rồi thì ráng mà làm người. Đâu có phải dễ mà làm thỏ được. Ông thích thịt hay cá?"

Thịt hay cá, tôi chẳng thích thứ nào. Nhưng ngặt nỗi Hillary đã giao hẹn trước là hôm nay cô mời tôi nên tôi chẳng thể nào phụ lòng cô được.

"Giữa thịt và cá thì chắc tôi chọn cá."

"OK. Nếu cá thì tôi chọn cho ông thứ này — Hillary nhanh nhẹn với một đĩa cá bỏ vào khay của tôi — Ông thử xem khiếu thưởng thức món ăn của tôi có hợp ý ông không. Nếu không thì tôi phải xin lỗi trước là đã phụ lòng ông thần khẩu của ông. Chắc ông quen có những quyết định ở chiến trường chứ không phải ở trong *cantin.*"

Cô ném cho tôi một cái nhìn vừa tinh quái vừa dịu dàng. Câu nói chơi giữa hai chúng tôi lọt vào tai Jeff xếp hàng sau tôi.

"Xin lỗi tôi hơi tò mò. Ông có phải là người Việt Nam không vậy?"

Tôi nhìn Jeff và thấy được nét hiền lành trên khuôn mặt da đen của anh.

"Sao ông đoán hay quá vậy?"

"Cũng không có gì khó khăn lắm. Thấy ông có khuôn mặt Á Châu lại nghe cô đây nói tới chiến trường. Chiến trường ở Á Châu thì chỉ có Việt Nam. Hơn nữa tôi đã ở Việt Nam một thời gian khá dài nên có thể phân biệt được người Việt Nam với những người Á Châu khác."

Tôi lịch sự

"Rất hân hạnh được biết một người đã có thời gian cùng hít thở với tôi một bầu không khí. Chắc không khí chiến trường ông nhỉ?"

Cái bắt tay chặt chẽ như không cần câu trả lời.

"Vâng. Mình đã từng làm chung một *job* với nhau. Tôi yêu mến quê hương ông lắm!"

Tôi cám ơn cho phải phép rồi bưng chiếc khay theo Hillary kiếm bàn ngồi. Bữa ăn qua đi nhanh chóng vì chúng tôi vừa ăn vừa mải miết bàn luận về công việc đang dở dang. Khi tiếng chuông báo chấm dứt giờ ăn trưa nổi lên, đĩa cá của tôi mới vơi được phân nửa. Tôi dợm đứng lên thì Jeff tiến lại phía tôi.

"Tôi phải xin lỗi trước về sự đường đột của tôi. Tôi đang e ngại không biết ông và cô đây có rảnh rỗi chiều nay để tôi có hân hạnh được mời đi dùng một bữa ăn thân mật hầu tôi có dịp chuyện trò làm quen không ạ?"

Hillary khéo léo từ chối vì có việc bận. Tôi thì hết giờ làm là giờ của lang thang. Thường tới một thành phố nào, tôi ưa mò mẫm đi bắt cái hồn của thành phố đó. Tôi thích cái job nhiều di chuyển của tôi cũng là vì cái tính thích đi đây đi đó, sống với từng ngóc ngách của cuộc sống khắp nơi. Sống quanh quẩn ở một chỗ, người ta chỉ có một đời sống. Sống cuộc sống du mục, người ta có nhiều đời sống. Lời lãi thấy rõ. Bởi thế nên tôi chẳng bao giờ bỏ phí thời giờ trong một chuyến đi. Đi loanh quanh với Jeff có lẽ cũng là một điều hay. Tôi mời vớt Hillary một lần nữa trước khi trả lời Jeff.

"Tôi chắc chẳng bận bịu gì. Có lẽ chính ông là người làm tôi bận bịu chiều nay đó!"

Jeff tươi nét mặt.

"Có thể vậy. Thực sự tôi có chuyện muốn nhờ ông chỉ bảo. Một chuyện tình cảm!"

Tôi cười xòa.

"Nghề của tôi là gỡ rối máy móc. Chắc ông lại sắp cho tôi thêm một *job* mới. Gỡ rối tơ lòng!"

Hillary cười lớn. Jeff đỏ mặt.

"Cứ coi là như vậy đi. Tan sở chúng ta đi liền nghe!"

Rời khu Đài Tưởng Niệm, Jeff dẫn tôi tới một nhà hàng sang trọng. Anh có vẻ sành rượu và khó khăn trong việc chọn rượu. Anh hầu bàn phải mời quản lý tới nói chuyện rượu với anh. Anh hỏi ý kiến tôi. Thật chán mớ đời! Rượu thì tôi uống được nhưng tôi thuộc loại ngưu ẩm. Uống vô thì biết ngon dở tới một mức nào đó thôi. Lên tới mức tinh tế thì chịu. Tôi thú thật.

"Tôi dở chuyện này lắm. Ông cứ tự nhiên chọn lựa đi. Đã từng uống rượu lính thì rượu nào đối với tôi lại không được!"

Jeff chọn xong rượu, nheo mắt với tôi.

"Bộ chỉ có mình ông biết rượu lính thôi, tôi thì không hay sao?"

"Lính Mỹ các ông là lính nhà giàu, khác với lính chúng tôi chứ!"

"Tôi muốn nói rượu lính Việt đấy chứ. Chắc ông không biết tôi đã từng được biệt phái qua các đơn vị Việt Nam nên cũng đã lăn lóc với rượu nón sắt của các ông chứ bộ!"

Tôi tròn mắt thích thú. Anh này coi bộ chơi được. Nhìn Jeff cổ cồn cà vạt, áo trong áo ngoài ăn mầu với nhau, tôi giễu.

"Trông ông thế này, ai biết ông là lính trận!"

Jeff nhìn lại tôi.

"Trông cái mã bây giờ của ông, ai dám bảo là ông đã từng lội sình!"

Jeff giơ bàn tay thẳng đứng trước mặt tôi, tôi giơ tay đập lại, cười vang. Jeff nâng ly.

"Mừng gặp lại một chiến hữu thất lạc!"

Tôi nâng ly rượu về phía Jeff.

"Mừng gặp lại một người bạn đã từng đồng cam đồng khổ!"

Jeff nói về Việt Nam một cách say mê. Anh

nhắc tới Đà Nẵng, Nha Trang, Saigon nhưng nơi anh tha thiết nhất lại là Mỹ Tho. Anh hít hà với soài, măng cụt, ổi xá lị, dừa xiêm nhưng nghe giọng anh tôi ngờ rằng anh mến thành phố này vì cái gì khác hơn nữa. Tới lúc ăn tráng miệng, Jeff mới mon men vào câu chuyện mà anh định nhờ tôi. Anh có vẻ lúng túng rút từ túi áo ra một xấp giấy đặt trước mặt tôi. Tôi nhìn xấp giấy gấp thành nếp, lớn nhỏ so le nhau, phân vân chẳng biết ý định của Jeff. Anh ngồi lặng thinh, tôi giương mắt thay cho câu hỏi. Giọng Jeff như đổi khác, nhỏ nhẹ, ngập ngừng, rời rạc. Như thể vừa có điều gì thay đổi trong con người anh. Tôi chờ nơi anh một lời giải thích cho xấp giấy đang nằm im lìm trước mặt, nhưng câu nói của anh lại là một câu hỏi.

"Người Việt Nam các ông hình như không có thiện cảm với những đứa con lai phải không?"

Tôi không chờ đợi một câu hỏi như vậy. Tới lượt tôi lúng túng. Biết trả lời sao cho đủ tế nhị với một câu hỏi khó trả lời như vậy. Tôi ấp úng lựa lời.

"Tôi không chối cãi điều đó nhưng, theo tôi, thì chuyện chắc cũng không ở mức độ nghiêm trọng lắm đâu. Tình gia đình bên nước tôi rất bền bỉ nên những đứa trẻ đó, dù sao cũng là một thành phần của gia đình, vẫn được chấp nhận, được yêu thương, và chúng cũng dễ dàng hòa nhập được với nếp sống chung quanh."

Jeff dồn tới.

"Nhưng chắc chúng không được coi như ngang hàng với những đứa trẻ Việt khác?"

Tôi bình tĩnh giải thích.

"Ông nghĩ như vậy cũng không sai. Nhưng ông nên hiểu là nước tôi là một nước nhỏ, có những tập tục và quan niệm đạo đức riêng, nên không có được cái nhìn rộng rãi như ở bên đây. Dù sao, những đứa trẻ lai cũng là những chứng tích sống của một hành động không được dung dưỡng bởi xã hội. Sự đối đãi, vì vậy, cũng có phần thiệt thòi cho chúng."

Jeff cười nhạt. Ánh mắt anh như có điều không vừa ý.

"Thế còn giữa một đứa trẻ lai da trắng và một đứa trẻ lai da đen thì sao?"

Tôi ngồi lịm. Trong đầu tôi, hình ảnh những đứa trẻ lai đen trên hè phố hiện ra rõ ràng. Chúng quả là một thành phần hẩm hiu, sống lây lất dưới sự chèn ép của những đứa trẻ khác, lai trắng hoặc không lai. Trẻ em cũng như người lớn, thường dễ dàng hòa đồng với những đứa bé lai trắng hơn. Xã hội hình như mặc nhiên đặt những đứa trẻ lai đen vào một vị trí đáng khinh thị hơn. Ngẫm cho kỹ, sự phân biệt này quả là quá đáng nhưng tình cảm xã hội là một điều khó giải thích. Tôi thực sự chẳng thể tự dối mình nên ấp úng chưa biết

Nhớ Hạo Nhiên

Nhà thơ Hạo Nhiên (tên thật Tôn Thất Mạnh Hào), đã nhiều năm có thơ đăng trên Thế Kỷ 21, vừa qua đời vào tháng Hai 2001 tại Hà Nội. Để tưởng niệm ông, chúng tôi xin trích đăng một đoạn thư và một bài thơ ngắn của ông gửi về Tòa soạn từ năm 1996:

"Gửi M. bài mới viết cách đây vài tháng nhân đọc một số thư, một số bài (ngay trên tạp chí Thế Kỷ 21) nói về nỗi nhớ 'đê đầu tư cố hương' của người xa xứ, rồi mình lại vốn từ lâu thật sự đau xót trước tình hình chưa bao giờ dân tộc ta lại có những cuộc rời nước ra đi không/khó hẹn về của nhiều người - đồng bào - đến như vậy, tứ tán khắp năm châu, trong đó có những đứa con tâm huyết và tài năng vào loại đáng lý được cưng nhất của Tổ Quốc. (...)

CỎ ĐÔI NƠI

Sắc cỏ dường đâu cũng giống nhau
Sao đây ánh lá cợm màu đau
Niềm đi quằn quại hương quan mộng
Nỗi ở lao chao loãng giọt đào.

3-69

Thế đấy, một chút tâm sự. Con người luôn bị lâm vào cái *absurde*, kẹt vào những cái bi kịch do chính mình tạo nên. Và không thể không kêu đau! Kêu thôi chứ có làm được gì đâu!

HẠO NHIÊN

trả lời ra sao. Jeff như bắt được cái lúng túng của tôi.

"Xin lỗi ông về câu hỏi khó chịu của tôi nhưng chắc ông cũng chẳng cần nhọc công tìm câu trả lời. Tôi đã có câu trả lời từ trước khi đặt câu hỏi rồi. Chính vì biết như vậy nên tôi mới cố công làm một việc mà tôi muốn nhờ ông giúp một tay. Khi rời Việt Nam, tôi có để lại một đứa con lai. Con gái. Tôi muốn nhấn mạnh đứa con rơi của tôi là một đứa con gái vì tôi biết thân phận của một đứa con gái lai đen bên Việt Nam long đong hơn một đứa con trai rất nhiều. Tôi mất liên lạc với mẹ nó khi miền Nam sụp đổ. Từ đó tôi vẫn rắp tâm tìm kiếm con tôi và Nụ — Jeff cười một cách khó khăn — Nụ là người sống chung với tôi ở Việt Nam. Tâm trí tôi luôn luôn bị dằn vặt vì đứa con này, đứa con mà tôi nghĩ nó chỉ được coi như một thứ cặn bã mạt hạng trong xã hội nó đang sống. Xin lỗi ông về ý nghĩ có vẻ quá khích và có thể là xúc phạm tới ông, nhưng tôi không dứt bỏ được sự day dứt đó. Tôi đã đăng báo tìm con, có kèm theo hình con tôi lúc còn nhỏ, và hứa hẹn sẽ trọng thưởng một số tiền lớn, và kết quả là tôi đã nhận được một số thư hồi âm. Tiếc thay toàn là thư viết bằng tiếng Việt. Nhờ người dịch ra không phải là khó nhưng nhờ được người đọc chúng mới là khó. Bởi vì tôi nghĩ chỉ có một người Việt Nam có lòng đọc những bức thư này mới phân biệt được đâu là thật đâu là giả, đâu là những người chỉ bịa đặt với hy vọng lãnh được tiền thưởng và đâu là những người thật sự biết tin tức con tôi. Gặp được ông tôi như cảm thấy gặp được người tôi đang cần gặp. Tôi hy vọng ông không nề hà bỏ ra cho tôi chút ít thời giờ giúp tôi hoàn tất được cuộc tìm kiếm vất vả và nhiều gian truân này."

Tôi lòng dạ nào mà không giúp Jeff. Ôm xấp thư về khách sạn, tôi đã chong đèn ngồi đọc kỹ lưỡng. Chẳng những đọc chậm rãi, suy tính từng chữ từng câu, mà tôi còn phải cố tìm cho được mùi thật thà trong mỗi lá thư. Tôi loại ngay những lá thư tin tức thì chẳng có bao nhiêu nhưng tán hươu tán vượn thì nhiều. Phần lớn những lá thư này được viết rất tươm tất sạch sẽ, lời văn hoa mỹ, nét chữ sắc sảo, rõ ra là một tác phẩm của một người chuyên viết mướn. Tôi cũng loại ra những bức thư quanh co, cố tỏ ra là biết chỗ ở của đứa trẻ mất tích nhưng mục đích là dụ người tìm con sang Việt Nam để trực tiếp đưa đi tìm hòng kiếm ít bổng lộc. Còn có những bức thư viết mơ hồ, cầu may, đưa ra một số chi tiết vẩn vơ, để có thể dính máu ăn phần nếu lỡ ra sự việc có kết quả. Cuối cùng, tôi lựa ra được một bức thư mà tôi cảm thấy là có vẻ đáng tin nhất. Bức thư được viết bằng hai tờ giấy nhàu nát, đen đúa. Thoạt đọc thì đã biết ngay người viết không được học nhiều. Câu cú lộn xộn, chữ dùng mộc mạc, chấm phết lung tung, ý tưởng được diễn tả một cách rối rắm rườm rà. Nhưng tôi thấy được sự chân thành toát ra trong suốt hai tờ giấy mà chắc người viết phải khổ công mới hoàn tất được. Người viết cho biết là bạn hàng xóm với con nhỏ từ khi hai đứa còn nhỏ xíu. Khi mẹ con Nụ dọn nhà đi thì còn liên lạc, nhưng lâu dần, qua mấy lần đổi chỗ ở liên tiếp của cả hai bên, thì chỉ còn nghe nói về nhau qua những người bạn chung năm thì mười họa mới gặp. Người viết cho biết là tới nay, có thể lần ra dấu vết để kiếm ra được, nhưng muốn vậy phải có phương tiện đi kiếm. Lời lẽ bức thư tỏ rõ không có ý lợi dụng, không xin xỏ, không hứa hẹn, nhưng vì tình bạn với con nhỏ nên sẵn lòng hợp tác trong việc tìm kiếm.

Tôi chấm bức thư này mà cảm thấy mình không lầm lẫn khi chỉ con đường cho Jeff noi theo. Jeff cũng đồng ý như vậy khi nghe tôi phân tích và trình bày cặn kẽ lối suy luận của tôi.

Điện thoại nhà tôi có thêm một tiếng chuông lạ. Jeff gọi cho tôi mỗi khi có diễn biến mới hoặc khi anh cần hỏi ý kiến tôi. Anh đã gửi một số tiền nhỏ làm phí tổn cho người bạn của con anh đi tìm kiếm. Những ngày chờ đợi tin tức là những ngày anh căng người hồi hộp. Mỗi ngày qua là một ngày anh cảm thấy khoảng cách giữa bàn tay anh và bàn tay của con gái anh được kéo gần lại hơn. Và anh như hào hứng sống lại thời gian ở Việt Nam. Những cú điện thoại của anh có thêm chuyện mới. Anh say sưa kể cho tôi nghe về người con gái tên Nụ, người đã mang lại cho anh những ngày sống ý nghĩa giữa cuộc chiến khốc liệt mà anh tham dự như người bị xô lưng đẩy tới.

Đầu óc anh vẫn vất vưởng ý nghĩ bị kỳ thị trong thời gian ở Việt Nam. Những cuộc điện đàm hình như đã cho anh đủ thân cận để hỏi tôi những câu hỏi khá tế nhị.

"Tôi thương yêu Nụ và nàng cũng thương yêu tôi nhưng tôi để ý thì thấy nàng luôn luôn tránh né việc đi cùng tôi ra giữa đám đông. Những người con gái sống với những bạn da trắng của tôi thì không vậy. Sự kỳ thị ở bên

này tôi hiểu được, đó là một dấu vết đau buồn của lịch sử, từ những ngày tổ tiên tôi bị mang tới châu Mỹ như những tên nô lệ. Nhưng bên nước ông, tại sao cũng có sự kỳ thị, nhiều khi tôi thấy còn nặng nề hơn ở bên đây. Tại sao vậy, ông bạn?"

Tôi không muốn tránh né nhưng trả lời câu hỏi này quả là một điều tế nhị, quá tế nhị. Cho cả Jeff và tôi. Tôi cố mài dũa sao cho lời nói được tròn trịa, nhẵn nhụi hơn.

"Sự kỳ thị, như ông biết đấy, bao giờ và ở đâu cũng là điều đáng chê trách, nhưng khốn nạn thay, nó lại luôn luôn có mặt bất kể thời gian và không gian. Để hiểu nó, người ta phải gác lại tình cảm để chỉ dùng lý trí mà phân giải. Ông cảm thấy bị kỳ thị bên nước tôi thì tôi nhiều khi cũng cảm thấy bị kỳ thị trong cuộc sống ở nơi đây. Rồi chúng ta có đi tới chân trời góc biển nào cũng vậy. Còn những người khác mầu da, khác tiếng nói, khác văn hóa chung sống với nhau thì anh chàng kỳ thị vẫn còn có cơ hội chường mặt ra. Nếu phải trả lời cho câu hỏi của ông thì tôi cũng qui trách nhiệm cho lịch sử như ông vậy. Lịch sử cận đại của nước tôi là một quãng thời gian đau buồn của một nước nhược tiểu bị một cường quốc phương Tây chiếm đóng và cai trị. Người Pháp đã mang đến nước tôi một đạo quân hỗn tạp trong đó có những người da đen ở Phi Châu, nơi xuất phát của tổ tiên ông. Và, phải xin lỗi ông trước, ông đừng buồn khi nghe tôi nói là những người da đen này, với những vết rạch trên mặt, là những người hung hãn trong việc cướp bóc, hãm hiếp dân Việt Nam chúng tôi. Trong khi đó thì người da trắng là những người cai trị, quyền sinh sát trong tay, làm dân nước tôi tuy không ưa, thậm chí còn chống đối nữa, nhưng những người dân đen nước tôi trong thâm tâm vẫn phải nể sợ họ. Chính tình huống này đã đặt ngôi thứ cho mầu da trắng và mầu da đen trong suy nghĩ và tâm cảm của dân nước tôi. Xóa đi một vết đen của lịch sử kéo dài cả trăm năm chẳng phải là điều dễ. Khi các ông sang, vết đen đó vẫn còn tồn tại và sự kỳ thị mà ông cảm thấy là hậu quả tất yếu vậy thôi."

Tôi ngưng nói mà đầu giây bên kia vẫn lặng thinh. Tôi giữ ống nghe mà lòng không yên. Chẳng lẽ tôi đã cho Jeff uống một liều thuốc quá mạnh. Một chặp sau tôi mới nghe được cái giọng buồn bã của Jeff.

"Nhờ ông nói rõ nên tôi hiểu được phần nào nỗi thắc mắc mà tôi vẫn nặng mang trong lòng. Cám ơn ông nhiều. Dù sao, quê hương ông và Nụ của tôi vẫn là những kỷ niệm mà tôi vẫn còn chắt chiu trong một góc thân yêu nhất nơi tình cảm của tôi."

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Tôi đã nói được điều khó nói và Jeff cũng đã hiểu phần nào được điều khó chấp nhận. Tôi mừng đã không mất Jeff, người mà tôi trọng vì tinh thần trách nhiệm của anh. Và do sự đưa đẩy tình cờ, tôi đã góp được một phần nhỏ nhoi vào sự tìm kiếm này. Tôi mong ngóng tiếng chuông điện thoại của anh như một người trong cuộc. Tôi hồi hộp cùng anh, vui mừng cùng anh trước mỗi diễn tiến thuận lợi của việc tìm kiếm. Khi con số điện thoại của anh hiện lên trên máy giữ số cùng tiếng chuông lanh lảnh reo vang, tôi vội chụp ống nghe. Sau những câu thăm hỏi xã giao cố lướt qua cho nhanh, Jeff hớn hở.

"Tôi báo cho ông tin mừng, tôi kiếm được con tôi rồi. Tôi đã kiểm chứng kỹ lưỡng những bức hình gửi sang, những bức mới chụp cùng người tôi nhờ tìm kiếm, và những bức chụp rải rác trong những năm trước, khi một mình, khi với Nụ. Đúng là con tôi rồi ông ạ. Mừng quá nên tôi vội gọi liền để ông chia vui với tôi và cũng để cảm ơn tấm lòng quí hóa của ông. Không có ông, chắc gì tôi đã có được niềm vui lớn lao sớm sủa như thế này. Tôi sẽ xúc tiến mọi thủ tục và khi nào con tôi sang, tôi sẽ mời ông qua dự bữa tiệc đoàn tụ của cha con tôi. Tôi cũng sẽ mời một số bạn hữu đã từng sống với tôi ở Việt Nam họp mặt chia vui với tôi. Lúc đó, dù ông có bận việc thế nào, ông cũng phải ráng thu xếp sang chung vui với tôi nghe. Nếu ông không thu xếp được thì tôi sẽ nhờ bà Hillary phá hư chiếc máy để kéo ông qua! Và lần này thì bà Hillary cũng không có quyền được bận việc để từ chối không tới dự. Sao tim tôi nó nhảy dữ thế này không biết nữa!"

Tôi vui với cái vui của Jeff.

"Ông cứ để cho tim ông nó nhảy. Ông có nghe thấy tiếng tim tôi nhảy cùng với tim ông không?"

Jeff cười vang.

"Cám ơn trái tim của ông. Tiện đây, tôi cũng xin báo cho ông biết là tôi sẽ thu xếp để tháng sau qua Việt Nam gặp con tôi trước."

Tôi tinh nghịch cắt ngang lời Jeff.

"Và gặp Nụ nữa chứ!"

Tôi đợi một tiếng cười đồng tình ở bên kia đầu giây nhưng tai tôi chỉ nghe vọng lại một giọng thẫn thờ.

"Nụ mất rồi ông ạ!"●

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ

(1975-2000)

Bài 9: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

(Tiếp theo)

2. Giới Cựu Quân Nhân

Cũng như những tướng lãnh trên, cựu thiếu tướng Đỗ Mậu là một trong những nhân vật chính trong guồng máy quốc gia thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hoà. Ông đã cho xuất bản hồi ký chính trị tựa đề *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* (California, tác giả xb, 1986, 1267 trang chữ lớn, ấn bản mới do Văn Nghệ xb, 1993, 1089 trang chữ nhỏ).

Cuốn sách là một tổng hợp những tài liệu cùng trí nhớ của một cụ già trên dưới 80 tuổi mà có lẽ một nhóm người, hoặc là con, hoặc là cháu, hoặc là đồng tâm đồng chí có trình độ học thức cao, chia nhau đọc, chia nhau viết. Do đó, thành phẩm là một quyển sách rất dầy, thật phong phú những chi tiết về cá nhân và sự kiện, về những nhận định về lịch sử và nhân vật lịch sử trong thời Việt Nam hiện đại, nhưng không phải lúc nào cũng nhất quán, và mạch văn không phải lúc nào cũng đồng đều một lối diễn tả bóng bẩy, ý nhị, và uyên bác.

Nói một cách tổng quát, nội dung tác phẩm *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* bao gồm bốn chủ điểm lớn là tội của cựu tổng thống Ngô Đình Diệm, tội của Giáo Hội Công Giáo La-mã, ca tụng Cộng Sản Việt Nam, và cuối cùng là những lời tự ca tụng.

Về chủ điểm Ngô Đình Diệm, người từng là lãnh tụ được ông tận tụy phò tá từ năm 1942 đến năm 1963, ông kết tội là, nguyên văn nơi trang 254, "không nhân nghĩa và thiếu liêm sỉ."

Ông chứng minh những sai hỏng và tai hại trong các chính sách của Tổng Thống Ngô Đình Diệm như chính sách tố Cộng, khống chế báo chí, hủy diệt đối lập, gia đình trị, cải cách điền địa, Thượng Vụ, và sử dụng nhân sự.

Ngày nay, không ai là không thừa nhận việc hủy diệt đối lập và chính sách gia đình trị là hai trong những đặc điểm của chế độ Ngô Đình Diệm. Những đặc điểm này đã đưa Đệ Nhất Cộng Hòa đến chỗ cáo chung, anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm vào chỗ chết, và làm VNCH cạn kiệt nhân tài. Nhưng nhận định về chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa của Ngô Đình Diệm như tác giả, rằng, xin trích nguyên văn nơi trang 325: ... **phải có những triều đại bạo ác ra đời trước khi quê hương và dân tộc bước vào chu kỳ tươi sáng mới của tương lai** (chữ in đậm là của chính tác giả Đỗ Mậu). *Ta phải có chế độ Ngô Đình Diệm thì mới có ngày 30 tháng Tư năm 1975 để cho Cộng Sản có cơ hội quét sạch, quét hết những rác rớm tàn dư lịch sử của các chế độ ngoại thuộc kể từ ngày Pháp đánh vô Đà Nẵng cho đến ngày Cộng Sản thống nhất Việt Nam,* thì toàn bộ những kẻ cầm quyền từ năm 1963 đến năm 1975 chẳng có trách nhiệm mất nước gì chăng?

Cách đánh giá của tác giả về Ngô Đình Nhu cũng rất lạ: ông Nhu, nguyên văn, "Chỉ có tài làm mật thám công an..." (trang 317).

Về chủ điểm Thiên Chúa Giáo, hồi ký chính trị của Đỗ Mậu phân tích chủ trương Thiên-chúa-giáo-hóa miền Nam của chính quyền Ngô Đình Diệm, cùng sự lạm dụng chính quyền của một số giáo phẩm và tín đồ để tác quái trong mọi ngành sinh hoạt quốc gia, từ hành chánh đến kinh tế, từ văn hóa đến giáo dục, từ tôn giáo đến xã hội... Thật ra, tác giả cũng đã tỏ ra công bình khi nêu rõ rằng không phải bất cứ một tín đồ hay linh mục

Thiên Chúa Giáo nào cũng có hành vi sai trái, mà ngược lại, nhiều người còn chống đối chính quyền Ngô Đình Diệm, nhất là những tín đồ và hàng giáo phẩm gốc miền Nam.

Nhưng những tố cáo về sự lạm dụng của giới Thiên Chúa Giáo cùng những lời phê bình nặng nề Tổng Thống Ngô Đình Diệm xuyên suốt cả một quyển sách đầy và nặng của tác giả đã khiến cho giới Thiên Chúa Giáo phản ứng rất mạnh. Trên khía cạnh này, hồi ký của tác giả Đỗ Mậu cộng với tác phẩm *Bước Qua Ngưỡng Cửa Hy Vọng* của Giáo Hoàng John Paul Đệ Nhị đã làm bật vỡ vết thương tôn giáo giữa hai cộng đồng Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo. Cho đến ngày tôi viết những dòng này, cuộc tranh cãi công tội của Thiên Chúa Giáo tưởng chừng đã thuộc lịch sử nay lại tái hiện với tất cả những tiêu cực và kết án, nhiều phen chêm cả phần hằn học và thóa mạ vốn rất xa lạ với bản chất khiêm cung và tự chế của giới trí thức Việt Nam, giữa những nhân sĩ Thiên Chúa Giáo như Vũ Đình Hoạt, Nguyễn Văn Chức, Nguyễn Đức Chiểu, Lữ Giang, Phạm Văn Phổ,... và những nhà trí thức Phật Giáo trong Nhóm Giao Điểm như Trần Chung Ngọc, Nguyễn Kha, Trần Văn Kha, Hoàng Hà Thanh,...

Về chủ điểm Cộng Sản Việt Nam, tác giả đã không tiếc lời ca tụng từ tổ chức cho đến nhân sự.

Về tổ chức, ông mệnh danh Cộng Sản bằng danh từ Cách Mạng viết hoa (trang 399). Rồi ông ca tụng Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam là hiện thân của chính nghĩa khi đề cập đến trường hợp đại úy Phan Lạc Tuyên theo Cộng Sản năm 1960. Nhận định này của ông được ghi nơi trang 365, nguyên văn: ... *với một chế độ phản dân tộc và phản cách mạng như chế độ Ngô Đình Diệm lúc bấy giờ thì con người đầy ắp tinh thần dân tộc và tâm chất cách mạng như Tuyên làm sao không theo "Giải Phóng" được!*

Về nhân sự, ông ca tụng các lãnh tụ Cộng Sản. Như khi so sánh người từng là minh chủ của mình với lãnh tụ Cộng Sản, tác giả tâng bốc Hồ Chí Minh như thế này, nguyên văn, "miền Nam quả thật bất hạnh vì đã bị lãnh đạo bởi một nhân vật mà tài và trí đã là con số không đối với Hồ Chí Minh" (trang 319). Hay như khi tác giả Đỗ Mậu kể nhiều chuyện không thể xảy ra để đánh bóng một viên tướng Cộng Sản là Võ Nguyên Giáp.

Chuyện thứ nhất là chuyện cậu học sinh trung học đệ nhất cấp Võ Nguyên Giáp dạy Sử Pháp cho các giáo sư tại trường trung học Khải Định Huế, nguyên văn, "ông được mời thuyết trình sử Pháp cho hầu hết giáo sư và học sinh toàn trường nghe" (trang 55). Thật là một chuyện vô lý. Chuyện thứ hai là chuyện cậu sinh viên Võ Nguyên Giáp vẫn đậu Cử Nhân Luật tuy hoàn toàn hỏng một môn thi. Tác giả Đỗ Mậu viết rằng Võ Nguyên Giáp đã, nguyên văn, "hoàn toàn hỏng môn Quốc Tế Công Pháp nhưng nhờ môn Kinh Tế Chính Trị được 18 điểm trên 20, nên mới khỏi bị đánh rớt" (vẫn trang 55). Lại thêm một chuyện vô lý khác! Không một đại học ở đâu, dù là Đông Dương, hay Việt Nam Cộng Hòa, hay bất cứ một quốc gia tự do dân chủ nào, cho phép một sinh viên hoàn toàn hỏng một môn thi được đỗ kỳ thi ấy! Ấy là chưa kể những câu hỏi chưa có câu đáp là làm sao tác giả Đỗ Mậu biết cả tên của những môn học của trường Luật Đông Dương? Môn Kinh Tế Chính Trị Học thật có trong chương trình của trường Luật dưới thời Pháp thuộc hay không? Và làm sao tác giả Đỗ Mậu biết được cả điểm thi từng môn của thí sinh trường Luật Hà Nội trong thập niên 1930?

Việc tác giả Đỗ Mậu ca tụng Cộng Sản Việt Nam làm tôi liên tưởng tới việc những tác giả Pháp và Hoa Kỳ lúc nào cũng thần-thánh-hoá Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, hay những lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam khác, đồng thời luôn luôn chê bai và khinh bỉ những người cầm đầu các chính phủ tại VNCH, nhất là các tướng lãnh trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa. Điều này có thể hiểu được: là những đại cường quốc, người Pháp và nhất là người Mỹ cố tình đề cao sự tài giỏi của Cộng Sản Việt Nam để vơi nỗi nhục thảm bại của họ tại Việt Nam. Thua một kẻ thù giỏi tất đỡ nhục hơn thua một kẻ thù tồi!

Nhưng còn người có chủ tâm viết sách để trình bầy sự thực thì sao? Người Việt quốc gia thì sao? Và nhất là vị trí của tác giả, một cựu thiếu tướng QLVNCH, thì sao? Mãi đến giữa năm 1999, độc giả của hồi ký Đỗ Mậu mới có câu trả lời: tác giả đã về Việt Nam, được đại diện của Mặt Trận Tổ Quốc tiếp đón, và xuất hiện trên truyền hình trong nước!

Về cá nhân mình, tác giả Đỗ Mậu có sự tự tin rằng ông là tướng là thần. Ông tuyên bố rõ rằng, nguyên văn nơi trang 354: *"... Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Nhu sức mấy mà động thủ được nhân vật đã mang chân mệnh sinh vi tướng tử vi*

thần." Ở một đoạn khác, ông đã tự so sánh mình như tráng sĩ Kinh Kha, nguyên văn, *"hiệp khách đã vác kiếm sang Tần"* (trang 477).

Nhưng tiếc thay, việc tác giả tự ca tụng không đạt được kết quả như ý. Đọc hồi ký Đỗ Mậu, độc giả nào hẳn cũng thấy cựu thiếu tướng Đỗ Mậu có nhiều mặc cảm quá.

Trước hết là mặc cảm về gia thế. Tác giả cho biết theo gia phả thì giòng họ của ông có ông tổ là Đỗ Thuận, một... nhà sư! Đến trường hợp thân phụ tác giả, tác giả cho biết, nguyên văn, thân phụ tôi tuy không đỗ đạt cao nhưng cũng có công dùi mài kinh sử nên người trong huyện gọi là ông "Đầu Xứ" (trang 36). Chắc chắn khi vinh danh thân phụ của mình với hai chữ "Đầu Xứ," tác giả đã hiểu lầm nghĩa của danh từ này!

Rồi đến mặc cảm về vấn đề học hành. Trong hồi ký của mình, ông trích hết triết gia này đến triết gia khác, trích hết nhà khoa học này đến nhà khoa học khác, trích hết câu thơ chữ Hán này đến câu thơ chữ Hán khác, trích hết sách báo Việt Anh Pháp này đến sách báo Pháp Anh Việt khác. Sự làm dáng trí thức như vậy đâu có nâng được tín lực nội tại của ngòi bút Bó Hoa Mùa Phượng?! Huống chi, cái học ở trường ốc chỉ là cái học căn bản, và mảnh bằng từ lâu đã bị tuyệt đại đa số người Việt biến thành cái cần câu của phường giá áo túi cơm, người kinh lịch như ông hẳn còn lạ gì?! Cả cuộc đời thanh xuân của ông, ông đã tiêu hết vào chính trường Việt Nam, và những gì mà một người cán bộ chính trị như ông thụ đắc và kinh nghiệm được, đã mấy ai bằng, việc gì ông phải sa đà vào chỗ tầm thường như thế?! Huống chi, nếu sự thật đúng như ông viết trong sách là trình độ văn hóa nơi trường ốc của ông là đệ ngũ trung học, thì trình độ văn hoá ấy còn hơn chán vạn những lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam, việc gì ông phải mặc cảm?!

Lấy thí dụ như Lê Đức Thọ, một lãnh tụ giỏi và ác của Cộng Sản Việt Nam, với thành tích là người có công nhất trong việc buộc Mỹ phải ký Hiệp Định Ba-lê Chấm Dứt Chiến Tranh Lập Lại Hoà Bình năm 1973 để Hoa Kỳ phải rút quân về nước, mở đầu cho việc quân Cộng Sản dễ dàng thôn tính miền Nam hai năm sau đó. Lê Đức Thọ hoạt động cho Cộng Sản từ năm 1926, lúc mới 15 tuổi, thì làm sao học được đến lớp Đệ Ngũ trung học như tác giả Đỗ Mậu đã tự khai? Cho đến khi thay mặt cả Bộ Chính Trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam để cầm đầu phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Paris năm 1968, Lê Đức Thọ viết chữ vẫn còn sai chính tả: *"Ở bên này sa* (sic!) *tổ quốc nên nhớ Bác nhớ miền Nam rất nhiều"* (trích thư viết ngày 21 tháng 9 năm 1968 của Lê Đức Thọ gửi Hồ Chí Minh, in lại trong sách *Nhớ Về Anh Lê Đức Thọ,* nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2000, trang 664).

Nhưng cũng chính Lê Đức Thọ là người đã buộc đối phương là Henry A. Kissinger, tổng trưởng ngoại giao của một đại cường quốc xuất thân giáo sư tiến sĩ của một trong những đại học lớn nhất Hoa Kỳ, phải đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác kể cả việc bán đứng Đồng Minh cho Cộng Sản! Có cái học trường ốc nào giúp Lê Đúc Thọ thụ đắc được những khả năng ấy hay không?! Tất nhiên là không, vậy việc gì cựu thiếu tướng Đỗ Mậu, hay bất cứ một người nào đã ra đời và thành nhân, phải mặc cảm về sự học ít hay nhiều nơi trường ốc để mang tiếng là người nói những điều không thực?!

Cũng cần nói đôi điều về việc nhận định và đánh giá các nhân vật trong lịch sử hiện đại của tác giả, như việc tác giả đánh giá Bảo Đại, anh em Ngô Đình Diệm, Trần Lệ Xuân, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Hữu Thọ...

Có một số nhận định và đánh giá của tác giả tỏ ra công bằng và đúng đắn. Như khi tác giả nhận định về Bảo Đại. Nhưng cũng có những nhận định của tác giả vừa nặng nề vừa bất công và có khi không phù hợp với sự thật. Xin lấy vài thí dụ. Xét về bà Trần Lệ Xuân, tác giả, nguyên văn, "tin rằng nếu không có bà Nhu khuynh loát trong dinh Độc Lập, không làm đệ nhất phu nhân thì có lẽ miền Nam Việt Nam đã không đến nỗi rối loạn đưa đến thắng lợi dễ dàng cho Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam" (trang 299). Đây là lời kết án vô bằng cớ và thiếu mã thượng. Một thí dụ khác, là cách đánh giá nhân vật Nguyễn Hữu Thọ của tác giả. Theo tác giả Đỗ Mậu, Nguyễn Hữu Thọ vì bị Ngô Đình Diệm quản thúc tại Tuy Hòa vào năm 1954-55 nên đã theo Cộng Sản, chứ thực ra Nguyễn Hữu Thọ, nguyên văn, "không phải là Cộng sản, nếu anh em ông Diệm khôn khéo hơn, không chủ trương độc tài mà thực hiện một chính sách cởi mở hơn với mọi thành phần quốc gia thì ắt hẳn Nguyễn Hữu Thọ đã không theo Hà Nội làm Chủ Tịch Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sau này" (trang 181). Điều này không phản

ánh sự thật. Luật sư Nguyễn Hữu Thọ đã hoạt động cho Cộng Sản dưới sự chỉ đạo của Ban Trí Vận Thành Ủy Sài Gòn Chợ Lớn ngay từ năm 1947 và Nguyễn Hữu Thọ đã được chính thức kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương từ ngày 16/10/1949 (Xin xem: *Luật Sư Nguyễn Hữu Thọ, Người Con Tận Trung Với Nước, Tận Hiếu Với Dân,* Trần Bạch Đằng chủ biên, Hà Nội, nxb Chính Trị Quốc Gia, 1998, trang 11). Ngoài quyển sách nói trên, các sách *Luật Sư Nguyễn Hữu Thọ, Cả Nước Tôn Vinh Anh* (Hà Nội, nxb Văn Học, 1995, 441 trang), và *Luật Sư Nguyễn Hữu Thọ Gắn Bó Với Dân Tộc Với Nhân Dân Với Cách Mạng* (Hà Nội, nxb Chính Trị Quốc Gia, 1996, 438 trang) cho biết từng chi tiết cụ thể về những hoạt động của người đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ, bí danh Ba Nghĩa, liên tục suốt từ năm 1947 cho đến khi mất, tức năm 1996. Tác giả Đỗ Mậu vốn là cựu Đại Tá Giám Đốc Nha An Ninh Quân Đội VNCH từ năm 1958 đến năm 1963 mà không biết gì về Nguyễn Hữu Thọ kể cũng... lạ! Và vì thế mà cựu tổng thống Ngô Đình Diệm đã bị kết án oan!

Thực ra độc giả đã được biết thêm rất nhiều biến cố và sự kiện trong lịch sử Việt Nam hiện đại nhờ quyển hồi ký hơn 1000 trang chữ nhỏ của cựu thiếu tướng Đỗ Mậu. Tác giả, với vị thế đặc biệt của mình, đã hiến cho độc giả chi tiết của những diễn biến và những vận động trong chính trường Việt Nam trong hậu bán thế kỷ XX, nhất là giai đoạn 1954-1975, và công cuộc vận động ủng hộ Ngô Đình Diệm trong vai trò Tổng Thống của nền Đệ Nhất Cộng Hòa (1954-1963), cùng tiểu sử và hành trạng của rất nhiều quân nhân cao cấp trong QLVNCH, đặc biệt là những tướng tá cầm quyền trong giai đoạn 1963-1975.

Hồi ký chính trị *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* của cựu thiếu tướng Đỗ Mậu, cuối cùng, là một hiện tượng rất ồn ào trong nền văn chương hải ngoại. Nó đã làm tốn không biết bao nhiêu giấy và mực. Nó được in "lậu" tại Úc, và còn được in "chính thức" tại Hà Nội (*Tâm Sự Tướng Lưu Vong-Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi,* Hà Nội, nxb Công An Nhân Dân, 1998, 615 trang).

Cựu trung tướng Lâm Quang Thi xuất thân trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt năm 1951 rồi sau được vinh dự trở về mẫu hiệu làm Chỉ Huy Trưởng trong nhiều năm (1968-72). Ông cũng từng là cựu Tư Lệnh Sư Đoàn và Tư Lệnh Phó Quân Đoàn. Ông chạy được sang Hoa Kỳ ngay từ năm 1975 và đi học lại, tốt

NGUYỄN VĂN THỰC

NGÀY BÌNH THƯỜNG

Bắt đầu buổi sáng làn nước ấm
Ly trà thơm bốc khói mặt trời
Bắt đầu buổi sáng tiếng chim
Xe tới con đi vội tây phương

Bắt đầu buổi sáng nụ cười em
Ngái ngủ rất duyên đêm địa đàng
Buổi sáng áo mỏng ủ mộng êm
Dáng em chải tóc hiền đông phương

Trưa thấm mệt nghe lòng trống không
Lách tách linh kiện dòng nối dòng
Con nhỏ bên cạnh tóc mới uốn
Bận quá chưa khen đợi làm xong

Nước mắt cay xè câu thơ cũ
Quẩn quanh đinh ốc vỏ càng dày
Thằng nhỏ cùng ca mặt ủ rũ
Vội chưa hỏi thăm đã hết ngày

Buổi chiều gót mỏi phố mỏng sương
Ngó vài tranh tố nữ lộc trời
E chừng lạc nẻo về rồi
Vài thoáng hương qua ngọt đồi nương

Tối về đèn sáng giờ mới sáng
Mất vầng trăng diêm dúa mặt người
Tờ báo băn khoăn chuyện sau trước
Buổi tối âm thầm tựa quê hương.

nghiệp Cao Học Quản Trị Thương Mại (MBA) tại Golden Gate University ở San Francisco, California.

Lâm Quang Thi viết hồi ký tựa đề *Autopsy The Death of South Vietnam* được nhà Spink ở tiểu bang Arizona xuất bản, dầy 212 trang. Trong Lời Cảm Tạ in nơi đầu sách, tác giả cho biết ông đã bắt đầu viết sách này ngay từ năm 1975 nhằm mục đích gióng lên tiếng chuông thứ hai về cái chết của VNCH. Nhưng rồi dự án được chính ông tạm ngưng để chờ thế lùi cần thiết trong thời gian hầu việc trình bầy các biến cố lịch sử được khách quan.

Trong thời gian chờ đợi, ông liên tục tìm đọc sách báo đương thời và gặp gỡ các cựu sĩ quan quân lực VNCH để kiểm chứng sự kiện. Mãi đến 10 năm sau, sách mới hoàn tất và cho ra mắt năm 1986.

Chính vì thế, hồi ký của Lâm Quang Thi có cái tựa đề khác lạ phản ánh mục tiêu của ông, là *Giải Phẫu Cái Chết Của Miền Nam Việt Nam*! Cuộc giải phẫu đưa ông trở về những ngày tháng thành lập quân đội quốc gia, lịch sử các quân trường, bước đầu của một số quân nhân sau này trở thành tướng lãnh, gốc nguồn của sự độc tài và tham nhũng trong chính phủ và quân đội, chính sách Hoa Kỳ ở Việt Nam, vai trò của báo chí và truyền thông Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam... Song song với việc giải phẫu những đề tài trên bằng số liệu và cơ cấu tổ chức, tác giả đã góp vào những nhận định và lượng giá bằng vào kinh nghiệm của bản thân ông sau 25 năm lính.

Tuy nhiên, những nhận định và lượng giá của tác giả không phải lúc nào cũng đúng với thực tế. Chẳng hạn như khi ông nhận định và trình bầy về giáo dục tại VNCH, độc giả thấy rõ sự trình bầy của ông chỉ có thể đúng cho thời điểm trước năm 1960 mà thôi. Vì ngay từ thập niên 60, hệ thống giáo dục ở VNCH đã phát triển rất mạnh và các trường trung học đệ nhất và đệ nhị cấp đã được mở ở cấp quận chứ đâu có giới hạn nơi các thành phố lớn mà thôi như ông trình bầy trong sách. Và nếu tôi nhớ không lầm, thì ngay từ sau niên học 1959-1960, học sinh VNCH cấp lớp đệ tứ đã không còn phải qua một kỳ thi rất khó khăn (*the tough final examination,* nguyên văn nơi trang 41 của tác giả) mà chỉ cần đủ điểm trung bình là được tiếp tục học đệ tam thuộc trung học đệ nhị cấp, chứ đâu có chuyện văn bằng tốt nghiệp Trung Học Đệ Nhất Cấp ở VNCH vẫn còn tồn tại cho đến những năm 1970 như tác giả trình bầy?!

Cách viết danh từ để chỉ nước Việt và người Việt trong sách này cũng đặc biệt. Tác giả viết hai chữ Việt Nam tách nhau, không có dấu và chữ Viet Namese mỗi khi đề cập đến người Việt.

Về vấn đề này, nhận xét của một độc giả như tôi là cách viết danh từ chỉ nước Việt và người Việt của mỗi tác giả, kể cả các tác giả Hoa Kỳ, một khác. Có tác giả người Mỹ, như Giáo sư Douglas Pike chẳng hạn, thì viết chữ Việt Nam liền nhau nhưng lại có dấu Việtnam, Việtnamese). Có tác giả người Việt, như cựu trung tướng Lâm Quang Thi ở đây, thì viết chữ Việt Nam rời nhau, kể cả khi viết danh từ biểu thị người Việt (Viet Namese). Mới đây nhất, trên một nguyệt san xuất bản ở California, tôi lại thấy có tác giả viết chữ Việt Nam liền nhau và có dấu (Việtnam), vân vân.

Theo tôi, tại sao người Việt chúng ta không ước theo một lệ chung về vấn đề này?! Chẳng hạn như khi viết Việt ngữ, thì chúng ta nên viết Việt Nam thành hai chữ tách rời như lệ chung từ trước đến nay và dĩ nhiên là có dấu (Việt Nam). Người nào còn muốn duy trì dấu nối trong Việt ngữ thì cứ tiếp tục dùng dấu nối giữa hai chữ, nhưng mẫu tự n trong chữ Nam nên viết thường. Còn khi viết Anh ngữ, thì chúng ta nên viết Việt Nam liền nhau như lệ chung từ trước đến nay và không có dấu (Vietnam, Vietnamese).

Cựu trung tướng Nguyễn Chánh Thi có *Việt Nam: Một Trời Tâm Sự* (California, Xuân Thu, 1987, 428 trang). Tướng Thi sinh tại Huế. Ông gia nhập quân đội năm 1941, lúc mới 18 tuổi. Ông là một sĩ quan được Tổng Thống Ngô Đình Diệm rất tín cẩn và nâng đỡ, cử làm Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhẩy Dù từ năm 1956. Nhưng đến năm 1960, một số sĩ quan Nhẩy Dù tổ chức đảo chánh do trung tá Vương Văn Đông cầm đầu. Nhóm này đến nhà ông để bắt ép ông làm đảo chánh theo họ.

Cuộc đảo chánh thất bại, ông phải lưu vong sang Cam-bốt. Mãi đến năm 1963 ông mới được trở về Việt Nam và nắm lại binh quyền, làm tư lệnh sư đoàn rồi quân đoàn. Ngày 11/6/1965, khi chính phủ Phan Huy Quát từ chức, Hội Đồng Tướng Lãnh đã định bầu ông làm thủ tướng chính phủ nhưng ông từ chối. Do đó, cựu thiếu tướng Nguyễn Cao Kỳ đã được bầu thay, làm thủ tướng với danh xưng mới lạ là "Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương." Nhân vụ Phật Giáo miền Trung

chống đối chính phủ trung ương Nguyễn Cao Kỳ năm 1966, cựu trung tướng Nguyễn Chánh Thi bị nhóm tướng lãnh cầm quyền đẩy ra ngoại quốc, và ông sống ở Hoa Kỳ từ đó.

Việt Nam: Một Trời Tâm Sự là dịp để tướng Thi, một người nổi tiếng bộc trực và đốp chát, có dịp thổ lộ những bất bình, những cay đắng, những uất hận mà ông phải gánh chịu khi bị nhóm tướng lãnh cầm quyền đẩy ra khỏi quân đội và tống ra ngoại quốc với hai bàn tay trắng hồi năm 1966. Tiết lộ của ông về những cuộc tranh chấp, những mưu đồ thủ đoạn để trừ khử hay liên kết với nhau giữa các viên tướng trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa hầu chia nhau vinh hoa phú quí... vì thế, không có giới hạn. Độc giả phải hiểu hoàn cảnh của những tiết lộ như thế để cần nghe thêm tiếng chuông thứ hai, thứ ba hầu rõ sự thực cũng như đảm bảo được lẽ công bằng cho tất cả các cá nhân liên hệ.

Mặt khác, những tiết lộ và khẳng định trên giấy trắng mực đen của tác giả rất nghiêm trọng vì liên quan đến luật pháp và trách nhiệm, cũng như tư cách và danh dự của một số tướng lãnh trong QLVNCH, tại sao đến nay những người bị nêu tên chưa lên tiếng?! Thí dụ như tác giả Nguyễn Chánh Thi ghi lại một chuyến buôn thuốc phiện với số lượng, nguyên văn nơi trang 362-366, "hàng trăm kí" vào khoảng tháng 9 năm 1965, của các tướng Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Hữu Có, và Cao Văn Viên. Hay thí dụ như hồi năm 1955, Bộ Chỉ Huy Chiến Dịch tiễu trừ Bình Xuyên bao gồm Đại Tá Dương Văn Minh, Trung Tá Nguyễn Khánh, Thiếu tá Nguyễn Hữu Hạnh và một số sĩ quan khác đã trở nên giầu có mau chóng nhờ tịch thu được kho tàng của thủ lãnh Bình Xuyên là Bẩy Viễn. Tác giả Nguyễn Chánh Thi kể lại chi tiết đích thân Trung Tá Nguyễn Khánh hai tay hai súng lục xua đuổi ông và những người khác ra khỏi nơi đào tìm, nguyên văn nơi trang 27-28, "6 thùng phuy 200 lít đựng bạc và 1 thùng đựng vàng của Bình Xuyên chôn dấu."

Sách cũng giúp ích những ai muốn hiểu sự liên hệ giữa sĩ quan cao cấp trong QLVNCH với cố vấn Mỹ và cách hành xử của Đại Sứ Mỹ tại Việt Nam với họ, để biết một khía cạnh thực tế chua chát cũng đồng thời là một lý do của sự thất bại của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Cao Văn Viên vốn là Đại Tướng nắm quyền Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH gần suốt 10 năm sau cùng của chế độ. Nhưng ông không hề được công chúng biết đến vì những khả năng quân sự, hay về những chiến thuyết mà bất cứ một vị tướng cầm đầu quân đội của cả một quốc gia nào cũng phải thủ đắc được. Ông nổi tiếng là người đã lên lon đến cấp đại tướng mà vẫn chịu khó cắp sách đi học. Ông còn nổi tiếng là người có tập quán ngồi thiền hàng ngày trong khi ngoài kia, chiến trận ngày càng ác liệt với người chết máu chẩy không biết bao nhiêu mỗi ngày!

Ngày 28 tháng Tư năm 1975, ngay trước khi Dương Văn Minh lên làm tổng thống VNCH vài tiếng đồng hồ, đại tướng Cao Văn Viên vội vã bỏ chạy khỏi Việt Nam với sự giúp đỡ đặc biệt của những người bạn Mỹ. Cuộc tháo chạy của ông khi rời khỏi Việt Nam, ông mặc quần jean áo hoa- có hai mục đích: chạy trốn quân đội Bắc Việt đang rầm rộ tiến vào Sài Gòn, và nhất là chạy trốn Dương Văn Minh kẻo nhân vật này bắt ông mà trả thù cho thuộc cấp là thiếu tá Nguyễn Văn Nhung bị giết trong trại Nhẩy Dù nhân vụ đảo chánh 30/1/1964, lúc ông còn là Đại Tá Tư Lệnh Lữ Đoàn Nhẩy Dù QĐVNCH.

Sách Cao Văn Viên viết bằng Anh ngữ, tựa đề *The Final Collapse,* xuất bản năm 1983. Đây là một ấn phẩm trong loạt sách do Trung Tâm Quân Sử Lục Quân thuộc Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ chủ trì, nhằm lưu giữ những kinh nghiệm thất trận tại Cam-bốt, Lào, và Việt Nam Cộng Hòa do chính các sĩ quan cao cấp ba nước chạy sang Hoa Kỳ được thuê viết.

Độc giả của *The Final Collapse* có thể tin tác giả khi ông thố lộ, ngay trong Lời Nói Đầu, rằng ông có trách nhiệm tinh thần với lịch sử và với tất cả những ai đã chết vì chính nghĩa, nên ông sẽ viết sự việc như nó đã xẩy ra, nguyên văn, "to tell it as it was." Vả lại, đây không phải là một hồi ký viết với những mục tiêu và ẩn ý cá nhân. Đây là một dự án của Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ, tất nhiên thành phẩm phải đáp ứng những tiêu chuẩn chặt chẽ của bộ môn Khoa Học Xã Hội cấp đại học. Những năm tháng học sử tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn hồi cuối thập niên 60 chắc cũng đã giúp tác giả ít nhiều trong phương pháp làm việc. Vì thế, ngoài việc chính là hồi tưởng lại những sự việc mới xẩy ra để viết, ông còn sử dụng những tài liệu Việt Mỹ đương thời, đặc biệt ông còn tìm gặp và phỏng vấn những cựu sĩ quan cao cấp Việt Nam Cộng Hòa để hoàn tất những trang hồi ức về cái chết tức tưởi của một quốc gia tự do.

Đúng như tên gọi, sách của tác giả Cao Văn Viên kể lại diễn biến sự việc dẫn tới sự sụp đổ của chế độ Việt Nam Cộng Hoà. Cựu đại tướng Cao Văn Viên đã kể lại rất rõ, với vẻ dửng dưng và khô khan như những bản tin hàng ngày có kèm theo thống kê, đồ biểu, và bản đồ, những diễn biến của chiến trường miền Nam nhìn từ Văn Phòng tại Sài Gòn của vị Tổng Tham Mưu Trưởng QLVNCH.

Theo tác giả, sự sụp đổ bắt đầu bằng việc ký kết Hiệp Định Ba-lê đầu năm 1973 mà sự đầu hàng vô điều kiện ngày 30/4/1975 chỉ là một hệ quả tất nhiên. Nhưng phần kết luận về Hiệp Định Ba-lê của ông cho thấy ông chỉ là một người ba phải. Đã xác định Hiệp Định Ba-lê là bản án tử hình cho Việt Nam Cộng Hòa, nguyên văn của ông nơi trang 6, *a death warrant*, nhưng khi kết luận về Hiệp Định ấy, ông lại viết để độc giả ngầm hiểu rằng tuy Hiệp Định chưa hoàn hảo, nhưng cả ba phe đều có lợi, nguyên văn nơi trang 26, ông viết như thế này: *Objectively speaking, the Paris Agreement was not perfect. The United States obtained a disengagement and recovered its prisoniers of war. The Communists were allowed to maintain North Vietnamese forces in South Vietnam, but South Vietnam still functioned as a nation with a government of its own.*

Giọng văn của ông cũng cho độc giả thấy ông là một vị tướng bốn sao mà... hiền quá. Để diễn tả sự trình bầy của chính mình trong các buổi họp quyết định chính sách hay kế hoạch quốc gia, ông hay dùng câu, nguyên văn là, *I said something to the effect that...*

Xuất phát từ một trong những lãnh tụ quân đội và chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, tác phẩm *The Final Collapse* của cựu đại tướng Cao Văn Viên là một bản văn hiếm hoi giúp độc giả nhìn được tâm thức của nhóm quân nhân cai trị miền Nam thời Đệ Nhị Cộng Hòa. Chẳng hạn như việc thiếu tướng Phạm Văn Phú được Phó Tổng Thống Trần Văn Hương đề cử làm Tư Lệnh Quân Đoàn II thay trung tướng Nguyễn Văn Toàn vì viên tướng này tham nhũng, ông cho biết Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu lúc đầu không chịu vì cho Nguyễn Văn Toàn là một viên tướng có khả năng. Nghĩa là, đối với những người cai trị cao cấp nhất của Đệ Nhị Cộng Hòa, tham nhũng cũng không sao, miễn làm được việc cho cấp trên!

Điều đáng buồn nhất là người viết lúc nào cũng đổ cho việc Hoa Kỳ cắt viện trợ và việc quân đội Hoa Kỳ rút đi là nguồn gốc của sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa hồi năm 1975. Yếu tố người Việt tại chỗ, tức quân và dân Việt Nam Cộng Hòa, không bao giờ được vị anh cả của một đạo quân hàng triệu người nêu lên. Yếu tố lãnh đạo quốc gia, và tránh nhiệm bảo vệ lãnh thổ của nhà cầm quyền, không bao giờ được vị đại tướng Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đề cập đến.

Cho nên, một viên đại tướng khác phải đầu hàng kẻ địch vô điều kiện cũng là chuyện đĩ nhiên. Khổ là khổ cho quân và dân đã chết tức tưởi trong cuộc chiến và những người phải kéo lê cuộc đời khổ nhục trong các trại tù tập trung cùng thân nhân của họ, còn ai đã sung sướng ở thời Đệ Nhị Cộng Hòa 1963-1975 thì vẫn tiếp tục sung sướng ở Hoa Kỳ: tác giả khi nộp thiên hồi ức này cho Trung Tâm Quân Sử Lục Quân thuộc Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ, chắc chắn phải hưởng được một số Mỹ kim khá lớn!

Alameda, tháng 2 năm 2001

Kỳ tới: 2. Giới Cựu Quân Nhân: Hồi ký của các cựu sĩ quan cấp tá.

Đã phát hành một tác phẩm hoàn toàn dành cho Thủ Đức và người yêu của Thủ Đức:

Thủ Đức Gọi Ta Về

của **TRẦN HOÀI THƯ**

Giá $10

Từ trang đầu đến tận trang cuối là những hoài niệm về một ngôi trường lính, với những ngày huấn nhục, Đêm di hành, đêm alpha, đêm trung nghĩa đài, nguyệt san bộ binh Thủ Đức, F301, Ngày cuối ở quân trường, Cám ơn Thủ Đức, những người muôn năm cũ. v.v...

Được viết bởi một cây viết nguyên giải thưởng báo chí xuất sắc của khóa 24, rất quen thuộc của Văn, Bách Khoa trước 75...

Xin hỏi tiệm sách, nếu không thấy xin liên lạc về:

Trần Hoài Thư - P.O. Box
South Bound Brook, NJ 08880, USA
Email: tranhoaithu@yahoo.com

TUỔI THƠ

TÔN NỮ THU NGA

Đời sống của ông nội tôi lúc tuổi già thật là an bình, khi ông chết, ông cũng giã từ cõi thế một cách êm ái. Mỗi buổi chiều, ông hay thẩn thơ ngoài vườn nhổ cỏ dại, bắt ốc sên, săn sóc mấy bụi hoa trang, hoa tiểu muội. Hôm ấy, ông làm vườn xong, trở về phòng, lọc một cốc cà phê, uống xong, ông đặt lưng trên tấm phản gụ, nhắm mắt nghỉ ngơi và sau đó ông không bao giờ thức dậy nữa.

Năm ấy, tôi mới mười hai tuổi, cư ngụ tại Nha Trang, "da đen như mọi." Cô tôi chê cháu vì ham tắm biển. Buổi trưa đi học mới về, nghe tin ông mất, trái tim tôi trĩu nặng. Thế là hết những lần ông vào Nha Trang thăm cháu, đến tận trường học đón tôi về, kiên nhẫn chờ cho cháu xong việc quét lớp. Biết tánh tôi láu cá, nhanh mồm miệng đỡ chân tay, lúc nào cũng chỉ ra các chỗ dơ cho bạn quét, ông cưng tôi lắm nên thường khen cháu: Con ni giỏi tài chỉ huy, thay vì chê tôi biếng nhác không chịu làm việc. Hết rồi những chiều hai ông cháu ngồi bên cửa sổ nhâm nhi cà phê, hóng gió biển, đàm luận truyện Tàu, không còn nắm tay hai chị em tôi đi dạo trên biển, mua đậu phọng luộc hoặc cà rem cho cháu. Trưa hôm ấy sau khi nghe tin ông mất, tôi bỏ học trèo lên cành cây chùm ruột chót vót tận trên cao, ngồi yên không cho ai thấy mình, chỗ trốn tránh quen thuộc của tôi mỗi khi tâm thần bất ổn.

Đến tối, anh tài xế vừa tu chỉnh xong chiếc xe Dauphine màu hồ thủy của ba. Chúng tôi chồng chất lên xe bắt đầu cuộc hành trình vội vã. Trong sự đau buồn, mặt ba thật là nghiêm nghị nên đứa nào cũng im thin thít, kể cả Lương. Chú ta vừa mới bị té vỡ đầu chảy máu hôm qua vì sự nghịch ngợm của tôi, dù đau hắn cũng không dám nhỏng nhẻo nhè khóc nữa. Đầu Lương bị quấn một khúc vải trắng như khăn tang làm hôm nay mấy cụ hàng xóm lắm miệng xuýt xoa cho đó là điềm gỡ.

Bốn đứa con, gầy còm, chua mùi mồ hôi, tóc khét nắng biển ngồi băng ghế sau, nép sát vào mẹ như một bầy heo con. Mẹ tôi gầy như cây liễu, dang vòng tay ôm các con lẳng lặng nghe từng hơi thở khi chiếc xe ru bầy con vào giấc ngủ.

Trong đêm tối có khi xe bị chận xét giấy bởi mấy người "phe bên kia," sau này mẹ cho tôi biết, lúc ấy tôi chỉ nhớ những gương mặt đen sạm, xương xẩu, súng kẹp bên mình, ánh mắt tò mò ngó nhìn bầy trẻ trong xe và những bàn

tay lật mấy mảnh giấy tờ hộ thân của đám người lớn. Ba hôm sau qua bao nhiêu gian khổ chúng tôi mới về đến Huế. Chuyến về lại Nha Trang, ba sợ bị "phe bên kia" bắt vì tình hình trở nên biến động, ba cho chú tài đem xe về trước, cả nhà về bằng máy bay. Đó là chuyến hành trình cuối cùng về Huế của gia đình tôi.

Xe vừa qua khỏi chợ Cống, mấy người làng đã nhận ra ba tôi, gật đầu chào và tò mò nhìn chúng tôi chăm chú qua cửa xe hơi. Xe chạy chậm trên con đường gồ ghề, tránh trẻ con và các cô bán hàng mặc áo dài, gánh hàng hóa thoăn thoắt len lỏi trong những đường kiệt. Bọn trẻ con thật là tinh nghịch, có đứa trèo lên cảng xe đánh đu tòn ten làm anh tài xế phải thò đầu ra khỏi cửa và la lối ỏm tỏi. Có người hàng xóm đạp xe đạp bấm chuông lanh canh, nhanh nhẩu chạy trước mũi xe, hân hoan thông báo lớn tiếng cho những khuôn mặt tò mò:

"Ông quận về thọ tang..."

Người trong làng quen gọi ba tôi là ông quận vì có một thời gian ba tôi được bổ đi làm quận trưởng trên vùng cao nguyên và chúng tôi đã sống và tiếp xúc thật gần gũi với dân Ra Đê. Đối với người dân chân thật và mộc mạc, những công việc ba tôi làm có một tầm vóc lớn và đáng chiêm ngưỡng. Vì vậy ba tôi trở thành một ông quận bất diệt trong lòng thiên hạ.

Anh ta lặp đi lặp lại câu nói này cho tất cả các người làng chúng tôi thấy trên con đường dẫn về nhà nội.

Theo lời mẹ dạy, khi đến nơi, chúng tôi vòng tay chào hỏi cả mấy chục người bà con chú bác, kẻ xoa đầu, người bẹo má làm tôi rất là khó chịu, lại phải vòng tay trả lời bao nhiêu là câu hỏi lăng nhăng... Cô tôi chê:

"Bọn ni nói tiếng trọ trẹ."

Lũ trẻ con hàng xóm bu ngoài cửa tò mò ngắm nghía bọn trẻ vừa đến từ Nha Trang, như những kẻ mới đến từ một hành tinh khác. Bác Ben, tuy được chúng tôi gọi bằng bác nhưng chỉ lớn hơn tôi vài tuổi, rủ rê:

"Đi hái ổi không?"

Không chờ mẹ cho phép, tôi chạy theo bác, trốn ra vườn. Ổi nhà nội năm nay sai trái, mơn mởn treo trên những nhánh vừa tầm tay với, tôi ham hố bẻ trái nhét đầy hai túi. So sánh với khoảnh vườn nhỏ bé của ba tôi ở Nha Trang, vườn nhà nội như một thiên đàng hạ giới. Tôi quanh quẩn nhìn ngắm những cây thanh trà, cây mít lủng lẳng quả, sờ buồng chuối dài ngoằn chi chít trái. Tôi rong ruổi vẩn vơ trong thiên đường xanh của mình, thẫn thờ ngồi dưới gốc cây nhãn, nhìn lũ kiến đỏ cần cù làm việc, bên tai tôi văng vẳng tiếng đàn sáo ai oán não nề. Nghe tiếng nhạc, tôi lững thững trở ra sân trước. Mấy người nhạc công mặc bộ áo lương đen, đầu đội khăn đóng, còng lưng cù cưa kéo nhạc trên chiếc chiếu cạp điều. Trước quan tài ông nội, lúc nào cũng có mấy người đàn bà lạ mặt vật vã than khóc inh ỏi. Thấy tôi, cô Khánh vẫy tay:

"Nì, mi tới kêu mấy mụ nớ xuống bếp ăn cơm trưa."

Tôi nhíu mày nhìn cô:

"Họ đang khóc than như rứa làm răng mà kêu đi ăn được chớ?"

"Không răng mô, mi cứ kêu mấy mụ xuống ăn rồi có sức mà khóc tiếp."

Tôi dùng dằng không muốn làm theo ý cô. Cô giậm chân:

"Con ni lì quá, răng sai mà mi không làm? Tau khỏ một cái chết!"

Tôi nhăn nhó :

"Con kêu họ bằng chi?"

Tôi muốn biết cách xưng hô cho đàng hoàng lịch sự để không làm mất lòng họ khi tôi dám cả gan cắt đứt nỗi thương tâm của họ đối với người quá cố.

"Con ni nhiều chuyện, hỏi chi lắm rứa, mấy mụ nớ trong làng, thấy nhà có đám ma, tới khóc lóc rứa cho có tình nghĩa chòm xóm, với lại để được mời ăn uống với xin ba mi tiền đó mà..."

Hiểu lời cô, tôi chạy lên hiên, khều nhẹ người đàn bà đang bù lu bù loa kể lể:

"Thím ơi, cô con mời xuống bếp ăn cơm."

Người đàn bà lấy cái khăn loang lổ sặc mùi dầu khuynh diệp, lau mặt, khều khều hai người bạn đồng nghiệp. Cả ba người nhanh nhẩu đứng lên, chợt họ lom khom xá lia lịa trước quan tài khi thấy ba tôi bước ra từ phía sau tấm trướng. Ba tôi cũng chắp hai tay xá lại mấy cái trả lễ.

Họ lui ra mép chiếu, quơ chân tìm guốc xỏ vô, le te băng qua sân để đi vào bếp. Giờ này các nhạc công cũng đã nghỉ chơi để xuống bếp ăn trưa. Tôi len lén đến bên chỗ họ gác nhạc khí, tò mò nhìn mấy cái đàn bầu, đàn nguyệt. Tôi khe khẽ lấy ngón tay lẩy nhẹ trên sợi dây mong manh, lắng tai nghe tiếng nhạc cô độc rung lên, lòng bất chợt nghẹn ngào. Trong ánh sáng âm u của gian phòng chính, chiếc quan tài ông nội im lìm, những ngọn nến leo lét cháy, sáp chảy hai bên như những giọt lệ. Mùi

sáp, mùi hương trầm thoang thoảng trong không gian, tôi hình dung gương mặt ông mơ màng sau làn khói thuốc, tiếng ông ngâm thơ nho nhỏ bên cạnh tôi ngày nào không xa lắm ... *cánh hạc bay lên vút tận trời... trời đất từ đây xa cách mãi... ngàn năm thơ thẩn bóng trăng chơi...* Lấy tay quẹt những giọt nước mắt lả tả trên má, lần đầu trong cuộc đời nhỏ bé của mình, tôi cảm thấy nỗi mất mát, nhìn xuống ngón tay mình trên sợi dây đàn, nghe âm thanh chìm trong tiếng ve ve mùa hạ. Tôi tiếc nuối cánh hạc vàng đã bay đi, nếm những giọt nước mắt mằn mặn trên môi và hiểu rằng từ nay, ông và tôi sẽ cách xa mãi mãi.

Bà nội tôi chết từ lâu, ông nội có thêm một bà hầu khác mà chúng tôi gọi là bà Dì. Bà Dì trẻ hơn ông nội nhiều tuổi, thích se sua chưng diện. Trong dòng họ ai cũng chịu đựng bà vì biết rằng ông nội vui lòng khi có bà bên cạnh. Bà như một cái bóng, không âm thầm lắm vì tôi hay nghe các cô, các bà trong họ nói hành nói xách bà Dì trong những ngày giỗ chạp. Những dịp này, tha hồ hội họp, bép xép trò chuyện những gì xảy ra trong dòng họ. Tôi thích lân la bên cạnh mẹ, bà vú già và các cô xem nấu cỗ, làm bánh ít, bánh bột lọc, bánh nậm và bánh hoa hồng. Các bà vừa nấu ăn vừa chuyện trò rối rít. Tôi thường được giao nhiệm vụ hơ lá và bẻ hộp cho bánh su sê. Hơ lá có nghĩa là cầm tấm lá chuối tươi xé sẵn đúng khuôn khổ, hơ trên lửa than âm ấm. Miếng lá chuối trở màu, mềm dịu để gói bánh cho khỏi rách. Cô Khánh dạy cho tôi cách làm hộp lá dừa cho bánh su sê. Tôi thích việc này vì hợp với tính tỉ mỉ và khéo tay của mình, hơn nữa, tôi hay được các cô xuýt xoa khen ngợi, mẹ tôi rất hãnh diện, bà thường mỉm cười nhìn tôi với ánh mắt thật đầm ấm. Bà Dì không có tài năng chi cả vì là con gái nhà quê, không được trau giồi nữ công như các mệ hoàng phái. Bà có tài đi chợ vì biết trả

ĐYNH TRẦM CA

CÂY ĐÀN THƯƠNG NHỚ

Buổi ta vác cây đàn ngang trường cũ
ai như em đứng ngó cuối hành lang
ai như ta ngồi mơ sau cửa lớp
có lẽ nào mình còn đó sao, Th...?

Buổi ta vác cây đàn xa trường cũ
em vẫn còn chạy nhảy dưới hàng soan
nên ta đi mà hồn thì quay lại
níu vai cầu hát gởi khúc chia tan

Buổi ta vác cây đàn vào gió cát
hồn không theo nên thân xác liêu xiêu
ném nốt nhạc lên chín tầng mây giạt
nghe quê người mưa rớt hột cô liêu

Ta gục xuống những đường gai đá nhọn
máu từ tim ứa nở cánh phượng đầu
ta muốn hái tặng em ngày tháng cũ
chợt ngậm ngùi: ngày vui đã qua mau!

Ngày vui đã phai trên màu tóc cỏ
cỏ còn xanh - đời xanh chẳng quay về
chỉ-câu-hát-giữ-em-hoài-bé-nhỏ
nên ta thề: xin làm một kiếp ve!

Để hát mãi về em-thời-đi-học
cho trăm năm em vẫn cứ nữ sinh
(nhớ có tiếc cũng xin em đừng khóc
đời không vui cho ta nhận riêng mình!)

Buổi ta vác cây đàn về quê cũ
qua dốc cầu gặp hồn nhỏ chơ vơ
hồn đứng với ba mươi năm hoài niệm
bên trường xưa (em có gặp bao giờ?)

Ta lại vác cây đàn đi tứ chiếng
hồn theo ta qua những chốn mịt mùng
mây viễn phố bao chiều thay áo nõn
ta nâng đàn thương nhớ phả lên cung...

treo, mà cả với bạn hàng rất giỏi, không ngượng miệng. Thế mà miệng đời ác độc hay gièm pha rằng bà ăn bớt tiền chợ và giấu tiền bạc của ông nội để đem về Nam Phổ cho gia đình. Cô tôi chọc ghẹo: Con gái Nam Phổ ở lỗ trèo cau... dĩ nhiên là khi không có bà dì lảng vảng gần bên.

Cách đây sáu năm, tôi mới học xong mẫu giáo, về Huế nghỉ hè từ miền thượng du đất đỏ. Hàng ngày tôi lẽo đẽo theo bà Dì đi chợ, có khi hai bà cháu xuống Vân Dương để bà đi đòi nợ. Năm lần bảy lượt chưa chắc đã đòi được nợ nhưng bà vẫn cứ đi. Trên con đường đê nhỏ, tôi chạy nhảy tung tăng, lâu lâu trật chân té xuống ruộng giẫm bùn be bét, bà kéo tôi lên xem xét vỗ về. Tôi nắm tay bà hát nghêu ngao... *Con gái Nam Phổ ở lỗ trèo cau...* Bà giựt tay ra, giận dữ:

"Đứa mô dạy mi câu nớ?"

Ánh mắt bà quắc sáng long lanh, cặp chân mày nhỏ như sợi chỉ cau lại, mặt bà đỏ bừng rồi tái mét. Tôi sợ rúm cả người, biết bà giận nhưng không hiểu vì sao. Bà ray rứt, căn vặn tôi làm tôi mếu máo khóc. Sợ tôi mách ông nội, bà thôi không hỏi nữa lặng im lủi thủi đi trong bóng hoàng hôn nhập nhòa, tôi nối gót bà, lếch thếch chạy theo. Lòng tôi hồi hộp sợ hãi, trên những con đường làng nho nhỏ, bóng tối bắt đầu lấn áp vạn vật, những thân tre xao xác, vươn cánh tay dài ngoằn trong gió. Bầy chim sáo về trong đám lá xôn xao rục rịch kêu lên những âm thanh thật buồn.

Từ đó, tôi không bao giờ nghêu ngao câu "Con gái Nam Phổ" nữa. Tuy nhiên tôi không bao giờ nghĩ rằng mình có lỗi gì với bà cả. Chung quanh tôi, bọn trẻ con trong xóm cởi truồng tồng ngồng, chúng nhảy xuống sông bơi như con nhái chẳng có gì là xấu hổ.

Sau bảy ngày tang lễ, linh cữu ông nội được đem chôn trên núi Ngự Bình, trong một miếng đất của dòng họ, bên cạnh ông cố và bà cố.

Đám tang ông nội rất là vui, theo ý kiến non dại của tôi thuở ấy. Một đoàn người đông đảo cờ quạt, trướng liễn, vòng hoa cườm. Các cô tôi rải vàng bạc đầy đường, vừa rải vừa khóc mếu máo. Ba tôi là trưởng nam, mặc áo tang trắng te tua, cầm gậy đi ngược trước linh cữu, bọn tôi đứa nào cũng mặc áo mới - các ông thợ may gọi như vậy khi chúng tôi vừa đến - đeo khăn tang trắng. Ba mẹ và các cô, chú đội thêm một cái mũ đơn sơ may bằng vải thô sùm sụp. Các chắt chút chít gì đó thì đội mũ vàng. Đám rước có ca nhạc trống chiên inh ỏi, ba bà hôm nọ cũng đi theo, vật vã khóc than thê thiết, có vẻ hiếu thảo với ông nội hơn cả ba mẹ và cô chú tôi.

Trong dịp này, điều tôi nhớ hơn cả, là gánh bún bò của chị Ẩm. Tôi không thấy chị trong lúc đưa ma nhưng sau khi hạ huyệt thì tôi thấy chị ngồi múc bún cho khách ngay giữa những nấm mộ. Chị ngồi trên cái đòn gánh, bên phải chị là nồi nước bún đỏ rực ớt màu. Quanh nồi úp san sát những cái bát sành, nắm đũa, muỗng. Bên trái chị là một rổ bún trắng tươi, thêm một rổ rau răm, rau thơm và hành ngò thái nhỏ. Chị múc thoăn thoắt miệng hỏi lia:

"Bác ăn chi cháu múc?"

Người thì nói:

"Chị cho tui một bát không giò, nhiều thịt hỉ !"

Kẻ đòi hỏi:

"Cho tui hai cái giò móng hỉ?"

"Bát tui không cay nghe."

"Răng chị ni cho ít bún rứa?"

"Cho tui miếng chanh nghe!"

"Chao ơi, trái ớt ni cay vô hậu!"

Bây giờ tiếng sụt sùi, xuýt xoa, và những giọt lệ ứa trên mi không phải cho người quá cố nữa mà vì những tô bún bò nồng nàn của chị Ẩm.

Trên nấm mộ mới, những người phu đắp mộ dùng những cái đầm đất dện ình ình cho đất nện cứng trên quan tài, vừa nện đất họ vừa hát những bài vè có vần có điệu.

Trên thành mộ bà cố, ba tôi ngồi trầm ngâm, nét mặt không vui, không buồn. Tay ông cầm xấp tiền dày cộm chắc để phân phát cho các nhạc công, ba bà khóc mướn, và mấy anh phu hòm. Thấy tôi tần ngần đứng bên, ba hỏi:

"Con có đói không, tới ăn bún đi."

Bác Ben cười hì hì:

"Anh biết không, hắn ăn một bát như người lớn lại đòi hai cái giò."

Tôi trề môi:

"Đâu có sao, lần trước ông nội vô Nha Trang, ông dẫn cháu đi bún bò Bưu Điện, cho cháu ăn như rứa. Ông nói rằng cháu muốn ăn hai tô cũng được."

Nói xong, đột nhiên tôi òa lên khóc, có lẽ tôi chợt nhận thức rằng trong đời, không còn ai nuông chiều yêu thương tôi bằng ông nội cả. Ba tôi dang tay ôm tôi vào lòng vỗ về, tôi gục đầu thổn thức trong cánh tay ba, cảm thấy những giọt nước mắt nóng của ba cũng đang rơi trên tóc mình.●

LÁ THƯ THƯỢNG HẢI

HÀ KỲ LAM

(Tiếp theo)

DI TÍCH LỊCH SỬ

Những di tích lịch sử của Trung Hoa thì nhiều và nổi danh không chỉ riêng đối với Việt Nam hay Á Châu, mà còn đối với cả thế giới nữa. Cho nên phần quan trọng trong chuyến Hoa du theo tôi là viếng những công trình lịch sử tồn tại từ bao nhiêu nghìn năm của nước nầy. Trong mười bốn ngày chúng tôi đã viếng bảy điểm du lịch: Bắc Kinh, Tây An, Quế Lâm, Nam Kinh, Tô Châu, Thượng Hải, và Hàng Châu. Nhưng di tích lịch sử tập trung nhiều nhất ở hai nơi: Bắc Kinh và Tây An.

Ở Bắc Kinh tôi đã được đứng trên quảng trường Thiên An Môn, nơi năm 1989 đã xảy ra cuộc đàn áp những người Trung Hoa đòi dân chủ. Sau quảng trường Thiên An Môn, đoàn du lịch vào xem Tử Cấm Thành (Forbidden City), nơi ở chính thức của vua và hoàng tộc từ các triều đại Liêu, Kim, Nguyên, Minh và Thanh. Khu vực Cấm Thành rộng lớn như một thành phố nhỏ, với nhiều cung điện, nhiều dinh thự xưa. Nhìn những căn phòng với lối kiến trúc xưa, tối tăm, ẩm thấp, tôi bỗng nghĩ đến những lãnh cung trong *Cung Oán Ngâm Khúc*; những người con gái bạc mệnh ngày xưa và những quân vương hờ hững bỏ quên họ suốt một đời dài, giờ ở đâu, tan theo cát bụi, hay có gặp nhau ở một thế giới nào? Rồi đi thăm những hoa viên xưa, rồi nơi nghỉ mát của Từ Hy Thái Hậu. Trong số những di tích ở Bắc Kinh tôi thích khu Hutong, một khu dân cư xưa cả nghìn năm, với nhà cửa, đường phố rất giống Hội An, và tôi thấy rõ phố cổ Hội An là cái mẫu mà người Tàu mang sang. Tôi cũng tìm thấy lại Hội An hôm viếng Tô Châu mười ngày sau đó.

Trong bốn ngày ở Bắc Kinh tôi cũng được viếng hai nơi đáng xem: khu lăng tẩm của nhà Minh ở ngoại thành Bắc Kinh, những di tích lịch sử xưa cả bảy, tám trăm năm, và Vạn Lý Trường Thành.

Nhìn những đồ đá chạm trổ khéo léo tôi nhớ lại có đọc ở đâu rằng nhà Minh là triều đại đã để lại nhiều công trình nghệ thuật giá trị nhất, so với các triều đại khác trong lịch sử Trung Hoa. Tôi tin điều đó khi thấy tận mắt những công trình điêu khắc bằng đá đồ sộ và tinh vi, chẳng hạn những tượng thú vật và người đặt hai bên lối đi dài cả cây số dẫn vào khu mười ba ngôi mộ của các vua Minh, hay cách kiến trúc các hầm mộ ở sâu dưới đất, hoặc xem các sản phẩm đồ gốm làm theo phương pháp thời nhà Minh. Rồi những ngày kế tiếp viếng thăm các nơi khác, chúng tôi lại cũng được nhân viên du lịch giới thiệu vài di tích khác của nhà Minh, thêm một điều chứng tỏ nhà Minh là triều đại đã để lại một di sản văn hóa không nhỏ trong lịch sử Trung Hoa.

Vạn Lý Trường Thành, có từ thời lục địa Trung Hoa còn bị chia năm xẻ bảy dưới thời Chiến Quốc, khoảng hai nghìn năm trăm năm nay; mỗi đoạn thành rời rạc chỉ để bảo vệ một nước. Khi Tần Thủy Hoàng diệt hết sáu nước nhỏ, thống nhất Trung Hoa, ông đã cho nối các thành lại thành một dãy thành dài, và ngày nay tên tuổi vị vua nổi tiếng tàn bạo nhất Trung Hoa kia đã gắn liền với Vạn Lý Trường Thành. Thành dài trên sáu nghìn cây số, cao 10 thước, rộng tám thước. Tôi nghĩ với mấy nghìn năm sương tuyết gió mưa, nhiều đoạn thành chắc đã sụp lở, và đoạn thành gần Bắc Kinh đã được trùng tu cho mục đích du lịch, vì tôi thấy thành ở đây còn trong tình trạng tốt. Dù sao, điều mãn nguyện nhất của chuyến Hoa du này đối với tôi là được leo những bực cấp bằng đá của Vạn Lý Trường Thành, công trình duy nhất của con người dưới trái đất mà người bay trên không gian có thể nhìn thấy! Ôn Thành chạy xuyên qua núi đồi trùng điệp. Nó rào kín biên giới phía bắc của Trung Hoa thời xưa; bên kia Trường Thành là Mông Cổ mà ngày nay một phần thuộc Trung Hoa (Nội Mông). Mỗi đỉnh núi có một tháp canh. Tôi đã leo 356 bực cấp để lên xem một tháp canh. Một dịp tập thể dục, và một dịp nhớ lại những lần leo núi gian nan một thời chinh chiến của mình. Đứng trên tháp canh cao, nhìn đường thành uốn khúc qua núi đồi chập chùng, nhìn những tháp canh khác xa tít tắp rồi mất hút trong sương khói, mình, một người của mấy nghìn năm sau, thấy dâng lên trong lòng một tình cảm lẫn lộn: thán phục và cảm thương.

Thán phục cái việc "đội đá vá trời" của người xưa, nhưng lại nghĩ mình đang đứng "thưởng thức" cái tường thành mà trung bình một thước tốn một mạng người; bức thành như nỗi thống khổ hóa thạch của bao triệu sinh linh!

Thời xưa các tháp canh trên Vạn Lý Trường Thành đều có trống, và tồn trữ phân chó sói làm nhiên liệu đốt để gây khói. Khi phát giác địch tiến đến, người ta đánh trống và đốt lửa gây khói để các trạm kế tiếp nghe thấy và tiếp tục truyền đi tín hiệu báo động về tới kinh đô. Lối báo động chiến tranh kia - vừa dùng vận tốc ánh sáng vừa dùng tốc độ âm thanh - đã trở thành một điển tích tượng trưng cho một thảm họa lớn của nhân loại: nạn binh đao.

Trống Tràng Thành lung lay bóng nguyệt
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây (1)

Tây An, thủ phủ tỉnh Thiểm Tây, 900 cây số tây nam của Bắc Kinh, là nơi có nhiều di tích lịch sử xưa hơn Bắc Kinh. Đây là cố đô Tràng An. Người hướng dẫn du lịch, một giáo sư sử học tại đại học Tây An, nói rằng trong số hơn một trăm vị vua của Trung Hoa thì sáu mươi sáu vị đã đóng đô tại đây. Ngoài cổ thành Tràng An ra, hai nơi đáng nói nhất là khu mộ Tần Thủy Hoàng và nơi Đường Minh Hoàng vui chơi với Dương Quí Phi. Tất cả tọa lạc gần chân Ly Sơn, cách xa Tràng An khoảng ba mươi cây số về phía đông.

Nhìn cổ thành Tràng An, người đời sau mới thấy cái bề thế, vững vàng của một nước Trung Hoa cách nay mấy nghìn năm. Mặt thành Tràng An dày khoảng hai mươi thước. Thành cao 12 thước vây bọc một chu vi mười bốn cây số. Đứng trên mặt thành tưởng như đang đứng trên một xa lộ! Nhìn xuống có thể thấy thành phố Tây An đang nhộn nhịp dưới kia.

Năm 1974 người ta mới khám phá và khai quật tại vùng mộ Tần Thủy Hoàng những hầm chứa trên sáu nghìn người ngựa bằng đất nung được chôn theo nhà vua. Đó là những binh mã đi theo để bảo vệ vị bạo chúa trong cõi chết! Một điều khác thường là diện mạo những quân tướng bằng đất nung đó không giống nhau như những pho tượng đúc hàng loạt. Người ta nói đến giả thuyết là mỗi tượng được nặn theo đúng kích thước, diện mạo của binh tướng thật sự của Tần Thủy Hoàng. Công cuộc tìm kiếm, khai quật vẫn tiếp tục vì người ta vừa khám phá nhiều người ngựa nữa. Tôi đã trông thấy mông một con ngựa - đầu và bụng vẫn còn nằm trong lòng đất - và chợt hiểu cái khó khăn, cái kiên nhẫn của công việc đào bới những di tích lịch sử kia; không khéo léo, cẩn thận thì hư sự hết!

Nơi nghỉ mát của Đường Minh Hoàng và Dương Quí Phi gồm những nhà xưa bên bờ một hồ lớn, nằm dưới chân một quả núi. Toàn cảnh rất nên thơ. Những cây liễu rũ quanh hồ càng tăng thêm vẻ thần tiên của cảnh trí. Một bức tượng trắng gần khỏa thân bên bờ hồ mà hướng dẫn viên du lịch bảo là tượng Dương Quí Phi làm mọi người chú ý. Tượng phô bày hình ảnh một người đàn bà đẹp từ thân hình đến khuôn mặt. Mái tóc dài vấn cao để lộ chiếc cổ dài, trắng ngần. Có người bảo pho tượng làm hư cảnh xưa, vì hình ảnh đi ngược với luân lý phong tục của người xưa; lại nữa làm gì còn hình ảnh người đẹp Dương Quí Phi sống cách đây cả nghìn năm để đời sau biết mà tạc tượng. Tôi thì vẫn thích có một hình tượng để hình dung con người đẹp đến mức làm lung lay cơ nghiệp nhà Đường cách nay hằng mươi thế kỷ, dù giống người thực hay không. Và bức tượng chẳng làm hư khung cảnh xưa, hay ngược luân lý một thời nào, vì trong thâm tâm người xưa cũng thấy rằng luân lý nào cũng chỉ là những lớp xiêm y, không hơn không kém.

PHONG CẢNH

Di tích lịch sử còn nhiều, nhưng tôi chỉ lược thuật vài nơi chính, kẻo chị lại than mệt phải đọc một sớ táo quân dài ba thước về những điều lỉnh kỉnh tận bên Tàu. Tôi muốn phần còn lại của bức thư này đem đến chị vài phong cảnh của thực tại để thay đổi cái không khí nhàm chán của "chuyện xưa tích cũ" chị đọc từ đầu tới giờ. Tôi sẽ kể cho chị về các nơi đã để lại những ấn tượng khó quên trong tôi. Đó là Nam Kinh, Tô Châu, Hàng Châu, và Quế Lâm.

Nam Kinh

Tuy Nam Kinh có những công viên đẹp, đường phố lớn nhộn nhịp và con sông đào nên thơ trong thành phố, nhưng ấn tượng rõ nét nhất của tôi nơi đây là dòng sông Dương Tử chảy gần đó. Bờ bên kia xa tít tắp, chìm trong sương khói, mặt sông mênh mông với màu nước đục ngầu. Đây quả đúng là con sông lớn nhất Á Châu - dĩ nhiên là lớn nhất Trung Hoa - và lớn thứ tư trên thế giới. Nó phát nguyên từ cao nguyên Tây Tạng, dài năm nghìn rưỡi cây số, chảy về hướng đông-đông-bắc ra biển

Trung Hoa. Bờ bắc của con sông được gọi Giang Bắc và bờ nam là Giang Nam. Vùng Giang Nam gồm các thành phố Nam Kinh, Thượng Hải, Hàng Châu, Tô Châu. Một điều đáng nói nữa là chiếc cầu dài bắt qua sông Dương Tử mà theo bà hướng dẫn du lịch là một tự hào của ngành cầu cống Trung Hoa. Cầu có hai tầng; xe lửa chạy bên dưới, xe các loại khác chạy ở trên. Bà ta cho biết mỗi ngày có năm trăm chuyến xe lửa chạy qua cầu. Nhìn lưu lượng xe hơi qua cầu, tôi có thể thấy cây cầu nầy là một trục giao thông huyết mạch, nhưng tôi không nghĩ có đến năm trăm chuyến xe lửa mỗi ngày. Chúng tôi dừng bên đầu cầu để ngoạn cảnh, chụp ảnh, quay phim ít nhất khoảng bốn mươi lăm phút mà chỉ thấy có hai chuyến xe lửa qua cầu từ bên bờ bắc, tức trung bình cứ hai mươi phút có một chuyến. Nếu cho rằng một ngày là 24 giờ, ít nhất trung bình bốn phút phải có một chiếc xe lửa chạy qua, mới có đủ số năm trăm chiếc. Còn tính 12 giờ là đơn vị ngày thì con số năm trăm chiếc càng không thể có.

Tô Châu của Tây Thi Gái Nước Việt

Đến Tô Châu, tôi thất vọng vì thành Cô Tô và chùa Hàn San không có trong chương trình thăm viếng. Tôi biết hai tên đó từ ngày nhỏ qua mấy câu thơ chữ Hán trong bài Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế:

Cô Tô thành ngoại Hàn San tự
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền

hình như là Tản Đà, đã dịch:

Thuyền ai đậu bến Cô Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San

Được biết thành Cô Tô và các di tích khác ở Tô Châu bị tàn phá nặng nề qua nhiều biến cố, từ cuộc chiến tranh Trung Nhật hồi thập niên 1930 đến cuộc Cách mạng Văn hóa do Mao Trạch Đông chủ trương nên chẳng còn gì. Và có lẽ nơi đây cũng không còn là một điểm quan trọng trong kế hoạch phát triển du lịch nên chính phủ Trung Hoa không trùng tu lại các di tích đó. Tuy nhiên Tô Châu là một thành phố khá xinh. Nó được mệnh danh là Venice của phương Đông vì có một hệ thống kênh đào và rạch gần như khắp thành phố, ngoài con sông đào lớn (Đại Vận Hà) dài gần 1800 cây số nối với sông Dương Tử, một công trình do Ngũ Tử Tư thực hiện từ thời xa xưa. Nhà cửa xưa, đường phố nhỏ hẹp gợi nhớ Hội An của Việt Nam. Những chiếc cầu ở đây khiến tôi liên tưởng đến mấy vần thơ của Hồ Dzếnh:

Tô Châu lớp lớp phù kiều
Trăng đêm Dương Tử, mây chiều Giang Nam (2)

Nhân trích hai câu thơ trên đây tôi bỗng thấy thinh thích trong lòng, vì ba địa danh được nói đến, Tô Châu, Dương Tử, Giang Nam, mình đều đã đặt chân đến. Tôi đã đến Nam Kinh một chiều nọ, chẳng phải Giang Nam là gì? Duy có điều bầu trời hôm ấy âm u, toàn một màu xám chứ không lơ lửng những áng mây nhiều màu để mình được ngắm mây chiều Giang Nam, và cũng không có dịp đứng bên cầu chờ đêm xuống để thấy trăng đêm Dương Tử tỏa sáng trên mặt sông.

Tô Châu còn hai điều nổi tiếng nữa là gái đẹp và tơ lụa. Về điểm thứ nhất, tôi không biết có đúng không, vì những người con gái tôi thấy ở đây cũng "thường thường bậc trung." Có lẽ danh truyền từ đời xưa, qua người đẹp Tây Thi giặt lụa bên bờ sông ở thôn Trữ La - lại một địa danh lịch sử và văn học nữa mà Anh Vũ đã nhắc trong một bài thơ của mình, Người Con Gái Huế:

Sông Hương mấy độ vàng hanh nắng
Gió chẳng se lòng lụa Trữ La

Và có lẽ dư âm nghìn xưa cũng đã khiến Hồ Dzếnh, nhà thơ của nghìn sau, tương tư những bóng hình diễm kiều của quê nội mình:

Liễu Động Đình thơm chuyện hảo cầu
Tóc thề che mướt gái Tô Châu (3)

hay đã khiến người nghệ sĩ tài hoa Phạm Duy lúc đứng bên cầu biên giới Việt-Hoa phải thốt lên:

Ôi giấc mơ xưa
Mộng đời phiêu lãng giang hồ
Sống trong lòng người đẹp Tô Châu,
Hay là chết bên giòng sông Danube
Những đêm sáng sao... (4)

Nhưng cô hướng dẫn du lịch khá xinh; sinh trưởng và lớn lên ở đây, như cô cho biết. Đừng đi tìm những trang quốc sắc thiên hương, những nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành thì du khách hôm đó đã được nhìn người đẹp Tô Châu đang nói chuyện với mình đấy. Trong lúc xe đang chạy, có lẽ để lấp khoảng "thời gian chết," người hướng dẫn tổng quát đề nghị người hướng dẫn địa phương ca một bài giúp vui. Cô ta cho biết không nhớ ca khúc nào trọn vẹn, ngay cả bài quốc ca của Trung Hoa, nhưng cô xin ca những đoạn mình còn nhớ của bài ca đó. Giọng ca không tệ chút nào. Tôi đã từng nghe âm điệu của bài ca nầy hồi trước,

trong những lần tình cờ thoáng nghe những buổi phát thanh của đài Bắc Kinh, và tôi vẫn cho đó là một trong những bài quốc ca hay trên thế giới trong đó có La Marseillaise của Pháp, The Stars Spangled Banner của Mỹ, v.v.. Tôi nhìn cô, ngẫm nghĩ mà cười thầm trong lòng, "dẫu sao cô cũng là gái nước Việt, như Tây Thi vậy, vì đất nầy hồi xửa hồi xưa vốn là quê hương của các nhóm dân Bách Việt."

Danh tiếng tơ lụa thì dễ thấy. Đoàn đã được đưa đi xem nơi làm ra sản phẩm nầy. Cô hướng dẫn đã thuyết trình về kỹ nghệ nuôi tằm ươm tơ - từng giai đoạn, từ trứng bướm nở ra tằm đến giai đoạn cái kén cho tơ... Các mẫu bướm, trứng bướm, tằm nhỏ, tằm lớn (tằm chín), và kén được đựng trong những lọ thủy tinh có dung dịch khử trùng để du khách thấy hình thù thật sự chứ không phải "mua trâu vẽ bóng." Tôi lớn lên ở quê nội Kỳ Lam, Quảng Nam, đã chứng kiến công việc trồng dâu chăn tằm từ ngày nhỏ, nên chẳng thấy khó khăn hình dung những gì người đẹp Tô Châu trình bày hôm đó. Nhưng tôi học được một điều: loài bướm ở đây lớn hơn bướm tằm của Việt Nam, và do đó con tằm cũng lớn hơn, nhả những sợi tơ đặc biệt, màu trắng thay vì vàng; và cây dâu tằm ở đây cũng khác, thân cây to và lá lớn hơn.

Hàng Châu

Về Hàng Châu, nổi tiếng là Tây Hồ. Mặt hồ rộng mênh mông, bờ xa tắp lung linh trong sương khói. Hôm chúng tôi đến, trời âm u, mặt hồ bị một làn sương mỏng phủ lên nên cảnh giống những nét vẽ trong các tác phẩm hội họa xưa của Trung Hoa. Theo những người đã đặt chân đến đây trước, dường như Tây Hồ luôn luôn chìm trong sương khói như thế. Có thể đó là một đặc điểm của thiên nhiên ở đây. Nói đến đặc điểm thiên nhiên, tôi nhớ Hàng Châu nổi tiếng về hiện tượng sóng thần. Đầu tháng Chín vừa rồi, trước ngày lên đường Hoa du vài tuần, vợ chồng tôi đã xem trên đài truyền hình CNN cảnh sóng thần ở Hàng Châu chồm lên nhận chìm hằng trăm du khách đang đứng xa bờ; may mắn là chỉ gây thương tích, không gây tử vong! Khúc sông Tiền Đường đổ ra biển là nơi thường có những đợt sóng lớn vào khoảng tháng Tám dương lịch hằng năm, chắc là do một hiện tượng địa chấn nào đó mà chỉ riêng lòng sông này mới có, hoặc do sự kiện nơi đây là giao điểm của ba con sông đổ ra biển. Có thể Nguyễn Du đã nói đến hiện tượng nầy ở đoạn nàng Kiều nhảy xuống sông tự vẫn:

Triều đâu nổi sóng đùng đùng
Hỏi ra mới biết rằng sông Tiền Đường.

Tôi cho đó là một kỳ quan đáng xem, trong khi bà xã tôi và các bà trong nhóm thì phản đối kịch liệt ý nghĩ đi xem "thiên tai" kia. Nhưng hướng dẫn viên du lịch đã trấn an các bà rằng không dễ xem đâu, phải đúng mùa, đúng thời điểm v.v. Và như vậy tôi đã được thấy sông Tiền Đường, con sông đã đi vào tác phẩm văn chương lớn của Việt Nam, dù chỉ thấy xa xa, và nhìn từ xa thì con sông nào cũng giống nhau!

Người hướng dẫn du lịch cho xe chạy dọc theo sông Tiền Đường hôm ấy là cốt cho đoàn lên thăm ngôi chùa đồ sộ mang tên Lục Hòa trên đỉnh núi cao chế ngự giòng sông, nhưng ai nấy đã thấm mệt nên chúng tôi chỉ ngồi xe dòm lên thôi. Sau này tôi cứ tiếc hùi hụi đã không có dịp nhìn bao quát sông nước Tiền Đường từ trên cao. Căn cứ vào các nguyên tắc, định luật về phong thủy, địa lý, người xưa đã xây ngôi đền nầy để ếm sông Tiền Đường, không cho nó nổi cơn thịnh nộ gây các đợt sóng thần, những trận lũ lụt thiệt hại cho cư dân trong vùng.

Trong bữa ăn trưa ở một nhà hàng tại Hàng Châu, nhà biên khảo Lê Văn Lân đã kêu món Tô Đông Pha Trư Nhục (thịt heo Tô Đông Pha), tức thịt heo kho với một loại rượu, để mọi người thưởng thức một món ăn đã đi vào lịch sử địa phương, hay lịch sử Trung Hoa cũng vậy. Nếm miếng đầu tiên tôi nhận ra

TRẦN HUY SAO

QUA GIÊNG

hương xuân gởi lại bên nhà
ra giêng phai lạt lụa là phấn son
én bay đi mất đâu còn
miếng gừng cay cũng dỗi hờn hết cay
quê hương chẳng thể nơi này
nên chi hương tết chỉ ngần ấy thôi!...

San Diego, mùa Xuân 2001

ngay cái vị thịt heo kho tàu của người Việt. Có lẽ món nầy đã được truyền qua Việt Nam từ thời Tô Đông Pha trở về sau, và người ta chỉ biết đó là lối nấu của người Tàu nên gọi vắn tắt là thịt kho tàu, chỉ khác là người Việt không kho với rượu. Anh Lê Văn Lân lại phải trình bày lai lịch món ăn nầy cho cả nhóm hiểu: nhà thơ Tô Đông Pha đời Tống từng là quan đầu tỉnh Chiết Giang, đóng ở Hàng Châu, và trong một tiệc đãi tất cả những người dân đã có công hoàn thành công trình làm Tây Hồ ông đã chỉ cách kho thịt heo bằng rượu (loại rượu gì, chắc phải hỏi lại nhà biên khảo Lê Văn Lân), và từ đó món ăn mang tên ông, và được mọi nhà ở đây ưa chuộng.

Quế Lâm.

Tôi dành Quế Lâm để kể với chị sau cùng không có nghĩa nó là chặng chót của chuyến du lịch - thực ra nó là địa điểm thứ ba theo thứ tự hành trình qua bảy địa điểm của đoàn. Chỉ vì tôi muốn chấm dứt bức thư bằng đoạn nói về một nơi nổi danh đẹp nhất Trung Hoa.

Quế Lâm, tỉnh lỵ của tỉnh Quảng Tây, một tỉnh tiếp giáp với Việt Nam, có nhiều phong cảnh rất đẹp. Chúng tôi ngoạn cảnh trên một du thuyền có khả năng chở bốn mươi khách. Thuyền rời bến chạy ngược giòng Lý Giang một quãng xa rồi từ từ xuôi giòng. Hai bên bờ là những khung cảnh đẹp như những bức tranh sơn thủy Tàu. Khúc gần thượng nguồn giòng sông chảy xiết hơn, và hai bên bờ núi lấn ra sát mé nước, không có lấy một tấc đất bằng phẳng, nên không có dân cư. Càng xuôi giòng, thế đất biến đổi; có nhiều đoạn đất bằng phẳng, đẩy núi lùi vào xa, và làng mạc bắt đầu ẩn hiện sau những khóm tre. Nhưng, tất cả hai bên bờ, dù có dân cư sinh sống hay dù hoang vắng, đều đẹp đến nín thở mà nhìn! Cả một vùng trải dài mấy chục cây số hai bên bờ, với vô số ngọn núi hình thù kỳ lạ, ngoạn mục, đến nỗi suốt bốn tiếng đồng hồ du khách nhìn không chán! Ở Quảng Nam, ngược sông Thu Bồn đến khúc gần nơi phát nguyên của nó người ta thấy vài vách núi tương tự như ở Quế Lâm. Đó là vùng Hòn Kẽm, Đá Dừng. Hai câu ca dao, có lẽ diễn tả tâm trạng nhớ nhà của cô dâu mới, từ miền xuôi, lấy chồng ở tận vùng thâm sơn cùng cốc của xứ Quảng, truyền tụng từ xưa, có đề cập đến hai địa danh nầy:

Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi!

Thỉnh thoảng hướng dẫn viên chỉ cho khách xem đỉnh núi nầy tên "con gà trống," đỉnh núi kia tên "hai cha con," v.v. ôi thôi, không bút nào tả xiết. Tôi còn muốn quay lại Quế Lâm một lần nữa. Người hướng dẫn du lịch còn cho biết Quế Lâm có loài vượn trắng ít nơi nào có. Anh ta nói nếu chúng tôi muốn xem những con thú đó thì anh sẵn sàng đưa đi xem, nhưng phải chịu khó dậy sớm - vào khoảng sáu giờ sáng - vì chúng thường đến những công viên có những người tập Tài-Chi vào giờ giấc đó để được họ cho ăn. Và không ai trong chúng tôi "chịu khó" cả, nên đã không xem được vượn trắng! Chi tiết loài vượn trắng đã làm tôi liên tưởng đến truyện ngắn *The White Monkey* của nhà văn Trung Hoa Lâm Ngữ Đường (Lin Yu Tan). Chuyện kể về bà vợ xinh đẹp của một viên quan bị con vượn trắng chúa một bầy vượn bắt cóc khi kiệu của viên quan và đoàn tùy tùng đi ngang một vùng núi non hiểm trở. Con vượn "tôn thờ" người đẹp, chứ không hề động chạm đến thân thể ngọc ngà của bà, và nuôi bà chu đáo... Tôi nhớ lại truyện nầy chỉ để hy vọng bối cảnh của nó là vùng Quế Lâm.

Bấy nhiêu, hy vọng chị hình dung một phần nào chuyến Hoa du của tôi. Có lẽ đối với một người Việt sinh ra, lớn lên trong đất nước mình, như thế hệ chúng ta chẳng hạn, chuyến du lịch Trung Hoa có một ý nghĩa đặc biệt hơn các nơi khác. Đó là một chuyến đi không chỉ thuần viếng thăm một đất nước xa lạ. Xứ sở nào cũng có phong cảnh, nền học thuật, những trang sử, những giai đoạn thăng trầm đầy tự hào để khoe với khách; ở Trung Hoa, tất cả những điều đó có một ý nghĩa riêng với một du khách người Việt như tôi, như chị. Lịch sử, văn minh, văn học của đất nước mình gắn liền với Trung Hoa như bóng với hình. Nghe nhắc đến một địa danh, nghe kể về một di tích lịch sử, dù chúng ta chưa biết vẫn cảm thấy gần gũi, không có cái cảm tưởng xa lạ của sự việc mới nghe lần đầu, đúng như Hà Thượng Nhân đã viết:

Ở Trung Quốc ta chưa hề đến đó
Mà thân quen như mảnh đất quê hương (5)

Tôi thấy chuyến đi như một hành trình khám phá, kiểm chứng, xác định...

Ngày 10 tháng 11 năm 2000

Chú thích

1. Đoàn Thị Điểm, *Chinh Phụ Ngâm*
2. Hồ Dzếnh, bài thơ *Đợi Thơ*
3. Hồ Dzếnh, bài thơ *Tư Hương*
4. Phạm Duy, bài hát *Bên Cầu Biên Giới*
5. Hà Thượng Nhân, bài *Để Tiễn Người Đi Trung Hoa.*

QUẬN CAM

Đêm nhạc Trở Về Dĩ Vãng với ca sĩ Anh Ngọc

Ca sĩ Anh Ngọc

Hơn 500 khán giả, nghệ sĩ, thân hữu và một số vị dân cử của thành phố Westminster đã hiện diện trong đêm giới thiệu một dĩa nhạc mới "Trở Về Dĩ Vãng" của nam danh ca Anh Ngọc, tại vũ trường Majestic vào tối thứ Sáu Mồng 2 tháng Ba năm 2001 trong bầu thân khí thân mật với một chương trình nhạc tiền chiến và bán cổ điển hiếm có ở tại Quận Cam.

MC Phạm Long đã mở đầu đêm Trở Về Dĩ Vãng với những nét sơ lược về danh ca Anh Ngọc đã từng nổi tiếng từ Hà Nội từ những năm cuối thập niên 1940 cho đến những thập niên sau ở Miền Nam. Nam danh ca Anh Ngọc được mô tả là một giọng ca hàng đầu của miền Nam cho đến 1975. Và ông đã hát trở lại từ khi ông định cư tại Hoa Kỳ vào cuối thập niên 1980.

Khán giả đã thực sự *trở về dĩ vãng* với bản nhạc Xuân Miền Nam của nhạc sĩ Văn Phụng qua tam ca nữ Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao.

Trước tình cảm nồng nhiệt của của khán thính giả đã dành cho mình trong lần về Quận Cam này, Anh Ngọc cảm động ngỏ lời cảm tạ và cho biết Trở Về Dĩ Vãng là đĩa nhạc ông đã gởi gấm tâm tình của mình qua những bản nhạc mà ông thích nhất trong đời ca hát của ông.

Anh Ngọc đã trình bầy bản Thu Hát Cho Người của Vũ Đức Sao Biển cũng là bản nhạc mà khách yêu nhạc yêu cầu ông hát nhiều nhất. Rồi đến Đêm Lạnh của Phạm Trọng, Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa của Tô Vũ (cùng song ca với Bích Liên)... Anh Ngọc đã liên tiếp hát năm bản nhạc mà khán giả yêu cầu nhiều nhất.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền cũng nhắc đến những kỷ niệm của một thời đi hát cùng với Anh Ngọc từ những năm của giữa thế kỷ 20 cho đến nay. Thi sĩ Du Tử Lê nói chỗ đứng sáng chói nhất của Anh Ngọc trong âm nhạc Việt Nam qua nửa thế kỷ và đã ví Anh Ngọc như là một Frank Sinatra, một nam danh ca Hoa Kỳ đã hát cho đến lúc ông hơn 80 tuổi.

Bà Thị Trưởng Margie Rice thành phố Westminster và ông Tony Lâm Nghị Viên đã trao bảng tưởng lệ và chìa khóa vàng cho công dân danh dự của thành phố Anh Ngọc đã có công đóng góp cho nền nghệ thuật Việt Nam từ suốt hơn 50 năm qua.

Chương trình nhạc đêm Trở Về Dĩ Vãng tiếp tục với nhiều tiết mục nhạc tiền chiến và bán cổ điển với Kim Tước, Mai Hương, Quỳnh Giao, Nhật Trường, Lê Hồng Quang, Phương Hạnh cùng với các ca nhạc sĩ của vũ trường Majestic như Tuấn Ngọc, Thái Thảo, Công Thành và Lynn...

Đêm văn nghệ Khung Trời Kỷ Niệm của Sinh Viên OCC

Hơn một ngàn khán giả gồm có phụ huynh và sinh viên của trường Đại Học Orange Coast College (OCC) tham dự đêm văn nghệ mang nhiều nét đặc thù của nền văn hóa nghệ thuật Việt Nam do các sinh viên Việt Nam thực hiện tại rạp Robert Moore Theatre vào tối ngày 18 tháng ba năm 2001. Chương trình còn

Một màn múa của các nữ sinh viên OCC

được tăng cường của của một số nghệ sĩ chuyên nghiệp và môn sinh võ thuật.

Sau phần nghi thức đoàn Thanh Niên Việt Nam đã hợp ca bản Một Ngày Việt Nam mở đầu cho chương trình. Các nữ sinh viên trong chiếc áo dài trắng, các nam sinh viên sơ-mi trắng quần xanh đã chinh phục ngay cảm tình của khán giả với những tràng pháo tay nồng nhiệt.

Một đại diện sinh viên Việt Nam đã ngỏ lời cảm tạ quan khách Mỹ Việt hiện diện trong đêm nhạc chủ đề Khung Trời Kỷ Niệm này. Kế đó, bà Tiến sĩ Phạm Thị Huê, Cố Vấn Sinh Viên Việt Nam tại trường Đại Học OCC lên sân khấu nói lên ý nghĩa của chủ đề nhằm mục đích cho giới trẻ Việt Nam biết đến quê hương Việt Nam yêu dấu ở bên kia bờ đại dương và bà cũng không quên nhắc nhở các phụ huynh nên thường xuyên khuến khích con em đừng quên nguồn gốc của mình.

Tiến Sĩ Phạm Thị Huê đã giới thiệu bà Margaret Gratton, Chủ Tịch trường Đại Học OCC lên sân khấu. Bà Gratton với mái tóc vàng ánh gọn gàng trong chiếc áo dài cổ truyền Việt Nam màu xanh dương với bông trắng đã được khán giả vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt. Bà cũng đã cho biết các sinh viên Việt Nam đã giữ được một truyền thống tốt đẹp trong việc bảo tồn văn hóa Việt Nam và vẫn hội nhập vào đời sống tại Hoa Kỳ.

Sau đó là một chương trình phong phú gồm ca vũ nhạc, hài kịch, cải lương, ảo thuật và võ thuật do các sinh viên của trường OCC với sự tăng cường của một số nghệ sĩ chuyên nghiệp như Chí Tâm, Linh Tuấn, Thanh Huyền, Văn Hoàng, ảo thuật gia Minh Phương cùng với các môn sinh Thái Cực Đạo do nhóm Nick Nguyễn phụ trách.

Chương trình đêm văn nghệ với chủ đề Khung Trời Kỷ Niệm khá dài và đầy đủ các tiết mục đáp ứng nhiều tầng lớp khán giả. Nghệ sĩ cổ nhạc Chí Tâm trong bài Tiếng Hát Đầu Nôi với sự phụ họa tây ban cầm của nhạc sĩ Văn Hoàng đã nhắn gửi đến cho các bạn sinh viên Việt Nam hình ảnh quê hương cũ của họ; kế tiếp là bản Mời Nghe Vọng Cổ, với bốn câu hát, Chí Tâm đã giới thiệu sơ lược tiểu sử bản Vọng Cổ cùng với nhịp điệu và tiết tấu của nó. Giới trẻ rất tán thưởng và thích thú với tiết mục này.

Không phải Đại học nào sinh viên người Việt cũng có được các sinh hoạt bảo tồn và phát huy văn hóa Việt Nam như tại OCC. Anh chị em sinh viên đã đông đảo lại có tinh thần hăng hái, và được ban giám đốc nhà trường tiếp tay và khuyến khích. Với các thuận lợi này, anh chị em có thể phát triển hoạt động qua những hình thái khác, ví dụ tổ chức hội thảo, thuyết trình về văn hóa Việt Nam, sưu tập, tìm hiểu, phỏng vấn về sự nghiệp sáng tác của các văn nghệ sĩ đương thời v.v... Lúc bấy giờ sinh hoạt văn hóa sẽ không chỉ là tạo dựng lại những "khung trời kỷ niệm" của quá khứ, mà nóng hổi hơi thở đời sống của đông đảo người Việt hải ngoại trong ngày hôm nay.

Những tác phẩm mới của họa sĩ Thái Tuấn

Họa sĩ Thái Tuấn từ Pháp qua đã khai mạc phòng triển lãm tranh tại thành phố Westminster vào chiều ngày Mồng 3 tháng Ba năm 2001 trong một phòng triển lãm xinh xắn tọa lạc trên đường Magnolia do Hội Nghệ Thuật Âm Nhạc California tổ chức.

Trong dịp này, khách thưởng ngoạn đã được xem hơn 30 tác phẩm mà phần lớn là những sáng tác của họa sĩ Thái Tuấn được thực hiện qua máy điện toán cùng với một số tác phẩm sơn dầu của ông.

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn đã nói về loạt tranh mới của Thái Tuấn: "Ở cái tuổi 80, Thái Tuấn đã bỏ cả sơn, dầu, dao, cọ... để tiếp tục công việc vẽ của mình bằng con chuột và chiếc

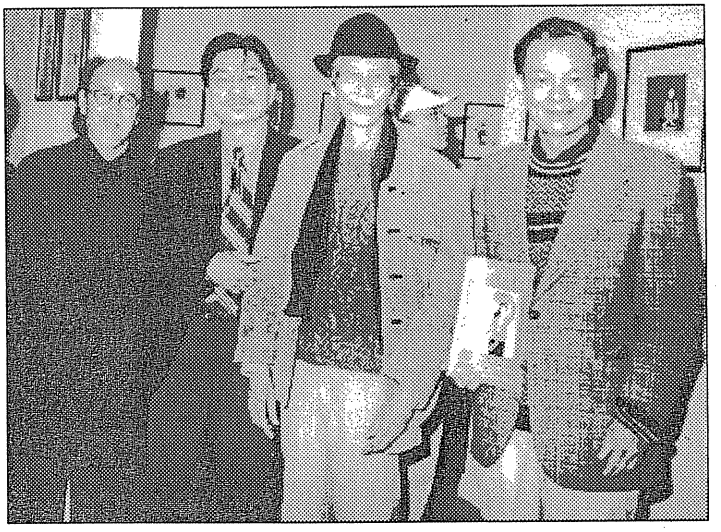

Tại phòng triển lãm, từ trái: Trịnh Cung, Viên Linh, Họa sĩ Thái Tuấn, Phạm Xuân Đài.

máy computer. Bộ tranh được sáng tác bằng 'máy' này của Thái Tuấn đã gây một sự thích thú lớn đối với người xem.

Thích thú đầu tiên là người ta thấy cái "không khí Việt Nam" tràn ngập trong từng mỗi bức tranh, hệt như khi người ta được nhìn ngắm những bức tranh mộc bản Việt Nam: những đám cưới chuột, thầy đồ cóc, hái dừa, đánh ghen, vinh hoa, phú quý...

Nhưng không hẳn như thế.

Nó chỉ giống nhau ở mức độ giản dị.

Cái giản dị, thơ mộng của ca dao.

Trong tranh Thái Tuấn còn thêm cái đẹp của thơ (mới) và của sơn dầu nữa chứ không phải chỉ có phẩm màu..."

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn nói đề tài mà họa sĩ Thái Tuấn chọn vẽ trong đợt tranh mới này là "Thái Tuấn vẽ về cái đẹp chung của người đàn bà Việt Nam.

"Bức nào trong bộ tranh này của Thái Tuấn, cũng được thực hiện trên một cái nền gần như chỉ có một màu, ngoài những chấm phết màu nho nhỏ khác, hình như chỉ để làm nổi bật thêm chính cái nền đó...những màu đó là màu của sơn dầu. Thứ sơn dầu được chiết ra từ phẩm màu. Nó dịu dàng. Hết sức dịu dàng. Nó gần như không còn phải là màu sắc nữa, mà chính là tâm hồn của con người (phụ nữ) vừa trải rộng, vừa thu nhỏ..."

"Cái đẹp của người đàn bà Việt Nam, qua tranh Thái Tuấn không có cái đẹp của từng phần thân thể, khuôn mặt, đôi môi, bộ ngực hay cái mông chẳng hạn. Mà là cái đẹp toàn thể."

Chính họa sĩ Thái Tuấn cũng đã giải thích về chuyện tình cờ đưa ông gặp gỡ chiếc máy computer đầy bất ngờ:" Tôi vốn có thành kiến với máy móc, như phần lớn các bạn văn nghệ của tôi. Nhất là mấy nhà thơ. Họ hỏi tại sao anh lại có thể sử dụng một phương tiện không hồn như thế? Tôi chợt nhớ ra, tôi đã từng nhận được những bài thơ họ gửi cho tôi qua chiếc máy đánh chữ, nhiều khi bằng cả computer. Nên tôi nói đùa: "Hôm qua tôi đọc được một bài thơ của tác giả computer rất hay.' ... Chúng tôi phá lên cười và yên tâm sáng tác."

Nhà văn Nguyễn Đình Toàn nói rằng: "Thay vì được khắc trên gỗ mít, những bức tranh mới này của Thái Tuấn được vẽ bằng con chuột của computer. Nó có thể in ra nhiều bản. Và, tất cả các bản in ra đều có thể là bản chính."

Họa sĩ Thái Tuấn sinh năm 1918 tại miền Bắc Việt Nam. Ông đã triển lãm tranh nhiều lần ở Alliance Francaise, Saigon, 1958; Galerie Dolce Vita, Saigon, 1970, Continental Palace, Saigon năm 1973. Tại ngoại quốc ông đã triển lãm tranh tại Ba Tây, Hoa Kỳ, Canada và Pháp.

Họa sĩ Thái Tuấn có nhiều bộ tranh được người mến mộ sưu tập riêng ở Việt Nam, Pháp, Hoa Kỳ và Canada. Ông hiện cư ngụ tại Orleans, Pháp quốc.

Văn hóa Việt Nam và Kỷ niệm 100 năm thành lập Toà Án Cổ Quận cam

Chiều ngày thứ Bẩy Mồng 10 tháng Ba năm 2001, ông Chuck Smith, Supervisor của Quận Cam đã khai mạc Ngày Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam trong buổi lễ kỷ niệm đánh dấu 25 năm người Việt tỵ nạn tại Quận Cam và 100 năm ngày khánh thành Toà Án Cổ (Old County Court House) ngay trong một phòng xử của Tòa mà nay đã trở thành bảo tàng viện với sự hiện diện khoảng 300 quan khách Việt Mỹ, nhân sĩ, đại diện cộng đồng Việt Nam và truyền thông.

Ngày Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam này được sự bảo trợ của Hội Cao Niên Á Mỹ, Hội Đồng Thành Phố Westminster với sự cộng tác của một số hội đoàn võ thuật và văn nghệ Việt Nam. Bà Thị Trưởng Margie Rice trong chiếc áo dài Việt Nam thêu hoa màu xanh dương và ông Nghị Viên Tony Lâm trong chiếc áo dài gấm khăn đóng đã gây sự chú ý thích thú trong quan khách có mặt.

Trong dịp này ông Chuck Smith đã trao bằng tưởng lệ đến các họa sĩ Việt Nam, bà Từ Dung đại diện hội Cao Niên Á Mỹ, bà Thị Trưởng Margie Rice và ông Tony Lâm thành phố Westminster, nhạc sĩ Nguyễn Hiền, Ủy viên văn hóa văn nghệ của thành phố Westminster, về những đóng góp văn hóa và nghệ thuật và cộng đồng trong Quận Cam. Nữ họa sĩ Ann Phong đại diện các họa sĩ ngỏ lời cảm tạ ông Chuck Smith và quan khách.

Sau đó quan khách đã đi xem tranh của 11 họa sĩ Việt Nam với chủ đề Sáng Tạo (Beyons Creation) tại lầu ba của bảo tàng viện Tòa Án Cổ. Các họa sĩ Việt Nam có tranh triển lãm gồm có nữ họa sĩ Ann Phong, Nguyễn Thị Hợp, Bé Ký và các họa sĩ Nguyên Khai, Nguyễn Đồng, Cao Bá Minh, Hồ Thành Đức, Dương Văn Hùng, Lương Văn Tỷ, Khánh Trường, Hồ Anh. Một chương trình nhạc nhẹ

do đoàn văn nghệ Lạc Hồng trình diễn trong phòng triển lãm được quan khách tán thưởng nhiệt liệt.

Tiếp theo, mọi người đã ra trước tiền đình Tòa Án Cổ thưởng lãm các cuộc trình diễn thời trang truyền thống Việt Mỹ. Các người mẫu thời trang Hoa Kỳ đã trình diễn những y phục cổ truyền Hoa Kỳ vào khoảng đầu thế kỷ 20 cùng thời kỳ với sự hiện diện của Tòa Án Cổ tại thành phố Santa Ana. Nhưng tiết mục nổi bật hôm nay là các người mẫu phụ nữ Việt Nam phô trương những nét đẹp cổ truyền Việt qua chiếc Áo Dài với các kiểu áo của nhà vẽ kiểu Tường Khuê, được khán giả tán thưởng nhiệt liệt.

VIỆT NAM

Khôi phục lại mộ phần của thi sĩ Tạ Ký

"Hỡi Thượng đế! Suốt đời con đơn chiếc
Đi lang thang như lạc nẻo Thiên đường!"

"Noel ở quận lỵ hẻo lánh thật buồn. Nhà thờ nhỏ, người đi lễ thưa thớt. Mình kỷ niệm ngày Chúa ra đời bằng một xị đế với phá lấu. Về nằm ngủ, thấy chiêm bao lung tung. Đêm Noel lạnh quá."

Trên đây là nguyên văn một đoạn trong trang nhật ký cuối cùng của nhà thơ Tạ Ký, viết ngày 24 tháng 12 năm 1978 tại huyện Chợ Mới tỉnh An Giang. Ngày hôm sau ông bị công an đến bắt tại nhà trọ, và gần ba tháng sau ông qua đời trong tù vì bệnh gan.

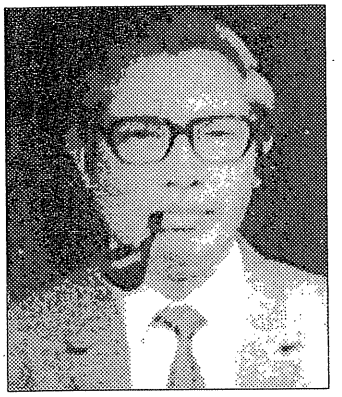

Tạ Ký

Những điều tưởng như đơn sơ trên đây đã phải mất hơn hai mươi năm mới được phát giác ra, chi tiết về cái chết cùng các di vật của một giáo sư văn chương cũng như một nhà thơ có tiếng tại Sài Gòn trước 1975 mới được đưa ra ánh sáng. Tạ Ký đã qua đời một cách tối tăm, khuất lấp trong một hoàn cảnh thương tâm tại một nơi xa xôi hẻo lánh, và mọi chuyện đang đi vào quên lãng nếu không có người có lòng muốn đặt để lại vị trí đáng ra phải có của ông trong khu vườn văn nghệ cũng như trong lòng những người vẫn lui tới khu vườn ấy.

Người ấy là nhà thơ Đynh Trầm Ca, hiện ở Việt Nam. Tháng Chín năm ngoái Đynh Trầm Ca viết thư cho người bạn ở Mỹ báo động việc mồ mả nhà thơ Tạ Ký chôn ở huyện Chợ Mới An Giang có nguy cơ bị nước lụt làm mất dấu, và nhấn mạnh việc cần phục hồi tên tuổi của nhà thơ bạc mệnh trong lòng tưởng nhớ của mọi người qua việc chỉnh đốn lại mồ mả của ông. Bạn bè, bà con thấy là nên dời mộ ông về Sài Gòn, nơi có nhiều người biết đến ông qua mấy mươi năm ông sống và sinh hoạt văn hóa văn nghệ tại đây. Các bạn bè của ông ở Mỹ hưởng ứng, vận động phương tiện, và nay công việc dời mộ đang xúc tiến ở Việt Nam. Dự trù đúng ngày Thanh Minh năm nay (12 tháng Ba Tân Tỵ, tức 5 tháng Tư 2001) hài cốt của ông sẽ được an táng trở lại tại nghĩa trang Gò Dưa, Thủ Đức. Một điều lý thú là mộ của ông sẽ nằm bên cạnh một bạn thơ xưa cùng quê, thi sĩ Bùi Giáng. Sau mấy mươi năm xa nhau, nay họ lại gần nhau.

Cầu mong mọi sự thành tựu viên mãn cho người giáo sư-nghệ sĩ.●

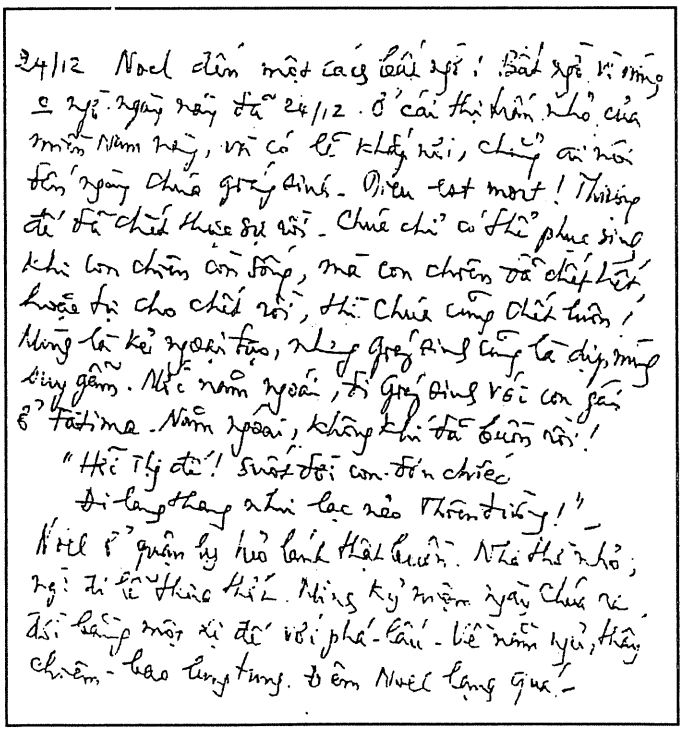

Những dòng chữ cuối cùng của Tạ Ký

TÂM SỰ NGUYỄN GIA KIỂNG

VƯƠNG HỮU BỘT

Khi tôi hỏi mua cuốn "Tổ Quốc Ăn Năn," Đinh Quang Anh Thái nói sách đã bán hết rồi, phải đi mượn về đọc. Cuốn sách mới của Nguyễn Gia Kiểng phải thuộc loại bán chạy nhất - tiếng Anh gọi là best seller. Tôi đã mời nhiều người cùng viết cảm tưởng của mình sau khi đọc sách này. Như ý nguyện của tác giả: "cuốn sách này ... để thảo luận ý kiến, với mục đích chỉ đề xướng ra mà không kết thúc các cuộc thảo luận" (trang IX). Và Nguyễn Gia Kiểng thì có rất nhiều ý kiến, viết về rất nhiều đề tài, cuộc thảo luận có thể kéo dài hàng trăm năm, nên tốt nhất là mỗi người nên tự giới hạn.

Khi đọc cái tựa "Tổ Quốc Ăn Năn" thế nào người ta cũng hỏi, "Tổ quốc là cái gì mà lại phải ăn năn?" Muốn đỡ thắc mắc tôi đề nghị độc giả nên bắt đầu đọc hai chương cuối, như Nguyễn Gia Kiểng viết "xin kết thúc cuốn sách bằng một lời phi lộ" (nguyên văn, trang 587). Tiếng Hán Việt "phi lộ" có nghĩa là lời nói mở đầu, vạch đường đi, nhưng Nguyễn Gia Kiểng lại để vào chỗ cuối, đó cũng là một dụng ý độc đáo.

Những từ như Dân tộc, Nước nhà, v.v. vốn không có nghĩa chính xác, từ Tổ quốc lại còn mơ hồ hơn, những từ đó không thể dùng làm đề tài thảo luận khoa học, thường chỉ dùng để hô khẩu hiệu hoặc viết truyền đơn. Theo tôi hiểu tác giả cũng nói đến hai chữ thiêng liêng này theo nội dung mà người ta vẫn dùng để tuyên truyền. Muốn hiểu ý tác giả chúng ta cần đọc chương áp chót, mang cùng tựa đề với cuốn sách. Trong chương đó Nguyễn Gia Kiểng nói đến Tổ Quốc của phe xã hội chủ nghĩa, Tổ Quốc của phe quốc gia, Tổ Quốc đối với những người vượt biển, v.v., mỗi nhóm người dùng một cách khác nhau. Còn hai chữ Ăn Năn, cũng được tác giả giải thích cuối chương đó, ông viết, "... mỗi người Việt Nam phải ăn năn và sám hối." (trang 584)

Và nội dung cả cuốn sách nói về tâm sự ăn năn sám hối tập thể này. Ăn năn sám hối vốn là một hành động tín ngưỡng, mà tín ngưỡng dựa trên xúc động tình tự nhiều hơn là lý trí, cho nên khi hiểu thiện chí của tác giả thì người đọc cũng mở tấm lòng mình, sẽ thông cảm dễ dàng hơn. Như Nguyễn Xuân Nghĩa đề nghị trong *Thế Kỷ 21* số trước, người đọc không cần phân tích những tiểu tiết để vạch ra những nhầm lẫn hay lời phát biểu mạnh bạo của Nguyễn Gia Kiểng. Tác giả muốn khích động những cuộc thảo luận, mà mục đích sau cùng là để chúng ta cùng ăn năn sám hối. Nếu người đọc chia sẻ tâm sự đó thì cuốn sách có tác dụng tốt, như ý nguyện của tác giả. Những người đã ghét Nguyễn Gia Kiểng hoặc đã dứt khoát không thể yêu con người tác giả được thì không nên đọc, tốn thời giờ mà lại tổn hại cả năng lượng thần kinh của chính mình nữa.

Những điều tác giả viết về người Việt Nam đều có thể đem ra "cãi lộn" cả. "Người Việt hiếu học nhưng hiếu học để lấy bằng cấp chứ không phải để lấy kiến thức. Người Việt thiếu tự hào dân tộc và lại đố kỵ, ghen ghét nhau. Người Việt tôn thờ bạo lực và ác độc đối với nhau. Người Việt không có óc phương pháp. Người Việt không biết truyền thông, không biết đọc, không biết viết, v.v..." (trang 109, nhà in in thừa một dấu chấm).

Những người có ý đọc chỉ để tìm xem tác giả sai lầm hay sơ suất chỗ nào để tranh luận thì họ sẽ thỏa mãn. Mỗi trang sách đều có thể cung cấp một vài câu đáng vạch ra để chỉ trích. Nhưng làm việc đó cũng chẳng ích lợi gì, vì chính Nguyễn Gia Kiểng không cố ý viết cái gì cũng "đúng" cả. Anh còn viết "... trong mười điều mới (mẻ) nói ra có tới chín điều sai và chỉ một điều đúng thì cũng còn có ích hơn là nói mười điều đúng cả mười nhưng đều là những điều (mọi người) đã biết (rồi)" (trang III). Chính câu này cũng là một điều mới.

Những chữ "đúng" và "sai" cũng không giản dị. Vì trong mỗi phạm vi nghiên cứu có những tiêu chuẩn khác nhau để nói lời phát biểu nào là đúng hay sai. Nói chuyện sử học tương đối dễ, chẳng hạn đi tìm sử liệu để phê phán vua Quang Trung. Nói chuyện văn chương khó hơn, thí dụ khi Nguyễn Gia Kiểng so sánh Truyện Kiều với các bài thơ đăng ở các báo ở Bolsa. Nói đến đặc tính của một dân tộc càng khó hơn nữa, tôi chắc chưa có nhà khoa học xã hội nào dự tính làm việc đó theo đúng phương pháp. Chắc chắn chúng ta không thể kết luận về các đặc tính của một dân tộc bằng cách chỉ quan sát những người chung quanh mình. Theo tôi hiểu thì Nguyễn Gia Kiểng nhắm vào mục tiêu "có ích" hơn là quan tâm đến tiêu chuẩn đúng hay sai. Cuốn sách có ích lợi chăng còn tùy thuộc chúng ta hiểu hai chữ "có ích" nghĩa là gì, có ích trong văn học, triết lý, hay trong chính trị, có ích cho mục tiêu nào, cho ai, v.v.. Tôi hiểu rằng tác giả sẽ thấy những điều mình viết là có ích nếu cuốn sách khiến người đọc chia sẻ nhu cầu "ăn năn, sám hối." Nếu như vậy thì tôi chắc anh thành công. Khi đọc cuốn sách, người đọc sẽ phải trăn trở, xao xuyến không nguôi. Nguyễn Gia Kiểng cũng viết rằng khi biết những điều mình viết ra sẽ bị "nhiều người cho là sai" nhưng vẫn viết, như vậy là "một thái độ khiêm tốn. Đó là cách khiêm tốn của tôi." Tất nhiên, người đọc phải tự hỏi hai chữ "khiêm tốn" có nghĩa là gì.

Nếu cứ đọc và đặt câu hỏi như vậy thì cuối cùng chúng ta sẽ không thể hiệp thông với Nguyễn Gia Kiểng được. Đầu sẽ rối mù lên và không hiểu tác giả định nói chuyện gì, cho ai nghe. Mà chính tác giả cũng vạch ra một nhược điểm của những người Việt Nam mà ông quen biết là cái tật không biết cách truyền thông cho người khác hiểu. Ngay cả Hồ Chí Minh là người sử dụng tiếng Việt tài tình bậc nhất trong thế hệ của ông, cũng được hiểu lầm nữa. Câu "sông có thể cạn, núi có thể mòn" là một thành ngữ thông dụng trong tiếng Việt. Nhưng Nguyễn Gia Kiểng lại hiểu rằng ông Hồ "Sẵn sàng chấp nhận chiến tranh đến sông cạn, núi mòn, không lý gì đến sự tàn phá ..." (trang 4). Từ nay chúng ta phải hết sức thận trọng khi định thề thốt với ai, "dù sông cạn, núi mòn, tình yêu của em đối với anh vẫn không thay đổi."

Tôi đọc Tổ Quốc Ăn Năn với tấm lòng quý mến Nguyễn Gia Kiểng, vì tôi đã gặp anh mấy lần, đã đọc báo Thông Luận mà anh là một người chủ trương. Biết một con người có thiện chí và trái tim nhiệt thành, ngay cả khi nghe những lời trái tai chúng ta cũng không vội phê phán ngay, mà tự hỏi động cơ nào đã khiến người đó viết như vậy. Khi hiểu rõ động cơ thì mình thông cảm dễ hơn. Lần đầu tôi gặp Nguyễn Gia Kiểng trước đây gần vài chục năm, anh ở Pháp qua, tôi từ Canada xuống California. Gặp ba người trong nhóm anh, Kiểng, Lê văn Đằng và Vũ Thiện Hân, ai cũng đầy thiện chí, hiểu biết, và quyết tâm dấn thân vì việc chung của đất nước. Các anh là những người dám nói, dám làm những việc có thể bị hiểu lầm, bị chống đối, bản thân bị bạo hành nhưng không nản chí. Các anh đã thành lập tổ chức "Tập hợp Dân chủ Đa nguyên" mà người ngoài quen gọi tên là Nhóm Thông Luận. Khi biết thiện chí của tác giả, chúng ta dễ đón nhận các dòng tâm sự của Nguyễn Gia Kiểng hơn.

Những người ở lớp tuổi từ 20 đến 40 nên đọc cuốn sách này, lớp tuổi đó còn ít thành kiến và còn giầu nhiệt huyết hơn lớp đàn anh. Nhiều bạn trẻ chắc có thể cũng bất bình khi đọc những lời phê phán "tổ quốc của mình" trong đó. Ngay cuốn sách cũng là một thí dụ để tìm ra những nhược điểm mà tác giả nói đến, nếu không phải là nhược điểm của cả một dân tộc thì cũng là của một người Việt Nam. Nhưng đừng quá chú trọng đến các nhược điểm. Nguyễn Gia Kiểng không phải là người bi quan. Phần đầu cuốn sách anh phê phán người Việt Nam "chúng ta thiếu một cách tuyệt vọng tự hào dân tộc" (trang 63), nhưng sau cùng cũng viết, "Hành trang quan trọng nhất của chúng ta vẫn là niềm tin và hãnh diện âm thầm nhưng mãnh liệt ở trong lòng" (trang 593).

Vậy tại sao một người tự mình ăn năn không đủ mà "bắt cả Tổ Quốc phải ăn năn"? Nguyễn Gia Kiểng đã giải thích lý do: "Tổ quốc ăn năn thì tổ quốc sẽ hồi sinh, sẽ đẹp và mạnh" (trang 585). Liệu sau khi quý vị đọc xong cuốn sách này thì "tổ quốc sẽ hồi sinh, sẽ đẹp và mạnh" hay không, chúng tôi không bảo đảm. Nhưng có lẽ nửa thế kỷ nay tôi mới nghe có người Việt Nam viết đến hai chữ Tổ Quốc, đến tình yêu nước, với tấm lòng thiết tha, chân thành như Nguyễn Gia Kiểng. Chỉ thái độ đó của một người Việt Nam cũng cho thấy Tổ Quốc Việt Nam của chúng ta vẫn sống, vẫn đẹp. Mặc dù Nàng (hay là Cụ, là Bà, là Hắn,

là gì đi nữa) đã bị lợi dụng khá nhiều lần, nhưng Nàng vẫn sống, sống lộng lẫy. Như vậy chẳng là một tin đáng mừng hay sao?

Nguyễn Gia Kiểng chủ ý reo tin mừng đó. Thái độ của anh có tính cách tín ngưỡng hơn là lý luận, mặc dù anh rất hay sử dụng luận lý. Trong một cuộc truyện trò riêng, Nguyễn Mạnh Hùng nói với tôi rằng Nguyễn Gia Kiểng không biết có làm chính trị giỏi không nhưng anh là một "nhà tư tưởng độc đáo" (Hùng dùng tiếng Anh: *an original thinker*). Tôi không rõ "nhà tư tưởng" cần những đặc tính nào, nhưng Nguyễn Gia Kiểng quả là một người thích suy nghĩ, đụng cái gì cũng suy nghĩ, suy nghĩ khác hẳn người đời. Những suy nghĩ của anh có theo phương pháp khoa học và nhất quán (*cohésion*, Kiểng gọi là tính gắn bó) hay không, điều đó nếu độc giả coi cuốn sách là một cuộc trắc nghiệm, sẽ nhận ra. Nếu độc giả cho rằng Nguyễn Gia Kiểng không qua được hai thử thách đó, thì chính tác giả cũng đã vạch ra như vậy, anh viết rằng người Việt Nam làm việc không có phương pháp và gắn bó (trang 81 đến 86). Cho nên tôi nghĩ Nguyễn Gia Kiểng chỉ muốn truyền đạt một niềm tin. Đó là niềm tin rằng nước Việt Nam có thể khá, người Việt Nam có thể khá. Cuốn sách chấm dứt với những ước nguyện, đọc như là Tứ Hằng Thệ Nguyện: "chúng ta (1) thực hiện di chúc dựng nước của người xưa với (2) tình yêu nồng nàn dành cho thế hệ mai sau. Chúng ta có đồng bào, tổ tiên và con cháu... chúng ta hãy nắm tay nhau (3) cùng phấn đấu và (4) cùng mơ ước một tương lai Việt Nam chung" (trang 593). Cuộc thảo luận mà Nguyễn Gia Kiểng gợi ra chắc chắn đóng góp vào việc thực hiện ý nguyện trên. Mong được như nguyện (Amen).●

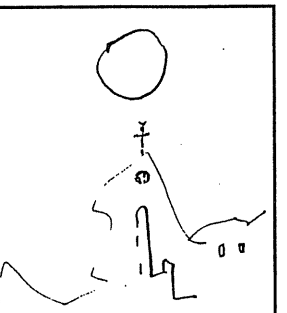

HỒNG KHẮC KIM MAI

PHÙ THẾ

Tôi đây tát gió bên đường
Hứng trăng vô giỏ lượm hồn vô bao
Em về ngâm rượu thành cao
Bôi lên chỗ nhức cho hao cơn buồn
Ban ngày tôi chậm vết thương
Đêm đêm trở giấc nghe xương gậm mình

Ai leo lên đỉnh phù vinh
Theo chân vượn hú như mình xa xưa
Giốc đời những tuyết cùng mưa
Trong thui thủi ấy nghe khua sóng ngầm
Con đò tách bỏ bến sông
Đưa trăm phù ảo xuôi con nước ròng

Tôi về gom hết đục trong
Mở rương tìm bóng mở hồn tìm tôi
Ôi chao ơi mất tiêu rồi
Mớ phù sa ấy lở bồi cách xa
Ai đi đo giải ngân hà
Thân như bướm trắng la đà trong đêm
Giấc nào nhỉ giấc cô miên
Tôi về thắp đuốc phù viên tặng đời

Lấy tình tôi
Cột gió đông
Lấy thơ tôi
Mua hương nồng
Dốc hết mùa thu vàng-như-khóc
Dốc hết phù vân đổi Ước Mong

8/25/00

VÀI NHẬN XÉT VỀ CUỐN "TỔ QUỐC ĂN NĂN" của NGUYỄN GIA KIỂNG

NHẬT TIẾN

Nguyễn Gia Kiểng là một nhân vật rất được biết đến trong cộng đồng VN hải ngoại từ gần ba thập niên trước , thông qua Nhóm Thông Luận rồi Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Tôi cũng biết ông, đã từng gặp ông, nhưng không thể gọi là quen ông. Bởi vì chưa một lần nào tôi có dịp được ngồi bên ông để trao đổi những suy tư về một số vấn đề. Tuy nhiên tôi thấy giữa ông và tôi có một điểm khác biệt rõ rệt. Trong khi tôi chỉ là một người viết, đôi khi cầm bút bầy tỏ công khai trên mặt báo về lập trường, quan điểm của tôi đối với một số vấn đề liên quan đến tình hình đất nước thì ông Nguyễn Gia Kiểng lại là một nhà hoạt động chính trị . Ròng rã bền bỉ từ nhiều thập niên, những hoạt động của ông cho tới bây giờ vẫn không ngưng nghỉ. Điều đó chứng tỏ ông muốn làm được một điều gì cho đất nước, trong đó có chủ trương hòa giải và hòa hợp dân một điều mà tôi hoàn toàn tán đồng . Trong quá trình hoạt động, ông cũng đã chịu nhiều hệ lụy, như đã thổ lộ trong tác phẩm : " Xét cho cùng không phải người ta phản đối những điều tôi viết ra, bởi vì họ bịa đặt ra những điều tôi không hề viết hay nói, cắt xén những câu viết hay câu nói làm thay đổi hẳn ý nghĩa rồi dựa vào đó mà lên án. Lý do thực sự là họ có nhu cầu cần phải thóa mạ và đả phá một ai đó "(Tổ Quốc Ăn Năn, trang 74). Tôi cho rằng chính những sự bức xúc này đã góp một phần quan trọng để khiến ông ngồi viết nên tác phẩm Tổ Quốc Ăn Năn khá đồ sộ này, và ông Nguyễn Xuân Nghĩa mới đây trong một bài điểm về cuốn này cũng có nhận xét tương tự : " Tôi nghĩ tới hình ảnh Nguyễn Gia Kiểng ngồi chẻ tượng thành củi dóm bếp và hình dung ra không phải cái cười hồn nhiên nhuốm vẻ tự đắc của anh , mà tới giọt nước mắt của người đã trăn trở từ lâu trong nỗi bất lực." (tạp chí *Thế Kỷ 21,* số 143, tháng 3 2001) .

Thú thật, khi thoạt nghe tựa đề của cuốn sách, tôi hơi ngạc nhiên. Tổ Quốc Ăn Năn !! Tại sao Tổ quốc lại ăn năn ? Tổ quốc là một biểu tượng cao quí, ngay cả khi có nơi sử dụng bốn chữ " Tổ quốc ghi ơn" thay vì phải là " Tổ quốc ghi công "ờ là đã khiến cho nhiều người thấy khó chịu , huống hồ lại bắt Tổ Quốc phải ăn năn. Nếu quả thật có sự sai lầm ghê gớm nào đó thì dân tộc của cái tổ quốc đó phải ăn năn mới gọi là chỉnh chứ , còn làm sao mà tổ quốc lại có thể và lại phải ăn năn được. Dĩ nhiên là ở đây, tác giả muốn xài một nghĩa bóng, muốn tạo một tác dụng cảm tính sâu xa trong tâm trí người đọc, và muốn kêu lên một cách thảm thiết rằng cả nước Việt Nam đã từng lầm lạc, không phải chỉ trong nhất thời mà ngay trong cả quá khứ xa xôi của lịch sử , để cho đến nay mọi con người Việt Nam phải biết ăn năn, phải biết xóa bỏ mọi tàn tích cũ để tìm ra sinh lộ cho chính mình. Tôi sẽ chẳng nêu lên nhận xét về cung cách sử dụng từ ngữ tối nghĩa và không chỉnh này nếu tác giả không viết chương" Tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi" trong đó có câu "Phải nhìn nhận một sự thực đau lòng: Chúng ta là một dân tộc không biết đọc, không biết viết và không biết nói." (Tổ Quốc Ăn Năn, trang 107).

Để minh chứng cho kết luận chắc nịch này, tác giả đã đưa ra nhiều chứng cớ, như Cựu Tổng Thốãng Thiệu khi viết bản cương lĩnh cho "Phong Trào Yểm Trợ Tự Do Dân Chủ và Tái Thiết Việt Nam " đã để lại gần 100 lỗi chính tả và văn phạm, như các sinh viên của tác giả , khoa kinh tế , thuộc một trường đại học ở Sài Gòn năm 1974 , đã khiến tác giả phải nêu nhận xét : " Các sinh viên ở năm cuối cùng, sắp tốt nghiệp, hoàn toàn không biết viết tiếng Việt. Họ viết những câu rất dài, và luộm thuộm , sai văn phạm, sai chính tả , sai cả nghĩa của từ ngữ", hay như " Một biểu ngữ lớn trong cuộc mít tinh lớn : Cương quyết xiết chặc hàng ngũ..."..... vân.. vân....

Tất cả những bằng cớ nêu ra của tác giả đều đúng cả, ông không nói quá, ta có thể tìm thấy những sơ sót như thế đầy rẫy trên báo chí Việt ngữ ở đây, chẳng cứ trong cả một bài viết dài ma ợcó khi ngay cả trong những tít lớn chạy ngang cột báo, hoặc cụ thể hơn, ngay

trong cuốn Tổ Quốc Ăn Năn này tôi cũng có thể tìm thấy vô số những chỗ văn không chỉnh, nhiều điệp ngữ , thậm chí có lắm câu tối nghĩa ! Nhưng nếu chỉ có thế mà ông khẳng định : "Chúng ta là một dân tộc không biết đọc, không biết viết và không biết nói ." thì tôi e rằng ông Nguyễn Gia Kiểng đã chỉ nhìn thấy vài mụn ghẻ trên làn da mà đã la lên là có bệnh hủi và tôi cũng rất lấy làm tiếc rằng ông đã phủi đi biết bao nhiêu công trình văn hóa tráng lệ của tiền nhân đã để lại cho con cháu. Khỏi cần nhắc lại những áng văn thơ của Nguyễn Trãi, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương Huyện Thanh Quan, Đoàn thị Điểm hay cả một gia tài ca dao phong phú, chỉ xin vắn tắt : Nếu không biết đọc thì chúng ta đã không thể nhận biết được thiên tài Nguyễn Du qua truyện Kiều, không biết viết thì xin hỏi cuốn Tổ Quốc Ăn Năn , tác giả đã đựng cái gì trong đó ? Và không biết nói thì làm sao giải thích được sự giầu có, phong phú và tinh vi của ngôn ngữ Việt có thể tìm thấy đầy rẫy trong các câu ca dao, một hình thức văn chương truyền khẩu qua bao nhiêu thế hệ ?

Nhiều lãnh vực được đề cập đến trong tác phẩm Tổ Quốc Ăn Năn đều đã bị Nguyễn Gia Kiểng dẫn đến cùng chung một số phận, mà ông Nguyễn Xuân Nghĩa (trong bài báo đã dẫn ở trên) đã tóm tắt bằng những hình tượng ngắn gọn : chẻ tượng thành củi dóm bếp, đem những hình tượng đẹp nhất của ta vứt xuống đất. Công bằng mà nói, có thể khi làm những công việc này, ông Nguyễn Gia Kiểng thực lòng mong muốn đất nước, con người, tổ quốc Việt Nam phải được tốt đẹp hơn sau biết bao nhiêu là đổ vỡ, nhiễu nhương, nhưng đáng tiếc là ông đã thể hiện lòng mong muốn này bằng giải pháp xóa đi tất cả những truyền thống cũ để toan tính làm lại từ đầu. Đành rằng dân tộc VN phải tỉnh thức và soi rọi lại mình trước khi bước vào một vận hội phục hưng , nhưng sự thức tỉnh nếu có, thì có sẽ khởi đi từ những ý tưởng mà ông đã nêu ra trong cuốn sách này không? sự đạp đổ mọi truyền thống như ông mong mỏi sẽ chỉ làm cho khuôn mặt tổ quốc trở thành thảm hạyi hơn ? Đọc tác phẩm này của ông , tôi không khỏi không nghĩ đến cuộc Cách Mạng Văn hóa đỏ ở Trung Quốc trước đây , tuy nhiên tôi không dám có ý nghĩ rằng ông đã coi Giang Thanh như là một thần tượng.

- Về mặt Lịch Sử : ông cho rằng " Muốn có ích, nghĩa là muốn làm một nguồn kinh nghiệm cho phép rút ra những bài học chung cho dân tộc, lịch sử phải chính xác và đầy đủ ", nhưng theo ông thì " Lịch sử , kể cả lịch sử cận đại của ta không những thiếu xót mà còn bị xuyên tạc. Đã thế , vô số lý luận hồ đồ lại còn được tung ra với mục đích giải thích lịch sử theo chiều hướng có lợi cho một phe phái. Người Việt Nam , kể cả trí thức , vốn đã thiếu óc phê bình, lại còn bị khủng bố bởi cả một phong trào khai thác lịch sử. (Tổ Quốc Ăn Năn trang 118) .

- Về mặt Văn Hóa : Ông cho rằng văn hóa truyền thống của ta là văn hóa Nho Giáo, theo thói quen thường gọi là Khổng Giáo. Khổng Giáo đã tạo ra nếp sống trong nhân gian. Ông liệt kê và dẫn giải, tôi chỉ xin tóm tắt : đó là "óc thủ cựu, óc bất dung, độc quyền lẽ phải , sự sùng bái người xưa một cách bệnh hoạn, và logic bạo lực" bởi vì "nền tảng của xã hội Khổng Giáo là bạo lực." (trang 301)

Sản phẩm của xã hội Khổng Giáo là kẻ sĩ . Và kẻ sĩ Việt Nam dưới cái nhìn của Nguyễn Gia Kiểng thì như sau :

"Mối liên hệ vua tôi, cốt cán của tư tưởng chính trị Khổng Giáo đưa tới hai hậu quả. Một là, kẻ sĩ, tinh hoa của xã hội, mất hết nhân cách, xã hội vì thế lẫn quẩn trong sự thui chột và hèn kém. Hai là, các cuộc khủng hoảng xã hội rất khó có lối thoát. Kẻ sĩ chân chính không phải là người khởi nghiệp. Triết lý của họ là lúc khó khăn thì lánh mặt. (trang 321).

Đấy là chuyện quá khứ, nhưng ngay cả bây giờ, Nguyễn Gia Kiểng cũng vẫn nhìn trí thức Việt Nam là hậu thân của kẻ sĩ ngày xưa .

"Trí thức Việt Nam ngày nay là hậu thân của giai cấp sĩ phu ngày trước. Mối liên hệ phụ-tử vẫn còn rất thắm thiết. Kẻ sĩ vẫn còn là mẫu mực của rất nhiều trí thức Việt Nam. Ngày nay người ta vẫn còn tự hào là có tư cách của kẻ sĩ, người ta vẫn còn khen nhau là có thái độ của kẻ sĩ. Nhưng kẻ sĩ là gì nếu không phải là một mẫu người tồi hèn,vong thân? Chúng ta vẫn còn là kẻ sĩ, và vì thế vẫn còn mang cái tật nguyền này của kẻ sĩ. Vấn đề là như thế. Người ta có thể hấp thụ mau chóng những kiến thức và những kỹ thuật mới, nhưng từ bỏ một tập quán và một tâm tính đã được nhào nặn qua nhiều thế hệ, đã ăn rễ vào con người và đã biến thành một bản năng, là một điều khó gấp nhiều lần. (trang 313).

Trong cả hai lãnh vực Lịch sử và Văn hóa kể trên , vì lý do giới hạn của bài viết và vì có những vấn đề quá rộng lớn đã được đề cập đến trong tác phẩm , nên tôi chỉ xin nêu lên một đôi điều nhận xét : Về Lịch sử : Tôi hoàn toàn không chia xẻ chủ trương xé nát những thần tượng , không của riêng tôi mà của tất cả những ai còn tự coi mình là người Việt Nam. Xin chỉ lấy một Quang Trung Nguyễn Huệ làm cơ sở bàn luận. Chẳng hạn ông viết :

"Nguyễn Huệ là một con người hung bạo đánh tất cả mọi người, đó là một sự thực. Nguyễn Huệ liên kết với hai tướng cướp Tập Đình và Lý Tài đánh chúa Nguyễn rồi lại đánh Tập Đình và Lý Tài.; liên kết với chúa Trịnh rồi đánh chúa Trịnh, dùng Nguyễn Hữu Chỉnh rồi bỏ Chỉnh cho dân Bắc Hà giết. Nguyễn Hữu Chỉnh không chết mà lại phát lên được thì sai Vũ Văn Nhậm đem quân đánh giết Nguyễn Hữu Chỉnh , tiện thể lấy luôn Bắc Hà. Rồi lại giết Vũ Văn Nhậm. Đến cả Nguyễn Nhạc đối với Huệ vừa có nghĩa vua tôi vừa có nghĩa anh em, Huệ cũng đánh." (trang 161) . Chẳng hạn ông viết : "ÔÔng Trần Trọng Kim cũng dựng đứng ra con số hai chục vạn quân Thanh , không có trong một sử liệu nào, để thổi phồng tầm vóc của trận Đống Đa và ca tụng Nguyễn Huệ "đại phá quân Thanh". (Trong hịch của Tôn Sĩ Nghị có nói tới năm chục vạn, nhưng đó, theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, chỉ là tờ truyền đơn mà mục đích là hù dọa làm mất tinh thần quân Tây Sơn . Chính Nguyễn Huệ cũng biết đây chỉ là chuyện hù dọa. Ở một điểm Trần Trọng Kim giấu cả sự kiện. Toàn bộ việc thuật lại trận Đống Đa của ông dựa theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Nhưng trong khi Hoàng Lê Nhất Thống Chí chép rằng quân Nguyễn Huệ đi sau các bức mộc bia, cứ ba mươi người đàng sau một bức , tất cả là hai mươi bức, thì Trần Trọng Kim bỏ đi câu "tất cả 1à hai mươi bức" , vì như thế chứng tỏ quân Tây Sơn chỉ có sáu trăm người, mâu thuẫn với tầm vóc "hai chục vạn quân Thanh ' mà ông gán cho trận Đống Đa" (trang 168.) Bới ra những chi tiết ở trên, tác giả Nguyễn Gia Kiểng hẳn muốn trả lại lịch sử những chi tiết trung thực của nó. Nhưng xin hỏi có sự thực nào trong sách vở được coi là tuyệt đối ? Những lời đồn đại hoặc ngay cả những tài liệu được viết trên giấy trắng mực đen về vua Quang Trung sau khi nhà Nguyễn đã lên ngôi , dễ gì còn giữ được tính trung thực trong bầu không khí khét lẹt về những hành động khủng bố , trả thù của Gia Long (như đào mả Quang Trung, lấy xương đầu làm bô đựng nước tiểu ..v.v.). Ông Nguyễn Gia Kiểng đã nhìn thấy trí thức Việt nam đã từng bị khủng bố bởi cả một phong trào khai thác lịch sử như đã trích dẫn ở trên, vậy mà ông vẫn dùng chỉ một vài chi tiết sử liệu để làm hoen ố cả một sự nghiệp của một anh hùng dân tộc, một việc như thế có gọi là chính đáng không và sẽ có ích lợi gì ? Dân tộc nào cũng đều đã có những trang sử oai hùng để tạo dựng niềm tin và để cho các thế hệ nối tiếp noi theo. Vận nước có lúc thăng lúc trầm, nhưng có một dân tộc nào đã dại dột đem danh nhân lịch sử của mình ra lật nhào chỉ vì nhu cầu phát triển ? Trải qua bao thế hệ, người Việt Nam đã nhìn Quang Trung Nguyễn Huệ như một biểu tượng của tinh thần bất khuất của dân tộc với chiến công lừng lẫy đại phá quân xâm lược đến từ phương Bắc. Đấy là một sự thực hiển nhiên, rốt ráo, bất khả phản hồi. Là lớp hậu sinh, không ai được quyền đem những mũi dao tiểu tiết của đời thường ra rạch ròi để làm hoen ố tổng thể của cả một bức tranh hùng tráng vốn đã được cả nước tôn sùng qua bao thế hệ.

Về Văn Hóa : tôi cũng hoàn toàn không đồng ý với những nhận định của tác giả xoay quanh đề tài kẻ sĩ. Tôi cho rằng Nguyễn Gia Kiểng đã đánh lộn sòng giữa nhà nho chân chính với lũ hủ nho, và có sự sai lầm về từ ngữ giữa sĩ phu với kẻ sĩ. Trải cả ngàn năm lịch sử, chính nho phong đã là nguyên nhân gìn giữ giềng mối gia đình và xã hội, đã khiến cho dân tộc Việt Nam trường tồn không bị Trung Quốc đồng hóa và đã tạo nên biết bao nhiêu nhân vật lẫy lừng cả về mặt lịch sử cũng như văn hóa. Mặt khác,sĩ phu là toàn thể những con người được đào luyện trong môi trường giáo dục của Khổng giáo. Họ là những kẻ đã từng tham gia guồng máy nhà nước. Có người giữ được tiết tháo, nhưng cũng có lắm kẻ vong thân. Một ông quan thanh liêm, nhiều khi do hoàn cảnh nhiễu nhương đã rũ áo từ quan về qui ẩn , đó là một sĩ phu giữ được tiết tháo. Một kẻ bá nướcÔc cầu vinh như Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu là điển hình cho một thứ sĩ phu đã bị vong thân. Không bao giờ người ta coi Hoàng Trọng Phu là một kẻ sĩ . Kẻ sĩ là từ ngữ chỉ dành cho những trí thức chân chính của mọi thời đại, họ là "khuôn mẫu" " của những trí thức ưu thời mẫn thế,có lòng với đất nước. Trong thời phong kiến, kẻ sĩ có thể ở ẩn,có thể tham chính,có thể lui, có thể tới ợ tùy thời thế,nhưng lúc nào cái tâm của họ cũng vằng vặc sáng như Sao Khuê. Đừng nhìn vào cái đám tự nhận mình là trí thức nhưng thực chất chỉ là những thứ tiểu nhân a dua mà thời nào cũng có để kết án "kẻ sĩ". Ngoài ra , kẻ sĩ còn có phẩm chất của một con người biết dõng đạc nói lên nguyện vọng chân chính của đa số quần chúng. Tiếng nói của Chu văn An trong vụ dâng thất trảm sớ là tiếng nói của kẻ sĩ. Trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm ở miền Bắc (1956), tiếng nói bất khuất của nhà văn Phan Khôi cũng là tiếng nói của kẻ sĩ. Và gần đây nhất, những nhân vật hiện còn sinh sống ở trong nước mà vẫn dám nói lên tiếng nói khát vọng tự do dân chủ của mình như Hà Sĩ Phu, như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Bùi Minh Quốc , Tiêu Dao Bảo Cự .v.v cũng đều là tiếng nói của những kẻ sĩ thời đại.

Tôi không hề nhìn thấy ở họ đâu là tính chất của những kẻ tôi tớ, tôi hèn, vắng mặt trong xã hội vốn là những điều mà tác giả đã lên án, mặc dù ở thời nào mà chẳng có kẻ mang đầy đủ những tính chất đó vì chỉ biết cam tâm quì gối , cong lưng trước quyền lực để cầu an, cầu danh hay cầu lợi. Về mặt nhân văn, tác giả lên án kịch liệt những giá trị khuôn mẫu của con người trong Khổng Giáo. Ông cho rằng : " hệ thống giá trị áp đặt cho phụ nữ rất mọi rợ và vô nhân đạo.Nó hạ giá người phụ nữ xuống hàng một nô lệ và một vật dụng. Trí tuệ và nhân cách của người đàn bà không được kể đến" (trang 295). Tôi không phủ nhận tính cách thua thiệt , thậm chí nhiều khi còn là sự bị bóc lột đến tận xương tủy của người phụ nữ trong xã hội ngày xưa.Nhưng đó không phải chủ trương của Khổng giáo. Không phải vì một sự tình cờ mà người vợ trong gia đình được xưng danh là Nội Tướng. Đó là một sự phân công xã hội căn cứ vào thể chất và tâm lý của phái tính. Vợ lo việc nhà, chồng lo việc nước, mà cũng có khi " giặc đến nhà , đàn bà phải đánh", nếu không, ta đã chẳng có những trang sử oai hùng của Bà Trưng, Bà Triệu. Từ ngày có hoàn cảnh được sinh sống ở nước ngoài , khi quan sát sinh hoạt của xã hội Âu Mỹ, tôi lại càng nhìn thấy cái giá trị tuyệt vời của người phụ nữ Á Đông hay gần gũi hơn , của người phụ nữ Việt Nam vốn đã được định hình trong khuôn khổ của Khổng Giáo. Công , Dung , Ngôn , Hạnh chỉ là những tiêu chuẩn xã hội để mọi người noi theo chứ không phải là những luật lệ ép buộc. Có đầy đủ thì càng quý, thiếu sót một hai

điều, không vì thế mà bị bắt tội. Cái khiếm khuyết to lớn nhất của Khổng Giáo đối với người phụ nữ là chủ trương trọng Nam , khinh Nữ, nhưng điều này đã thuộc về quá khứ. Cuộc Cách mạng tháng 8-1945 đã đặt người phụ nữ vào cán cân " Nam Nữ Bình Quyền". Nhiều tính chất yếu kém trong khuôn khổ Khổng Giáo đã bị quét bỏ, thí dụ như trong hôn nhân, không còn cảnh " Cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy". Qui luật Tam Tòng (tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử) cũng đã được diễn dịch một cách khoáng đạt hơn. Chủ yếu là dựa trên lòng hy sinh và cơ sở tự nguyện. Cha mình, chồng mình, con cái của mình , toàn là những người thân yêu ruột thịt, nếu có phải hy sinh để mà tòng thì cũng có gì là sai trái, là trở thành ngục tù hay nô lệ? Người phụ nữ nào trong ngày nay, nếu có thiếu sót trong những bổn phận đó thì cũng không bị dư luận kết án nặng nề. Không ai có thể thấu hiểu hoàn cảnh riêng tư của mỗi người bằng chính người trong cuộc. Xã hội bây giờ đã biết cảm thông chứ không còn chỉ biết có lên án. Người phụ nữ Việt Nam trên lý thuyết đã được giải phóng, tuy nhiên trong ngàn vạn trường hợp, họ đã hy sinh quyền lợi riêng tư để lựa chọn chỗ đứng về phía những người thân ruột thịt của mình. Vào những năm cuối thập niên 70 hay suốt thập niên 80, đã có biết bao nhiêu phụ nữ chịu đựng gian nan, khổ ải để lặn lội vào tận rừng sâu, núi thẳm hòng thăm nuôi bằng được chồng con đang bị tù đầy trong các trại cải tạo. Chắc là trong những năm gian khổ đó, tác giả cũng đã có nhiều người thân thăm viếng và hẳn ông cũng đã từng thấy lòng rưng rưng , xúc động khi thấy những người phụ nữ thân yêu ruột thịt của mình đã tới, đã hỏi han, đã an ủi, đã gom góp thuốc men, quà bánh , tất cả đã chứng tỏ họ không bao giờ bỏ quên chồng , con trong vòng ngục tù đen tối. Chẳng ai bắt buộc họ làm, mà chỉ bởi họ là những phụ nữ Việt Nam vốn được nuôi dưỡng trong cái nôi truyền thống Việt Nam nên đã có đầy đủ đức hy sinh và lòng tự nguyện . Như thế, người phụ nữ VN trong những năm trời đen tối ấy đã rõ ràng thể hiện câu tam tòng trên một bình diện cực kỳsáng chói. Và nếu cần phải xét lại cái quan niệm này để giải phóng phụ nữ một cách tích cực hơn thì theo tôi nghĩ, chính các đối tượng Phụ, Phu, Tử mới là những thành phần cần phải soi gương lại chính mình. Là Cha mà chỉ coi con cái như một lũ nằm trong quyền sinh sát của mình, là Chồng mà chỉ coi vợ như một tên tôi tớ, hay là con mà chỉ khai thác sức lao động của mẹ để hưởng thụ cho riêng mình thì muôn đời phụ nữ vẫn bị giam hãm trong địa ngục, chẳng cứ là trong khuôn khổ tứ đức, tam tòng như tác giả đã nêu ra. Vì khuôn khổ của bài viết có hạn, tôi không thể nêu ra được thêm nhiều ý kiến riêng tư hơn nữa. Nhưng nhìn chung, tác phẩm Tổ Quốc Ăắn Năn đã đưa ra nhiều cách nhìn táo bạo và đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ . Có những phát hiện của ông, có thể mang tác dụng uốn nắn được cách nhìn, cách suy nghĩ, cách hành xử của một số người . Nhưng cũng không thiếu những điều sẽ làm cho người đọc phẫn nộ. Bởi vì ông đã đi quá đà khi đưa ra nhiều kết luận liều lĩnh dựa trên những tiền đề chưa đủ tầm vóc để có sự thuyết phục. Phải chi ông tự chế được nhiều hơn thì tiếng nói của ông sẽ được nhiều người lắng nghe hơn, và theo tôi hiểu, chính ông cũng rất mong mỏi được như thế, hơn là chỉ biết nói lên bất cứ cái gì để giải tỏa những nỗi bất lực chất chứa trong con người của mình.

Trừ phi ông còn có một dụng ý khác !

California ngày 8-3-2001

NGUYỄN GIA KIỂNG: TỔ QUỐC ĂN NĂN

KHÔNG KHÔNG

Tổ Quốc Ăn Năn (TQAN) của tác giả Nguyễn Gia Kiểng (NGK) là một quyển sách loại chính luận dày hơn 600 trang, in tại Paris, Pháp. Sách được chia ra làm năm phần. Ba phần đầu với gần 400 trang bao gồm các chương thảo luận về các đề tài thuộc lĩnh vực địa lý, lịch sử, và văn hóa Việt Nam. Trong các phần này, điểm nổi bật là tác giả đã đặt lại rất nhiều vấn đề để độc giả suy nghĩ và có thể đi đến các tranh luận thú vị. Vài vấn đế nổi bật như Nguyễn Huệ không phải là một anh hùng dân tộc (TQAN, 153-173), "chúng ta [Việt Nam] đã có một văn hóa tồi tệ" (TQAN, 268), nhà thơ Nguyễn Du "không có cảm hứng và tư tưởng của chính mình mà chỉ hòa nhịp theo cảm hứng của một tác giả tầm thường của Trung Quốc" (TQAN, 259), vua Lê Chiêu Thống là một người yêu quê hương (TQAN, 176). Ngoài ra, để chuẩn bị thêm cho các đề nghị về tương lai của Việt Nam trong hai phần sau, các giá trị và quan niệm về trung, hiếu, lễ, nhân, sĩ, quốc gia, v.v., của Khổng Giáo cũng được tác giả đánh giá lại. Ví dụ, theo tác giả, Khổng Giáo có một hệ thống giá trị "áp đặt cho phụ nữ rất mọi rợ và vô nhân đạo" (TQAN, 295), hoặc "Về lễ phép, phải nói rằng người Á Đông rất vô lễ, nhất là những dân tộc chịu ảnh hưởng Khổng Giáo" (TQAN, 299).

Tiếp theo ba phần đầu, hai phần sau là phần đề nghị một số kiến thức và nhận thức mà tác giả cho rằng căn bản, để độc giả nghĩ lại và làm lại Việt Nam. Ông đã nêu ra 10 định luật cho một xã hội phát triển (TQAN, 449); đồng thời tác giả cũng tốn khá nhiều bút mực để bàn về dân chủ và dân chủ đa nguyên, và xem đây như là vấn đề cốt lõi mà người Việt cần thực hiện để canh tân đất nước. Tác giả phủ nhận cái gọi là "giá trị châu Á," một giá trị vốn được hô hào cổ vũ bởi một số quốc gia Á châu mà hai nước tiên phong là Singapore và Malaysia. Ông đưa ra những bàn luận về tản quyền, xem đó như một phúc lợi và một thành tố cho dân chủ đa nguyên (TQAN, 525-528).

Qua tác phẩm TQAN, NGK đã cho độc giả thấy một nhân sinh quan và thế giới quan mới của ông về địa lý, lịch sử, văn hóa, kinh tế, chính trị Việt Nam, v.v.. Ông đã mạnh dạn đặt lại nhiều vấn đề để độc giả suy nghĩ và có thể gây tranh luận. NGK cũng đã tương đối lý tưởng khi bàn về dân chủ đa nguyên và những gì người Việt nên làm trong tình thương nhân loại và hòa bình. Thật ra, chính người Âu Mỹ vẫn chưa hình thành được một xã hội mang tính dân chủ đa nguyên; xã hội đó vẫn còn là một xã hội lý tưởng mà một số quốc gia đang tìm cách tiến tới. Như vậy, có cần thiết phải đi theo các dấu chân phương Tây để đạt đến dân chủ đa nguyên hay chăng? Hay là đã có các phương thức khác hợp thời hơn và hay hơn? Hơn nữa, tại sao chúng ta không tìm và xây dựng một mô thức chính trị văn hóa riêng cho Việt Nam để hợp lẽ hơn với những hiện trạng tâm lý của người Việt, với triết lý của Lão và Phật Giáo vốn tiềm ẩn sẵn trong nếp sống hàng ngày của chúng ta, cái triết lý mà chúng ta khó chối từ và có thể không muốn chối từ? Tại sao chúng ta phải chạy theo những mô thức có sẵn như chạy theo các kiểu áo quần may sẵn ngoài siêu thị hoặc các thức ăn nấu sẵn trong các tiệm "food to-go"? Đồng ý rằng phương Đông cần bỏ đi những lớp áo cũ, nhưng khoác vào lớp áo mới nào thì là điều nên xét lại. Ngoài ra, các đề nghị để canh tân văn hóa và tâm lý xã hội Việt Nam theo kiểu Tây chỉ là những gì lập lại từ nhiều cuộc tranh luận kéo dài của các học giả phương Tây, không có gì mới lạ hơn. Nhưng điều quan trọng là NGK, ở độ tuổi của ông, đã mạnh dạn nêu ra những khuyết điểm trong văn hóa Việt,

một điều mà nếu những người trẻ hơn dám phát biểu thì sẽ bị cho là bất kính và mất gốc. Ngoài ra, trong phần đầu quyển sách, NGK cũng đã có thái độ bi quan thái quá về địa lý và con người Việt Nam (TQAN, điển hình ở 3-6); nhưng trong phần cuối cùng, ông lại quá lạc quan về điều này (TQAN, 590-593). Điều đó cũng cho thấy tính cực đoan và sự mâu thuẫn trong những nhận định của ông.

Nhìn chung, văn nghị luận của NGK khá sắc bén và súc tích. Cách dùng từ ngữ của ông rất chọn lọc và trong sáng. Ông đã chứng tỏ cho người đọc một khả năng viết tiếng Việt thật mẫu mực của mình. Tuy nhiên, một thiếu sót lớn của TQAN là ở chỗ tác giả đã đưa ra rất nhiều luận cứ và chứng minh nhưng lại thiếu trích dẫn xuất xứ. Tác giả không nên tự cho phép bỏ qua phần này với lý do thiếu thì giờ, tài liệu bị mất mát và tiêu hủy qua các biến cố, hoặc vì sách chỉ đưa ra ý kiến cá nhân (TQAN, XI), hay "số liệu được đưa ra thường là những con số có ý nghĩa quan trọng đặc biệt vì thế độc giả có thể tin là chúng đã được kiểm chứng một cách thận trọng" (TQAN, trang XII). Việc thiếu trích dẫn xuất xứ và tài liệu của TQAN là việc làm không những đi trái với câu nói của người xưa, "Nói có sách, mách có chứng," mà còn không theo kịp phương pháp viết sách rất khoa học của người phương Tây; bởi vì hầu hết sách phương Tây đều chú thích rất minh bạch. Có lẽ NGK cũng nên kêu gọi người Việt chúng ta học hỏi phương pháp viết văn khoa học của người phương Tây. Mặt khác, vì TQAN đã đưa ra nhiều sử liệu (nhưng rất tiếc lại không có trích dẫn), sách nên có sự đánh giá khách quan của các sử gia, bên cạnh các đánh giá của các nhà hoạt động chính trị hay văn học nghệ thuật được thấy in ở phần sau chót của sách.

Tóm lại, TQAN là một quyển sách chính luận đáng được đọc, suy gẫm, cũng như tranh luận để tìm lại những sự thật của một Việt Nam trong quá khứ và tìm đến một con đường đi đúng đắn cho Việt Nam trong tương lai.●

LÝ THỪA NGHIỆP

THIÊN TAI

Rồi thì cũng chẳng còn ai
Mghe trong lòng đất thiên tai dội về
Ngày lên bưng mặt ê chề
Bao nhiêu thi thể tên đề vô danh
Biển chiều thổi ngọn gió tanh
Núi trơ xương đá lệ xanh đầm đìa.

ĐỢI TIẾNG CHUÔNG VANG

Tấm thân bỗng chốc hao mòn
Mưa bay trước mặt hạt tròn hạt nghiêng
Ai xây mấy kệ Thánh hiền
Tôi còn một gánh lụy phiền chưa tan
Đêm về đợi tiếng chuông vang
Chắp tay thắp ngọn lửa vàng phương Nam.

ĐỌC "TỔ QUỐC ĂN NĂN" CỦA NGUYỄN GIA KIỂNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Suốt cuốn sách, độc giả không phải đọc lại những gì mà những quyển sách địa lý, lịch sử và văn hóa Việt Nam đã nói đến, hoặc những điều vẫn được mặc nhiên coi là thuộc tính Việt Nam, vẫn được thừa nhận bởi đông đảo người Việt Nam từ đời này qua đời khác. Những gì viết trong sách rất mới, có thể nói là ngược lại những gì ta thường đọc và nghe.

Do khuynh hướng tự nhiên, dân tộc nào cũng nói tốt về mình, từ nguồn gốc, tính tình, đến tài nguyên, cảnh trí... Nhất là dân tộc Việt Nam trong thế kỷ qua, vì nhu cầu xây dựng lại niềm tự hào để quật khởi giải phóng chính mình khỏi ách nô lệ ngoại bang, sự tự ca tụng lại nhiều điều, lắm vẻ, riết rồi qua nhiều thế hệ người ta dần dần tin vào một số cái tốt đẹp mà chính mình không hề có. Nhưng khi sống với các ảo tưởng như thế, người Việt Nam vẫn liên tiếp bị các tai họa lớn lao đổ xuống đầu mình mà hầu như chẳng bao giờ chịu tìm hiểu các nguyên do chủ quan, tức là những yếu kém của mình, đã khiến các tai họa không buông tha. Các điều tốt đẹp ảo do một sự tự kỷ ám thị tích tụ nhiều đời đã điều kiện hóa trí óc và tâm hồn chúng ta, khiến chúng ta chỉ biết làm động tác gạt đỡ, cam chịu và trốn chạy, hơn là đương đầu nghịch cảnh với một tấm lòng đầy hùng khí và một cái đầu tỉnh táo.

Nguyễn Gia Kiểng đã làm một cuộc duyệt xét lại hết, để nhìn ra những yếu kém, tật nguyền đã thành nếp trong con người Việt Nam. Đó là công việc lội ngược dòng cực kỳ khó khăn. Ngược dòng với chính mình, rồi ngược dòng với truyền thống vốn là một cái gì kiên cố không những hóa thạch nơi ý thức mà cả nơi vô thức của mỗi người. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật đó là một cuộc phá chấp, phá vỡ vô minh (tức là ngu dốt, hoặc tin mù quáng, không cần đến ánh sáng của trí tuệ). Vì vậy công việc của tác giả rất lớn lao, vừa phải có khả năng nội quan mãnh liệt để nhìn lại từ đáy sâu hồn mình cũng như dân tộc mình, vừa phải học hỏi một cách rất là bách khoa để chứng minh cho những luận cứ có thể là hoàn toàn mới của mình, về đất nước, lịch sử, ngôn ngữ, tâm lý... Việt Nam. Tác giả không muốn nói mọi điều dễ dãi theo cảm tính để tự kỷ ám thị, đại loại như *đất nước ta giàu đẹp, dân tộc ta anh hùng.* Ông muốn lời nói của mình phải thuyết phục, và một khi đã tìm ra đủ bằng chứng và luận cứ, ông không ngần ngại nói ra những điều "động trời" đối với não trạng sẵn có của người Việt Nam. Chẳng hạn ông khẳng định trong một mệnh đề ngắn gọn: *người Việt Nam không yêu nước,* hoặc *chúng ta là một dân tộc không biết đọc, không biết viết, và không biết nói.* Những khẳng định như thế rất nhiều, về mọi lãnh vực, đều có đặc điểm chung là tiêu cực, đi ngược lại với những gì đầy tự tín mà người Việt vẫn tin vẫn nói về mình.

Nhưng những trang sách để *chứng minh* những điều "ngược ngạo" đó mới là đáng kể, tất cả tài năng và tâm huyết của tác giả bộc lộ ở đây. Đó là công việc của một người đã thấy kết quả rất xấu và lần mò đi tìm hiểu tại sao như thế, và mỗi khi khám phá thấy được một nguyên nhân thì không kềm giữ được mà la lớn lên. Dĩ nhiên nhân nào thì quả đó (hay ngược lại), cho nên những khám phá của tác giả sẽ đụng chạm đến niềm kiêu hãnh đã được đào tạo của chúng ta nhiều lắm. Có điều lạ là dù có bị đau, nhiều khi đau lắm, chúng ta vẫn không dừng được mà vẫn say sưa, *thích thú nữa,* theo dõi từng bước đường tìm tòi chẩn đoán của tác giả. Trước tiên là nhờ vào lối trưng tài liệu độc đáo và luận giải rất thông minh và có văn tài, nhưng lý do thâm sâu hơn, đó là tự nơi thâm tâm, mỗi chúng ta đều ngầm thấy khoan khoái thỏa mãn, thấy một sự "đã

đời" khi chạm đến các phanh phui ấy, chẳng khác nào như đang được bàn tay thầy thuốc nặn mủ cho một mụt nhọt bị nung đã lâu ngày. Khi bị liên tiếp các tai ương giáng xuống đầu trong suốt hơn một thế kỷ qua, người Việt Nam không mấy khi nhìn lại xem mình có cái gì không ổn hay không, mà chỉ hay phân tích tình thế bên ngoài. Ngay cả các cụ hồi đầu thế kỷ khi hô hào duy tân, theo thực học, mở thương hội, gửi người xuất dương v.v... là cũng đã thấy cái yếu của mình rất rõ rồi, nhưng chỉ coi là hậu quả của chế độ phong kiến trọng cái học từ chương, chứ vẫn không ngờ cái yếu đó đã biến thành não trạng, tâm lý, tiềm thức như Nguyễn Gia Kiểng phát giác ra bây giờ. Bởi vì các cụ không tham dự cuộc chơi của nửa sau thế kỷ, một cuộc chơi kinh hoàng nhất của người Việt Nam với nhau trong suốt lịch sử của mình. Sau một cơn như thế mà không biết nhìn lại mình một cách toàn diện, không tự vấn xem bản thân của mỗi người Việt Nam có góp phần nào của chính mình trong cái thảm kịch chung ấy hay không, thì quả là có một cái gì... không ổn thật. Có lẽ ai trong chúng ta cũng có cái nhu cầu ấy, có thể mỗi người trong âm thầm lặng lẽ có nhìn thấy một số vấn đề, nhưng do thói quen thụ động, lại buông trôi. Nhưng như nhiều hiện tượng khác trong thiên nhiên hay trong xã hội, khi một yêu cầu hay một tình trạng nào đó đã đến cực điểm đến chỗ đe dọa, thì tự nhiên sẽ nảy ra giải pháp. Trong rừng một khi lá chết, cành khô thân cây gãy đã quá nhiều trên mặt đất thì sẽ có một trận cháy rừng giải quyết hết một lần, một khu rừng mới sau đó sẽ có đủ điều kiện sinh thái để lại mọc tốt tươi. Xã hội loạn lạc mãi, ai cũng mong ước một minh chúa ra đời thì cuối cùng, nhu cầu mạnh mẽ của tập thể sẽ quy kết vào một người, người ấy sẽ thành lãnh đạo đáp ứng được mong ước chung. Nếu trong nội tại người Việt Nam bị những chứng bịnh trầm kha mà một thời gian dài không ai có gan mổ xẻ ra để cứu sống chính mình, thì trong cơn thập tử nhất sinh, sẽ có người phải làm việc ấy (hoặc nếu không thì... chết luôn, hoặc sống không ra sống, chết không ra chết).

Chưa nói đến nội dung cuốn sách, chỉ riêng bản chất công việc của tác giả đã là cái rất cần thiết cho mọi người Việt Nam hiện nay. Cần phải nhìn lại mình với một ý thức phản tỉnh cao độ, rà xét từng ngóc ngách của đời sống với con mắt tỉnh táo không bị che mờ bởi các tiên kiến, thì sẽ nhìn ra các khuyết tật của ta. Tất cả các "công bố" mới mẻ của tác giả dĩ nhiên chưa có thể coi là kết luận chung cuộc, mà chỉ là phát súng đầu để làm giật mình, làm động não con người Việt Nam xưa nay vẫn thụ động, im lìm trong công việc nhìn lại chính mình. Hãy cùng nhau tiếp tục đào xới, thảo luận với những gì Nguyễn Gia Kiểng đưa ra, đó là một bước khởi đầu đề nghị rất tốt, đầy táo bạo, mới mẻ đồng thời cũng đầy sự khả tín của một trí tuệ và một tấm lòng thiết tha với đất nước và dân tộc.

Mổ xẻ là công việc của khoa học, nghĩa là của lý trí lạnh lùng. Sự sống của một con người không thể chỉ được định nghĩa bởi những hiện tượng sinh lý của một thể xác, có thể được phanh phui rõ rệt dưới những đường dao giải phẫu. Đời sống của một dân tộc lại càng không thể chỉ khoanh tròn trong vùng ánh sáng của ngọn đèn chiếu lý trí, mặc dù mọi cái hiện ra rất rõ rệt, rất hợp lý dưới ánh đèn ấy. Lý trí hãy làm công việc của mình, nếu cần cứ xin mạnh tay, nhưng nên nhớ lý trí không phải là tất cả. Đó chỉ là phần mặt nổi. Phải nể nang những phần ẩn đàng sau, sức mạnh thật sự nằm ở đấy, trong cuộc phản tỉnh hãy chiêm nghiệm cho ra chỗ ấy thì mới giúp cho sự hồi sinh được hiệu quả trọn vẹn.

Chắc chắn con người Việt Nam mang rất nhiều tật nguyền, chúng ta sẽ đồng ý và cám ơn Nguyễn Gia Kiểng về nhiều phát giác của ông. Nhưng hãy còn phần hồn tính Việt Nam, nó luôn luôn mách bảo cho ta biết ta là ai, và dù sao chăng nữa cái hồn ấy nó cũng không cho phép chúng ta tự xóa mình đi. Trường hợp Nguyễn Gia Kiểng là rõ ràng nhất: cả cuốn *Tổ Quốc Ăn Năn* không gì khác hơn là một lời xỉ vả và một thất vọng não nề về chính Việt Nam. Tác giả đã tỉ mẩn nghiên cứu tìm tòi để phanh phui ra hết. Tại sao và để làm gì? nó xấu xa tệ hại đến thế thì sao chẳng bỏ mặc nó đi cho khỏe? Thì chính tại vì Nguyễn Gia Kiểng vẫn mang cái hồn Việt Nam, và từ đó, dù thất vọng đến bao nhiêu, vẫn luôn luôn muốn mưu cầu cho đất nước dân tộc mình được tươi sáng hơn.

Đọc cuốn sách này có thể có người nghĩ rằng giữa mình và Nguyễn Gia Kiểng chẳng còn một mẫu số chung nào nữa để mà bàn cãi, vì những cái mình vẫn tin là phẩm chất tốt đẹp của mình đã bị tác giả phủ nhận hết trơn. Nhưng nghĩ thế là lầm. Chính vì mong muốn cái tốt đẹp nhất mà tác giả đã làm công việc gian nan này.●

PHỎNG VẤN NGUYỄN GIA KIỂNG, TÁC GIẢ CUỐN "TỔ QUỐC ĂN NĂN"

Biên tập viên ĐINH QUANG ANH THÁI
của KICON *thực hiện*

Cuốn Tổ Quốc Ăn Năn của Nguyễn Gia Kiểng vừa được xuất bản tại Paris đã gây sự chú ý đặc biệt cho người đọc do những nhận định độc đáo khác thường của tác giả về đất nước, lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam.

Ông Nguyễn Gia Kiểng năm nay 57 tuổi, hiện đang sinh sống tại thủ đô Paris. Ông du học tại Pháp và trở về nước làm việc năm 1973 với vai trò một chuyên viên kinh tế-tài chánh và Phụ tá Tổng Trưởng Kinh Tế của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Sau năm 1975, ông bị đi tù cải tạo nhiều năm, và sau đó qua Pháp tỵ nạn.

Nguyễn Gia Kiểng

Hiện ông Nguyễn Gia Kiểng là Chủ tịch Công ty Cố vấn về Tin học và Quản trị, trụ sở đặt tại Paris. Ông là một trong những sáng lập viên của Nguyệt san Thông Luận, thành viên sáng lập của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Biên tập viên Đinh Quang Anh Thái của Kicon đã được ông dành cho cuộc phỏng vấn trích đăng lại sau đây:

*

Đinh Quang Anh Thái: *Tại sao lại "Tổ Quốc Ăn Năn"?*

Nguyễn Gia Kiểng: Tổ Quốc trước hết là ý niệm của chúng ta về Tổ Quốc. Cho đến nay chúng ta vẫn quan niệm tổ quốc là thiêng liêng, tối cao, được quyền đòi hỏi tất cả nhưng không hề có một trách nhiệm nào cả và do đó không thể bị trách cứ trong bất cứ trường hợp nào. Ý niệm này chắc chắn phải xét lại bởi vì nếu không càng ngày sẽ càng có nhiều người tự hỏi nếu như vậy thì tổ quốc có ích lợi gì cho đời ta và ta cần gì phải có tổ quốc, tốt hơn hết là đừng có tổ quốc hay đi tìm một tổ quốc khác. Đó là điều mà rất nhiều người đã làm dù không nói ra. Cứ nhìn sự thờ ơ với đất nước của đại đa số người Việt để thấy điều đó.

Tổ quốc muốn được người dân tiếp tục yêu và phụng sự cần phải thay đổi. Tổ quốc phải rời bàn thờ thiêng liêng để đến với mọi người. Tổ quốc phải có trái tim thay vì có nanh vuốt, phải là một tổ quốc hiền hòa thay vì dữ tợn, một tổ quốc đáng yêu thay vì đáng sợ. Tổ quốc nào chính quyền đó, vì chính quyền luôn luôn là người đại diện của tổ quốc. Tổ quốc thiêng liêng và vô trách nhiệm đẻ ra những chính quyền hung bạo và trịch thượng. Muốn có những chính quyền dân chủ và trách nhiệm thì phải xét lại ngay ý niệm về tổ quốc. Tổ quốc ăn năn là tổ quốc được quan niệm lại.

ĐQAT: *Xin ông cho biết ông đã khởi viết cuốn sách từ lúc nào; ông chọn phương pháp thu thập và sử dụng tài liệu ra sao và động lực nào khiến ông thai nghén cuốn sách này?*

NGK: Nếu hiểu "viết" không phải theo nghĩa đen là cầm cây bút ghi trên một tờ giấy thì tôi đã viết cuốn sách này từ lâu rồi, từ lúc còn là một sinh viên và nhất là trong 18 tháng

bị biệt giam và bị còng quyện trong nhà tù cộng sản. Lúc đó tôi tự hỏi mình và những người rất tốt và rất đáng kính trọng trong nhà tù đã làm gì mà bị kết tội phản quốc và bị đối xử tàn tệ như thế này. Tôi nghĩ rằng những người tốt đã bị xử tệ vì đất nước mình tồi tệ. Sau đó tôi tự hỏi tại sao đất nước mình lại tồi kém như vậy. Tôi cố gắng tìm hiểu tại sao có những dân tộc văn minh và sung túc và những dân tộc lạc hậu và đói khổ. Tôi tìm đọc những tài liệu về các dân tộc giàu mạnh để tìm hiểu tại sao họ đã giàu mạnh và cũng tìm đọc những tài liệu về các dân tộc khác để tìm hiểu tại sao họ đã không giàu mạnh. Rồi tôi cố gắng đi đến các nước để quan sát và học hỏi tại chỗ. Tôi cũng cố gắng gặp thật nhiều người thuộc mọi quốc gia để học hỏi nơi họ và để tìm hiểu tại sao họ đã văn minh và giàu mạnh hoặc tại sao họ đã đói khổ và lạc hậu. Tổ Quốc Ăn Năn là công trình của một lữ khách và một quan sát viên hơn là của một học giả.

ĐQAT: *Trong cuốn Tổ Quốc Ăn Năn, ông mổ xẻ các chứng tật của dân tộc Việt Nam bằng nhiều ngôn ngữ thô bạo, đôi khi quá lố. Ông có nghĩ rằng sức thuyết phục của ông bị giảm vì quá nóng ruột và nội dung quá gay gắt của cuốn sách chăng?*

NGK: Tùy quan điểm và tâm lý của mỗi người mà ngôn ngữ của cuốn sách có thô bạo và lố lăng hay không và nội dung của nó có gay gắt hay không. Nhưng điều chắc chắn là tôi không hề có ý định khiêu khích ai. Những chứng tật mà tôi nêu ra phần lớn do tôi tự xét mình. Tôi đã chỉ muốn đóng góp cho một cố gắng nghĩ lại để làm lại đất nước. Nếu chúng ta đã như ngày nay thì chắc chắn có nhiều điều cần phải xét lại. Tôi đã được đọc một số tác phẩm của các tác giả rất đứng đắn thuộc các dân tộc rất phồn vinh. Họ phân tích những thói hư tật xấu của họ còn gay gắt hơn rất nhiều so với những gì mà tôi đã viết trong Tổ Quốc Ăn Năn, mặc dầu vậy các tác giả này vẫn được tiếp nhận một cách ân cần. Những dân tộc lớn là những dân tộc luôn luôn chấp nhận xét lại mình một cách bộc trực.

ĐQAT: *Trong cuốn Tổ Quốc Ăn Năn ông viết rằng, "nếu văn hóa của ta còn khác văn hóa Trung Hoa chỉ vì ta bắt chước chưa xong mà thôi." Là một người Việt, ông có mừng là mình bắt chước chưa xong hay không?*

NGK: Đúng như thế, kể từ khi chúng ta được tự chủ, ngay từ đời nhà Lý trở đi, các chính quyền Việt Nam chỉ cố bắt chước Trung Quốc cho thật đúng. Tôi đã lưu ý trong Tổ Quốc Ăn Năn là trong hơn một ngàn năm Bắc thuộc, người Trung Quốc đã không chủ trương Hán hóa dân ta. Cố gắng Hán hóa người Việt là do chính các triều đại Việt Nam. Chính nhà Lý, chứ không phải người Trung Quốc, đã lập Văn Miếu thờ Khổng Tử và Chu Công và lấy Nho Giáo là quốc giáo. Cố gắng bắt chước mê mải và bằng quyền lực kéo dài cả ngàn năm đó đưa đến hậu quả là văn hóa của ta không khác với văn hóa Trung Quốc bao nhiêu, những khác biệt là ở trình độ chứ không phải ở bản chất. Điều chúng ta còn giữ lại được, và do đó còn tồn tại được như một dân tộc, là tiếng Việt.

ĐQAT: *Một đằng ông cho rằng, "nếu văn hóa của ta còn khác văn hóa Trung Hoa chỉ vì ta bắt chước chưa xong mà thôi," đằng khác ông lại viết rằng "mặc dầu bị chà đạp và miệt thị, không những bởi ngoại nhân mà còn do chính thành phần được coi là ưu tú của mình, xã hội Việt Nam vẫn giữ được tiếng nói riêng của mình, để rồi dần dần tiếng Việt toàn thắng trên đất Việt. Sau đó, người Việt dựa vào chữ Hán để chế ra chữ Nôm mà tạo ra chữ viết riêng của mình" (trang 249). Ông có nghĩ rằng đây là một mâu thuẫn không?*

NGK: Hoàn toàn không mâu thuẫn. Trong Tổ Quốc Ăn Năn, tôi đã dành nhiều đoạn để nhận định về vai trò và trọng lượng của ngôn ngữ đối với một dân tộc. Ngôn ngữ là di sản quan trọng nhất của một dân tộc vì là kết quả của một công trình tập thể kéo dài hàng chục ngàn năm. Người ta không những chỉ nói và viết mà còn suy nghĩ bằng ngôn ngữ. Cố gắng phổ biến chữ Hán đã chỉ giới hạn trong số những người biết đọc biết viết, nghĩa là một thiểu số rất nhỏ mặc dầu nắm hết quyền lực. Trong cả một làng chưa chắc đã có nổi một người đọc thông viết thạo. Vì vậy mà tiếng Việt vẫn là ngôn ngữ của dân chúng. Xã hội Việt Nam dần dần tiến hóa, đưa dân chúng Việt Nam đến yêu cầu có một chữ viết để cải thiện sự trao đổi và họ đã dựa vào chữ Hán đang thông dụng lúc đó để ký âm hóa tiếng Việt. Không có gì là mâu thuẫn hay đáng ngạc nhiên cả. Điều cần được chú ý là một bài học rút ra từ kinh nghiệm lịch sử này: đó là một người chỉ có thể phát triển và vận dụng tối đa khả năng của mình bằng tiếng mẹ đẻ mà thôi. Tuyệt đại đa số người Việt chỉ biết tiếng Việt, do đó phải phát triển và hoàn thiện tiếng Việt nếu muốn đưa đất nước đi lên. Tiếng Anh là

ngôn ngữ để giao dịch mà thôi chứ không thể là ngôn ngữ để suy nghĩ và sáng tạo.

ĐQAT: *Về các nhân vật lịch sử của đất nước, ông cho rằng Quang Trung Nguyễn Huệ là "một con người vô cùng hung bạo và hiếu sát" (trang 149) và "quân Tây Sơn chỉ thuần túy là giặc cướp," "họ chỉ đánh phá và cướp bóc mà thôi, không nhân danh một chính nghĩa nào," và lối tự xưng là Đức Ông Tám của Nguyễn Huệ là xấc xược, là một đặc tính của đám thảo khấu." (trang 159). Nếu Quang Trung quả là vậy thì ông giải thích thế nào về khả năng huy động dân chúng của Nguyễn Huệ, khả năng thuyết phục những người như Nguyễn Thiếp, Trần Văn Kỷ, Ngô Thời Nhiệm, Phan Huy Ích, Nguyễn Nễ, Đào Nguyên Tuấn giúp Nguyễn Huệ trong sự nghiệp an định tình hình xứ sở? Những nhân vật đó có mù quáng chăng mà hỗ trợ một Ông Tám thảo khấu, như danh từ ông mô tả Nguyễn Huệ?*

NGK: Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những xác quyết về Nguyễn Huệ mà ông vừa nhắc lại. Nhân vật Quang Trung mà nhiều thế hệ Việt Nam đã bị nhồi sọ để tôn sùng chỉ là một huyền thoại do ông Trần Trọng Kim, rồi do Đảng Cộng Sản Việt Nam tô vẽ ra, mỗi người có một lý do khác nhau để xuyên tạc lịch sử, điều này tôi đã giải thích trong Tổ Quốc Ăn Năn. Hồi còn nhỏ tôi đã được giáo dục để say mê Nguyễn Huệ và tôi đã thực sự sùng bái Nguyễn Huệ. Cũng may mà đồng thời tôi cũng có óc phê bình và lại ham đọc sách nên sau này, sau một vài ngờ vực, tôi bắt đầu tìm hiểu và suy nghĩ. Tôi khám phá một cách bàng hoàng rằng nhân vật Nguyễn Huệ trong lịch sử Việt Nam chỉ là một sự xuyên tạc. Nhân vật Nguyễn Huệ thực sự chỉ thuần túy là một tướng cướp, dù là một tướng cướp có tài, nhờ gặp thời mà lên làm vua. Không ai táo bạo bằng các tướng cướp, không có gì mà họ không dám làm. Đừng nói làm vua, nếu cần họ cũng dám xưng là Thượng đế nữa. Việc Nguyễn Huệ mới 18 tuổi đã bắt dân chúng và đồng đảng gọi mình là "Đức Ông" nằm trong cái tâm lý tướng cướp này. Việc tôi làm không phải là để hạ bệ Nguyễn Huệ mà chỉ là để trả lại cho lịch sử sự chính xác phải có. Hơn nữa sự tôn thờ Nguyễn Huệ lại rất có hại vì qua Nguyễn Huệ chúng ta tôn vinh một số giá trị độc hại cần phải dẹp bỏ như chiến tranh, sự hung bạo và sự tráo trở.

Còn một việc ông dẫn ra một số nho sĩ theo thờ Nguyễn Huệ thì chính danh sách này lại chứng tỏ Nguyễn Huệ không được giới sĩ phu lúc đó ủng hộ. Nó quá ngắn. Chỉ có một vài người, và những người này cũng không có gì xuất sắc. Nếu đọc lại Đại Nam Thực Lục hay Hoàng Việt Long Hưng Chí ta sẽ thấy số người từ miền Bắc vượt biển vào Nam giúp Nguyễn Ánh đông đảo hơn rất nhiều, trong đó có cả một người con nuôi của chính Nguyễn Huệ.

ĐQAT: *Khi nói về các trận đánh của vua Quang Trung, ông hầu như chỉ dựa vào tài liệu của các giáo sĩ người Pháp có mặt tại nước ta giai đoạn đó mà không trích dẫn các nguồn tài liệu khác. Ông có nói tới cuốn Lịch sử Nội chiến của Sử gia Tạ Chí Đại Trường viết về giai đoạn này, người đọc lại không thấy ông tiếp nhận hay trích dẫn một lý giải nào trong cuốn sách đó mà chỉ dựa trên một số sử liệu do các giáo sĩ Tây phương ghi lại. Ông có tin rằng đã tìm hiểu ngọn ngành về giai đoạn rất nhiễu nhương đó mà có những lời phán đoán rất nặng về Quang Trung? Liệu người đọc có thể hiểu rằng sở dĩ ông viết như vậy chỉ vì ông cũng là một người "mải mê chạy theo văn hóa Pháp" như chính ông phê phán người Việt trong giai đoạn đất nước ta bị Pháp đô hộ?*

NGK: Tôi dựa nhiều vào các tài liệu của Việt Nam như Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Đại Nam Thực Lục, Hoàng Việt Long Hưng Chí và những sách sử khác, kể cả những cuốn sách do chính quyền công sản xuất bản, trong đó Nguyễn Huệ rất được ca tụng. Tôi cũng căn cứ vào một sự kiện trong sử nhà Thanh do Tướng Quân Chương công bố tại Sài Gòn mà không gặp một phản đối nào. Tôi cũng dùng các thư từ của các giáo sĩ và thỉnh thoảng đây đó cũng gặp những hồi ký của các thương nhân có mặt lúc đó tại Việt Nam. Phải nói rằng tài liệu của những người phương Tây có mặt tại Việt Nam lúc đó đặc biệt có giá trị vì trước hết là họ khách quan, sau đó vì họ có cái nhìn xã hội, họ mô tả xã hội Việt Nam lúc đó khiến ta hình dung được những biến cố. Ngày nay khi chúng ta nghe tới những chiến thắng của Nguyễn Huệ như đánh bại chúa Nguyễn, diệt họ Trịnh, bắt Nguyễn Hữu Chỉnh, mấy lần đuổi Nguyễn Ánh chạy trối chết, chúng ta nghĩ rằng đó là những trận đụng độ lớn giữa hai đạo quân đông đảo và có đội ngũ. Chỉ sau khi đọc những tài liệu của các giáo sĩ và thương nhân người ta mới hiểu là sự thực không phải như vậy. Các chính quyền Trịnh-Nguyễn lúc đó chỉ là những hư cấu, không có quân đội đúng nghĩa. Lính ra trận thường chỉ là những người

nông dân tội nghiệp bị bắt đi lính mà thôi, hễ ra trận là họ bỏ chạy để giữ tính mạng, họ không có lý do gì để chiến đấu, vả lại họ cũng không biết chiến đấu. Quân của Nguyễn Huệ không mạnh, nhưng ông thắng vì trước mặt ông không có đạo quân nào cả. Tôi có đọc cuốn Lịch Sử Nội Chiến của Tạ Chí Đại Trường và cũng nhận thấy đây là một công trình biên khảo có giá trị. Tôi chắc ông Tạ Chí Đại Trường sử dụng cùng một nguồn tài liệu như tôi, nhưng ông đã dừng lại ở vị trí của một sử gia, còn tôi là một người bị dày vò vì sự thua kém quá đáng của Việt Nam so với thế giới, tôi phải tìm những câu trả lời cho nhiều câu hỏi, trong đó có một câu hỏi rất quan trọng: tại sao sự mở cửa về phương Tây đầy hứa hẹn từ giữa thế kỷ 16 đến cuối thế kỷ 18 bỗng nhiên bị khựng lại và nước ta quay trở lại với bóng đêm Khổng Giáo? Nguyên nhân chính đã khiến người phương Tây rời bỏ Việt Nam là cuộc nổi dậy của anh em Tây Sơn. Biến cố Tây Sơn đã kinh hoàng đến độ sau này các thương nhân không trở lại nữa, chỉ còn các giáo sĩ. Nhân nói tới ông Tạ Chí Đại Trường, tôi cũng xin cảm ơn ông ấy đã tìm được một sự kiện rất có ý nghĩa đó là nhận định của Chapman về anh em Tây Sơn. Chapman rất quen biết anh em Tây Sơn và quả quyết rằng chỉ cần một đạo quân một trăm người ông ta có thể đánh bại anh em Tây Sơn dễ dàng. Điều này nói lên thực lực của quân Tây Sơn. Nhận định của Chapman chắc phải có giá trị vì ông ta là một trong những tay cự phách đã chinh phục Ấn Độ cho nước Anh. Ông ta sau này được phong huân tước, dòng dõi ông ta là dòng dõi danh tướng, cháu của ông ta, Lawrence of Arabia, cũng là một nhân vật tài ba đã lừng lẫy tại Trung Đông và cuộc đời đã được đưa lên màn ảnh trong một cuốn phim được bảy giải Oscar.

ĐQAT: *Ông đã viết về Đinh Tiên Hoàng "Đinh Bộ Lĩnh chỉ là một đứa trẻ ngỗ nghịch và vô giáo dục." Còn giai đoạn Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn thập nhị sứ quân thì ông viết rằng "Đinh Bộ Lĩnh lúc bé thì du côn, lớn lên đi làm giặc, bất chấp tất cả, chỉ biết tham vọng quyền lực và thú vui của riêng mình" (trang 522). Xin ông có thể giải thích về thái độ đó của ông khi đem tâm tình và giá trị của mình ngày hôm nay nhận định về tiền nhân của ngàn năm trước?*

NGK: Đinh Bộ Lĩnh ngay lúc còn bé đã lập băng đảng đánh nhau và sau đó đi làm giặc rất sớm, chắc chỉ vào tuổi 17 hay 18 gì đó thôi nếu dựa trên những sự kiện sử sách còn chép lại. Điều cần được nhấn mạnh là Đinh Bộ Lĩnh không có công dẹp loạn sứ quân như một số sử gia tâng bốc ông. Ngược lại, hoàn toàn ngược lại, Đinh Bộ Lĩnh làm giặc chống lại một triều đình rất có chính nghĩa và rất nhân nghĩa. Chính ông là giặc, nhưng ông đã đánh trận giỏi và đã cướp được ngôi vua. Và sau khi làm vua ông đã tỏ ra cực kỳ hung bạo. Đó là những sự thực mà không sử gia nào chối cãi cả. Có điều họ vẫn tiếp tục tâng bốc Đinh Tiên Hoàng vì những người trước họ cũng đã tâng bốc Đinh Tiên Hoàng. Tôi chỉ làm một việc là cố gắng nhận định một cách trung thực con người Đinh Tiên Hoàng qua những sự kiện mà ai cũng biết. Về Đinh Tiên Hoàng không thể có tranh cãi.

Điều tôi muốn nhấn mạnh là Đinh Tiên Hoàng đã ảnh hưởng rất tai hại trên tâm lý chính trị Việt Nam: ông đã đem sự hung bạo vào chính trị Việt Nam, trước đó nước ta là một nước Phật Giáo lấy sự hiền hòa làm cách ứng xử. Ông cũng đã khai sinh ra tâm lý trung ương tập quyền. Cho đến nay mỗi khi bàn đến tản quyền là lập tức có người lo sợ nạn thập nhị sứ quân. Tất cả những tâm lý này đều ngược với những gì chúng ta cần. Đem những giá trị hôm nay để nhận định việc ngày xưa không có gì là sai trái cả, nhất là khi ta không cáo buộc ai. Dân tộc nào cũng cần liên tục xét lại lịch sử của mình dưới ánh sáng của những kiến thức mới. Tôi đi du học Pháp trong thập niên 1960, lúc đó hoàng đế Napoléon I vẫn còn được tôn sùng như một thần tượng của nước Pháp. Ngày nay chẳng còn ai tôn vinh Napoléon cả, không phải vì Napoléon đã thay đổi mà tâm lý người Pháp đã thay đổi và văn minh hơn. Các dân tộc bộc lộ những giá trị mà mình trân trọng và do đó tạo ra tâm lý của mình, tạo ra cách suy nghĩ và hành động của mình, cuối cùng quyết định thân phận của mình- qua các anh hùng dân tộc. Đinh Tiên Hoàng và Nguyễn Huệ là những biểu tượng của giá trị chiến tranh và bạo lực. Đã đến lúc chúng ta phải thay đổi các giá trị nền tảng của xã hội. Chúng ta cũng phải thay đổi anh hùng. Vả lại chúng ta có vô số nhân vật lịch sử đáng được tôn vinh hơn. Những Lê Văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, Nguyễn Trãi, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Lê Quí Đôn, Phan Huy Chú, v.v... và dĩ nhiên Lý Công Uẩn, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Hoàng, những người đã làm cho nước ta tươi đẹp hơn.

ĐQAT: *Nhận định về tầng lớp sĩ phu trong quan niệm Nho giáo, ông cho rằng "Sĩ là một nghề, nghề đi học, và nghề làm quan. Trước sau là nghề quì. Quì trước mặt thầy để học với ước vọng thành đạt để được quì trước mặt các vua chúa" (trang 313) và "kẻ sĩ là mẫu người tồi hèn, vong thân." Ông gộp cả những người có công với đất nước như Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ cũng mang đặc tính kẻ sĩ. Sau đó ông cho rằng trí thức Việt Nam ngày nay là hậu thân của giai cấp sĩ phu ngày trước. Nếu tôi nhớ không lầm, ông chưa hề phủ nhận ông là một trí thức, thế thì từ trước đến nay, ông đã có bao giờ hèn chưa và quì trước mặt ai chưa, nhất là giai đoạn ông từ Pháp về nhận việc dưới sự lãnh đạo của ông Nguyễn Văn Thiệu, lúc đó là tổng thống Việt Nam Cộng Hòa?*

NGK: Tùy ở mỗi người trí thức mà họ có là hậu thân của kẻ sĩ hay không. Nhưng nói chung thì tuyệt đại đa số trí thức Việt Nam ngày nay vẫn còn lấy kẻ sĩ làm mẫu mực, do đó đa số vẫn là hậu duệ của kẻ sĩ. Tôi rất quí trọng những người như Nguyễn Trãi và Nguyễn Công Trứ, nhưng càng quí trọng họ tôi càng giận cái văn hóa Khổng Giáo đã đày đọa và tha hóa những tinh hoa như thế. Thử nghĩ mà xem, thân phận kẻ sĩ có danh giá gì? Một kẻ sĩ dù lỗi lạc tới đâu cũng có thể bị nọc ra đánh, bị thiến như thiến gà thiến vịt, có khi còn bị giết cả ba họ theo quyết định tùy tiện của vua. Điều rất đáng ngạc nhiên là tại sao kẻ sĩ trong hàng ngàn năm đã có thể hài lòng với một thân phận nhục nhã như vậy, không những thế họ còn hãnh diện với số phận tôi đòi. Nguyễn Công Trứ chẳng hạn là một thí dụ của sự vong thân tuyệt đối.

Còn ông hỏi về tôi thì tôi có thể quả quyết là tôi chưa bao giờ chấp nhận và cũng sẽ không bao giờ chấp nhận quì trước ai cả, dù là quì theo nghĩa bóng đi nữa. Thời Việt Nam Cộng Hòa tôi là một viên chức, ông Thiệu là tổng thống; tôi từ Pháp về Việt Nam để đóng góp bảo vệ một nền dân chủ phôi thai và để đóng góp ngăn chặn thắng lợi của phe cộng sản mà tôi cho là một họa lớn cho đất nước. Tôi chỉ làm nhiệm vụ của một công dân yêu nước mà thôi. Nhiều người biết tôi trong giai đoạn này, họ đều biết tôi chẳng bao giờ coi ông Thiệu là một tổng thống xứng đáng cả và cũng chẳng bao giờ giấu giếm ai nhận định đó.

ĐQAT: *Ở trang 317, ông giải thích lý do tồn tại của chủ nghĩa cộng sản tại các nước Trung Quốc, Việt Nam và Bắc Triều Tiên vì có sự tương đồng giữa Khổng giáo và chủ nghĩa cộng sản mà ông gọi là một thứ Khổng giáo mới. Riêng Cuba, quốc gia cộng sản thứ tư trong những nước cộng sản còn lại trên thế giới, ông có nghĩ rằng, cũng do một bối cảnh tinh thần tương tự nhưng do Thiên Chúa giáo Mỹ-la-tinh mang lại, nghĩa là cũng toàn trị, giáo điều và độc tôn, mà đảng cộng sản Cuba tồn tại tới ngày hôm nay?*

NGK: Rất đúng, Công giáo Cuba nói riêng và Công giáo châu Mỹ-la-tinh nói chung là Công giáo Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, rất thủ cựu và giáo điều.

ĐQAT: *Ông viết "Một quốc gia trong đó mọi người không theo đuổi một dự án tương lai chung, vì có nội chiến hay vì quốc gia đặt dưới quyền định đoạt tùy tiện của một số người trong khi đa số dân chúng không có tiếng nói trong những quyết định lớn, không còn là một quốc gia đúng nghĩa" (trang 477). Câu chúng tôi muốn hỏi ông là Việt Nam hiện nay có phải là một quốc gia hay không, theo định nghĩa của ông về hai chữ quốc gia?*

NGK: Một quốc gia là một tình cảm, một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Hiện nay chúng ta có một dự án tương lai chung là xây dựng một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh. Nhưng đây là một dự án tương lai đang bị cấm đoán. Thay vào đó đảng cộng sản áp đặt một dự án quái đản mà không ai chấp nhận là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ý thức quốc gia vì vậy nằm ngoài chính quyền và đối lập với chính quyền. Tình trạng này không thể tiếp tục được. Chế độ này mà kéo dài sẽ đưa đất nước Việt Nam đến tan vỡ.

ĐQAT: *Câu cuối cùng xin phỏng vấn ông Nguyễn Gia Kiểng: ông muốn người đọc đón nhận cuốn Tổ Quốc Ăn Năn bằng một thái độ như thế nào?*

NGK: Tôi hy vọng Tổ Quốc Ăn Năn được đón nhận như một tài liệu để thảo luận và tranh luận. Được như thế thì tôi đã hoàn toàn mãn nguyện rồi. Tôi cũng muốn được thảo luận về những gì mà tôi đề nghị cho tương lai. Cấp bách hơn hết tôi muốn được sự chú ý trong lời kêu gọi ở chương cuối của cuốn sách, chương "Gởi vào giấc mộng nhẫn ra cuộc đời." Đất nước ta đang lâm nguy, đang cần những người còn giữ được ý chí và niềm tin. Tôi muốn được gặp họ để cùng với họ phấn đấu đưa đất nước ra khỏi bế tắc. Trong bối cảnh hiện nay một ngàn người như thế đủ để thay đổi dòng lịch sử.●

Sách mới:

TỔ QUỐC ĂN NĂN

của NGUYỄN GIA KIỂNG

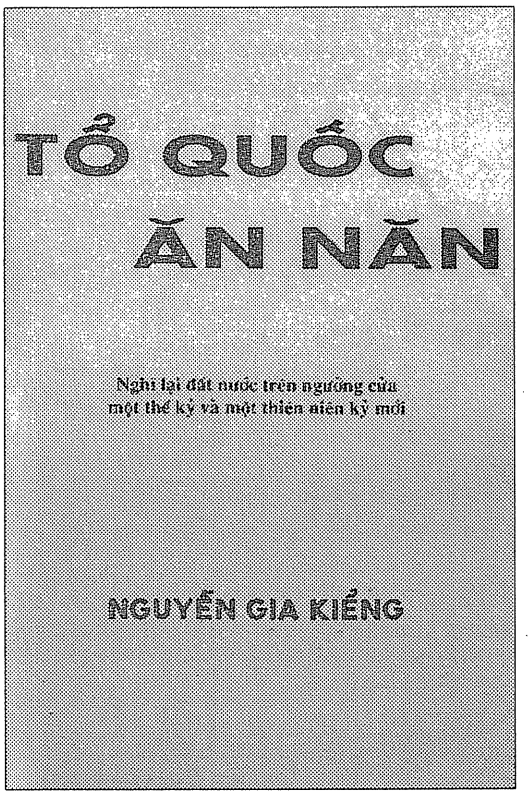

Tổ Quốc Ăn Năn là một cuốn sách chính luận có mục đích trả lời hai câu hỏi: **Tại sao Việt Nam lại như hiện nay? Phải làm gì để ra khỏi bế tắc và vươn lên?**

Cuốn sách mở đầu bằng một quan sát mới về đất nước và con người Việt Nam, tiếp theo là một cuộc hành trình ngắn nhưng náo động theo dòng lịch sử và một khảo sát không nhân nhượng về nền văn hóa và các giá trị đã nhào nặn người Việt và đã khiến Việt Nam là Việt Nam ngày nay. Phần cuối đề nghị một đồng thuận để làm lại đất nước.

Tác giả đã gạn lọc để chỉ đề cập đến những ý kiến hoặc chưa được đưa ra hoặc, theo tác giả, cần được nghĩ lại.

Sách dày 597 trang, không kể lời dẫn nhập và nhận định của một số nhân vật.

Một số nhận định về TỔ QUỐC ĂN NĂN và tác giả

Tác giả đã làm một việc rất mới lạ đối với một luận văn chính trị : đó là duyệt lại di sản lịch sử và văn hóa của dân tộc mà ông xem là những trở ngại chính cho một hành trình về tương lai phồn vinh cho đất nước. Di sản của lịch sử và văn hóa là những nguyên lai của sự kiện tại sao dân tộc chúng ta lại lạc hậu bần cùng như ngày nay. Duyệt lại di sản văn hóa của dân tộc là một việc lớn, và khó. Tác giả đã làm một như thế trong suốt ba phần đầu của sách. Một cống hiến xuất sắc nữa là tác giả đã đưa ra một chương trình kiến tạo lại đất nước để thật sự tiến về kỷ nguyên dân chủ đa nguyên, phồn vinh và phát triển.

Đoàn Xuân Kiên (chuyên viên ngữ học, nhà bình luận, Anh)

Một lần nữa, "kẻ hèn" Nguyễn Gia Kiểng lại làm một chuyện chẳng hèn chút nào: một quyển sách dầy 600 trang và buộc tất cả chúng ta phải xét lại toàn bộ những định kiến về lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam. Chúng ta đã được hé thấy một phần suy nghĩ táo bạo của tác giả qua mấy bài đã được công bố trên báo lấy từ cuốn sách ra: bài về kẻ sĩ, bài về Quang Trung, v.v... Không ít người bực tức vì những niềm tin sắt đá được nuôi dưỡng từ nhỏ, từ trong gia đình ra ngoài xã hội đến vào học đường, bỗng một sớm một chiều bị lung lay tận gốc rễ. Nhưng ở trong đời, chính những biến cố lớn, những vụ động đất mới dễ làm cho ta thức tỉnh.

Đồng ý hay không là một chuyện, nhưng có điều chắc là sống mà tỉnh thức thì rất nên, nên lắm nữa là khác.

Nguyễn Ngọc Bích (học giả, nhà báo, Hoa Kỳ)

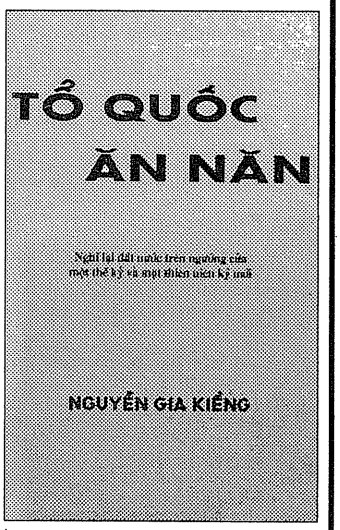

Nguyễn Gia Kiểng thuộc hàng ngũ chuyên viên treủ phải bỏ nước ra đi sau năm 1975. Sáng kiến, lối suy luận độc đáo, can đảm trí thức và lòng yêu nước đã tạo cho ông một thế đứng đặc biệt trong cộng đồng người Việt hải ngoại. Các bài viết của ông từng gây ra tranh luận sôi nổi và tạo cho ông lắm keủ thù nhưng cũng đem lại cho ông nhiều người mến mộ. Nếu cứ nhìn vào việc trước mà tính đến chuyện sau, người ta có thể đoán rằng cuốn "Tổ Quốc Ăn Năn" sẽ gây ra nhiều tranh luận và kích thích được những suy nghĩ hữu ích.

Nguyễn Mạnh Hùng (giáo sư đại học George Mason, Virginia, chủ tịch Indochina Institute, Hoa Kỳ)

Nguyễn Gia Kiểng là một trí thức dám thẳng thắn và can đảm nói lên những điều mình nghĩ, mình tin là đúng, cho dù có làm phật lòng người khác. Đó là điểm son của Nguyễn Gia Kiểng. Khác với đa số người khác, chỉ nói cho "phải đạo" với đám đông.

Đinh Quang Anh Thái (ký giả, cựu tù nhân chính trị, Hoa Kỳ)

Ông Nguyễn Gia Kiểng là một người vốn có ý kiến độc đáo về các vấn đề đất nước. Và cách trình bày của ông thường làm người khác ý kiến dễ bất mãn. Nhưng - tôi nghĩ - chủ ý của ông Kiểng là bằng cách đó tạo ra tranh luận để các vấn đề được đào sâu.

Trần Bình Nam (nhà hoạt động và bình luận chính trị, Hoa Kỳ)

Nguyễn Gia Kiểng nhìn về tương lai mà không để ý đến quá khứ. Thuần về phân tách mà xao lãng tổng hợp. Phê phán nhiều mà ít khi khen ngợi. Hình như chỉ muốn đi tìm đối thủ mà ít khi kết nghĩa bạn bè. Tuy nhiên điều kỳ lạ là mới gặp anh lần đầu mà tôi đã có cảm tưởng như đã quen biết từ nhiều kiếp trước. Anh phê phán nhiều vì dân tộc chúng ta đang dẫy chết trên xảo ngữ ngọt ngào. Anh chỉ phân tách vì chúng ta đầy ắp những tổng hợp vô giá trị. Anh dũng mãnh tiến vào tương lai vì đã gói ghém trong tâm thức quá khứ đau thương của dân tộc. Tôi coi Nguyễn Gia Kiểng là một đồng chí rất tốt trong cuộc đấu tranh cho tương lai Việt Nam.

Đào Tăng Dực (luật sư, Hiệp Hội Dân Chủ Pháp Trị, tác giả *Việt Nam Dân Chủ Tranh Đấu Luận*, Úc)

Tôi muốn có nhiều Nguyễn Gia Kiểng hơn nữa.

Tôn Thất Thiện (giáo sư, nhà nghiên cứu và bình luận chính trị, Canada)

Lập trường của Nguyễn Gia Kiểng là chỉ nên đưa ra những ý kiến mới, hoặc khác; nếu mình nói ra mười điều mới trong đó có tới chín điều sai và chỉ có một điều đúng thì mình vẫn còn đóng góp được một cái gì đó, còn hơn là viết mười điều đúng cả mười nhưng đều là những điều đã biết rồi. Tôi cho đó là một thái độ khiêm tốn, tôn trọng thì giờ của người đọc.

Nguyễn Hữu Chung (chuyên gia, nhà bình luận chính trị, Canada)

ĐẶT MUA :

- Tại **Pháp** : 200 FRF. Chi phiếu xin đề Nguyễn Gia Kiểng, 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes.
- Tại **Đức** : 60 DM. Chi phiếu xin đề Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, hoặc chuyển vào trương mục : Frankfurt Volsbank e G, Thanh Luong Nguyen, konto nr 00 77 70 82 94, Bankleitzahn 50 19 00 00.
- Tại **Hòa Lan** : 70 NFL. Chi phiếu xin đề Trần Thị Mến, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede, hoặc chuyển vào trương mục : 0126440 (Postbank) của Trần Thị Mến, Enschede, phần ghi chú xin đề TQĂN.
- Tại **Úc** : 50 AUD. Chi phiếu xin đề Thu S. Duong và gởi về Việt Luận Magazine, P.O. Box 99, Bankstown NSW 1885.
- Tại **Hoa Kỳ** : 30 USD. Chi phiếu xin đề Đinh Quang Anh Thai, 12866 Main Street, Suite # 101, Garden Grove, CA 92840.
- Tại **Anh** : 20 Anh kim. Chi phiếu xin đề Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW 18 3AE.
- Tại **Canada** : 45 CND$. Chi phiếu xin đề That Thien TON, 223 Britannia Road, Ottawa, ONT k2B 5X1.

Sách sẽ được gửi tới quí vị bằng đường bưu điện.

Từ 3 năm nay, qua Bộ Bí Quyết Khỏe-Trẻ-Đẹp,
Kim Nguyễn đã giúp cả ngàn người trở nên Khỏe-Trẻ-Đẹp.

Hôm nay, Kim Nguyễn kính tặng bà con
Bộ Bí Quyết Khỏe-Trẻ-Đẹp nầy.

Xin xem chi tiết dưới đây.

Kim Nguyễn

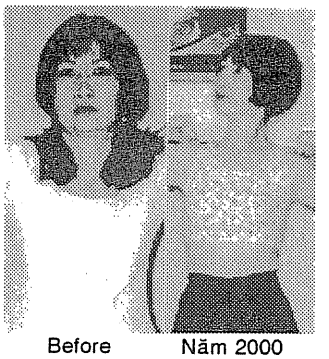

Before Năm 2000
47 tuổi

*

UỐNG NƯỚC
PHÒNG VÀ TRỊ: GIÀ---MẬP---BỊNH

Theo phương pháp mới nhất của các Bác sĩ Nhật Bản
được Bộ Y Tế Nhật Bản phê chuẩn

Tóm lược tài liệu trong sách REVERSE AGING (Cải lão hoàn đồng) của nhà Bác học Sang Whang
và sách ALKALINE or DIE (Kiềm hay là Chết) của Doctor Theodor A. Baroody:

Thức ăn thức uống chúng ta dùng hằng ngày đều có chứa các khoáng chất. Các khoáng chất nầy chia làm 2 loại: loại Acid và loại Kiềm (Alkaline). Thức ăn, thức uống nào chứa nhiều khoáng chất thuộc loại Acid hơn, thì gọi là thức ăn, thức uống Acid. Ngược lại, thức ăn, thức uống nào chứa nhiều khoáng chất thuộc loại Kiềm hơn, thì gọi là thức ăn, thức uống Kiềm.

Nhưng dầu chúng ta ăn toàn thức ăn Kiềm đi nữa, thì sau khi tiêu hóa, **các chất độc và cặn bã còn tích tụ lại trong cơ thể chúng ta vẫn là Acid.**

Cơ thể chúng ta hằng ngày thải ra ngoài 99% chất độc và cặn bã, nhưng 1% vẫn còn sót lại, tích tụ nhiều dần trong cơ thể. Thí dụ hằng ngày chúng ta chỉ đổ 99% rác, còn lại 1%. Lâu dần, 1% số rác nầy sẽ ngập tới nóc nhà, không ai sống nổi!

VÌ SAO TA MẬP? VÌ SAO TA BỊNH?

Cơ thể chúng ta hiện tại chẳng khác gì căn nhà đó! Qua mấy chục năm nay, các chất độc và cặn bã Acid đã tích tụ tràn ngập trong cơ thể chúng ta, chui vào các cơ quan, bộ phận:

* Nó là Uric Acid chui vào các khớp xương, gây ra *bịnh phong thấp*, đau xương, nhức cốt! -- * Nó là Fatty Acids chui vào bụng, đùi, mông, và toàn bộ cơ thể, khiến ta tích mỡ thừa, nói nôm na là *... mập thù lù!* -- * Fatty Acids làm cho ta mập. Lúc lớn tuổi, mặt chúng ta đầy mỡ. Mỡ làm cho máu kém lưu thông. Da không được tiếp đủ máu cho nên không dẻo, không đàn hồi, không co lại, thành ra *mặt đầy nếp nhăn!* -- * Từ Fatty Acids sanh ra Cholesterol, đọng vào thành mạch máu, làm nghẽn mạch máu, gây ra *bịnh tim mạch*. Mạch máu bị nghẽn, máu huyết không lưu thông đến vùng hạ bộ, gây ra *bịnh liệt dương*. -- * Mạch máu bị nghẽn gây *huyết áp cao*; máu đến não không đủ, sanh ra *lãng trí*, hoặc mất trí nhớ, hoặc *dần độn, học dốt*... Các mạch máu não không thông suốt đôi khi khiến chúng ta có thể chết bất đắc kỳ tử vì bị *đứt mạch máu não*. -- * Từ Phosphoric Acid và Uric Acid sanh ra Phosphates và Urates, hai chất nầy hợp lại thành ra cục *sạn thận*. -- * Quá nhiều chất Acid trong cơ thể khiến cho *hệ thống miễn nhiễm không hoạt động hiệu quả*, tạo cơ hội cho vi trùng, vi khuẩn xâm nhập cơ thể ta, gây ra đủ thứ bịnh tật. -- * Khi cơ thể ta bị nhiễm quá nhiều chất độc và cặn bã Acid, nó phải lấy bớt Calcium (= một khoáng chất loại Kiềm) trong xương để trung hòa Acid, vì vậy mà sanh ra *bịnh loãng xương, xương bị dòn, dễ gãy*, nhất là những người lớn tuổi. -- * Khi máu của chúng ta bị nhiễm quá nhiều Acid, cơ thể phải dồn các chất cặn bã Acid nầy vào một nơi nào đó để giữ độ Kiềm cho máu. Càng ngày, các chất cặn bã Acid càng tích tụ, "bãi rác" đó có độ Acid quá đậm, các tế bào nơi đó bị chết. Tuy nhiên, có một số tế bào đã "biến chất" để thích ứng với hoàn cảnh mà sống còn – những tế bào nầy phát triển vô trật tự thành những tế bào bất thường – tế bào độc – tụ họp lại thành *bướu độc*, hoặc *ung thư*. -- * Các chất cặn bã Acid tích tụ ở trong, hoặc ở gần tụy tạng, làm giảm hoạt động của tụy tạng, khiến tụy tạng không sản xuất đủ Insulin để hóa giải Glucose (đường), gây ra *bịnh tiểu đường*... Vv...và vv...không đủ giấy để kể hết các bịnh. Doctor Theodore A. Baroody trong sách *Alkaline or Die* viết : *"Tên bịnh nhiều đến nỗi ta không thể kể hết. Nhưng điều đó không quan trọng, vì bịnh gì đi nữa cũng chỉ có một nguyên nhân gốc, đó là : **quá nhiều cặn bã Acid trong cơ thể**".*

VÌ SAO TA GIÀ? -- VÌ SAO TA CHẾT?

Cơ thể "đốt" thức ăn thức uống để sản sanh ra năng lượng, nhờ đó mà các cơ quan, bộ phận mới hoạt động được. Nhưng cơ thể cũng giống như một bộ máy, hễ đốt nhiên liệu là thải ra cặn bã. Mà như ở trên ta đã biết, cơ thể ta chỉ đưa ra ngoài được 99% cặn bã, còn 1% sót lại, tích tụ trong cơ thể, và len lỏi vào tận các cơ

quan bộ phận. *Vì các chất cặn bã độc hại nầy phá hỏng các cơ quan bộ phận*, cho nên ta bị già nua, cằn cỗi. Nhà Bác học Sang Whang, trong sách *Reverse Aging*, viết : *"Chúng ta già đi là vì chúng ta tích tụ các chất cặn bã Acid"*. Thời gian trôi qua, sau mấy chục năm, cơ thể ta như căn nhà bị ngập rác, "dơ" quá, các tế bào không sống nổi nữa, đành phải chết! Tế bào chết là ta chết!

Vậy, giải pháp để sống còn là: phải ***tống các chất độc và cặn bã ra khỏi cơ thể.***

MẢNH TIM GÀ SỐNG 28 NĂM:

Bác sĩ người Pháp Alexis Carrel đã làm một cuộc thí nghiệm thú vị. Ông ngâm một mảnh tim gà trong một dung dịch tương tự như máu gà. Hằng ngày, ông đều đặn đổ nước cũ, thay nước mới. Bằng phương pháp giản dị đó, ông đã nuôi sống mảnh tim gà 28 năm! Khi ông ngưng, không thay nước nữa, mảnh tim gà liền chết. **Chúng ta rút ra bài học**: nhờ thay nước hằng ngày, *các chất độc và cặn bã* do mảnh tim gà thải ra *đã được đổ đi, thay bằng nước mới trong sạch*, cho nên mảnh tim gà "trường thọ" đến 28 năm! Giả thử ông Bác sĩ cứ tiếp tục thay nước vô thời hạn, thì chắc là mảnh tim gà đã *"sống lâu muôn tuổi"!* Từ đó ta suy ra: Nếu tẩy được hết chất độc , ta sẽ "trường sinh bất lão"!

Ngành Hóa học có một NGUYÊN LÝ căn bản :

KIỀM HÓA GIẢI ACID = ALKALINE NEUTRALIZES ACID

Như trên ta đã biết, các chất độc và cặn bã tích tụ lâu năm trong cơ thể ta là ACID. Vậy: nếu ta **đưa KIỀM vào thì ACID sẽ bị hòa tan, rồi trôi theo đường tiêu, tiểu và mồ hôi mà thoát ra ngoài.** Mà đưa Kiềm vào dưới dạng NƯỚC là tốt nhất, vì nước chiếm đến 70% trọng lượng cơ thể, chiếm 90% lượng máu. **Dùng nước *Kiềm* để tẩy sạch các chất độc và cặn bã *Acid*** trong cơ thể.

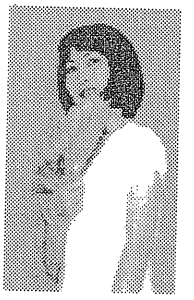

Kim Nguyễn

* Trẻ em là mầm non của Nhân loại. Nên tẩy sạch cơ thể các em ngay từ bây giờ.

* "Công Cha như núi Thái sơn – Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra ..." Càng già, cơ thể càng tích tụ nhiều chất độc và cặn bã Acid. Nếu không tẩy được các chất độc hại nầy ra khỏi cơ thể, thì dù tốn bao nhiêu tiền thuốc men đi nữa cũng khó mà hết bịnh.

NƯỚC KIỀM KIẾM Ở ĐÂU?

Trong nước máy thành phố ta dùng hằng ngày có đầy đủ tất cả các khoáng chất thuộc loại Acid và loại Kiềm. ***Các Bác sĩ Nhật Bản đã chế ra một cái máy lọc nước gồm có 2 ngăn, dùng 2 điện cực nghịch nhau để phân loại các khoáng chất trong nước. Máy đưa tất cả các khoáng chất thuộc loại Kiềm vào ngăn bên nầy, --- và đưa các khoáng chất thuộc loại Acid vào ngăn bên kia.***

Kết quả: **ta có 2 vòi nước: một vòi nước Kiềm, và một vòi nước Acid.** ***Mỗi vòi, mỗi phút, ta hứng được từ 1 đến 1.5 gallon nước.***

Ta dùng nước Kiềm để uống và nấu ăn, nhờ vậy, hằng ngày đưa Kiềm vào để hòa tan và dội sạch các chất độc và cặn bã Acid, theo nguyên lý KIỀM HÓA GIẢI ACID.

Vì da vốn sẵn có tánh Acid, ta dùng bình nước *Acid* để tắm rửa, gội đầu (cho "thẳng da dài tóc"), súc miệng, đánh răng, cạo râu, vv... --- giúp da tiêu diệt các loại vi trùng và mầm bịnh, không cho xâm nhập vào cơ thể – chữa lành mụn, vết lở, nám da, da nhăn, da khô, vv...

LỊCH SỬ MÁY LỌC NƯỚC KIỀM:

Máy lọc nước Kiềm do các Bác sĩ Nhật Bản chế ra, được Bộ Y Tế Nhật Bản phê chuẩn ngày 15 tháng Giêng năm 1966, công nhận là một thiết bị Y khoa. Máy được nhập vào Mỹ từ năm 1985.

Máy rất gọn, hai bình nước chỉ bằng hai cuộn giấy lau tay, gắn vào vòi nước rửa chén, mà không hề phải sửa đổi gì, hoặc thêm thắt bộ phận gì nơi vòi nước cả. Cũng không hề làm cản trở, bất tiện cho việc lấy nước và rửa chén. Máy hiệu SINGER. Bà con Việt Nam mình rất quen thuộc với hãng SINGER. Hãng đã hoạt động cả thế kỷ nay, với con số doanh nghiệp bán đồ gia dụng lên tới 1.2 tỷ đô-la.

Máy làm tại Nhật Bản – MADE IN JAPAN.

Hiện nay, tại Nhật Bản, có hơn 10% gia đình, và hầu hết các bịnh viện, có máy lọc nước Kiềm.

Bài nầy chủ yếu viết tóm tắt theo cuốn sách *Reverse Aging* của nhà Bác học Sang Whang. Ông đã được Chánh phủ Mỹ cấp nhiều bằng sáng chế. Bản thân ông và gia đình dùng nước Kiềm từ năm 1986. Ông kể lại những kết quả như sau: ông hết bịnh huyết áp cao sau 6 tuần lễ uống nước Kiềm. Tiếp tục dùng nước Kiềm, ông xuống 20 pounds . Ông đeo kiếng lão, nhưng sau khi uống nước Kiềm, ông không cần đeo kiếng nữa. Vợ ông, bà Mary, bị cận thị 6 độ, sau một năm, xuống còn 4 độ. Bạn ông, bà Ginny Sirhal, cho biết: chồng bà bị bịnh tiểu đường và phong thấp rất nặng, đã khỏi bịnh nhờ uống nước Kiềm. Amy, con gái bà, 12 tuổi, rửa mặt bằng nước Acid, hết mụn trên mặt ...

<>Những khách hàng dùng máy lọc nước Kiềm cho biết đã bớt, hoặc hết, các bịnh sau đây: *huyết áp*

XEM TIẾP TRANG SAU >>>

cao, phong thấp, mập phệ hoặc quá ốm yếu, tiểu đường, nhức đầu, ho, suyễn, viêm gan, sạn mật, sạn thận, viêm thận, cholesterol, tim mạch, máu huyết kém lưu thông, đau bao tử, ăn không tiêu, chóng mặt, bón hoặc tiêu chảy kinh niên, dị ứng, tinh thần suy nhược, loãng xương, vôi cột sống, mệt mỏi kinh niên, thiếu sức, hay bị cảm cúm, trĩ nước, học dốt, yếu sinh lý, ốm nghén, các bịnh vì thiếu khoáng chất, già trước tuổi, thân thể có mùi hôi, ngứa ngáy khắp mình, mụn, vết lở kinh niên, nám da, da nhăn, da khô, rụng tóc, tóc có gàu, vv...

Anh Bảy

Tới đây, chắc bà con sẽ hỏi: <u>Còn cô Kim Nguyễn thì sao?</u> --- Kim Nguyễn xin nhường mấy tấm hình trên kia trả lời thay cho Kim Nguyễn.

KIM NGUYỄN KHÔNG BAO GIỜ GIỚI THIỆU VỚI BÀ CON NHỮNG GÌ MÀ KIM NGUYỄN CHƯA DÙNG – HOẶC DÙNG MÀ KHÔNG CÓ KẾT QUẢ.

Từ 3 năm nay, Kim Nguyễn và gia đình chỉ giới thiệu với bà con những món mà bản thân Kim Nguyễn, cùng Ba Má, anh chị em, dòng họ... của Kim Nguyễn đã dùng, và đã đạt kết quả mỹ mãn. Có thể bà con ở những tiểu bang khác chưa nghe nhiều về Kim Nguyễn, vì từ 3 năm nay, Kim Nguyễn chỉ mới chủ yếu phục vụ bà con ở Thủ Đô Washington DC, Virginia, và Maryland. Còn ở các tiểu bang khác, số khách của Kim Nguyễn không nhiều bằng, vì những tờ báo Kim Nguyễn đăng bài giới thiệu chỉ đến những nơi đó với số lượng nhỏ. Tuy nhiên, nhờ bà con hết lòng thương yêu, ủng hộ, và giới thiệu, nên Kim Nguyễn vẫn có khách ở các tiểu bang khác trên toàn nước Mỹ -- và ở các nước khác như: Canada, Anh, Pháp, Thụy Điển, Đức, Thái Lan, Việt Nam, Do Thái, và, bất ngờ nhất : Kosovo! Nhân dịp nầy, Kim Nguyễn xin chân thành gởi lời cảm ơn bà con.

<u>KHI BÀ CON MUA MÁY, KIM NGUYỄN KÍNH TẶNG BÀ CON 5 MÓN QUÀ:</u>

*(1) – Bộ **Bí quyết Khỏe-Trẻ-Đẹp** (nếu bán riêng giá 20);*

*(2) -- **Chương trình Sinh Lý cho các ông**. Chương trình nầy do ông xã của Kim Nguyễn (anh Bảy) qua bao nhiêu năm "tầm sư học đạo" đã học được, thử nghiệm và áp dụng trên chính bản thân anh, biến anh từ một người "suy nhược" trở thành "sung mãn" như hồi thanh niên, mặc dầu năm nay đã gần 60 tuổi. Chương trình nầy hiện đang được các ông say mê áp dụng. Anh Bảy đã đào tạo cho mấy trăm học viên đạt được những kết quả sau đây về sinh lý: mạnh + bền (bao lâu tùy ý) + chuyển hóa: dẫn sinh lực đi nuôi cơ thể và bộ não, xây dựng một thân thể cường tráng, một tinh thần minh mẫn;*

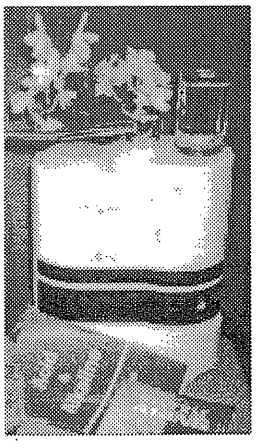

*(3) -- Kim Nguyễn **<u>bớt cho bà con 30$</u>** (trích từ tiền hoa hồng của Kim Nguyễn);*

(4) -- Kim Nguyễn sẽ hết lòng giúp đỡ bà con khi bà con cần liên lạc với Công ty;

(5) -- Và điều quan trọng nhất: từ 3 năm nay, Kim Nguyễn và anh Bảy làm việc 7 ngày trong tuần. Với tất cả tấm lòng thương yêu đồng bào Việt Nam ruột thịt -- qua điện thoại, thơ, e-mail, fax, hoặc trực tiếp tại chỗ của chúng tôi, **chúng tôi tận tình hướng dẫn bà con cho đến khi nào bà con trở nên Khỏe-Trẻ-Đẹp.**

*Kim Nguyễn tốt nghiệp Trường Thể Dục và Dinh Dưỡng – The School of Fitness and Nutrition – Học trình Thể Dục và Dinh Dưỡng Chuyên Nghiệp – The Professional Fitness and Nutrition Program . --*Anh Bảy tốt nghiệp Học Viện Stratford – Stratford Career Institute -- Học trình Cố Vấn Sức Khỏe Thiên Nhiên – Natural Health Consultant.

<> CÁCH MUA MÁY: Bà con có thể chọn một trong 2 cách sau đây:

1 – <u>Nhờ Kim Nguyễn mua giùm</u>. Nếu vậy, bà con ký Check hoặc Money Order đề tên <u>Kim Nguyen</u> và gởi về địa chỉ dưới đây. Giá tiền một máy lọc nước Kiềm (giá chính thức của Công ty) : $1,295 + $30 shipping = $1,325. – **Kim Nguyễn bớt 30$, còn : <u>1, 295$.</u>** Nếu bà con mua thẳng từ Công ty (mà không thông qua Kim Nguyễn) bà con sẽ không được hưởng 5 món quà nói trên. Công ty tính đúng giá 1, 325$ -- và không tặng bà con món gì cả.

Có thể trả bằng Visa, Master Card, Discover, American Express.

Tiền shipping đi các tiểu bang Alaska và Hawaii là $40, Canada : $60, gởi đi tất cả các quốc gia khác trên thế giới: $100. Bà con ở tiểu bang Colorado xin cộng thêm tiền thuế (tax).

2 – <u>Bà con muốn tự mình mua thẳng từ Công ty</u>. Chúng tôi sẽ gởi Order Form (phiếu mua hàng) đến bà con, để bà con điền rồi gởi thẳng cho Công ty. *Bà con mua bằng Order Form của Kim Nguyễn vẫn được hưởng 5 món quà nói trên.*

Kính chúc Bà con và Gia đình luôn luôn Khỏe-Trẻ-Đẹp, Hạnh Phúc và Thịnh Vượng.

Liên lạc : Kim Nguyễn, hoặc anh Bảy : Điện thoại : **301—681— 2745**
– từ 7AM đến 9PM – giờ miền Đông (Washington DC, New York ...)
---- Fax : 301—681—3772 (24/24) --- E-mail: bkimnguyen2000@aol.com
<u>KIM NGUYEN</u> / <u>12809 NEW HAMPSHIRE AVE</u> / <u>SILVER SPRING, MD 20904 -- USA</u>

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn của quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

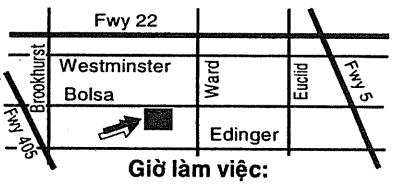

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUẢN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẠCH - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy móc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim